

TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 2 (THÁNG 1 + 2 / 2020)

Sông Lam

SỐ 2 (THÁNG 1+2 / 2020)

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN



Xuân Canh Tý **2020** 

Qua bản (lụa)
NGUYỄN BÁ SIÊU



Tiếng đàn (acrylic)
TẠ TÂM



Lễ hội (trổ giấy)
NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN



Ký ức chiến tranh (lụa)
NGUYỄN THỊ HẢI NHUNG



Biên cương xuân về (acrylic on canvas)
TRỌNG HIỆP



Chúc mừng năm mới

XUÂN CANH TÝ 2020

Ảnh: TRUNG HÀ

Thư Sông Lam

Khi bạn đọc đang cầm trên tay mình cuốn Tạp chí số 2 (Bộ Mới) này, cũng là lúc mùa Xuân đang về gõ cửa. Vẫn là mùa Xuân theo vòng tuần hoàn cũ xưa của Trời Đất, nhưng có bao giờ mà Xuân lại trôi Mối đâu. Những chú chim di cư bay về, cất tiếng ríu ran trên vòm cây, tiếng hót trong như chưa từng qua rét mướt. Những mầm cây bật nhú trên những nhánh khô gầy, ngơ ngác xanh như chưa hề biết bao tháng năm đã qua đi trên thân cành...

Mùa Xuân, vì thế, người ta luôn xem là mùa của sự khởi đầu.

Sự khởi đầu, bao giờ cũng gắn với niềm hy vọng.

Như người gieo hạt trên cánh đồng, mỗi mùa trồng cấy vẫn vẹn nguyên bước chân hồi hộp và run rẩy, vẹn nguyên bàn tay nâng niu cẩn trọng và vẹn nguyên giấc mơ về một màu xanh mai này ngút mắt...

Và thật hạnh phúc biết bao, khi chúng ta được đồng hành với sự khởi đầu, đồng hành với niềm hy vọng. Chúng tôi - các bạn, những người làm Tạp chí và những bạn đọc, bạn viết thân thương cùng bước vào Xuân mới.

Chúng tôi, xin được nói lời biết ơn đến những ngày tháng qua, đã luôn có các bạn, và hy vọng rằng mỗi một năm mới, lại tiếp tục có được sự đồng hành quý giá ấy, để từ Xuân này, hoa trái rồi sẽ tỏa hương...

Ban Biên tập



MÙA GẠO VEN BỜ SÔNG LAM
Ảnh: TRUNG HÀ

TRÊN ĐỒNG CẢI
THÀNH CHUÔNG
Ảnh: LÊ THẮNG



CẢNH ĐỒNG
HOA HƯƠNG DƯƠNG NGHĨA ĐÀN
Ảnh: QUỐC ĐÀN



MÙA HOA MẬN MƯỜNG LỔNG
Ảnh: HẢI VƯƠNG

MỤC LỤC

Sông Lam

SỐ 2 (Tháng 1+2 / 2020)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

• Tòa soạn:
Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: vanngheghean.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
525/GP-BTTTT ngày 02/12/2019.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Giá: 39.000 đ

■ Phỏng vấn đồng chí NGUYỄN XUÂN SƠN Mùa Xuân cho mọi sáng tạo văn học - nghệ thuật	3
■ THỜI LUẬN NGUYỄN KHẮC AN “Chưa đang ăn tết”	7
■ KÝ LANG QUỐC KHÁNH Tết nhớ đồng đội	10
HỮU VI Bảo Thắng ước vọng thoát nghèo.....	16
■ TRUYỆN NGẮN VÕ THỊ XUÂN HÀ Đình Tuấn Mã	19
TRẦN HOÀI Bài hát cũ.....	25
TỔNG NGỌC HÂN Bến trăm năm.....	30
NGUYỄN NGỌC LỢI Ngày biển động	35
TIẾN DŨNG Nụ cười đêm trăng.....	44
PHÁT DƯƠNG Chị Hai Chuột Nhắt	50
SƠN TRĂNG Nước mắt chảy quanh	55
■ THƠ NGUYỄN VĂN HÙNG Bác Hồ trả lời phỏng vấn	60
ĐẶNG PHI KHANH Mong.....	60
LÊ QUỐC HÂN Giọt thời gian.....	60
ĐÌNH HẠ Chợt thêm hương vị tết xưa	61
PHAN THỊ THANH NHÂN Chợ tết vùng cao	61
ĐÌNH TIẾN HẢI Mùa.....	62
CẨM THẠCH Vũ điệu mùa Xuân	62
ĐỖ VĂN XUÂN Hoa nở chiều Ba mươi	62
HỒ MẬU THANH Xuân về nhớ Hàn Mạc Tử.....	63
VŨ TOÀN Tôi làm người bình thường	63
NGUYỄN QUYỀN Vành trăng thượng tuần.....	64
NGUYỄN THỊ THANH YẾN Sao anh không về mà ôm lấy con thơ.....	65
Nhà thơ Thạch Quỳ chọn, giới thiệu thơ Gerardo Nam Việt	
Dự cảm tháng Bảy • Thiên An, một chiều... ..	68
PHẠM BÁ THÁI TÂM Xin được nói lời.....	70
PHẠM QUỐC CA Nhớ	70
THẠCH QUỲ Hoa	71
LÂM BẰNG Đề ảnh	71
LÒ CAO NHUM Lời tháng Giêng	71
NGUYỄN CHÍ DIỄN Cây gạo đầu làng.....	72
HOÀNG ANH TUẤN Rằm.....	72
ĐOÀN XUÂN HÒA Chầm chậm đến mùa Xuân.....	73
TRƯƠNG QUANG THỬ Thời gian	73
TRẦN NAM PHONG Chiều cuối năm	74
VÕ VĂN THOAN Tết về vắng mẹ.....	74
VĂN HIỂN Cung đàn Xuân.....	75
VŨƠNG CƯỜNG Hoa khế góc vườn.....	75
VŨƠNG ĐÌNH KHANH Vô cùng.....	76
■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ LÊ THỊ HẠNH LIÊN Những cánh chim đại bàng của một vùng quê... ..	77

HỒ NGỌC THẮNG	Nhớ về xứ Nghệ từ bên kia bán cầu.....	82
LÊ ANH HÀ	Bước chân ông Ké.....	85
PV	Về với quê chung.....	86
THANH LƯU	Bạn ơi mùa Xuân đến rồi.....	88
NGUYỄN NGỌC TƯ	Biết sống.....	89
ĐÀM QUỲNH NGỌC	Ngày tết nói chuyện quê.....	92
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM		
DƯƠNG HUY	Về quê.....	96
HOÀI LINH	Hỏi gió.....	96
HỒ NHẬT THI	Cụ tò he.....	97
■ KÝ SỰ NHÂN VẬT		
VÕ THU HƯƠNG	Nguyễn Văn Tý: Người về trong lời ru mẹ.....	102
■ CHUYỆN LÀNG VĂN		
GIAO HƯỜNG	“Thăm lúa” ban đầu là bài thơ... mừng đám cưới.....	107
■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH		
BÙI VIỆT THẮNG	Tinh thần đối thoại lịch sử bằng ngôn ngữ tiểu thuyết.....	110
TÙNG BÁCH	Muốn đổi mới thơ trước nhất cần có thơ để đổi mới.....	114
ĐOÀN MẠNH TIẾN	Ngày tết, nói chuyện câu đối.....	117
TRẦN HỮU VINH	Dân gian nói về nạn cờ bạc qua một số bài giặm về xứ Nghệ.....	120
HỒ ANH THÁI	Một số từ thời thượng.....	124
■ VĂN HỌC VÀ NHÀ TRƯỞNG		
LÊ THANH NGÀ	Mấy điểm nhấn của thi pháp truyện ngắn <i>Hai đứa trẻ</i> (Thạch Lam).....	126
NGUYỄN THƯ LÊ	Bài văn cảm nghĩ trước một vấn đề thời sự ..	130
■ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI		
SIMON ISTVÁN (PHẠM TRUNG DŨNG dịch)	Những cây anh đào nở hoa.....	132
JAMES JOYCE (NGUYỄN DUY BÌNH dịch)	Cô Eveline.....	134
■ NHÂN VẬT & ĐỐI THOẠI		
HỮU VIỆT	Nhà văn Hoàng Quốc Hải: “Cái đầu tiên nghệ sĩ cần là tự do sáng tạo chứ không phải tiền”.....	138
■ TRÀO PHÚNG		
VŨ BA LAN	Thi kén rể.....	143
■ CÂU ĐỐI		
ĐÌNH THANH QUANG (Tr. 6) • TRẦN HÀ (Tr. 81)		
■ MỸ THUẬT: ĐÌNH TRUYỀN • HÀ PHƯƠNG • HỮU TUẤN • TẠ TÂM • HỒ THIẾT TRINH • NGỌC LINH • LÊ HUY TIẾP • TRƯỜNG HƯNG • NGUYỄN KIM HIỀN • THẢO PHƯƠNG		
■ ẢNH: TRUNG HÀ • LÊ THẮNG • QUỐC ĐÀN • HẢI VƯƠNG • TRỌNG SÁCH • HỒ LONG • TRUNG KIẾN • QUANG DŨNG • CẢNH HÙNG • NGÔ VĂN DƯƠNG		
■ BÌA: Bìa 1: NGÔ XUÂN KHÔI - Bìa 2: NGUYỄN BÁ SIẾU • TRỌNG HIỆP • TẠ TÂM • NGUYỄN THỊ HẢI NHUNG • NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN		

Mùa Xuân cho mọi sáng tạo văn học - nghệ thuật

(Đồng chí Nguyễn Xuân Sơn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh
trả lời phỏng vấn Tạp chí Sông Lam)

PV: Thưa đồng chí! Mừng Xuân Canh Tý 2020 cũng là dịp mừng Đảng quang vinh tròn 90 mùa Xuân (1930-2020), đặc biệt là năm kỷ niệm lần thứ 90 “Cuộc diễn tập cách mạng đầu tiên của Đảng” - cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh 1930-1931. Đồng chí có suy nghĩ gì về việc phát huy truyền thống “đứng đầu, dậy trước” của quê hương ta trong suốt thời gian qua dưới sự lãnh đạo Đảng?

Đồng chí Nguyễn Xuân Sơn (Đồng chí N.X.S): Mỗi dịp đón Xuân, vui tết, mừng quê hương, đất nước rộn ràng khí thế vào Xuân, mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân Việt Nam cũng đồng thời mừng đón thêm một mùa Xuân của Đảng. Thật thú vị và biện chứng ở đây là Dân tộc và Đảng ta, Mùa Xuân và Đảng ta luôn song hành cùng nhau trong thời đại Hồ Chí Minh, cùng đơm hoa, kết trái đời đời trên đất nước Việt Nam yêu dấu này!

Để đi đến mùa Xuân trọn vẹn, mùa Xuân của Độc lập, Tự do, “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”, từ hơn 90 năm trước, biết bao người đã không quản máu xương, không tiếc tuổi xanh để tìm đường cứu nước, cứu dân dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng.

Trong rất nhiều vũ khí đấu tranh cách mạng lúc bấy giờ, có vũ khí sắc bén là những bài thơ, những áng văn bất hủ của các chiến sỹ cách mạng nhằm chỉ rõ con đường đi tới, thúc giục, cổ vũ mọi người đoàn kết, chiến đấu, hy sinh vì lý tưởng cao đẹp của Đảng, của Dân tộc. Tôi còn nhớ những câu thơ từng được

truyền tụng ở làng Phú Nhuận xã Đặng Sơn (Đô Lương) trong bối cảnh các chiến sỹ còn hoạt động bí mật: *"Thấy đời bực tức đứng không yên/ Vùng dậy ra tay nổi gió liền/ Đem lại nhân quần con mắt mẹ/ Hòa bình cơm áo tự do tiên"* (Vịnh cái quạt).

Đặc biệt là những câu thơ sinh ra từ thực tiễn sinh động của cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh, được truyền tụng rộng rãi và thấm vào máu thịt của những người lao khổ. Bắt đầu từ kêu gọi nhận thức trong quần chúng: *"Hỡi anh chị em lao khổ/ Nông nổi này ai tỏ chẳng ai/ Đã non tám chục năm rồi/ Làm thân trâu ngựa cho loài chó dê..."* đến khi thể rùng rùng chuyển động của cách mạng trong cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh: *"Kìa Bến Thủy đứng đầu dậy trước/ Nọ Thanh Chương tiếp bước đứng lên/ Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên/ Anh Sơn, Hà Tĩnh một phen dậy rồi..."* (Bài ca cách mạng- Đặng Chính Kỷ)

Phát huy truyền thống "đứng đầu, dậy trước" của quê hương Nghệ An, chắc chắn phải nói đến công tác tư tưởng, vũ khí tư tưởng, nhận thức và hành động; chắc chắn phải nói đến tính sáng tạo, không ngại gian khó, hiểm nguy, không chùn bước trước bất cứ điều gì... như cha ông ta đã từng chiến đấu, hy sinh, tiêu biểu nhất là trong cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh 1930-1931, trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và trong công cuộc dựng xây đất nước, quê hương.

Tôi tin tưởng chắc chắn rằng, văn học - nghệ thuật của tỉnh nhà, của con em người Nghệ xa quê đã thực sự góp phần đắc lực vào công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng quê hương, đất nước; nhiều tác giả, tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị tiếp tục tô thắm và làm rạng danh truyền thống của quê hương và con người xứ Nghệ!

P.V: *Đồng chí có điều gì tâm đắc nhất khi nghĩ/ nói/ viết về văn học - nghệ thuật tỉnh nhà?*

Đồng chí N.X.S: Từ trong lịch sử truyền thống cũng như trong thời đại ngày nay, quê hương Nghệ An luôn giữ vững và phát huy truyền thống văn hóa và truyền thống cách mạng. Quê hương của "Bà chúa thơ Nôm" Hồ Xuân Hương, của làng Quỳnh nức tiếng gần xa, của làng nghèo "ông đồ, cha đồ, con đồ, đồ cả nhà"; quê hương của Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, Lê Hồng Phong, Phan Đăng Lưu, Hồ Tùng Mậu... luôn được kể tục và phát huy mạnh mẽ cả hai truyền thống quý giá và thiêng liêng đó.

Có rất nhiều ví dụ sinh động để chứng minh. Riêng trong lĩnh vực văn học-nghệ thuật, tôi chỉ nói một vài điều thú vị sau đây:

Tôi đặc biệt khâm phục và nể trọng nhiều người là những tấm gương sáng về nghị lực vượt khó, vượt lên thời gian để duy trì năng lượng sáng tạo, cho ra đời những tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị. Đó là những tác giả duy trì được sự bền bỉ với nghề, tuổi càng cao sức viết càng khỏe khoắn, càng tạo được bước đột phá lớn trên văn đàn, trên bầu trời nghệ thuật... Có những người duy trì được sức viết từ khi còn trẻ cho đến nay, thậm chí có nhiều người xuất hiện rực rỡ khi tuổi tác đã cao mà sức vóc tác phẩm như mới bắt đầu Xuân!

Điều thứ hai tôi tâm đắc và kính phục là trong giới văn học- nghệ thuật quê nhà có rất nhiều người nổi danh, thành danh là những người được đào tạo và trưởng thành từ các ngành khoa học tự nhiên. Đó là các nhà thơ có bằng tiến sỹ, cử nhân toán, lý; các nhà văn xuất thân từ các nhà khoa học kỹ thuật...

Điều thứ ba, đất Nghệ, người Nghệ lâu nay đồng thời cũng là nơi “đất lành” của khá nhiều người đến sinh sống, sáng tác và trưởng thành. Nơi đây trở thành quê hương thứ hai, thân thiết và ruột thịt với rất nhiều những tâm hồn và tài năng đồng điệu khác, bổ sung và làm đẹp thêm truyền thống đất học, người “hay chữ lại hay nghề” mà lâu nay nhiều người vẫn ca tụng, tự hào!

PV: Vậy việc đánh giá và tôn vinh những đóng góp của nghệ sỹ, chúng ta đã làm được gì, và còn phải làm gì?

Đồng chí N.X.S: Đánh giá, ghi nhận và tôn vinh công lao, cống hiến của những người có công với nước, với dân, các bậc hiền tài... là công việc thường xuyên của Đảng và Nhà nước. Điều quan trọng hàng đầu đối với văn nghệ sỹ, theo chỗ tôi hiểu, là việc tạo dựng môi trường sáng tạo, cơ hội sáng tạo và việc tôn vinh, đánh giá đúng giá trị các tác phẩm văn học - nghệ thuật. Sáng tạo văn học - nghệ thuật là con đường tự tìm tòi, khám phá, là nơi bộc lộ bản lĩnh, tài năng, tư chất của mỗi một nghệ sỹ và trách nhiệm của chúng ta là tạo ra môi trường cho mọi sáng tạo đều có cơ hội nảy nở, đơm hoa, kết trái, mọi giá trị đích thực đều phải được nâng niu, trân trọng, thông qua đánh giá của bạn đọc, của dư luận, thông qua các giải thưởng thường kỳ, các phần thưởng tôn vinh khác...

Cụ thể hơn, tôi muốn nhấn mạnh rằng, Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật bên cạnh nhiều việc phải làm, nói cho cùng phải là ngôi - nhà - chung ấm áp, tập hợp, tôn vinh hội viên và cộng tác viên trong và ngoài tỉnh, người Nghệ cũng như anh em, bầu bạn khác. Tạp chí Sông Lam, tiếng nói của Hội chính là nơi giới thiệu, khuyến khích mọi nỗ lực tìm tòi, sáng tạo của anh chị em hội viên, nơi khẳng định các giá trị văn học - nghệ thuật, nơi nâng đỡ, tìm kiếm các tài năng kế tiếp...

Một việc rất quan trọng và ý nghĩa là giải thưởng văn học - nghệ thuật định kỳ của tỉnh, giải thưởng thường niên của Tạp chí Sông Lam hay các cuộc thi khác... Rõ ràng, phải xác định trách nhiệm và cũng là vinh dự là của chính đội ngũ văn nghệ sỹ, từ việc xây dựng và ban hành điều lệ giải, thực hành các bước đi chuẩn mực, khách quan, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của đa số hội viên để tạo ra kết quả trung thực và tin cậy, tiếp tục cổ vũ và kích thích mọi tìm tòi, sáng tạo văn học - nghệ thuật vốn ngày càng đòi hỏi cao hơn từ cuộc sống. Làm việc vì cái chung, vì sự nghiệp lâu dài, tôi nghĩ ở đâu cũng thế, sẽ được anh em ủng hộ, tin tưởng và với văn học - nghệ thuật thì điều đó càng đúng hơn.

PV: Vâng, nhiều người biết đồng chí là người có “gốc” văn, chuyện văn, chuyện đời, chuyện lãnh đạo, quản lý vừa có cái nhìn chung, bao quát, lại có góc riêng thú vị, sâu sắc và đồng cảm!

Đồng chí N.X.S: Trở lại câu chuyện chúng ta đã trao đổi ở phần đầu, để thấy thực tế cuộc sống, lao động, chiến đấu từ bao đời nay trên đất này đã sản sinh, nâng đỡ, phát huy vẻ đẹp tâm hồn của người và đất Nghệ qua những câu hò, điệu ví, qua thơ ca Xô viết Nghệ - Tĩnh và nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị lâu bền với thời gian, năm tháng. Hy vọng, mùa Xuân mới sẽ tiếp thêm sức Xuân cho mọi tìm tòi, sáng tạo của anh chị em văn nghệ sỹ, sẽ là mùa Xuân của mọi cá tính sáng tạo trong vườn hoa Xuân muôn sắc, muôn hương, đồng hành với mỗi bước đi lên của quê hương, đất nước trong thời kỳ mới...

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí đã dành cho Tạp chí Sông Lam một cuộc trao đổi đầu Xuân đầm ấm và tin cậy!

P.V TẠP CHÍ SÔNG LAM

ĐÌNH THANH QUANG



“Choa đang ăn tết”

NGUYỄN KHẮC AN

Xin lỗi bạn đọc nếu tác giả mở đầu bài viết này bằng một câu chuyện có phần hơi riêng tư cá nhân. Hùng là bạn tôi, 2 đứa học cùng lớp, chăn trâu cùng đồng và khi lớn lên thì thích cùng một cô gái. Rồi Hùng, gã đàn ông hào hoa và tài cán hơn tôi mấy bậc đã nhanh tay hót cô bé xinh đẹp nhất làng đi một mạch sang tận trời Âu, thâm thoát vậy mà đã mấy chục năm. Giờ thì “cặp đôi hoàn hảo” ngày ấy chuyển đến định cư ở Canada. Càng xa xôi cách trở, tình bạn của chúng tôi càng gắn bó bền chặt. Ngoài nhắn tin hỏi thăm nhau khá đều đặn thì năm nào cũng vậy, cứ trước giao thừa 2 đứa lại gọi điện hàn huyên chuyện trên trời dưới biển những mấy chục phút.

Tết năm ngoái, xem xong chương trình Táo Quân thì tôi gọi điện cho Hùng. “Ê cu, khỏe hưng, mần chi đó?”. “Choa đang ăn tết!”. “Vui hưng?”. “Cha của vui luôn”... Cuộc đối thoại bằng giọng Nghệ của 2 chúng tôi cứ thế rôm rả hòa trong tiếng chúc tụng, hát hò và cười nói của những con người cách xa nhau nửa vòng trái đất. Khuya mừng 2 tết tôi gọi điện, Hùng không nghe máy được vì đi làm bình thường. Mãi đến ngày mừng 5 cậu ấy mới gọi điện về. Vẫn nguyên bộ câu hỏi ấy, Hùng niềm nở: “Mần chi đó?”. Tôi thật bụng trả lời “Choa đang ăn tết”. Hùng tếu táo, “Tết quê ta vẫn dài miên man như xưa hè”. Lại cười, tôi nhớ lảng máng tờ lịch ngày hôm ấy có in câu ca dao: “*Tháng Giêng là tháng ăn chơi...*”.

Câu chuyện “tết dài miên man” xứ mình hình như năm nào cũng được nhắc đến nhưng rồi nó cũng chỉ có tác dụng làm sáng tỏ thêm câu ngạn ngữ “nước đổ lá khoai” mà thôi. Có năm nào đó, mãi đến tháng Tư rồi nhưng đi qua một địa

phương tôi còn thấy bảng chữ điện tử băng ngang đường chạy tới tấp câu khẩu hiệu “Chúc mừng năm mới!”. Cũng may là chữ điện tử không phai màu nên sự nhếch nhác cũng tự mình hào nhoáng. Vài năm lại nay, những hạt sạn kiểu ấy không còn quá nhiều nhưng cái đuôi của tết thì nghe chừng vẫn còn lê thê lắm.

Chiều nay dạo một vòng quanh đại lộ Lê Nin (thành phố Vinh), những cảnh đào đầu tiên đã tìm xong lối đi cho mình. Xuân Canh Tý đã lặng lẽ len vào từng làng quê ngõ phố. Chợt nhớ đến cái tin nhắn đầy ưu tư ban sáng của Hùng “Tình hình quê ta năm nay tết nhất có đỡ hơn không?”. Hình như năm nào bạn cũng hỏi tôi câu ấy và hình như năm nào tôi cũng không thể thỏa mãn bạn bằng vài dòng qua quýt. Người Nghệ là vậy, dù ở phương trời nào cũng đau đầu với quê.

Trước khi hỏi đáp người bạn đồng hương cách xa nửa vòng trái đất, tôi tự vấn, ừ nhỉ, năm nay quê ta tết nhất thế nào? Quê mình có điều gì xứng đáng để làm quà cho Xuân mới hay không? Chữ “không”, vẫn lắm chữ không! Chữ “có” rất nhiều chữ có! Xưa nay dư luận xã hội vẫn thường khắt khe khi đánh giá nhìn nhận. Thành tựu chỉ được lưu trong bộ nhớ tạm, còn thiếu sót thì tìm cách nêm mắm muối thậm chí phóng to lên màn hình cho dễ... chì chiết. Trên mạng xã hội rầy đầy những lời than thở về sự khuất bóng của “tháng lương thứ 13”, họ cợt nhả về cái văn bản thưởng tết bằng hiện vật. Đây đó là những cảm thán bi quan về sự leo thang mãi miết của giá thịt lợn. Rồi thì chuyện thay thế cây xanh, chuyện tiến độ rủ rai và mức độ ngổn ngang của đại công trường phố đi bộ... Hình như, vâng chỉ hình như thôi, rất dè dặt những lời khen tặng nhưng không quá khó để nhận ra sự soi chiếu ít thiện cảm hướng trọng tâm về phía nhược điểm. Một năm nhìn lại cũng là một năm để nhận ra. Tôi không dám hy vọng bạn đọc sẽ mãn mà với thông kê khô khan, nhưng để minh chứng thì chúng ta lại không được phép quay lưng với những con số biết nói. Nếu có thể xin bạn hãy cùng tôi hồi nhớ lại, phải nói năm Kỷ Hợi đã để lại cho quê mình biết bao vết sẹo nhọc nhằn. Cái khắc nghiệt của thời tiết vẫn muôn đời đằng đẳng bám quê. Nào là hạn hán kinh ngạc, nào là cháy rừng kinh hoàng, nào là dịch bệnh kinh sợ. Nắng thì nắng cháy cả mặt đường nhựa mà mưa thì mưa nhấn chìm thành Vinh vào biển nước. Tuy nhiên sự khắc nghiệt đến mức cực đoan của thời tiết càng giày vò quê lại càng tôi rèn cho người Nghệ sự can trường đáng nể. Vẫn vậy, nghĩa là xứ Nghệ không đầu hàng, người Nghệ không cam chịu thất bại. Bức tranh toàn cảnh tỉnh nhà không chỉ một màu xám xịt. Tự tin ở tốp đầu, tốc độ tăng trưởng quê nhà đạt đến mức 9,03%; GRDP bình quân đầu người đạt 43,08 triệu đồng. Thu ngân sách trên 15.000 tỷ. Huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội 76 ngàn tỷ đồng. Có đến 1.505 doanh nghiệp được khai sinh và 38 ngàn vị trí việc làm đến với lao động. Thêm 40 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Văn hoá - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực là thứ không khó để nhận ra, quốc phòng an ninh được giữ vững là điều không thể phủ nhận. Câu chuyện tình giản biên chế, sáp nhập để tiến tới một bộ máy tinh gọn, tinh nhuệ và chuyên nghiệp chưa bao giờ đi vào thực chất như năm qua. Thưa bạn đọc, tôi không có ý định đút biểu số liệu báo cáo kinh tế xã hội của tỉnh nhà vào trong một bài viết trên tạp chí văn nghệ, chỉ là

tôi muốn bạn đọc dừng lại một chút để đồng cảm cùng tôi bằng cái nhìn sẻ chia hơn, ít bi quan hơn trước khi mở cánh cửa chào Xuân mới. Đón tân niên mà chỉ nói những chuyện buồn cũng là điều cấm kị. Vui với quê, tin vào quê, đồng hành cùng quê chính là động lực nội sinh đưa quê nhà phát triển. Thật đấy, không hô hào sến sẩm đâu. Là người của quê thì đừng đứng ngoài quê cũng đừng đứng trên quê để than vãn hay chỉ trích quê. Bạn muốn tri ân quê hương ư? Cách tốt nhất là đồng hành! Bạn hỏi làm thế nào để đồng hành ư? Cách tốt nhất là hành động! Nỗ lực cao nhất cho công việc mình đang làm cũng là một cách tri ân quê hương đấy thôi.

Tết cổ truyền là thời điểm người Việt về với cội nguồn. Cùng nhau nhìn lại thành quả của một năm lao động, từ đó định hình kế hoạch và tạo niềm hứng khởi cho một cung đoạn mới. Tết cũng là dịp cho chúng ta giáo dục con trẻ hướng về tổ tiên, tìm đến những giá trị đạo đức những truyền thống tốt đẹp ngàn đời. Tết sẽ là lúc trái tim con người dành một phần thổn thức cho cộng đồng xã hội. Khi chúng ta trong ấm ngoài êm, khi chúng ta vuông vắn bánh chưng, tròn trịa bánh dày thì đây đó vẫn còn những người không có tết. Pháo hoa giao thừa vút lên trong tiếng vỗ tay và cũng là lúc những người bệnh bám bụng chống chọi với cơn đau. Chị lao công vẫn miệt mài với chiếc chổi tre trên phố. Anh lính trẻ vẫn bồng súng canh gác nơi hải đảo xa xôi. Một chuyến bay trên trời chưa hạ cánh. Một con tàu xuyên qua năm cũ trên cung đường ray quen thuộc và rất có thể ngay trong thời khắc thiêng liêng ấy lại có một sinh linh bé bỏng chào đời.

Tại sao không tận hưởng những điều kỳ diệu kia một cách sáng suốt và trách nhiệm hơn? Mạnh dạn rũ bỏ những gì đã lạc hậu cũng là một cách thức khôn ngoan tiếp cận với văn minh nhân loại cơ mà. Bao giờ chúng ta mới dứt ra khỏi thói quen hưởng thụ niềm vui ngày tết bằng một tiết tấu rề rề hình thành trong cái văn hóa làng xã từ cả ngàn năm trước? Tết cha, tết mẹ, tết thầy, rồi mừng thọ, rồi trồng cây, rồi khai hạ, rồi thì rằm tháng Giêng, rồi thì lễ hội đền chùa, rồi thì du xuân... cứ thế cứ thế và cứ thế. Câu *"Tháng Giêng là tháng ăn chơi, tháng hai cờ bạc tháng ba rượu chè"* là một khảo dị ca dao rất đáng để buồn bã. Liệu có nên lại ngắn hơn được không? Thời gian quý hơn vàng, vậy mà thật cảm cảnh với các doanh nghiệp sau tết, đơn đảo đánh xe đến tận quê đón người làm rồi lại trở về tay trắng bởi lũy tre nào cũng thiếu vắng... "ông chủ". Đó là thói quen xấu xí cần dứt khoát loại bỏ. Tết đã về, câu khẩu hiệu "Vui tươi, an toàn, tiết kiệm" vẫn chưa đáng bị thay thế. Càng dài càng mất an toàn, càng lê thê càng lãng phí thời gian. Đúng rồi, vui thì phải tươi, vui mà để cho héo thì còn gì là vui nữa. Ngượng lắm, khẩu hiệu "công nghiệp hóa" đọc vanh vách mà đến rằm tháng Giêng vẫn hồn nhiên trả lời "Chưa đang ăn tết".

Tết nhớ đồng đội

LANG QUỐC KHÁNH

Mỗi năm tết đến, 2 tay ông cầm nén hương dâng lên ban thờ tổ tiên. Khói hương vẽ vào không gian vô thức nhưng gợi trong ông một cảm giác huyền ảo lạ kì. Mùi hương xộc lên mũi, mắt ông cay xè, ông không khóc, đàn ông như ông không bao giờ khóc, nhưng những giọt nước mắt cứ vô tình đẩy những rãnh chân chim trên khuôn mặt. Ông nhớ đồng đội vô cùng. Cũng mùi hương ấy cách đây hơn 40 năm khi chuẩn bị hành quân chuyển đơn vị, ông đã thấp cho 3 đồng đội đang nằm giữa lưng núi Pu- khẩu, bản Na Khon huyện Mường Mọc, tỉnh Xiêng Khoảng, nước bạn Lào và hứa, chiến tranh không biết bao giờ mới kết thúc, nhưng nếu tao còn sống, tao sẽ quay lại đây đưa chúng bay về quê.

Trú tại xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An, anh Trần Văn Tý, là em trai của liệt sĩ Trần Quang Trung, quê xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, mà các đồng đội vừa tìm thấy, cho biết, nhiều năm qua, từ ngày nhận được tin anh Trần Quang Trung hy sinh tại chiến trường Lào, hễ nghe tin có liệt sĩ được quy tập từ Lào về bất cứ nghĩa trang nào thì gia đình lại đến dò hỏi, nhưng vô vọng. Hết năm ấy qua năm khác, mùa khô này sang mùa khô khác, anh đã đi các nghĩa trang, như: Nghĩa trang Việt- Lào huyện Anh Sơn; Nghĩa trang Đô Lương, Nghi Lộc, Nghệ An; Nghĩa trang Nầm, Hương Sơn, Hà Tĩnh, rồi các nghĩa trang Đường Chín, Trường Sơn ở tỉnh Quảng Trị..., cán bộ quản trang những nơi đó rất nhiệt tình nhưng đều gửi thư trả lời không có thông tin gì.

- Điều khó khăn là anh trai tôi, liệt sĩ Trần Quang Trung, khi đó thuộc Tiểu đoàn 43, Lữ đoàn 176, sau khi hoàn thành nghĩa vụ giúp Lào thì đơn vị anh giải tán sáp nhập với nhiều đơn vị khác của Quân khu 4 và Tỉnh đội Nghệ An. Và giấy báo tử của anh cũng chỉ ghi là "Hy sinh tại mặt trận phía Tây..." vì vậy, việc tìm lại các



QUY TẬP LIỆT SĨ TẠI LÀO Ở MŨI XAYSOMBOU

nhân chứng rất khó khăn - anh Tý ngậm ngùi, lời kể đứt quãng theo tiếng nấc. Gia đình tôi vô vọng chỉ lấy ngày 18/3 trong giấy báo tử làm ngày giỗ anh và cứ đến ngày 27/7 mỗi năm, thì gia đình tôi lại làm mâm lễ thắp hương cho anh ấy.

Rồi bỗng một ngày, các bác, đồng đội cũ của anh ấy, ai cũng đã tuổi “xưa nay hiếm” rồi, thế mà họ vẫn lặn lội đến được nhà tôi và cho biết, họ cùng đơn vị và biết chỗ anh tôi nằm. Các bác ấy bảo, sẽ quyết tâm đi tìm để đưa anh ấy về không thì tâm can dần vật mãi, vì khi cùng đơn vị, các bác ấy sống chết có nhau. Lúc ấy, tôi và gia đình dâng trào một niềm vui và xúc động. Mừng vì chỉ các bác ấy với nghĩa tình đồng đội thì mới có thể tìm được anh Trung trở về. Một ngày sau đó, tôi theo các bác đồng đội của anh trai đến Đội quy tập tỉnh Nghệ An tại thành phố Vinh, để đạt nguyện vọng tìm anh trai về, nhưng lúc này, bên Lào đang là mùa mưa, nên đội quy tập đang rút về. Các anh bảo, ráng chờ ít tháng rồi sang bên ấy cất bốc hài cốt cũng không muộn. Nhưng hơn 40 năm rồi, anh tôi biệt biệt giữa rừng Lào, gia đình tôi chỉ mong có một thông tin về anh để đón anh về. Chúng tôi vô cùng nôn nóng, nên quyết định tự túc toàn bộ, sang nước bạn tìm anh tôi. Hồi cha mẹ tôi còn sống, lúc nào cũng dặn, bằng mọi giá các con phải cố gắng tìm anh con về. Khi đã kiểm chứng thêm thông tin từ các anh cùng làng, cùng xã từng đi lính cùng anh Trung, tôi mới tin là sẽ tìm được anh tôi trở về.

Ròng rã 8 ngày, vừa đi đường vừa đào tìm, lại được phía chính quyền địa phương của Lào quan tâm, cuối cùng tôi đã tìm được anh tôi. Linh cảm đã cho tôi nhận ra đó chính là anh trai tôi. Tôi gào to giữa rừng Lào: Mẹ ơi, bố ơi, con đã tìm được anh trai của con rồi!...

Ông Thái Đình Triều, đồng đội liệt sĩ Trần Quang Trung, hiện sống trong ngôi nhà cũ kĩ tại thị trấn Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Ông quê xã Cẩm Nam, nhưng khi ra quân, ông chuyển cả nhà về đây lập nghiệp. Già lính về quê trong những ngày cả nước thiếu thốn trăm bề, ông bắt đầu gây dựng lại cơ ngơi từ 2 bàn tay trắng, bằng việc cày xới vun trồng, chăn nuôi lợn gà. Nhưng những năm tháng ấy cứ canh cánh bên lòng một món nợ, ông bảo thế. Nợ một lời hứa với đồng đội, nghĩa là khi ở chiến trường chúng tôi đã hứa với nhau, thằng nào còn sống thì nhớ phải tìm lại thằng chết mang về. 43 năm đi qua cuộc đời, mắt ông nhòa đi, đôi chân run hơn, nhưng nỗi khao khát tìm lại 3 đồng đội đang nằm lại bên kia biên giới thì không bao giờ nguôi trong kí ức. Bởi ông nghĩ, thà mình không biết chỗ các anh ấy nằm. Cuộc sống có lúc vui đó, buồn đó, rồi cả chuyện vật lộn với miếng cơm manh áo, nhưng khi lắng lại một chút, trước và sau giấc ngủ thì hình ảnh 3 nấm mộ trong rừng sâu lại hiện về thôi thúc ông:

- Chính vì vậy mà tôi đã chủ xướng trong một cuộc họp mặt anh em cựu binh Tiểu đoàn 43, đề xuất việc đi tìm đồng đội. Trước mắt là phải bằng mọi giá tìm và đưa 3 anh Võ Văn Hùng, Trần Quang Trung và Nguyễn Nam Giang về vì chúng tôi biết rõ chỗ các anh ấy nằm. Thà không biết thì thôi, chứ biết rồi mà không đưa họ về chắc chúng tôi chết sẽ không ai nhắm mắt được.

Ròng rã mấy tháng trời, ông Thái Đình Triều liên tục lặn lội từ Cẩm Xuyên ra Nghệ An để thu thập thông tin, rồi tiếp cận những đồng đội từng chôn cất liệt sĩ, rồi Ban chính sách Tỉnh đội Nghệ An và Đội quy tập Nghệ An.

- Vì sao các ông không phối hợp với Đội quy tập Nghệ An để đi tìm đồng đội?
- Tôi hỏi.

-Thực ra chúng tôi cũng không có thời gian để theo đội quy tập và nếu có theo thì chúng tôi cũng chỉ là “ngoài luồng”, rất khó tiếp cận. Chỉ khi chúng tôi tự giác tìm được đồng đội của mình, đánh dấu lại, khi ấy mới báo với Đội để họ cất bốc đưa về nước theo con đường chính thống. Bởi Đội quy tập họ có đủ tư cách và nghi thức đưa hài cốt liệt sĩ về nước - ông Triều nói. Bản Na Khon, huyện Mường Mọc, tỉnh Xiêng Khoảng, là nơi chúng tôi đóng quân cách đây 43 năm, nay địa hình đã thay đổi toàn bộ, mọi cái đã khác, chúng tôi không thể nhận ra gốc cây gỗ to và gốc cây ngải cùng 2 hòn đá to mà chúng tôi đánh dấu nơi chôn cất đồng đội. Ngày xưa khi chôn đồng đội, chúng tôi vẫn thường hay ngụy trang vì sợ địch phát hiện, mà chỉ đánh dấu bằng những ký hiệu riêng. Hồi đó, chúng tôi chôn đồng đội thành một hàng ngang, đầu quay về hướng Tổ quốc, rồi đánh dấu bằng 2 hòn đá bên 2 gốc cây to. Nhưng giờ đây cây đã bị chặt, núi đã được san thành những thửa ruộng bậc thang và không chỉ là 2 hòn đá mà rất nhiều đá lớn nhỏ, nên rất khó tìm - ông Triều cho biết thêm.

Một nông dân hiện trú tại xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, Nghệ An (gọi là nông dân vì khi già lính, ông về quê làm ruộng chăn nuôi và làm thuê những lúc nông nhàn) là 1 trong tốp 3 cựu chiến binh sang Lào tìm và quy tập 3 mộ liệt sĩ nói trên. Ông là nông dân Hoàng Hữu Tín. Ông kể, chúng tôi quyết tâm sang

Là tìm đồng đội là xuất phát từ cảm xúc nung nấu bấy lâu nay. 43 năm qua, đồng đội tôi nằm lại một nơi xa vắng, không nghĩa trang, không người chăm sóc phần mộ. Chỉ nghĩ thế thôi là cảm xúc ấy cứ đau đáu suốt chặng đời đã qua của mình. Nhiều đêm không ngủ được, ông dậy hút thuốc và mường tượng, ngày ấy, những người lính trận chỉ biết hiến dâng chứ không ai tính ngày trở về, rồi mình sẽ làm gì tiếp và ai sẽ không về. Ông nhớ lại, nơi chôn 3 liệt sĩ cũng là nơi đơn vị đóng quân, một bên là núi và có 2 con suối chảy qua. Nhưng bây giờ quay lại địa hình đã khác, vì vậy việc tìm kiếm trở nên rất khó khăn. Cùng đoàn đi hôm ấy có ông Lô Văn Núi, sống bản Thái Sơn 1, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, Nghệ An. Ông Lô Văn Núi hiến kế, chúng ta không đi đường chính mà đi theo đường mòn dân công hỏa tuyến ngày trước, thì mới có thể xác định được vị trí chôn đồng đội, vì nơi đó ông có một kỉ niệm khó quên. Ông Núi nhớ lại, hôm ấy, trên đường đi vận động quần chúng về, ông gặp một cô dân công hỏa tuyến, gánh gạo đi qua, cô vấp phải hòn đá làm sảy chân, máu chảy nhiều, nhưng không dám chạm vào người cô ấy. Bối rối thế nào ông đã cởi áo băng bó giúp cô, rồi dìu vào đơn vị. Kể lại câu chuyện, nét mặt lão nông vùng cao như giãn ra, chắc ông đang dâng trào cảm xúc lạ về một kỉ niệm thời trai trẻ.

Tìm đến ngày thứ 2 vẫn chưa thấy gì, mọi người hội ý, dù thế nào đi chăng nữa thì tọa độ khớp nối đã được xác định. Có lúc họ lại gọi điện về nước hỏi tiếp thông tin từ các đồng đội của mình và quyết tâm đào tìm. Anh em xác định với nhau, nếu không thấy hài cốt thì chúng ta vẫn gói 3 nắm đất mang về.

2 ngày sau, họ tìm thấy một mảnh vải trắng, thế là hi vọng đã được hé mở, cả nhóm mừng khôn kể, họ cùng nhau đào ra toàn bộ khu ruộng thấp, rộng khoảng hơn trăm mét vuông thì phát hiện thêm nhiều mảnh vải nữa. Mỗi xẻng đất được anh em bới vụn ra để tìm di vật. Đến ngày thứ 3 thì phát hiện chiếc nhẫn rồi cái cúc và một chiếc răng. Ông Lô Văn Núi reo lên, nhẫn có khắc tên Võ Văn Hùng. “Tự nhiên nước mắt tôi tuôn trào. Tôi khóc như chưa bao giờ được khóc” - ông Lô Văn Núi nói. “Một linh cảm kì diệu dẫn tới cảm xúc mà tôi không thể cưỡng được. Từ nhỏ đến già tôi chưa có cảm giác này, bố mẹ tôi mất, tôi cũng chưa khóc như thế này. Tiếng khóc bật ra, pha lẫn nỗi mừng vì 43 năm, trong đầu tôi luôn nghĩ đến đồng đội. Sau khi tìm được anh Hùng, chúng tôi liền đào ra 2 bên và tìm thêm được anh Trung rồi anh Giang. Tôi gào lên Hùng ơi, Trung ơi, Giang ơi, tao sẽ đưa bay về. Chúng tôi phải mất 8 ngày mới tìm thấy và làm xong các thủ tục bàn giao hài cốt đồng đội lại cho phía Lào bảo vệ để chuẩn bị bàn giao tiếp cho Đội quy tập tỉnh Nghệ An, đưa các anh về trong nay mai. Chúng tôi đã gặp may vì nếu chậm 3 ngày nữa sẽ không lấy được hài cốt bởi người dân sẽ cho nước vào ruộng để cày cấy”.

- Thế các bác lấy tiền đâu mà thực hiện được cả hành trình cả đi lẫn về cả ngàn cây số? - Tôi hỏi.

- Chúng tôi tình nguyện, tự bỏ kinh phí, cả người thân liệt sĩ cũng vậy. Ban liên lạc Tiểu đoàn 43 trước đây khi mới thành lập không có gặp mặt cũng không có



CẮT BỐC HÀI CỐT LIỆT SĨ Ở XIỀNG KHOẢNG (CHDCND LÀO)

thông tin, đến khi tập hợp được nhau rồi mới hỏi ai còn ai mất, anh nọ hy sinh đang nằm nơi ấy đã đưa về chưa, đồng đội còn sống nay ai ở chỗ nào. Ông Lô Văn Núi kể lại việc cùng đồng đội cũ đi tìm mộ bắt nguồn từ một buổi chiều: “Hôm đó, tôi đi làm về, có cuộc điện thoại gọi nhớ và các con tôi nói lại có bác Triền, bạn lính của bố từ Hà Tĩnh gọi, tôi mừng quá vì kết nối được đồng đội sau bấy nhiêu năm”.

Ông Trịnh Đăng Hào, trú xóm 5 xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, Phó ban liên lạc Tiểu đoàn 43 cho biết thêm về một thời hoạt động ở Lào của mình và đồng đội cũng như công việc tìm đồng đội đã hy sinh trên đất bạn: “Chúng tôi không có thời gian hoạt động ở Việt Nam mà chủ yếu ở bên Lào, đến năm 1986 thì rút quân về rồi giải tán, biên chế vào Trường Quân chính Quân khu 4 hoặc Tỉnh đội Nghệ An. Những năm 70 của thế kỷ trước, phi Vàng Pao hoạt động ráo riết tại các vùng biên giới Việt - Lào nên chúng tôi được biên chế thành đội cơ sở trong dân, án ngữ ở Mường Hùm, cửa ngõ phía bắc thủ đô Viêng Chăn. Giai đoạn đó chúng tôi có nhiệm vụ chủ yếu là làm công tác dân vận và địch vận. Tiểu đoàn 43 thuộc Tỉnh đội Nghệ An, sau này mới sáp nhập vào Lữ đoàn 176. Trưởng ban liên lạc của Tiểu đoàn hiện là ông Nguyễn Xuân Tự, nguyên Tiểu đoàn trưởng, nhưng năm nay ông Tự đã 90 tuổi rồi, việc đi lại rất khó khăn, giao lại cho chúng tôi lo việc kết nối. Hiện nay, chúng tôi đã kết nối được hơn 300 anh em. Dù mỗi người mỗi nơi nhưng chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Việc họp cũng được chia thành nhiều cụm như: Cụm Diễn Yên - Quỳnh; cụm Nghi Lộc-

Hưng Nguyên- thành phố Vinh- Nam Đàn; Rồi cụm Nghĩa Đàn - Quỳnh Hợp - Quỳnh Châu. Hiện nay khi đã kết nối được các đồng đội của mình, chúng tôi tiếp tục thực hiện nghĩa tình đồng đội, hỗ trợ nhau đảm bảo các thủ tục trong việc hưởng chính sách. Như trường hợp đồng chí Dương Văn Ích ở xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An, chưa được hưởng chế độ liệt sĩ, chúng tôi đang tích cực phối hợp các cơ quan liên quan khôi phục chế độ cho anh ấy. Anh Triền ở Hà Tĩnh, anh Núi ở Con Cuông, anh Tín ở Diễn Châu, là những người tiên phong trong việc đi tìm đồng đội của chúng tôi, họ xuất phát từ tấm lòng nghĩa tình với đồng đội, giờ chúng tôi già cả rồi, chúng tôi đánh giá cao các anh ấy”.

Tại cuộc gặp mới đây của Hội Cựu chuyên gia quân sự giúp Lào của tỉnh Nghệ An, ông Đặng Hùng Kế, Chủ tịch Hội đề đạt, nếu như Đội quy tập tỉnh Nghệ An phối hợp với các cựu binh Tiểu đoàn 43 chắc sẽ tìm được tên và quê cho các liệt sĩ nhiều hơn. Các chiến sĩ của Đội quy tập rất tích cực trong việc tìm kiếm hài cốt liệt sĩ nhưng nếu không có các nhân chứng thì rất khó khớp nối thông tin để tìm tên và quê cho các anh, chứ còn nếu để xác định ADN thì rất phức tạp và tốn kém.

Theo Ban Công tác đặc biệt tỉnh Nghệ An thì trên địa bàn Lào, hiện vẫn còn hàng ngàn liệt sĩ nằm rải rác trên các cánh rừng chưa được tìm thấy. Kế hoạch mùa khô mỗi năm cũng chỉ tìm và đưa về nước được hơn trăm hài cốt trở lại và rất ít liệt sĩ biết tên và quê. Công việc tiếp theo vẫn còn nhiều khó khăn, vất vả, như thiếu thông tin về liệt sĩ, nơi các anh nằm thì địa hình đã thay đổi rất nhiều; Nơi quy tập lại là những vùng xa xôi hẻo lánh của nước bạn, nguy hiểm hơn, những nơi đó vẫn có hoạt động phi.

Ông Thái Đình Triền rút điện thoại nói chuyện với ai đó khoảng hơn 30 phút rồi nói với tôi, đồng đội ở huyện Đô Lương gọi cho biết ở bản Thẩm Sơn bên Lào hiện còn 3 ngôi mộ của 2 đồng đội quê xã Trù Sơn, 1 quê xã Mỹ Sơn. Sang tháng, chúng tôi sẽ đi tiếp chuyến nữa để tìm đồng đội về. Anh em hẹn nhau đi thắp hương cho mấy người bạn mới được tìm thấy tại nhà của họ ở quê.

Đôi mắt người lính nhìn vào khói hương trầm lan tỏa, rớm nước. Ông chợt nhận ra mùa Xuân đã về khắp ngõ xóm, làng quê và ông thấy ấm áp hơn bao mùa Xuân khác.



MỘT GÓC TRUNG TÂM XÃ BẢO THẮNG

Bảo Thắng ước vọng thoát nghèo

HỮU VI

Dù đã có phần khá hơn trước kia nhưng Bảo Thắng (Kỳ Sơn) vẫn là một xã khó khăn của miền núi xứ Nghệ. Đó là những lời gan ruột của người đứng đầu UBND xã. Chuẩn bị bước qua tuổi 40, anh Cụt Thanh Hoài nhiệt huyết hầy còn tràn trẻ lắm.

Trong quãng thời gian gần chục năm vác ba lô đi khắp miền núi xứ Nghệ, tôi đã không ít lần đến với xã Bảo Thắng. Địa bàn nằm sâu trong nội địa, một mặt giáp với huyện Tương Dương, cách không xa hồ thủy điện Bản Vẽ là bao. Xã thành lập từ năm 1964, quy mô chưa đến hai nghìn rưởi dân. Tuyệt đại đa số là cộng đồng người Khơ mú. Xã có 5 bản, chon von bên bờ khe, góc núi. Người Khơ mú có thói quen cư trú quần tụ. Từng ngôi nhà sàn xếp cạnh nhau như thể đám nấm lớn. Từng người ra vào lặng lẽ. Ai nấy đều ít nói. Làng bản chỉ đông vui sau vụ gặt cho đến hết tết Nguyên đán. Còn nữa, đàn ông, đàn bà đều lên rừng lên rẫy. Chỉ người già, trẻ nhỏ ở nhà. Tôi từng đến đất này vào những mùa khác nhau trong năm. Những ngày giáp tết, theo một đoàn từ thiện, tôi nhận thấy cư dân nơi đây cũng tất bật như người miền xuôi. Họ lên rừng cắt lá dong đem bán để sắm tết. Những người đàn ông còng lưng đánh vật với chiếc xe

máy trên đoạn dốc núi đầy bùn đất. Vui nhất vẫn là vào mùa gặt lúa nương. Niềm vui màu vàng hương trên rẫy lúa lan về từng bản nhỏ, lấp lánh cả nơi đáy mắt bấy em thơ. Tôi cũng từng chứng kiến ngày hội rượu cần linh đình, vui nhộn theo cái cách rất riêng của cư dân làng bản. Đó là lúc bà con cần vui để lấy sức cho cuộc mưu sinh và ước vọng thoát nghèo.

Trở lại với vị Chủ tịch xã Cụt Thanh Hoài, trong một đêm miền rẻo cao lay rây mưa phùn, sau rất nhiều câu chuyện, anh lại nói về nỗ lực thoát nghèo. Anh kể về Lương Văn Tiến, một trong số không nhiều những hộ khá ở xã Bảo Thắng. Câu chuyện chỉ có vậy nhưng nó thôi thúc tôi tìm đến nhà người đàn ông mới ngoài tuổi tứ tuần này vào sáng sớm hôm sau.

Gần 7 giờ sáng, tôi đến ngôi nhà gỗ có tường xây bao của anh Tiến. Căn nhà nom khá khang trang ở dưới chân con dốc trong bản Cha Ca 1. Trước cửa là một chiếc xe máy với hai cái sọt trống không buộc sau yên. Người đàn ông nghe tiếng gọi vội ra đón khách, quần còn xắn gần ngang gối. Anh cho hay mới chạy ra trung tâm xã Chiêu Lưu cách bản ba chục cây số để giao gà và mua thực phẩm về giao cho mấy hàng quán mới mở trong xã. Hàng ngày, anh dậy từ 2 giờ sáng, chuẩn bị hàng rồi phóng xe đi. Xong việc cũng vừa 7 giờ sáng. Trong nhà, chị vợ đã chuẩn bị xong bữa điểm tâm. Món ăn chủ yếu của đôi vợ chồng cũng như phần lớn dân bản gồm xôi và món chèo làm từ ớt, lá hành, muối, bột ngọt giã chung với nhau. Bữa nào hứng chí lên thì nướng thêm ít thịt sấy khô trên gác bếp.

Ngồi bên bếp lửa cháy leo lét đủ để sưởi ấm một gian nhà, Lương Văn Tiến kể về quãng đời ấu thơ khổ hạnh của mình. Vào giữa những năm 80 thế kỷ trước, lúc đó cả bản của anh ở xã Kim Đa (Tương Dương) bị nạn sốt rét. Cả nhà có 7 thành viên thì 5 người chết vì căn bệnh quái ác này. Ban đầu là 2 anh trai và em gái mất. Thế rồi đến cha và mẹ anh cũng từ giã cõi đời. Những cái tang đến dồn dập chỉ trong vòng mấy năm. Nhà chỉ còn lại anh và người chị mới gần 10 tuổi sống dựa vào nhau. Qua gần một năm, nghe họ hàng mách bảo, ở xã Bảo Thắng có ông bác họ, liền đánh đường tìm đến nương nhờ.

Qua vài năm sau, chị gái lấy chồng, còn anh Tiến thì đến tuổi 20 mới lập gia đình. Với một trai bản, như thế cũng không gọi là sớm nữa. Trong thâm tâm, anh Tiến luôn nghĩ mình mồ côi, chỉ sống nhờ họ hàng, phải nỗ lực hơn người thì mới được như người. Cái tay hay lam hay làm, khi trên rừng, khi lên rẫy khiến anh không có thời gian đi “tìm hiểu”. Với lại trong đầu lại nghĩ hoàn cảnh như mình thì ai thương. Cứ cố gắng chí thú làm ăn, giúp đỡ gia đình bác, cái gì đến rồi sẽ đến.

Và mối tình đầu đến với anh một cách thật bất ngờ. Cô bạn cùng bản anh vẫn thi thoảng gặp trên đường lên nương chọt đỏ mặt khi đi ngang qua anh. Đó là dấu hiệu con gái đã ưng trong bụng. Cũng chỉ vài tháng sau, nhà ông bác họ có thêm một đám cưới. Dù không có công ơn sinh thành, nhưng anh Tiến xem bác họ như cha mẹ mình. Nhưng anh cũng chỉ ở lại nhà bác được hơn một năm thì ra ở riêng. Anh tự tay lên rừng đến gỗ, làm nhà. Khi căn nhà nên nếp cũng là lúc đứa con đầu lòng chào đời. Anh nghĩ mình không nhiều chữ nên phải gắng



ANH LƯƠNG VĂN TIẾN KỂ VỀ CUỘC ĐỜI CỦA MÌNH

làm ăn mới mong bằng người. Cuộc sống càng khó khăn hơn khi đứa con thứ 2, rồi thứ 3 chào đời. Thế nhưng vợ chồng vẫn bảo ban nhau nỗ lực và đặc biệt là không để con thất học. Hiện nay, con gái đầu của anh Tiến đang học năm cuối ngành Sư phạm Mầm non. 2 đứa sau đều học trường nội trú huyện. “Dù vất vả nhưng mỗi lần đến thăm con, thấy chúng nó chăm học, không ham chơi, trong lòng thấy vui lắm.” - anh Tiến tâm sự.

Chuyện vượt khó của Xeo Văn Phong có phần thuận lợi hơn anh Tiến. Chàng trai tuổi Đinh Mão (1987) có một căn nhà gỗ lớn vào loại nhất nhì bản. Anh Cụt Văn May, Phó Chủ tịch UBND xã dẫn chúng tôi đi thăm gia đình chia sẻ rằng chỉ ít năm về trước, gia đình Phong vẫn là một hộ khó khăn. Nhờ biết kết hợp việc chăn nuôi thả rông và chăn thả gia súc, anh đã thoát nghèo và vươn lên trở thành một hộ khá.

Chăn nuôi cũng là cách vượt khó của nhiều hộ gia đình các cộng đồng Khơ mú ở Bảo Thắng. Xem qua báo cáo phát triển kinh tế toàn xã từ năm 2015 đến nay thì chăn nuôi vẫn là lĩnh vực khả quan nhất. Ngoài ra thì mảng xây dựng cơ bản cũng đạt được những thành quả nhất định. Ở bản trung tâm xã Cha Ca 1, đường bê tông cơ bản đã được hoàn thành. Một số công trình hạ tầng như trường học, nước sinh hoạt cũng được xây mới. Đó là những gì tôi nhận ra so với lần ghé thăm địa bàn này vào năm 2016. Công tác xây dựng nông thôn mới cũng đã đạt được 8 tiêu chí, một nỗ lực vượt bậc của địa bàn khó khăn như Bảo Thắng.

Bảo Thắng vẫn còn đó những khó khăn. Thế nhưng chúng ta vẫn có thể tin tưởng rằng mảnh đất này đang chuyển mình. Với cư dân nơi đây, họ vẫn rất cần sự lãnh đạo từ những người trẻ như Cụt Thanh Hoài, một người luôn trăn trở tìm con đường thoát nghèo cho cộng đồng. Hay như Lương Văn Tiến, Xeo Văn Phong. Chính họ là nguồn cảm hứng cho những thân phận không may nhưng biết vượt lên gian khó.

Đỉnh Tuấn Mã

VÕ THỊ XUÂN HÀ

Câu chuyện sau đây là do một người đàn ông kể lại cho tôi trong một chuyến công tác. Anh là kỹ sư địa chất, đang giữ một chức vụ ở tỉnh N. Bề ngoài anh khá trẻ so với tuổi 40, lại cũng khá đẹp trai. Điều đặc biệt, ngần ấy tuổi mà anh vẫn sống độc thân. Anh nói sở dĩ anh kể cho tôi nghe câu chuyện này là vì vẻ gầy gò mảnh mai của tôi làm anh nhớ đến một người...

*

Hè năm ấy, tôi mới tốt nghiệp ra trường chưa xin được việc. Thế là rủ bạn bè đi du lịch. Chúng tôi cùng đến một vài nơi, nhưng đến một thị trấn nhỏ gần Đông Trường Sơn thì tôi bứt ra ở lại. Lý do đơn giản là vì ở đây tôi gặp một người đàn bà.

Tôi nhớ hôm đó thời tiết thật khó chịu. Không khí oi nồng bị dồn nén suốt dải Thái Bình Dương tràn vào lục địa đẩy lùi lớp khí bị vẩn đục, nóng ran vì chất độc hoá học và xác động thực vật thối rữa.

Một người đàn bà mặc áo đen đứng tựa bên hàng lan can bằng gỗ đã mục. Hàng rào này hình như được dùng để ngăn lũ trâu bò thả rông sục mồm xuống bãi ngô đang lên mơn mớn. Mái tóc nàng mới gội, buông xuống bờ vai đầy đặn. Cánh tay nuột nà hờ hững đặt lên một cọc rào. Tôi đến gần, rụt rè làm quen. Thế là tôi quyết định ở lại thị trấn trong một nhà trọ rẻ tiền. Mỗi ngày tôi lại càng mê mẩn vì người đàn bà đó. Tôi cứ đứng từ xa để ngắm nàng, tưởng tượng về nàng. Theo cách của mình, tôi đặt nàng trong một căn nhà nhỏ có giàn mướp hoa nở vàng rực. Bên nàng là đứa con trai nhỏ. Chồng nàng... không, tôi đâu cần anh ta



Minh họa HỮU TUẤN

có mặt trên đời này. Tôi ghen tuông và thậm so sánh nàng với một nhánh hoàng lan nuốt nà đặt nghiêng trên bãi cỏ. Đêm đêm, những giọt sương thả nhẹ nhàng xuống vòng ngực trần và ánh trăng đặt lên mái tóc nàng một chiếc vương miện huyền bí.

Vùng núi này có một đỉnh núi tên là Tuấn Mã. Theo lời người dân ở đây thì đỉnh Tuấn Mã là nơi dạo chơi của người nhà trời. Hễ khi có trận cuồng phong nổi lên, nếu leo được tới đỉnh thì sẽ nghe thấy những khúc nhạc thần kì của đá. Hơn nữa, ai có diễm phúc được nghe nhạc đá thì rồi sẽ gặp may mắn lắm. Lòng kiêu ngạo trỗi lên và tôi thầm hứa với người đàn bà, tôi sẽ leo lên đỉnh Tuấn Mã để mang về may mắn cho cả tôi với nàng.

Một hôm gió nổi lên và tôi quyết định lao theo cơn gió. Tôi chạy như bay, thỉnh thoảng vấp đến bật móng. Cần phải kịp trận gió, gặp được nó ở trên đỉnh cao. Hôm đó gió xiết mạnh mẽ ghê gớm. Gió hung hăng giật tung những tán lá chuối rừng và nhả xuống lưng chừng trời những bông hoa gạo tròn lông lốc. Gió quật lên quật xuống như cố ý cho con người công nhận sức mạnh vĩ đại của nó. Những thân cây cổ thụ vẫy mình rãn rắc. Đá lở lãn ào ào xuống vực. Tiếng đá lãn và cây cỏ rên rỉ như đang chơi một trò ú tim dữ dội. Con Tuấn Mã rung bần bật, lỏng lẻo bằng tất cả sự kiềm nén. Tôi nghiêng răng bám từng vĩa đá leo lên.

Lúc gió to nhất, tôi đã lên được tới đỉnh. Một nhòai và hoảng sợ, tôi bám chặt vào một cây thông cổ thụ, chờ đợi khúc nhạc của gió và đá. Cho tới khi mệt quá, ngủ

thiếp đi bên gốc cây với những chùm rễ rắn đan, tôi vẫn chỉ nghe tiếng gió ù ù trơ trọi vùn vủ quanh đỉnh núi...

Trở về nhà nghỉ, buồn rầu và thất vọng, tôi hầu như không ló mặt ra ngoài thị trấn. Nhưng tối hôm đó, ông chủ nhà trọ đã vào phòng tôi với một hòn đá quặng, nói là của người đàn bà gửi biếu. Tôi hỏi ông ta:

- Cô ấy có nhắn gì không?

- Cô ấy chỉ hỏi có phải anh là nhà địa chất không thôi.

Tôi đem hòn đá soi dưới ánh đèn hoa kỳ. Nó lấp lánh sáng tựa như những vảy kim cương được dính lên đó. Nhưng đó không phải là kim cương mà chỉ là một hòn đá rất đẹp màu xanh ghi.

Hôm sau tôi tìm gặp và cảm ơn nàng. Nàng đỏ mặt mỉm cười hỏi tôi có nghe thấy nhạc thần không. Rồi không đợi tôi trả lời, nàng nhẹ nhàng đi khuất sau mấy khóm hoa dong riềng đỏ lập loè. Tôi lại tự nhủ sẽ lên đỉnh Tuấn Mã một lần nữa.

Lần thứ hai, tôi leo núi dễ dàng hơn. Gần một tiếng vật lộn với gió dữ, tôi lại đặt chân lên tới đỉnh. Lần này tôi leo núi với hòn đá xanh cầu may mắc trong túi áo. Tôi ngồi chờ từ khi mặt trời bị gió xua mây che khuất trên đỉnh đầu cho tới khi nó lộ ra phía Tây dãy Trường Sơn. Bầu trời đột nhiên giãn rộng sáng bừng. Từ trong một đám mây đen kịt và vùn lả tả lộ ra một cánh chim không rõ là loài chim gì. Cánh chim bị gió còn sót lại xua nghiêng ngả và tức khắc biến mất sau đỉnh núi xa mờ. Tôi chờ mãi đến khi bóng chiều đã lướt qua núi cao, gió đã gần lặng mà tĩnh vẫn không thấy sự lạ gì.

- Thật vớ vẩn!

Tôi đứng dậy và lang thang trên các vách đá. Tôi tìm thấy ở các khe vô vàn những hòn đá chứa quặng mangan, sắt... và cả những hòn đá màu xanh ghi xinh xẻo. Chắc chắn nàng không thể leo lên được trên này. Mỗi ghen tuông mơ hồ cuộn lên trong lòng. Tôi lôi hòn đá trong túi áo ra ngắm nghía rồi ném nó xuống vực. Tôi cố ý lắng nghe tiếng vọng của nó, nhưng chẳng nghe thấy gì. Tôi quyết định xuống núi theo lối khác, lòng nhẹ nhõm hơn nhiều vì không còn mơ hồ về ranh giới giữa lòng kiêu hãnh và thói kiêu ngạo.

Có điều tôi biết tôi đã say mê nàng và điều đó phủ phàng biết bao. Đột nhiên, tim tôi cứng lại vì đón nhận từ rất sâu trong lòng núi một tiếng gì trầm đục vang lên. Từ chỗ lưng chừng núi này, tiếng nhạc ở đâu đó bỗng phát ra lạnh canh rẻo rất như có những bàn tay nhạc công vĩ đại vỗ vào đá. Gió không lồng lộn như buổi sáng mà dịu dàng cuốn xiết vào đá.

T... rưm... rìng... rưm... T... rưm... rìng...

Tiếng nhạc mỗi lúc một rõ và rồi giống như cả dàn nhạc đang tấu lên giữa trời khúc nhạc vũ trụ. Tôi bàng hoàng. Sự huyền diệu đến vào lúc tôi không chờ đợi, đến ào ạt và dữ dội khiến con người bối rối và hoảng hốt. Sau này tôi còn nhớ mãi ý nghĩ này với bao nỗi ân hận.

TRUYỆN NGẮN

Từ trong một lùm cây đột ngột hiện ra một hình người. Lúc ấy tôi ngạc nhiên lắm. Rõ ràng hình người ấy là một cô bé. Trên môi cô còn ngậm một chiếc lá làm khèn. Cô chúm môi thổi tu tu lên một hồi dài rồi nhỏ toẹt cái lá xuống đất.

- Anh đã nghe được nhạc đá phải không?

- Phải!

- Cha tôi bảo anh sẽ là người cuối cùng.

- Cô là ai?

- Đi với tôi đi, nhanh lên!

Tôi chạy gần theo cô bé đến một cửa hang ở lưng chừng ngọn Tuấn Mã.

Cô bé quay mặt lại, bảo:

- Anh đừng chống lại cha tôi nhé. Ông ấy sắp đến lúc rồi.

Khi ấy tôi mới biết là cô bé đang khóc. Chúng tôi cùng đi vào hang. Trong vòm hang ẩm ớt nhô ra mấy cái nhũ đá con con. Một vài cánh dơi đập chập choạng bay ra từ bóng tối. Tôi không biết điều gì đang chờ đợi mình trong cái bóng tối nhờ nhờ này. Bên vách hang, một người đàn ông đứng hơn là một bộ xương đang đứng quay lưng ra ngoài, cất giọng khàn khàn:

- Vậy là cuối cùng cũng có một người đủ kiên nhẫn...

- Ông là ai?

- Điều đó không quan trọng. Ta đã chờ con lâu quá rồi.

- Chờ tôi?

- Giờ của ta đã điểm. Ta cần một chàng trai như con. Con hãy nhìn kỹ con bé, nó là một bông hoa khiêm nhường. Hãy hứa với ta là con sẽ bảo vệ con bé, yêu thương con bé suốt đời.

- Ông nói gì tôi không hiểu?

Bộ xương vẫn đứng chắp tay sau lưng. Cô bé bắt đầu nức nở.

- Hãy hứa đi, chàng trai. Con đã nghe được khúc nhạc trên đỉnh Tuấn Mã. Bí mật của nó sẽ theo ta mãi mãi. Từ nay sẽ không ai có thể nghe thấy... không ai cả...

- Nhưng tại sao lại là tôi?

Tôi hét văng lên. Giọng ông già vẫn điềm tĩnh đến đáng sợ:

- Có lần ta đã nom thấy xác một con hổ. Nó chết, phủ phục trên đám cỏ xanh vấy đầy màu đen. Nó không còn có thể ngóc dậy và chồm tới, nhưng cái mùi hôi thối của nó nguy hiểm đến nỗi khiến cả khu rừng kinh hoàng.

Như thế nó vẫn còn là chúa sơn lâm, hơn cả lúc sống.

- ...

- Cha ơi!

- Nhớ đây, con hãy hiểu đỉnh Tuấn Mã sắp ôm vào lòng một con người.

Cả đời ta đã làm cật lực để sửa chữa một lỗi lầm. Ta đã cống hiến cho con người niềm tin lớn lao. Ta không thể nghỉ ngơi khi không biết con gái ta sẽ ra sao... Hãy hứa với ta đi, chàng trai.

Tôi cúi đầu. Tim tôi rung lên vì lòng thương xót.

- Cha ơi!

- Con gái của ta...

Tiếng khóc oà lên khắp vòm hang. Tôi tới gần, chạm tay vào người ông già.

- Ông là ai?

Nhưng tôi nhận ra ông ta đã chết, đầu gục xuống vách đá. Đêm hôm đó, tôi cùng cô gái chôn xác ông già bằng đá. Chúng tôi chất đá quanh người ông. Đá cao dần, cao dần phủ kín chân, kín bụng, kín ngực, cuối cùng là mái đầu kiêu hãnh.

Tôi đưa cô gái nhỏ xuống núi, trong lòng thấy ngao ngán lắm. Ngang qua một cửa hiệu, tôi mua tặng cô quần áo và mấy thứ đồ dùng vặt vãnh. Ông chủ nhà trọ cứ ngỡ tôi đã dặt về một con bé giúp việc nào đó.

Nửa đêm, tôi tỉnh dậy. Tôi bước nhẹ đến bên giường cô bé, lắng nghe tiếng thở nặng nhọc của cô. Tôi suy nghĩ mãi về tình cảnh của mình.

Ánh trăng chiếu êm đềm ngoài cửa sổ khiến trái tim trẻ trung của tôi rạo rực. Tôi mơ màng nhớ đến người đàn bà đã tặng tôi hòn đá xanh, hối hận vì đã ném nó đi trong một khoảnh khắc tiêu tan mọi ham muốn. Giờ đây cơ thể bí ẩn đầy đặn của nàng như ủa đến cùng làn gió nhẹ, bứt tôi ném trả vào cơn khát khô trong lồng ngực. Tôi hiểu mình cần phải trở về nhà, cần phải đi xa nàng, nếu không tôi sẽ lao vào nàng như một con thiêu thân.

Ánh trăng vẫn chiếu sáng khắp bầu trời, tràn qua khung cửa sổ, dịu dàng phủ lên người cô bé một màu sáng tinh khiết đến nỗi có thể nhìn thấy hai núm vú nhỏ phập phồng.

Tôi lùi lại ngấm ngấm. Tôi nhận ra cơ thể mảnh mai của một thiếu nữ. Một làn gió đột ngột thổi tới lật ngược mảnh áo mỏng, phô ra mảnh xương sườn gầy guộc. Tôi lặng lẽ về giường mình.

Tôi ngồi viết thư từ giả người đàn bà đẹp với những lời lẽ thắm đầy nỗi tuyệt vọng. Sau đó tôi đặt một gói tiền nhỏ xuống dưới gối cô gái, lặng im nhìn cô khóc trong giấc ngủ một lát rồi bỏ đi.

Đêm đó tôi trả phòng rồi ra bến xe.

Mấy năm qua tôi sống lặng lẽ trong một nỗi buồn vô cớ. Nỗi buồn len lỏi trong từng giấc ngủ, bước đi. Đêm đêm từng cơn gió ập vào nhắc tôi nhớ tới hình ảnh thiếu nữ với mảnh xương sườn gầy guộc...

TRUYỆN NGẮN

Một lần tình cờ tôi được nghe loáng thoáng một câu chuyện, có một người con gái đi tìm người yêu đã đính ước, nhưng lại không biết tên anh ta. Người kể nói rằng cô gái ấy rất xinh xắn nhưng gầy gò lắm vì phải làm thuê kiếm sống. Thế rồi cô ngã bệnh và được đưa đến một trạm y tế. Lúc tình cứ đòi đưa mình về đình Tuấn Mã.

Một nỗi câu thúc nhức nhối trong lòng khiến tôi tìm về chốn cũ. Nhưng đình Tuấn Mã đã từ lâu bị người ta đặt mìn cho nổ tung để khai thác đá.

Bây giờ hằng đêm tôi cứ mơ thấy nàng.

Quả thực lúc bấy giờ tôi còn trẻ quá, mà nàng thì như một cô bé con. Xương hông nàng còn chưa nảy nở. Tóc nàng còn hoe vàng. Tôi làm sao dám cư mang nàng. Ngay cả tình yêu thời trai trẻ người ta cũng chỉ có thứ tình yêu thần phục chứ đâu có thứ tình yêu cư mang? Giả như lúc bấy giờ nàng có trên người một chút gì đó để tôi thần phục.

Như thế đây, hạnh phúc đã từng nhỏ những giọt nước mắt dịu dàng gần kề bên tôi.

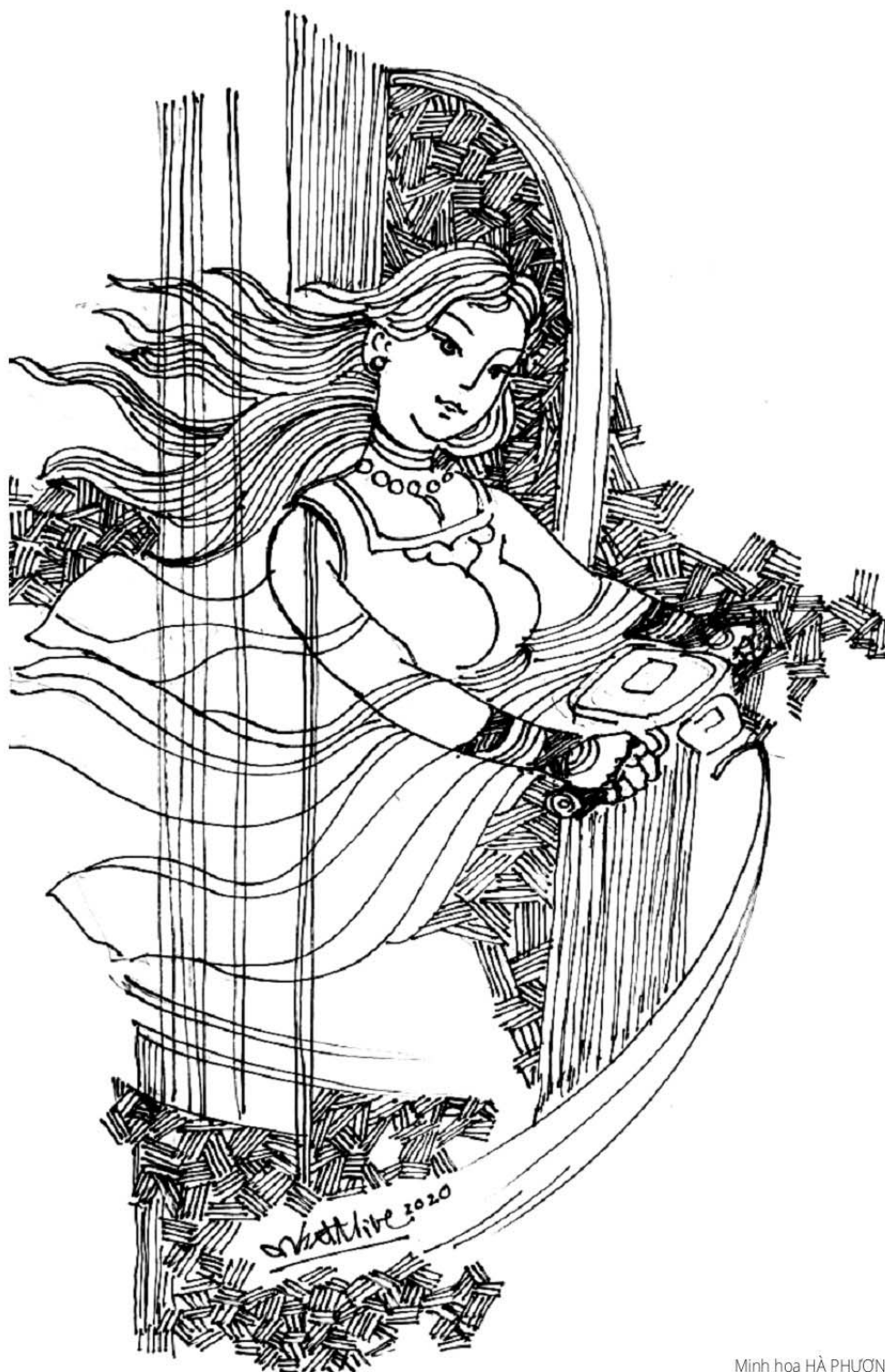
Bài hát cũ

TRẦN HOÀI

Lần đầu tôi biết tương tư là với Vân Nga. Cô bay trong lồng gỗ trụ của đoàn xiếc mô-tô bay cùng tên, khiến tôi ngân nga, nôn nao quá thể. Đoàn xiếc Vân Nga về chợ Do, diễn 5 hôm rồi. Cả 5 hôm tôi đều đến xem Vân Nga bay trong gió. Tóc cô bay, tà áo cô bay, bàn tay cô, thân thể cô bay trong không gian cùng tiếng gầm rú của động cơ xe gắn máy Yamaha, mùi khói xăng thơm xanh biếc. Đoàn xiếc có nhiều diễn viên, nhưng đương nhiên tôi chỉ xem mỗi Vân Nga thôi. Tôi nhìn sâu hun hút vào khe ngực cô ấy bay qua trước mắt tôi. Rồi cô cười, hàng răng trắng bóng. Khi cô ngã người, buông tay lái, nằm dài trên yên chiếc Yamaha, hai cánh tay vươn về phía trước, như một cánh chim, tôi nín thở dõi theo, tôi như bay cùng cô ấy. Tiếng hát từ loa phóng thanh vang vang: *"Chiều chiều em đạp xe / Thả dốc dài Bến Đá/ Anh như hòn núi lớn/ Em như hòn núi Bãi Trước và Bãi Sau..."*

Đoàn xiếc Vân Nga diễn đến hôm thứ 6. Tôi có việc đạp xe từ Hồ Xá về, đến ngã ba Hiền Lương thì gặp người đàn ông xin đi nhờ về chợ Do. Dọc đường đi, 2 bác cháu nói chuyện mới biết, ông là chủ đoàn xiếc mô-tô bay Vân Nga, đi công chuyện, đến hôm đó mới trở lại đoàn. Ông đưa tiền công, tôi không lấy. Ông hỏi tôi đã xem đoàn ông diễn chưa? Tôi nói chưa. Ông bảo suất diễn ngày mai mời tôi đến xem, miễn phí.

"Kính thưa quý vị khán giả, hãy nhanh tay mua vé vào xem suất diễn của đoàn xiếc chúng tôi. Xiếc mô-tô bay Vân Nga lưu diễn khắp nơi, từ làng quê xa xôi đến nơi phồn hoa đô hội, đâu đâu cũng được hoan nghênh nhiệt liệt. Đặc biệt, nữ diễn viên Vân Nga, thiên thần của chúng tôi đã biểu diễn từ khi mới 7 tuổi, bay như bay vào vũ trụ, giờ đây xin hân hạnh kính chào và hân hạnh phục vụ quý vị... Bãi Trước và Bãi Sau. Mãi mãi là của nhau. Em như bãi cát dài. Anh muốn làm ngọn sóng. Ngàn năm đến bờ sau. Sóng vỗ về yêu thương. La lá la lá la".



Minh họa HÀ PHƯƠNG

Vân Nga xuất hiện ở dưới lòng sân khấu. Tôi đứng trên, nhìn hun hút vào khe ngực cô ấy. Cô khởi động chiếc xe Yamaha thể thao, động cơ gầm lên, cô nhoẻn cười chào khán giả. Vân Nga tăng tốc. Chiếc xe lao vun vút trong lòng gỗ. Tóc cô bay... Nhiều khán giả giơ ra những tờ tiền, vấy vấy, Vân Nga lướt qua. Soạt soạt, tiền vào tay cô ấy cả. Tôi cũng giơ ra một tờ mệnh giá năm trăm ngàn đồng, soạt, Vân Nga lướt qua mặt tôi, dường như tóc cô ấy còn quệt qua mặt tôi, rất sắc. Và mùi mồ hôi toả ra từ ngực cô ấy, rất thơm. Chỉ một nhোáng thôi nhưng Vân Nga mang theo cả tuổi mười bảy của tôi vào không gian. Tiếp tục, 2 anh chàng diễn viên nữa lên xe nổ máy, cùng Vân Nga phóng vun vút trong lòng gỗ, đan chéo nhau, cắt qua nhau trong tích tắc, mạo hiểm ghê hồn. Có lúc cô đứng hẳn trên yên, người cô nằm ngang gần song song với mặt đất, mắt cô nhìn lên đỉnh rạp xiếc, ở đó, dường như có ai đang nhìn cô?

Suất diễn xong, tôi xuống, ông chủ dẫn tôi tham quan các trang thiết bị của đoàn. Tôi thích nhất là các cơ cấu của sân khấu. Tôi xem rất kỹ, hỏi rất nhiều, khiến ông chủ chú ý. Ông hỏi tôi về gia cảnh, về nhiều thứ nữa quên hết rồi, chỉ nhớ tôi trả lời rất rành mạch. Sau cùng ông chủ nói:

- Cháu có thích đi theo đoàn xiếc của bác không. Bác đào tạo cháu thành tài tử.

- Dạ có!

- Vậy về nói với ba má. Rồi gặp bác.

Vừa lúc Vân Nga xong suất diễn đi ra, dáng vẻ mệt nhọc. Những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán. Vẻ đẹp của cô lại khiến tôi sững sờ. Ông chủ nói với tôi:

-Vân Nga. Đây là anh Hoàng, anh sẽ theo đoàn ta.

-Dạ. Nga chào anh Hoàng.

Tôi chạy một hơi về nói với mẹ tôi. Mẹ tái mặt, gạt ngay:

-Tàu cấm, không có xiếc xung, nghệ sỹ nghệ xiếc gì cả. Nhà nay rứa là đủ rồi!

Tôi thất vọng quá. Ông chủ động viên: "Thôi. Bác cháu ta không có duyên".

Những ngày sau đó, tôi đều đến xem đoàn diễn. Tôi dõi theo Vân Nga, từng cử chỉ, nét mặt cô ấy tôi đều ghi nhớ. Rất nhiều khi, dường như cô ấy vừa bay vừa cười với tôi, chỉ riêng tôi?

Rồi tôi lân la, trò chuyện với Vân Nga.

- Anh Hoàng, anh học lớp mấy?

- Tôi học xong lớp 12 cô ạ

- Lớp 12 luôn à?

- Ừ, cô Vân Nga học lớp mấy?

- Em lớp 4 thôi anh.

- Mẹ cô Vân Nga đâu rồi?

TRUYỆN NGẮN

- Mẹ em mất lâu rồi anh.
- Cô Vân Nga bay thế có sợ không?
- Sợ gì anh. Quen rồi. Giờ ngày nào hồng bay là nhớ lắm đó.
- Tôi cũng thích bay lắm nhưng mà tôi không cho đi!
- Vì sao vậy anh?
- Vì mà sợ đời tôi sẽ khổ.
- Ừ đúng rồi đó. Khổ lắm anh Hoàng!
- Cô Vân Nga khổ sao, nói tôi nghe?
- Khổ. Nhưng không, Nga không nói đâu!

Rồi Vân Nga nén tiếng thở dài:

- Anh Hoàng, anh đi học đại học tiếp đi. Đừng đi theo cha em, khổ lắm!
- 10 ngày đoàn xiếc mô tô bay Vân Nga diễn ở Cửa Tùng là 10 ngày hạnh phúc của tôi. Có hôm trời mưa, đoàn ngưng diễn. Tạnh mưa tôi rủ Vân Nga về Cửa Tùng, đi trên bãi cát. Nhìn lên trời đêm chỉ chút sao.
- Cô Vân Nga biết không? Mỗi ngôi sao băng là một người trên đời này vừa chết!
 - Vậy hả anh Hoàng. Anh đi học thầy cô nói vậy à?
 - Không, cái này tôi đọc trong sách.
 - Vậy khi nào Nga chết, anh Hoàng có nhìn thấy sao băng không?
 - Có chứ. Nhưng tôi ước gì lúc đó, tôi ở cạnh bên Vân Nga. Không cần nhìn sao băng nữa.
 - Anh nói thật không đó?
 - Thật chứ. Tôi nói thật lòng mình. Tôi muốn đi cùng Vân Nga đến tận đâu cũng được.
 - Vậy anh trốn má đi... À mà không, anh đừng theo đoàn. Em biết anh sẽ có thể trở thành tài tử, nhưng khổ lắm anh ơi.
 - Khổ gì? Vui chứ...

* * *

Câu chuyện mà mãi lâu sau đó Vân Nga kể cho tôi biết tóm tắt thế này: Vân Nga là con riêng của vợ ông chủ đoàn xiếc. Bố mẹ Vân Nga chính là đôi tài tử trong đoàn. Họ yêu nhau nhưng ông chủ đã dùng mưu ép cưỡng đoạt mẹ Vân Nga làm vợ ông, đuổi bố Vân Nga đi. Khi Vân Nga được 2, 3 tuổi, ông chủ phát hiện ra không phải con mình. Bao nhiêu căm hận ông trút lên người vợ trẻ. Đánh đập, nhục mạ, dùng cực hình làm mẹ Vân Nga phần uất, viết thư tuyệt mệnh,

rồi trong một suất diễn, mẹ Vân Nga phóng xe vượt qua lồng gỗ biểu diễn, rơi xuống...

Còn lại Vân Nga, ông chủ lại trút hồn cắm lên Vân Nga. Tuy thế, ông vẫn đào tạo Vân Nga trở thành diễn viên xuất sắc, và cô trở thành nguồn thu hút, tiếng tăm của đoàn xiếc.

Một đêm Cửa Tùng, Vân Nga kéo áo cho tôi xem dấu những vết roi sau eo thon của cô. Ông chủ không bao giờ đánh lên lưng, tay, chân Vân Nga vì đó là phần da thịt cô để lộ khi biểu diễn.

- Vân Nga, em ở lại đây với anh. Rồi ta sẽ đi thật xa. Sang Lào, anh biết đường rồi. Anh sẽ cưới em...

- Rồi anh có đánh Nga không?

Tôi ôm lấy Vân Nga:

- Chúng ta sẽ làm lụng, sẽ ở bên nhau suốt đời. Anh không đánh Nga đâu. Anh thề!

Tôi cầm tay Vân Nga áp lên ngực mình. Trên cổ tay cô có xăm hình chiếc lá sen và 3 giọt nước nhỏ xíu. Mẹ cô trước khi mất nói rằng đó là dấu hiệu để cha ruột của cô nhận ra khi ông trở lại.

- Cha sẽ tìm thấy em chứ, anh Hoàng?

- Nhất định thế. Mà sao em không đi tìm cha?

Ngày thứ 11, đoàn xiếc rời đi. Vân Nga đã trốn ở lại với tôi. 2 đứa dắt nhau trốn dưới địa đạo Vĩnh Mốc.

Ông chủ và cả đoàn xiếc đi tìm. Thật không may, họ cùng với mẹ tôi, đã tìm ra hai đứa run rẩy ngồi thu lu trong góc địa đạo.

Ông chủ lôi xềnh xệch Vân Nga ra ngoài cửa địa đạo. Ông đánh bằng roi da. Đánh thẳng vào lưng, vào tay, vào chân, vào mặt. "Mày trốn hả, muốn tìm cha mày hả? Chúng nó chết hết cả rồi, nghe chưa"? Trong tôi tan nát từng mảnh, hình ảnh ông chủ đáng vẻ tử tế tan tành. Vân Nga không khóc. Tôi lao đến, những người trong đoàn xiếc ngăn lại. Họ vội vã rời đi. Vân Nga không khóc.

Nhưng tôi thì khóc rất nhiều!

Mấy chục năm qua rồi, tôi không hề có tin tức gì cô ấy... Đêm nay, tình cờ radio phát bài hát quen cũ: *"La la lá la la. Tình em như biển lớn. Trái tim em mở đầu. Tình anh người địa chất. Mũi khoan dài năm tháng. Sóng vỗ về hy vọng. Thương em thương vô cùng..."*, đây là bài hát nhạc nền của đoàn xiếc Vân Nga phát từ băng cassette. Tôi bật dậy, ôm ngực. Vân Nga, em có tìm được cha không em?

Ai có biết người đàn bà tên Nguyễn Quỳnh Vân Nga, từng là diễn viên xiếc mô-tô bay đoàn xiếc cùng tên, hoàn cảnh như thế, trên cổ tay trái có xăm hình chiếc lá sen và 3 giọt nước, thì báo cho tôi biết với. Cảm ơn rất nhiều!



Minh họa ĐÌNH TRUYỀN

Bến trăm năm

TỔNG NGỌC HÂN

Con đứng trên giường, kiễng chân lên, mắt nhìn theo tà váy trắng muốt, tha thướt rồi chẹp chẹp cái miệng xinh xắn. Giá mà con cao thêm 5 phân nữa mẹ nhỉ? Mẹ chỉ biết cười. Từ lâu rồi, mẹ không nhớ rõ, nhưng ít nhất là 10 năm nay con không cao lên chút nào nữa, dù mẹ đã nỗ lực hết cách. Dấu sao ngày vu quy của con cũng là ngày hạnh phúc nhất đời mẹ.

Con thử 3 bộ váy cưới. Bộ màu trắng khiến con giống như nàng Bạch Tuyết trong truyện cổ. Bộ màu hồng biến con thành đóa tường vi lộng lẫy. Còn bộ màu vàng

chanh, nom con nhí nhanh hơn cái tuổi 25 rất nhiều. Bộ nào con cũng thích. Nhìn mắt con chưa gọn chút toan lo, buồn bã, lòng mẹ nao nao. Con rề thấy mẹ chăm chú ngắm nghía con thì chột hời. Thế hồi xưa, ngày cưới mẹ mặc váy màu gì? Con thoát nghiêm trang, đưa mắt nhìn chồng sắp cưới. Ánh mắt con như muốn bảo. Em cấm anh hỏi mẹ điều ấy. Mẹ thầm cảm ơn con.

Rồi con thử giày. Đôi giày cao 12 phân mới đưa cái nơ hoa trên đầu con chạm vào tai chú rể. Con nhìn chồng sắp cưới, phụng phịu. Tại bà nội đấy. Con giống bà nội như đúc, nhất là chiều cao mét rưỡi và thân hình tròn trịa. Con đâu biết, chính nhờ cái sự “di truyền” thiêng liêng ấy mà mẹ mới có cơ hội đặt chân vào nhà ông bà nội con. Cũng nhờ có con mà bố con có thể cất lên tiếng nói bênh vực mẹ. Dù chỉ là một câu rất nhẹ nhàng, xa xôi. Giỏ nhà ai quai nhà nấy mà mẹ. Ngày trước, bà nội con sồn sồn, cay nghiệt. Có khéo thằng ăn ốc, thằng đổ vỏ, nó thiếu gì thằng dòm ngó? Đưa nó đi bệnh viện, bỏ đi. Bố con van lơn. Con xin mẹ, cái thai đã 3 tháng rồi, nó là con của con. Không xin xỏ gì hết, tao đã cấm mà chúng mày cố tình chứa đẻ để ép tao. Phá đi, 5 tháng người ta còn phá được, nếu không tao từ. Không có loại con cái mất dạy như mày.

Không biết lúc ấy, ở trong bụng mẹ, con thế nào, chứ mẹ sợ quá, run bần bật. Cuối cùng thì bố con can đảm. Thôi, mẹ từ con, con cũng đành chịu. Con sẽ đi. Con không thể giết con của con. Bố đã cứu mẹ con mình như thế đấy.

Đôi găng tay màu hồng của tiệm váy cưới có vẻ rộng quá so với đôi bàn tay nhỏ xíu của con. Đôi bàn tay với những ngón búp măng xinh xắn mà thuở con còn bé, mẹ cứ thơm lên không biết chán. Đó không phải là đôi bàn tay to, thô xù xì những mấu của mẹ. Càng không phải là đôi bàn tay với những cái ngón trắng, thon dài của bố. Đôi bàn tay của con là do bà nội cho con. Con kéo mãi, kéo mãi đôi găng tay. Chồng con nâng bàn tay ấy lên, hôn qua lần vải ren mỏng và nói. Bàn tay bé tí thế này làm gì được mà ăn mẹ nhỉ? Mẹ cười. Con véo chồng một cái. Người ta hơi bị khéo tay đấy nhé. Mà con khéo tay thật. Mẹ vẫn nhớ, lúc con là nữ sinh lớp 10. Mẹ hỏi tiền đâu ra mà con mua len đan khăn tặng mẹ? Con hào hứng. Con kiếm ra đấy mẹ ạ. Con đan khăn, đan áo, thêu tranh và móc mũ thuê cho bạn con, chi tiêu thoải mái. Cái mà con gọi chi tiêu thoải mái ấy là mỗi tháng mấy chục nghìn tiền công đan lát tranh thêu những buổi trưa nghỉ tại trường. Về khoản này, con hân hoan tự nhận là con khéo tay giống mẹ, chứ bà nội vùng bỏ xừ. Mặc dù ông ngoại, bà ngoại của con mất lâu rồi nhưng con vẫn giữ nguyên cách gọi “bà nội”, “ông nội” như để phân biệt mà không biết rằng con gọi như thế là vô tình tạo một khoảng cách.

Người thợ trang điểm khen con có đôi mắt đẹp, vàng trăn thanh tú và hàm răng đều đặn, sáng bóng. Con cười cười. Khoản này thì y chang bà nội. Mẹ thầm cảm ơn bà nội con, người đã cho con một gương mặt hoàn hảo, đáng yêu đến vậy. Con nhún nhảy trước gương, cười cười. Minh mà không cưới sớm, mai kia già đi thì cô dâu không còn xinh nữa. Lúc bố mẹ cưới nhau, con hơn 1 tuổi, tung tăng chạy khắp nhà, reo ầm lên. Hoan hô 2 đứa cưới nhau. Con còn nhớ không?

Chắc là con không nhớ. Vì đã có mẹ nhớ thay con. Mẹ là cô dâu bế theo con về nhà chồng trong ngày vu quy, mà người đời vẫn gọi là “tậu trâu được cả nghề” hay “ăn cơm trước kẻng”. Nhưng con gái mẹ là một chú ghé ngộ nghĩnh, đáng yêu vô cùng đã khiến 2 họ bớt đi bao nhiêu nặng nề, bẽ bàng trong ngày cưới của mẹ. Không phấn son, không quần áo mới. Ngày cưới, mẹ mặc chiếc áo sơ mi trắng may từ năm sinh viên thứ nhất mà bố con cắt xén từ những bữa cơm sinh viên một nghìn đồng để mua tặng sinh nhật mẹ. Chiếc áo có vẻ vẫn mới vì mẹ đã hết sức giữ gìn. Chiếc áo ấy bây giờ mẹ vẫn giữ con ạ. Quần cưới của mẹ là chiếc quần mẹ vẫn mặc đi chợ bán rau mỗi buổi sáng sau khi vội vã gửi con vào nhà trẻ nông trường với miếng cơm còn ở trong miệng con. Chưa bao giờ mẹ biết đến những thứ xa xỉ như son phấn, gương lược, kem sáp hay nước hoa, túi xách. Ngày cưới, mẹ vẫn đi đôi dép xuống tàu bị đứt một nhánh quai nhỏ mà mẹ khéo léo dùng mũi liềm nung đỏ để hàn lại.

Cổ cưới của con rất to. Hằng trăm mâm. Bạn bè của bố, của mẹ và ông bà về dự rất đông đủ. Và còn bởi bố con là trưởng họ, một cái họ danh giá, nề nếp vào bậc nhất ở làng này. Ngày trước, lúc cưới mẹ, ông bà nội con diện bộ mặt của người đi đưa tang. Ai đó chúc mừng 2 người lên ông lên bà thì bà nội con bảo vui về gì mà chúc tụng. Cổ cưới lèo tèo vài ba món, đếm qua độ hai chục mâm, toàn người già lụ khụ. Bạn bè của bố mẹ, giấu hết, không mời ai cả. Hay ho gì cái thằng bỏ làng đi theo gái mà mời. Đây là nghị quyết của bà nội. Ngày cưới, mình mẹ loay hoay với 2 nong bát đĩa rác, thi thoảng có ai hỏi đến thì ngẩng mặt lên thưa dạ. Nay thấy con được thế này, mẹ ấm lòng lắm.

Con giờ tấm ảnh chụp phòng cưới của con bên nhà chồng lại tận mắt mẹ, hãnh diện khoe. Mẹ ngắm cho kỹ đi, chồng con tự thiết kế đấy. Mẹ nhòa nước mắt, trong kí ức của mẹ là bóng đêm của căn buồng cũ kỹ, mọt rộp và tối đen vì không được lắp bóng điện. Chiếc giường cũ ọp ẹp, cái màn đen kịt vì lâu rồi không được giặt giũ, bị thủng cả mấy chục lỗ. Đêm đầu tiên đi làm dâu, mẹ ôm con trong cái giá rét của những ngày giáp tết. Gió hun hút thổi qua cánh cửa sổ không thể khép chặt hơn. Muối vo ve hàng đàn trong màn. Con nằm sấp trên bụng mẹ, bụng mẹ thay cho chiếc chiếu sờn rách và lạnh ngắt. Phía trên lưng con là chiếc chăn trần thủ cũ, mỏng và rất ngắn. Gối cưới của mẹ là 2 cái áo cũ của bố để lâu, đầy mùi ẩm mốc được gấp vào cho vuông vức, thi thoảng da đầu lại chạm vào cái cúc áo tê tê. Đêm, con tè ướt hết bụng mẹ. Xong là con vạch áo ra, tìm ngực mẹ, nhay và mút. Khi không được gì từ bộ ngực lép xẹp của mẹ thì con gào toáng lên. Giường ngoài, bà nội con lắm bầm chửi. Nhìn căn phòng cưới lộng lẫy, ấm áp của con, mẹ thấy mừng quá. Chúc mừng con.

Đoàn xe rước dâu đã đến. Nước mắt mẹ khế rỉ ra, không tràn ào ạt như ngày xưa, lúc bà ngoại con tiễn mẹ về nhà chồng. Tại sao phải khóc? Có chăng hạnh phúc của con khiến mẹ mừng mà rơi nước mắt thôi. Ngày xưa, không ai đến đón mẹ cả. Mẹ ôm con, ngồi sau xe đạp để bố con tự đèo về trên một đoạn đường đê dài hơn 40 cây số lộng gió. Thi thoảng bố lại gọi. Con gái ơi, đừng có ngủ, sắp về đến nhà ông bà nội rồi, sắp được ăn cỗ rồi. Chỉ có một mình bố con đi đón mẹ thôi.

Rồi cũng chỉ có mình con đưa mẹ về nhà ông bà nội. Con đề hôm ấy làm bụi đất. Mẹ phải lấy chiếc khăn tắm cuốn quanh người con lần nữa cho con sạch sẽ, còn bố mẹ thì toàn thân vàng khè. Nhà chồng con tuy không giàu có nhưng họ cư xử lịch sự và thân mật khiến mẹ vô cùng tin tưởng khi trao gửi con. Vì thế, tại sao mẹ phải khóc chứ. Nhưng mà con lại khóc. Cho dù trước đó, chính con giờ tay lên quả quyết. Cố lên, cố lên, mình không được khóc, sẽ trôi hết son phấn.

Đoàn đón dâu ra khỏi cổng. Mẹ không tiễn con đi mà se sắt nhìn theo con. Ánh mắt con cứ bám lấy mẹ không rời, hết như cái hồi con bé tý, bà nội giằng con ra khỏi tay mẹ và bảo. Con hôn máu, cháu hôn mủ, cháu tao tao bắt về, mày theo về thì có mẹ có con, có vợ có chồng, chứ búống bình thì chỉ thiệt thân. Con trai tao, tao đón về quê. Về quê nó vẫn là giai tân, nó cưới đâu chả được gái mười tám. Làm sao mẹ quên. Con ra đến ngõ còn nói với lại trong nước mắt. Mai con lại về mẹ ạ. Ừ, mai con lại về. Con đi làm xa nhà bao năm mẹ không thấy đàng đẵng bằng đêm đầu tiên con về nhà chồng.

Có lẽ đoàn xe đưa dâu đã đi qua cầu sang sông. Chỗ ấy, hơn 20 năm về trước là một bến đò đẩy con ạ. Người ta bảo con gái lấy chồng cách sông cách đò thì khổ lắm. Nay có cây cầu rồi. Làm sao mà con khổ chứ? Mẹ không tin là con sẽ khổ đâu. Con là đứa can đảm và nghị lực. Tốt nghiệp phổ thông xong con không đòi thi trường này trường nọ. Con bảo con đi học nghề để sớm được đi làm giúp bố mẹ nuôi em ăn học và không muốn trở thành gánh nặng cho bố mẹ. Con đã làm được điều ấy. Mẹ hi vọng, dù ở môi trường nào, hoàn cảnh nào, con cũng vẫn là người can đảm để đối mặt với tất cả.

Bà nội con thở phào khi thấy bố con thông báo đoàn đón dâu đã về tới nhà trai. Không phải bà thở phào vì sự an toàn của một đoàn người dằng dặc, mà bà thở phào vì con đấy. Con đã từng này tuổi, đã có một tương lai sáng sủa nhưng chưa khi nào mẹ cảm nhận được tình yêu của bà dành cho con. Bà chưa bao giờ yêu con phải không? Bà vẫn thường hay chửi mẹ là con đi non, con ba que, con mất dạy, con khốn nạn...Đủ các loại con, mà mẹ không bao giờ giận bà. Nhưng mẹ đau đến tê liệt hết cả các giác quan khi chứng kiến cảnh bà gí tay vào trán con mà chửi. Con khốn nạn, mày là cái loại nghiệp chướng. Thế nên ngày cái “nghiệp chướng” của bà đi khuất mắt, bà thở phào là đúng rồi. Bà ghét con chỉ vì con là con của mẹ, người mà từ thuở ban đầu bà đã nhất quyết không muốn cưới về cho bố. Lúc ấy, nhà bà nội nghèo lắm, mà nhà bà ngoại lại nghèo hơn. Trong khi rất nhiều cô gái gia cảnh khấm khá để ý, theo đuổi bố con. Mẹ đã nghèo lại mồ côi bố từ lúc lên 2, bà ngoại con thì đau yếu liên miên. Hoàn cảnh đã hèn kém, nhan sắc cũng không có mà lại đòi quyền rũ và lấy ông trưởng họ tương lai, đứa con trai bà kỳ vọng nhiều nhất, thì sao bà có thể chấp nhận.

Đêm ấy, sau bao ngày lo toan bận rộn, mẹ chìm vào giấc ngủ nhọc nhài. Trong giấc mơ, mẹ đứng ở bến sông nhìn con đò sang ngang bằng ánh mắt bịn rịn lưu luyến. Trên con đò, chỉ có một mình con. Người lái đò bảo. Bến này gọi là bến trăm năm vì trong cội đàn bà, mỗi người thường chỉ đi qua bến này có một lần

trong đời mà thôi. Đó là chiếc bến mà người mẹ tiễn con gái về nhà chồng, về với bốn phận, với thiên chức. Bến trăm năm chính là bến nhà chồng con ạ. Thế là, sau bao nhiêu mong mỏi, ước ao và lo lắng, cũng có ngày mẹ tiễn con ở bến trăm năm. Con sang sông rồi, mình mẹ quay về. Nhà chồng con ở cách 2 dòng sông, cách 2 cây cầu mà bến trăm năm chỉ có một. Mẹ khóc. Tình giấc rồi còn khóc, còn tự trách mình đã không tiễn con đi qua 2 dòng sông trong giấc mơ.

Bà nội con không khỏe, bố mẹ bàn nhau là gọi vợ chồng con về, nhưng bà nghe thấy thì gắt lên. Lấy chồng là con nhà người, gọi gì mà gọi, tao không cần đứa nào thăm nom tao cả. Mẹ không gọi con. Nhưng con hãy bằng linh cảm mà trở về nhà mỗi khi bà cần con, con nhé. Có lần con nói. Mẹ ạ, giờ thì con hiểu tại sao bà nội lại ghét mẹ rồi. Không phải tất cả những người đàn bà đảm đang tháo vát đều được mẹ chồng yêu quý đâu. Thậm chí ngược lại ý. Nhưng lẽ ra con là máu mủ của bà, thì bà phải yêu con chứ? Để bà ghét con, ghét cả máu mủ của bà là cái lỗi của mẹ. Tuy nhiên khi nghe con nói vậy, mẹ biết con đã trưởng thành và mẹ có thể yên tâm về con. Con nói vì phải trực công ty nên mong Ba con mới về chúc tết ông bà và bố mẹ được. Không biết từ bao giờ, con đã gộp mẹ vào với bà trong những cuộc thăm hỏi như vậy nữa.

Những ngày tết mà bà lại ốm nặng thế chứ. Nhưng con không biết. Không ai nói với con cả. Vì thế, con đem không khí mùa xuân về với ngôi nhà từ lâu chỉ còn những tiếng rên rỉ, ca cẩm và thở dài. Tiếng con riu ran như tiếng chim chuyền từ dưới ngõ. Bà háo hức nhìn ra. Môi bà khẽ động đậy, mắt bà ươn ướt. Con chào cả nhà rồi tùm tùm. Con đi nhiều nơi, nhưng không thấy nhà nào có cái cổng cao và dốc như cổng nhà mình mẹ ạ. Con toát hết mồ hôi này. Bà nói băng quơ. Cái bình nước dâu để trong tủ lạnh ấy. Năm vừa rồi, dâu mất mùa, thế mà bà vẫn dành cho con một bình nước dâu ngâm đường thơm ngon thế. Con cũng thích nước dâu thật sao? Bà 5 con, 10 cháu. Con và cháu, những ngón tay cũng ngón ngắn ngón dài. Mẹ có cảm giác bây giờ bà muốn bù đắp cho con. Lòng mẹ mừng vô hạn. Mẹ không còn buồn phiền gì nữa. Chỉ cần bà nhìn nhận con, bà yêu và quan tâm đến con là mẹ vui rồi.

Con pha cốc nước dâu, đưa lên mũi, thì thơm. Bà để dành cho mình à. Mình có thích nước dâu bao giờ đâu nhỉ. Thế mà bà nghe thấy, bà chống tay, ngồi dậy một cách khỏe khoắn. Bà lườm con. Ai bảo tôi để dành cho chị? Mẹ nhìn con, con nhìn mẹ. Con thì thảo. Bà để cho mẹ đấy, bà biết mẹ thích nước dâu mà. Mẹ đỡ lấy cốc nước dâu từ tay con, đưa lên miệng. Thơm quá. Mẹ nhấp một ngụm. Ngọt và dịu quá. Mẹ uống luôn cả cốc nước hoa quả đã lên men trong tâm trạng của người say. Mẹ lâng lâng, chòng chành, cảm giác như vừa bước xuống từ một con thuyền nhỏ, nhìn lại phía dòng sông mệnh mang sóng nước.

Sang ngang đã mấy mươi năm, giờ thuyền mới cập bến trăm năm con ạ.

Ngày biển động

NGUYỄN NGỌC LỢI

Mẹ kể rằng đã sinh tôi ngay bên bờ biển, tiếng khóc chào đời chìm trong tiếng nổ chát chúa của chiến tranh, chìm trong tiếng rì rầm của những đợt sóng gối nhau đổ vào bờ cát. Ngày ngày máy bay Mỹ vẫn quần đảo, pháo hạm Mỹ vẫn hú hét, nhưng người làng vẫn ra khơi bám biển. Cá tôm vẫn đủ đầy nuôi sống làng biển, nuôi lớn lũ trẻ chúng tôi.

Đất nước cũng đến lúc bình yên. Chúng tôi được học hành, vui chơi trong trời yên biển lặng. Cho dù các nơi khác có đói kém thiếu thốn thì quê tôi vẫn có thức ăn hàng ngày. Đàn ông quê tôi rắn rỏi sẵn chắc, đàn bà mận mòi đầm thắm, cuộc sống càng ngày càng “thay da đổi thịt”. Cái chợ cóc bên cạnh trường làng sáng chiều ồn ã và ngập tràn tôm cá cũng thay đổi. Đình chợ được xây. Bến cá được xây. Xe cộ các nơi về ăn hàng tấp nập. Làng tôi giờ đây chẳng khác gì một khu phố nhỏ, suốt ngày ồn ã, tấp nập bán mua.

Thế nhưng nhiều ngày gần đây lác đác có thuyền đi không về. Xóm làng thì thoảng có đám ma, và tiếng khóc gào hòa trong réo rắt của nhạc buồn, bức bối, dồn nén đến ngạt thở. Vẻ bồn chồn hiện rõ trên mỗi khuôn mặt hốc hác trộm sâu sau những đêm không ngủ. Lấy chồng xa, về thăm mẹ lần này tôi hoang mang trong nỗi bồn chồn của xóm làng khiến kỷ niệm về những ngày bình yên thời cấp sách đến trường cứ lần lượt hiện về.

Lại nói xóm tôi có cái tên mộc mạc là xóm Sò. Xóm Sò của tuổi thơ tôi áp dưới chân núi Rồng, cách mép biển hơn nửa cây số, quần tụ hơn trăm nóc nhà, nhà nào nhà nấy san sát chum vại trước sân. Chiều chiều, trong không gian mận mòi

của gió và nồng thơm của các bể chượp nổi hân lên mùi cá nướng. Dọc đoạn đường chạy suốt xóm, hai bên là thòi thụt những đốc tường nhà to nhỏ, những đoạn bờ rào xương rồng hồ hững, những cổng ngõ sơ sài, và trên những khoảng sân đất cát rải rác những đám lá dương khô là những chậu than hồng. Cái nóng của than lửa làm chín ửng khuôn mặt những người đàn bà nướng cá. Đàn bà xóm biển, những người đàn bà quê tôi ai ai cũng vập vạp, da thịt đỏ au au và nói cười rộn ràng. Bên những chậu than rực đỏ có tấm vỉ sắt gác trên, trán người nướng cá lấm tấm mồ hôi vừa chuyện trò vừa nhanh tay lật cá. Mỡ cá rớt xèo xèo trên than nóng tỏa nghi ngút những làn khói trắng. Mùi thơm ngào ngạt tỏa ra từ những con đốm con trích xem xém cháy, từ những miếng cá thu chớm màu cánh gián, từ những con cá thừng màu ngà to như cườm tay con trẻ được nẹp và uốn cong cong, sườn nứt nở màu thịt trắng như bông. Chiều chiều, sau khi kéo nhau ra mép sóng đón cá, rồi với con cua ốc nhặt được cầm tay, chúng tôi đuổi nhau chạy dọc con đường cát lún giữa xóm, mồm mũi hít hà mùi cá nướng thơm béo ngậy mà cười rộn rã hồn nhiên.

Nhớ dạo đó tôi đang học lớp cuối cấp 2. Trường tôi chung hai cấp, được gọi là Trường phổ thông cơ sở. Một dãy phòng học xây bằng đá núi vừa vôi lở lói nơi lưng chừng đồi với bàn ghế xộc xệch xiêu xó. Vài cây phượng già cành gổc nhẵn thín trơ vơ giữa vạt sân đất nghiêng chênh chếch và hai gian nhà ngói vảy cửa ngõ xiêu vẹo cạnh đó được gọi là văn phòng. Trường làng, ngoài thầy hiệu trưởng và 3 thầy cô người nơi khác còn hầu hết là người trong xã. Người làng người xã suốt ngày chạm mặt, hiểu nhau chân tơ kẽ tóc. Đó là tôi nghe người lớn nói vậy, riêng tôi không thích khi hàng ngày đến trường phải gọi các dì các cậu bằng thầy bằng cô. Tôi chỉ muốn được học với các thầy, cô từ nơi xa đến.

Thế rồi “câu được ước thấy” trường tôi có thêm thầy giáo mới.

Vào một buổi thứ 2 chào cờ đầu tuần, vẫn như mọi ngày, sân trường nhốn nháo loạn xạ học trò rượt đuổi nhau, mấy con bò thả hoang đứng đỉnh... Cái bàn mộc cập kênh kê phía trước, 2 bên có mấy cái ghế băng xộc xệch và 4, 5 thầy cô người đứng người ngồi. Cây mét cong cong làm cột đã có sẵn cờ đỏ sao vàng trên đỉnh. Thế rồi bất ngờ, một anh bộ đội dong dỏng bước lên rồi xoay người quay xuống hô to. “Tất cả, nghiêm!”.

Tiếng “Nghiêm” mạnh mẽ, dứt khoát và dong dạc khiến đám đông sững sờ. Tiếng hô đột ngột như làm đông cứng đám học trò chúng tôi. Vài ba cô giáo tranh thủ ra chợ sớm bên kia hàng rào dứa dại chưa kịp về vị trí giật mình thả rơi túi xách đứng nghiêm tại chỗ. Đám đuổi nhau bên ngoài cũng dừng chân nẹp nép đứng yên... Lâu nay buổi chào cờ của trường rất lộn xộn, hàng ngũ xộc xệch rời rạc xô đẩy, quốc ca người hát người không lơ đãng. Lúc này thì thầy mới đã làm thay đổi cả một nếp sinh hoạt bệ rạc ở trường lâu nay. Và thầy không biết, tôi cũng không thể ngờ đó cũng là mầm mống cho tai họa đến với thầy sau này. Lúc đó, sau cái giật mình tôi thoáng thốt nhìn thầy, đám học trò lớp Bảy của tôi cũng nhìn thầy xì xào...



Minh họa HỒ THIẾT TRINH

Xong phần nghi thức, thầy hiệu trưởng bước ra giới thiệu thành viên mới. Thầy Mạnh hăm ba tuổi, đảng viên, mới từ chiến trường trở về. Lời của thầy hiệu trưởng đầy thiện cảm và chân thành tốt đẹp dành cho thầy Mạnh hình như không làm các thầy cô vui nhưng lại khiến chúng tôi vỗ tay không ngớt. Thầy hiệu trưởng nói vừa xong, thầy Mạnh rụt rè đứng dậy quay nhìn các thầy cô rồi lại nhìn xuống cúi đầu chào..

Chao ôi, buổi đầu như thế đấy. Tôi nhìn thầy Mạnh mà nghe lòng xốn xang cảm mến. Tình cảm khác lạ đầu tiên trong lứa con gái tuổi mười lăm.

Phải nói là tôi mê say thầy ngay từ lần đầu được trông thấy. Người đàn ông nơi thầy có sức cuốn hút kì lạ và mới mẻ vô cùng. Dáng thanh thoát, khuôn mặt sáng bừng vẻ thông minh và đôn hậu trong bộ áo quần bộ đội ánh màu cỏ biếc.

Sau buổi đó chúng tôi hồi hộp và háo hức chờ đón thầy Mạnh. Thế rồi thầy đến lớp tôi thật. Vẫn quần áo bộ đội áo bỏ trong quần, thầy điềm tính bước vào nhoeo cười khi chúng tôi đứng dậy. Thầy cúi đầu chào đáp trả rồi thông thả bước lên bục giảng. Buổi đầu dành mấy phút làm quen, thầy tự giới thiệu sơ qua tên tuổi, quê quán...

Tôi không nhớ tiết học của chúng tôi hôm đó diễn ra như thế nào nữa. Giọng thầy trầm ấm, viết bảng đẹp, giảng dễ hiểu, đặc biệt đối với học sinh thầy rất ân cần. Cũng phải nói thật, việc học hành của học trò vùng biển chúng tôi lâu nay không mấy chăm chỉ. Chúng tôi chỉ ham chơi, ham ăn vặt, giờ học không tập trung, vì vậy những điều thầy cô giảng cứ lơ mơ trong đầu. Con gái học toán

thường là kém, nhất là với hình học. Thầy Mạnh đang dạy tiết hình. Tôi cố chăm chú nghe mà không sao hiểu. Nhưng rồi dần dần, vì mến thầy, mỗi lần có tiết, tôi đã tập trung hơn nên đầu óc đã sáng dần lên.

Dạo đó đời sống đang rất khó khăn. Chiến tranh vừa kết thúc, mọi xóm làng như kiệt quệ trong cái thiếu thốn đói kém. Cuộc sống của các thầy cô cũng vậy. Một bạn tôi theo bạn lên thị trấn chơi, dọc đường gặp thầy Mạnh. Thầy dừng xe lại. Tôi lí nhí chào. Thầy nói thầy đi mua gạo tháng này. Tôi nhìn sang cái đèo hàng cái xe thầy đi. Cái túi vải vốn dùng đựng phân hóa học túm ngấn ở giữa, mỗi bên một đùm. Thầy chỉ bên nhỏ là gạo, bên to là sắn khô... Một tháng có chừng này thôi ư thầy? Tôi buột miệng. Chừng này thôi em. Thầy nhìn tôi cười, một nụ cười bình thản đến se lòng. Chừng đó gạo, chừng đó sắn khô làm sao đủ no cho cả mấy chục bữa ăn với sức trẻ như thầy. Tôi đã chứng kiến, mấy thầy cô xa nhà ở lại trường góp ăn chung, mỗi bữa chỉ vài lưng bát hạt bo bo ninh, lưng bát sắn lát hoặc cục mì luộc chỉ như một nắm tay trẻ con làm sao đủ để có sức cho 3, 4 tiết dạy với mấy lần lên xuống cái dốc cao sân trường. Trong lúc chúng tôi, bán được cá tôm bổ kiếm được mẹ mua thêm gạo thịt nên bữa ăn không nghèo đói. Tiêu chuẩn lương thực của mẹ tôi cũng đâu để ý, hình như nếu là mì bột thì đem làm thành mì sợi, khoai sắn chỉ để cho lợn gà. Ăn uống như thế chẳng trách gì, mới độ nửa tháng mà thầy Mạnh có vẻ hốc hác, mấy thầy cô khác cũng xanh men mét. Những hôm có tiết thứ 5, giọng giảng bài của thầy Mạnh nghe hỗn hển, đứt quãng. Thương thầy quá. Nhiều đêm học nhanh cho xong, tôi cùng vài đứa bạn thân rủ nhau ra trường. Lên hết hẻm núi, con đường chúng tôi thường đi học, mắt tôi dõi đến chỗ có ánh đèn dầu le lói từ cái gian nhỏ trát đất dầu dấy nhà gọi là ký túc phía tay trái dưới dốc sân trường. Thầy đang soạn bài, hay đang đọc sách? Chao ôi, lòng tôi gào lên tiếng gọi của tình thương. Tôi thương thầy từ ánh nhìn ấm áp, thương thầy từ lời nói dịu dàng với chúng tôi trong mỗi tiết dạy. Thầy đến với lớp tôi mỗi tuần chỉ mấy tiết, mỗi tiết chỉ chưa đầy tiếng đồng hồ nhưng tình cảm thầy trò thân thiết gần bó biết bao. Học trò lớp 7 vùng biển đứa nào cũng mười bốn, mười lăm, con trai lộc ngọc đen cháy và nghịch như quỷ nhưng con gái thì đã ý nhị kín đáo. Trong những tiết của thầy, nhiều lúc tôi đưa mắt lướt nhìn, con gái nhiều đứa nhìn thầy không chớp. Thế là tôi biết trong đám bạn chúng nó cũng thương thầy lắm. Có lẽ chúng cũng như tôi, thương thầy đói, thương thầy có mỗi 2 bộ đồ mặc đi mặc lại. Thế là chúng tôi bàn nhau tìm cách “tiếp tế” cho thầy.

Trẻ con vùng biển việc nhà chẳng có nhiều, ngoài đi học, còn không bọn con trai lang thang ngoài bến thuyền, lang thang ngoài bãi bắt nghêu bắt ốc làm vui. Còn con gái thì tụ năm tụ ba ăn vặt. Tiền mẹ tiền ông bà cho không bao giờ hết, quà bánh đủ loại, tha hồ mua. Kẹo vùng, kẹo mật, bánh rán, bánh lá, bánh chưng, bánh đa, rồi dừa, rồi chuối, rồi dứa, rồi mía... Và mỗi lần ăn quà là tôi lại nhớ đến thầy. Một buổi chiều tôi rủ thêm hai đứa bạn cùng lớp đi ra chỗ thầy. Thầy Mạnh đang đá bóng với mấy đứa con trai.

Lại nói từ ngày thầy về trường, mấy đứa con trai ngổ ngáo bỗng nhiên thay đổi, chúng như những nghé con mới lớn được thầy vực cày, ngoan hẳn, cứ một thầy hai thầy. Được bầu làm Bí thư Đoàn, thầy qui tụ hết đám học trò lớn. Chiều chiều bọn con trai lại kéo nhau ra mảnh sân nhỏ trước dãy ký túc đợi thầy. Lúc này, đang quần đùi may ô với mấy đứa con trai quần nhau với quả bóng, thấy chúng tôi có vẻ chờ, thầy ra cái giếng phía sau dãy nhà rửa ráy rồi mặc áo quần dài. Thầy mời chúng tôi vào. Gian nhà bé tí thầy ở nửa ngoài bỏ trống, vách có sợi dây chắc để phơi quần áo lúc mưa. Nửa trong có chiếc giường một kê áp vách. Phía đầu giường kê tấm ván đặt mấy chồng sách và cái ba lô xẹp. Và cạnh đó, áp cửa sổ mở ra phía sau là bàn làm việc. Thầy lúng túng bảo chúng tôi ngồi xuống giường, còn thầy ngồi ở cái ghế đầu đối diện. Chúng tôi lú lú xỏ nhau nhường chỗ, ngượng ngập chẳng biết nói gì. Còn thầy, thầy cũng bất ngờ. Thầy hỏi sơ qua về nhà cửa bố mẹ từng đứa... Thật ra đi thăm thầy chỉ là cái cố, chỉ một lúc thì chúng tôi chào thầy ra về. Vừa qua cửa là chúng tôi ù té chạy. Và trước khi khuất sau mấy lớp học, tất cả quay nhìn thấy thầy đứng ngẩn ngơ trước cửa, tay cầm mấy gói nhỏ chúng tôi để lại. Giữa buổi học hôm sau, gọi tôi ra sân, thầy nghiêm giọng nói, từ nay các em không được làm thế nữa, đến chơi thì được, còn quà... tôi cấm. Nếu còn tái diễn bắt buộc tôi phải báo nhà trường..

Không ổn rồi, nghe thầy nói tôi suýt lè lưỡi. Tàn học tôi nói lại với Thúy và Ngân. Im lặng một lúc rồi cái Ngân lên tiếng. Ta đừng cho thầy thấy mặt thì được chứ gì. Hay quá, thật là một sáng kiến. Cái Thúy reo lên. Sau đó mấy hôm tôi lại cùng 2 đứa bí mật ra chỗ thầy. Lên đến khu trường, chúng tôi như ngậm tăm. 3 đứa lẩn vào bóng mấy cây bàng cây phượng ở sân rồi áp sát phía sau gian thầy ở. Dưới ánh đèn, trán thầy nhú lại, mắt nhìn sách, tay viết. Thế rồi phía trước có tiếng lộc cộc, thầy ngoảnh ra hỏi ai ngoài đó. Rồi thầy buông bút đi ra cửa. Thừa lúc chúng tôi nhanh chóng đưa gói quà qua cửa sổ rồi rút nhẹ, lủi dần, lủi dần.

Cứ như thế, chúng tôi đến chỗ thầy thêm 2 lần nữa. Mấy chiếc bánh rán, gói kẹo vừng, gói thuốc lá... Có hôm chúng tôi chạm trán mấy đứa cùng lớp. Hóa ra bọn con trai lớp khác cũng theo cách của chúng tôi. Chúng bí mật đến phía trước, từ đằng xa lẩn dữa vào cửa rồi ù té chạy. Vậy thì làm sao thầy biết ai đã đưa đến những món quà vật, những món quà trẻ con như thế.

Hôm đó đang cuối buổi chiều, tôi đang giúp mẹ nướng cá thì thấy mấy đứa lớp thầy Mạnh chủ nhiệm là thằng Minh, thằng Hiếu và thằng Ngọc em tôi, cả 3 hăm hở đi trước, tiếp đó là thầy, đi ra phía cửa lạch. Tôi nói với mẹ:

-Thằng Ngọc với thằng Hiếu, thằng Minh đưa thầy Mạnh đi đâu mẹ kìa.

- Chắc ra bãi đấy. Cứ để em nó đi với thầy. Con có muốn đi thì đi đi, việc sắp xong rồi. Vừa lật cá trên vỉ mẹ tôi vừa nói.

Mẹ tôi cùng bố thằng Hiếu đều là giáo viên của trường. Mẹ tôi dạy cấp 1 còn thầy Hình dạy văn cấp 2. Lúc này trường tôi đang chung cấp nên thầy Hình và mẹ tôi sinh hoạt cùng hội đồng. Nhà thằng Hiếu thuộc loại giàu, ngôi nhà ngói bề

thế giữa xóm cách nhà tôi không xa. Nhà tôi còn khó khăn, dù đã là giáo viên mẹ tôi vẫn phải tranh thủ việc nhà. Phần cá bố đi biển được chia có bữa mẹ mang ra chợ, cũng có khi mẹ nướng rồi nếu gặp ngày nghỉ thì đem vào chợ huyện, còn không thì bán lại cho người khác.

Lại nói đến cái cửa lạch, nơi sông Mai đổ ra biển.

Sông Mai chỉ là con sông nhỏ, chẳng biết nó bắt nguồn từ đâu, quanh co qua mấy xã vùng trên thì đổ về đây. Dòng chảy của sông lượn cong một vòng cung thúc vào bờ bên kia của làng Lập rồi ngoặt sang phía làng tôi. Bờ bên kia lở sát tận chân núi ngổn ngang những tảng đá đen thẫm nhóng nhánh. Bờ phía làng tôi là bên bồi, từ nhà tôi ra đến bãi giữa rộng đến hơn cây số. Những lúc triều lên, cửa sông rộng mênh mang, lúc đó chỗ sâu nhất áp sát bờ bên kia cũng chỉ vài ba mét nước. Còn lúc nước xuống, dòng nước thu lại vài lạch nhỏ chảy liu liu, nhường chỗ cho bãi bồi lấn dần dần sóng.

Bọn thằng Minh, thằng Hiếu và thằng Ngọc đã đưa thầy Mạnh tới đầu bãi. Lúc này đang lúc nước rút, nước trên bãi chỉ còn ngang bắp chân. Trông thấy tôi, thằng Hiếu cười trắng lóa, nói tóm lại chị ra đây làm chi? Thằng Hiếu có thói quen học theo bố, nói gì cũng bắt đầu bằng hai tiếng "tóm lại", ban đầu nghe chướng nhưng mãi cũng quen. Thầy Mạnh nhìn tôi hiền từ, Nghĩa cũng đi chơi à em? Dạ! Tôi đáp lí nhí.

Thằng Hiếu gọi thằng Ngọc thằng Minh đi lên bãi kéo xuống chiếc thuyền. 2 tay giữ mép thuyền, Hiếu giục:

-Thầy lên thuyền đi.

Nói rồi nó ngoảnh sang tôi, chị lên không? Tôi lắc đầu. Thằng Hiếu giục lần nữa, thầy vịn tay vào mép thuyền thận trọng bước lên. Như chỉ chờ có thế, 3 thằng con trai mười ba, mười bốn đứa sau đuôi 2 đứa 2 bên, khi kéo khi đẩy, con thuyền nhỏ xé nước lướt băng băng. Thầy Mạnh kêu lên. Tôi lùi lại để tránh đám nước từ hai bên mạn thuyền xé ra tung trắng xóa. Dưới vòm trời cao rộng, giữa mặt nước mênh mang, con thuyền nhỏ lúc này như một mũi tên vùn vút

Thuyền đã ra tới bãi giữa và nước sông cũng chỉ còn lấp xấp với những dòng nhỏ miên man chảy. Tôi tiếp tục đi, bàn chân trần đặt lên những lười cát như đám vẩy cá khổng lồ và mắt hướng ra chỗ thầy. Cát trôi nhẹ nhẹ dưới gan bàn chân buồn buồn, tôi vừa đi vừa nhìn bãi bồi mênh mang rộng và ngoài kia biển xanh rì êm ái.

Nước trên bãi đã rút hết. Thầy Mạnh xách cái túi lưới đi giữa 3 đứa lúc thì dàn hàng ngang lúc thì tóe ra, đứa nào đứa nấy mắt chăm chú nhìn xuống bãi tìm nghêu. Bãi rất nhiều nghêu. Phù du của sông nuôi lớn bao nhiêu là nghêu vùng nghêu mặt nghêu trắng nghêu nâu.. muôn đời sinh sôi nảy nở ở cái bãi này. Cả 3 đứa vừa nhặt nghêu vừa hướng dẫn thầy Mạnh cách nhận biết chỗ có nghêu. Thằng Ngọc em tôi đi bên cạnh thầy Mạnh. Nó chăm chăm ngó tìm nghêu. Tìm được nó lại gọi thầy. Rồi nó dùng ngón chân cái ủa ủa vài cái và nhặt lên con ng-

hêu. Nghêu bãi toàn con to, những con nghêu đủ màu sắc. Nước nghêu luộc rất ngọt, ruột nghêu vừa béo vừa thơm, nấu canh nấu cháo đều ngon. Nghêu ngon nhưng dân làng tôi chẳng mấy ai ăn bởi cá tôm đã nhiều, ăn không hết. Thầy Mạnh chăm chú nghe, rồi lâu lâu cũng tìm được một con kêu lên. Nhìn vẻ thích thú của thầy tôi thấy vui, nếu như nhỏ lại vài tuổi có lẽ tôi đã nhảy chân sáo lên rồi. Vậy mà tôi im lặng. Nhật được con nghêu, tôi giằng lấy cái túi lưới trong tay thầy bỏ vào rồi giữ luôn, miệng nói nhỏ để em xách. Mặt trời lặn được một lúc thì túi nghêu trong tay tôi đã nặng. Thầy Mạnh bảo mấy đứa đi trả thuyền, chúng tôi kéo nhau về. Thật là một buổi chiều thú vị. Thăng Minh hí hửng, bữa sau đi nữa nha thầy. Ừ! Hôm sau đi nữa.

Thằng Hiếu giằng túi nghêu trong tay tôi:

- Chị để em. Tóm lại là để các thầy nấu mì sợi ăn cho mát ruột.
- Không được, công của các em mà.
- Thôi mà thầy, chúng em không lấy đâu, và lại có nhiều đâu.

Chúng tôi rùng rần quay về. Lúc này đã sẩm tối, dọc đường xóm Trại mùi cơm, mùi canh chua, mùi cá kho tỏa thơm lừng.

Tối đó, học bài xong, 3 đứa bạn thân chúng tôi đang đứng nói chuyện bên đường thì gặp thầy Mạnh đi xuống xóm thăm học sinh lớp thầy. Cái Ngân bật ra sáng kiến, thầy ơi, lên núi ngắm trăng với chúng em. Thầy Mạnh đồng ý và gọi thêm thằng Minh nhà cạnh đường cùng đi. Thằng Minh xăng xai dẫn đầu, miệng liên lấu. Leo hết dốc, vành qua hàng rào dừa dại, theo con đường mòn vòng vèo qua mấy gốc khuynh diệp và những tảng đá, thầy trò lên đến đỉnh núi Rồng khi trăng đã lồng lộng trên đầu. Trăng nhuộm vàng lớp lớp những đợt sóng nhấp nhô đang đuối nhau đổ òa vào bờ cát. Gió đêm lồng thổi. Trong không gian khoáng đạt của biển trời, bên một thầy giáo trẻ, tâm hồn mấy đứa con gái mười bốn, mười lăm như mở ra bát ngát. Từng lên đỉnh núi này nhìn làng nhìn biển mà sao đêm nay tôi thấy làng biển quê tôi đẹp đến thế. Dưới chân chéch trái là xóm Sò của chúng tôi, xa hơn chút nữa là bát ngát cửa sông. Bãi cát chạy dài dưới chân núi phẳng lì và vàng rượi dưới trăng. Chúng tôi leo lên tảng đá bằng phẳng ngồi xuống rồi hướng ra biển. Tôi quay sang nhìn thầy. Vẻ mặt thầy lạ lắm. Điều gì đã lấy hết hồn vía thầy lúc đó? Một lúc rồi thầy nói, đẹp quá, quê các em đẹp quá. Đẹp và sẽ giàu nữa. Mong cho đất nước đừng bao giờ xảy ra chuyện gì nữa để nó thanh bình và đẹp mãi...

Điều thầy Mạnh nói tôi cứ nhớ mãi, và nhất là giờ đây, khi làng tôi có điều gì đó xục rục không yên.

Hôm đó, khi trăng đã lên cao, thầy trò chúng tôi lẳng lặng xuống núi, ra về trong ngập tràn cảm xúc mới mẻ. Chỉ thế thôi, thế mà bữa đi chơi đó đã như giọt nước làm tràn cái ly của những người ghen ghét thầy. Cái ly đổ tràn thành một luồng dư luận đầy ác ý. 2 hôm sau, chiều thứ 7 nhà trường có cuộc họp hội đồng quá lâu. Mãi tới hơn 8 giờ tối, bố con tôi dọn cơm rồi ra thềm ngồi chờ mẹ mới về.

Mẹ tôi bước vào nhà vẻ mặt trĩu nặng dưới ánh đèn dầu. Mẹ bực bội nói, chuyện thầy Mạnh không có chi mà người ta cố tình thổi phồng lên. Mà cái thầy Hình ghê gớm thật.

Bố tôi vốn ít lời nên không nói gì, chỉ giục cả nhà ăn cơm. Thằng Ngọc lăm lè bưng bát cúi cổ ăn rất nhanh, xong rồi nhoáng cái là mất hút. Biết tính bố nên tôi cũng lẳng lặng dọn mâm bát. Và khuya đó tôi nghe mẹ nói chuyện với bố. Vốn từ cuối năm ngoái trong hội đồng nhà trường đã có sự mất đoàn kết giữa phe thầy Hình chủ tịch công đoàn và thầy hiệu trưởng vì thầy Hình vi phạm gì đó trong chuyên môn đã bị thầy hiệu trưởng phê phán. Mâu thuẫn cứ ngấm ngấm âm ỉ, trong lúc thầy Hình muốn được đề bạt hiệu phó thì trên lại điều thầy Mạnh đến. Mới về trường thầy Mạnh đã tạo được uy tín, ấn tượng đầu tiên là buổi chào cờ hôm ấy. Hơn nữa lại có tiếng đưa thầy Mạnh về đây là cấp trên muốn tăng cường phe cánh cho thầy hiệu trưởng. Chuyện này thì phe thầy Hình xẹp chắc chắn. Vì thế mà thầy Hình chống trả. Giáo viên trong trường hầu hết là người làng, phần đông là bà con với thầy Hình nên người ngả về thầy Hình rất đông. Cuộc họp đã xong, khi thầy hiệu trưởng tuyên bố giải tán thì thầy Hình đứng bật dậy nói như cướp lời: Nói tóm lại, tôi yêu cầu phải xem xét hành vi của đồng chí Mạnh... Khiếp quá, ông Hình thế mà thâm. Nhìn cái mặt ông mà rùng mình. Nói đến đây mẹ tôi lặng đi một lúc.

Thầy Hình nói thầy Mạnh về chuyện gì? Bố tôi hỏi. Ông ta nói thầy Mạnh đã có quan hệ không trong sáng với học sinh, nào là lợi dụng tình cảm trẻ con, nào là đưa học sinh gái đi chơi đêm... Thầy Hình nói chưa dứt câu thì đã có một loạt cánh tay giơ lên. Kể đến đây mẹ tôi kêu trời. Họ nhao nhao như một cái chợ. Người làng tôi mà cãi nhau thì khiếp, tôi biết. Giọng vùng biển nặng và chao chất lắm. Tuy là giáo viên nhưng do sinh hoạt hàng ngày ở làng nên ngôn ngữ lời nói của không ít thầy cô suồng sã, thô vụng và có phần cục cằn, chẳng khác mấy với những người hàng ngày chợ búa... Họ nói thầy Mạnh xút con nít từ cái kẹo mật đến mớ nghêu, rủ học trò gái đi chơi đêm để làm gì... Thầy hiệu trưởng vốn hiền lành, cứ ngồi im. Mấy thầy cô nơi khác đến cũng vậy, im thín thít.

Người lớn phức tạp thật. Tôi chìm vào giấc ngủ lúc nào không biết.

Sáng hôm sau đến trường, không khí lớp học nặng nề, tức thở. Thầy Mạnh bước vào với vẻ mặt buồn buồn. Buổi học diễn ra tẻ ngắt. Trưa đó, tôi ra về với thằng Ngọc, thằng Hiếu. Đến chỗ vắng, thằng Ngọc lên tiếng. Ngọc kể thằng Hiếu bị thầy Hình đánh. Tôi hỏi tại sao? Tóm lại là do dám cãi bố. Tôi hỏi thằng Hiếu. Ai biểu bố cấm em ra chỗ thầy Mạnh. Bố tát em đây này. Thằng Hiếu quay cái má còn đỏ ửng sang cho tôi nhìn, miệng bùm lại về oan ức.

Tiếng xấu về thầy Mạnh lan rộng ra khắp huyện. Năm đó thầy mất “lao động tiên tiến”, mất cả “đảng viên 4 tốt”. Kết thúc năm học thầy phải đi viện vì vết thương ở đầu tái phát.

Thế rồi thầy Mạnh không về trường nữa.

Không được gặp lại, không được chia tay thầy, chúng tôi buồn ngơ ngác.

Tôi học được lên cấp 3, học tiếp Cao đẳng Sư phạm, có việc làm rồi lấy chồng. Thằng Ngọc học lên đại học. Rồi sau đó tôi nghe tin Minh vào tận Vũng Tàu làm thuê, còn Hiếu con thầy Hình đi đâu không rõ. Tết đó Ngọc về kể chuyện năm ngoái đã tổ chức được hội lớp thầy Mạnh chủ nhiệm. Thật là kỳ công, thằng Minh cũng về. Lớp gần năm chục thiếu 18, trong đó có Hiếu. Tôi hỏi thăm thầy Mạnh thì Ngọc bảo, thầy yếu, không đến được. Lớp có cử một nhóm đại diện mang quà đi thăm thầy. Ngọc kể khiến tôi cứ bồn chồn, người cứ chằng lằng mãi.

Hôm nay tôi lại về thăm bố mẹ. Xóm Sò giờ đây lô nhô nhà đúc, nhà tầng đã trở nên chật chội, và bến cá vẫn đặc kín tàu to tàu nhỏ mà sao hôm nay có cái gì đó như vội vàng rậm rịch. Tôi hỏi bố, nghe nói đang có dự án gì ở đây phải không bố? Bố tôi chưa kịp trả lời thì có tiếng rột rột trên cao. Rồi từ cái loa được treo đầu đó phát ra a lô, a lô... Mời bà con nghe thông báo...

Tiếng ai như tiếng thầy Hình phải không mẹ?

Ông ấy chứ ai nữa. Về hưu tranh mãi mới được cái chức xóm trưởng đấy.

Tiếng xóm trưởng oang oang... Nói tóm lại, yêu cầu bà con đi họp đông đủ và đúng giờ. Ai không chấp hành, mất quyền lợi chúng tôi không chịu trách nhiệm...

Tiếng loa hòa trong tiếng sấm và tiếng sóng ầm ầm. Từ trên giường, bố mở chăn nhắc tôi, khép bớt cửa đi con. Biến lại động nữa rồi.

Nụ cười đêm trăng

TIẾN DŨNG

T rắng hạ huyền vẽ một nét cong trên cửa sổ, ánh trăng soi rõ bầu ngực tròn căng nhô lên như hai ngọn núi của sơn nữ nằm cạnh Khương. Mùi thơm da thịt của sơn nữ mười tám như mùi lan hồ điệp trên đỉnh Pù Luông cứ vấn vít làm Khương mụ mị cả người. Nhiều lần Khương định thò tay đến hai “ngọn núi” kia khám phá và áp đôi môi mình vào đôi môi đang chúm chím hững hờ như mời gọi của sơn nữ nhưng anh không dám. Phía dưới ngôi nhà sàn, hai con trâu thở phì phò, phì phò. Bên trái Khương, Thăng Long và Thăng Chun nằm co quắp, ngáy đều. Ngoài bờ sông, tiếng chim từ quy kêu khắc khoải gọi bạn tình, thỉnh thoảng tiếng tắc kè ném lưới vào đêm như điểm nhịp canh khuya. Tất cả không gian của rừng núi trong ánh trăng huyền hoặc thúc giục bản năng đang cuồng loạn giằng xé trong anh dữ dội. Không thể chịu đựng được, Khương ngồi dậy đi ra cầu thang đốt thuốc. Khói thuốc lá thơm làm cho Khương tỉnh táo hơn, nhưng những cảm xúc mới lạ bởi sơn nữ tên Y Hoa nằm bên vẫn còn liêng biêng trong anh.

Khương cũng đã nghe kể về tục ngủ thăm của các tộc người vùng núi... nhưng tục ngủ thăm nơi này đến lạ. Khách chưa vợ mà được gia chủ quý mến thì đêm được nằm ngủ cạnh cô gái chưa chồng của gia đình nhưng không được đụng chạm. Trước lúc ngủ chung sàn, thằng Long cảnh báo: Được nằm với sơn nữ đẹp là vinh dự, nhưng nếu như chưa được sự đồng ý mà “vin càn bẻ hoa” là mất “của quý” đó bác! Khương bật cười, sức nhớ lúc chiều thấy cô gái gọi đầu bỏ chiếc trâm cài bên mớ nước. Đó là một con dao nhỏ rất nhọn và sắc lẹm được đút trong vỏ một ống tre bằng ngón tay út màu hổ phách. Nghe bảo con gái vùng này trước đây ai cũng có chiếc trâm như vậy, dùng làm đẹp và để tự vệ!



Minh họa ĐÌNH TRUYỀN

- Anh không ngủ được à? Tiếng Y Hoa thì thầm bên tai làm Khương giật mình ngoảnh lại. Cô hồn nhiên ngồi xuống khoác tay anh.

- Ủ! Không hiểu sao anh không ngủ được. Khương bối rối trả lời sau khi đã rút sâu hơi thuốc lá.

- Em chân bị nước sông Năm Nơ ăn, đêm nào cũng vậy. Cứ tầm thời gian này là ngứa không ngủ được. Y Hoa nhăn mặt vẻ khổ sở ôm lấy bàn chân rên rỉ.

Vốn dòng dõi con nhà thầy thuốc Đông y, Khương có biết một số bài thuốc gia truyền nên bảo:

- Em vào bếp đốt lửa lên, anh có thể chữa cho em khỏi ngứa.

- Thật không? Anh nói chắc nhé!

Cô nhẹ nhàng đi vào, chỉ một loáng, ánh lửa đã bập bùng soi rõ khuôn mặt của Y Hoa. Khương đứng lặng, nhìn trân trân như khắc ghi hình ảnh ấy, hình ảnh sơn nữ đã làm anh xao động ngay từ lúc nàng từ dưới sông lên. Lúc ấy anh sống người trước sơn nữ má ứng hồng, môi đỏ như son và hàm răng trắng chói náng. Bộ đồ bà ba màu lam dính bết vào người nàng tạo nên những đường cong tuyệt mỹ. Hồi

học ở trường Đại học Mỹ thuật, từng vẽ người mẫu khỏa thân, nhưng Khương chưa thấy những đường cong nào đẹp mê hồn đến vậy. Đặc biệt là đôi mắt trong veo nhưng thăm thẳm, trông vừa thánh thiện vừa hoang dã làm cho hồn Khương như chìm vào đáy với những xốn xang rất lạ. Phải chăng đó là tiếng sét ái tình.

Nâng bàn chân trắng hồng, thon gọn của Y Hoa nhưng có nhiều nốt mẩn đỏ và các kẽ ngón chân nứt nẻ, rớm máu, Khương không khỏi xót xa. Anh lấy than hồng hơ lửa cho nóng đôi bàn chân cô và bôi thuốc. Bài thuốc này chỉ là mấy củ tỏi và phen nứa đốt lên thành than rồi trộn lẫn ít muối cho tất cả vào bát giã nhuyễn. Khương nhẹ nhàng, tỉ mỉ công việc như một thầy lang chính hiệu. Bài thuốc tuy đơn giản nhưng thực sự hiệu nghiệm, cơn ngứa ở đôi bàn chân Y Hoa đã dứt chỉ trong ít phút.

- Anh tài thật đấy! Anh là người của phà xuống giúp em à. Gần 1 năm trời em khổ sở vì nó đấy!

Cô lim dim đôi mắt cảm nhận sự thoải mái không còn khổ sở vì ngứa và sung sướng được người khác giới chăm sóc. Tâm trạng Y Hoa xôn xao lạ lẫm, nó cũng đang xao động như nước sông Nậm Nơn buổi nồm lên. Y Hoa mỉm cười, nụ cười hạnh phúc và đẹp lung linh như đóa lan rừng nở trong đêm trăng hạ huyền.

Khương gạt đầu:

- Phà mới thả anh xuống đây để gặp em. Nhưng khỏi ngứa tạm thời thôi nhé. Nếu như em tiếp tục xuống sông, thì nó sẽ tiếp tục bị nặng hơn đó.

- Trước đây em không bị ngứa đâu, nhưng từ khi người dưới xuôi các anh lên đào mỏ vàng làm nước đục mới ngứa.

Nói đến mỏ vàng, Khương rung mình. Anh cũng không nghĩ rằng nơi thâm sơn cùng cốc này lại có một mỏ vàng hoạt động rầm rộ như một đại công trường vậy. Hàng trăm phu vàng vằn vện hình xăm cùng hàng chục máy Đông Phong lấp vòi rỗng suốt ngày đêm ngoạm sâu vào lòng núi, hàng trăm chiếc hang ngoác hàm ếch đỏ lòm. Cả một ngọn rú mỏ bị đào bới tan hoang. Những chiếc hòm bạt ván thiên, tiểu sành bị vỡ, xương và đầu người nằm lẫn lộn, ngổn ngang. Tiếng quạ kêu ảm đạm cả một vùng. Ôn nhất là những lán trại dất đầy súng ống, mã tấu, bom tiem. Hê rô in bày bán công khai, đêm ngày con nghiện phê thuốc nằm ngổn ngang.

Những người lợi sông đãi vàng xái như Y Hoa bị ngứa là bởi tất cả những máng đãi và hóa chất xử lý vàng đều tuôn hết xuống sông gây ô nhiễm. Cá chết nổi trắng sông. Phía hạ lưu, trâu bò uống nước sông cũng lăn đùng ra chết.

Khương khuyên Y Hoa nên trở về bản nhưng cô lắc đầu, ánh mắt xa xăm nhìn lên mảnh trăng hạ huyền như một dấu hỏi treo trên đỉnh Pù Luông. Sau dãy núi kia là bản Chiềng Mây của cô. Ngày xưa, Chiềng Mây đẹp lắm, những mái nhà sàn cổ kính soi bóng xuống dòng sông đẹp như tranh. Đêm đêm trai gái điệu khèn, điệu xuôi tình tự thâu đêm. Cuộc sống tuy còn nhiều thiếu thốn nhưng yên bình. Thế

rồi kẻ xấu lên đưa thứ thuốc trắng phính phờ dân bản. Hút vào khỏe như voi, như trâu. Vậy là nghiện, nghiện rồi thì chúng sai khiến đi làm lâm tặc, đi xách thuê ma túy. Những cánh rừng chò chỉ, pơ mu bị đốn hạ tan hoang, trai tráng khỏe như cây lim cây táu chỉ một thời gian ngắn thi nhau vào rú mỏ với những vành tang trắng đến quận lòng. Những thiếu nữ đẹp như những đóa lan rừng bị lừa bán sang Trung Quốc, hoặc đi làm “công ty”, bán vốn tự có ở các bãi biển Xuân Thành, Hòn Cầu... Những ngôi nhà sàn cổ kính cũng bị bán về xuôi. Bản làng xác xơ tiêu điều trước cơn lốc ma túy, mại dâm và “ết”. Nhiều đêm Y Hoa không ngủ được, cô cứ đứng trên đỉnh Pù Luông nhìn về phía xa xăm. Mình sẽ đi về đâu đây. Chẳng có câu trả lời, chỉ có đại ngàn mây giăng mịt mù. Nhưng phải chạy trốn thôi, không thể ở đây được nữa. Ở đây mình sẽ chết, sẽ sa vào động quỷ.

Một sáng, khi đại ngàn còn chìm trong mây mù cô mang gùi luồn rừng mà đi. Cô đã đi qua không biết bao nhiêu khe suối, vực thẳm núi cao và kiệt sức trong khu rừng này. Khi tỉnh dậy, cô giật mình run bắn người khi thấy một con khỉ to lớn màu hung vàng, đôi mắt tròn xoe màu lửa ngồi bên cạnh. Thấy cô quá sợ hãi, con khỉ nhảy lên phiến đá ngồi kêu khếch khếch lấy tay chỉ lia lịa. Y Hoa dụi mắt mấy lần xem mình tỉnh hay mơ. Tại sao mình lại ở trong hang đá nồng nặc mùi phân dơi và có con khỉ trông dữ tợn này. Con khỉ từ từ tiến về phía cô, Y Hoa sợ hãi hét lên định vùng chạy nhưng cô không thể gượng dậy nổi. Nó lại gần tay cầm quả vả chín màu đỏ đưa đến như bảo cô ăn đi. Một phút trong im lặng, người và khỉ thăm dò nhau. Nhìn cử chỉ thân thiện, Hoa cảm nhận được nó không làm hại mình, cô đưa tay đón quả vả từ tay con khỉ. Đói và khát khiến cô cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều, đưa quả vả lên miệng ăn ngấu nghiến. Ăn hết 2 quả vả, cô tỉnh táo và thấy khỏe hơn. Ánh mắt cô nhìn về phía con khỉ: Cảm ơn nhiều nhé, có phải người đã cứu ta không? Nó gật đầu kêu khếch khếch rồi lấy tay ra hiệu như bảo cô cứ nằm nghỉ đi cho khỏe. Chính con khỉ này đã bắt đàn vắt như hàng trăm con đĩa bám khắp cơ thể cô, nó đã ép nước quả cây rừng, lá rừng để cứu cô. Ai bảo khỉ không có tình cảm, khỉ không biết cách cứu người? Thế giới hoang dã thật kì diệu, có những điều mà giới khoa học cũng không thể giải thích nổi.

Vậy là cô và con khỉ trở nên thân thiết như người bạn tâm giao. Nó hàng ngày đi hái trái cây về, còn cô đi bẫy sóc, bẫy chim nhóm lửa nướng ăn. Cuộc sống chẳng khác nào thời nguyên thủy. Nhưng không thể sống như vậy mãi được! Dầu sao cô cũng được học hành. Cô đã học xong lớp 6 trường dân tộc nội trú rồi đấy. Do cha mẹ mất sớm và em trai bị gỗ đè chết, nên cô không thể theo học được nữa. Cô trốn chạy nỗi đau và trốn chạy cơn lốc tệ nạn đang dần nhấn chìm làng bản. Giờ đây, cũng không thể sống hoang dã như thời tiền sử. Cô chặt cây, đan liếp, dựng nhà. Với sự giúp sức của Lô Lô, cái tên triu mến mà cô đã đặt cho con khỉ. Mấy tháng sau, ngôi nhà sàn nhỏ nhắn đã được dựng lên trong thung lũng Piêng Ống này. Lúc đầu chỉ là túi hạt lúa, hạt ngô cô mang theo, sau đã thành những nương lúa, nương ngô tốt tươi. Cô lại luồn rừng trở ra bản động viên một số gia đình vào đây làm nương rẫy. Vậy là hơn 10 nóc nhà được mọc lên. Nơi đây được thiên nhiên

ưu đãi, nương rẫy tốt tươi, trâu bò từng đàn, lúa ngô đầy bờ, xuống sông đãi được vàng cá. Thậm chí làm thịt vịt mỡ trong điều cũng có vàng.

Câu chuyện kể của sơn nữ trong ánh trăng hạ huyền cuốn hút Khương, đến nỗi cô kể xong rồi anh vẫn cứ ngồi thừ ra ngẫm ngợi. Khi Y Hoa véo tay bảo anh ngủ à, Khương mới trở về với thực tại. Anh hỏi: Vậy con Lô Lô đâu? Hoa im lặng, những giọt nước mắt rơi lóng lánh ánh trăng.

- Nó bị giết rồi anh ạ!

Cô bật khóc nức nở như chưa bao giờ được khóc, hình như những đau thương dồn nén bấy lâu được bật ra. Khương cũng không biết phải an ủi cô như thế nào. Trong nước mắt, cô đưa anh trở về cuộc chiến giữa đám thợ săn và con Lô Lô. Khi bà con đang phấn khởi về nơi ở mới thì bỗng đâu có từng tốp người đến đây đào vàng làm cho núi rừng tan hoang, nhiều kẻ giở trò chọc ghẹo gái bản. Nhưng với cô thì chúng không thể làm gì được, bởi có con khi đi theo bảo vệ. Nó đã tấn công những kẻ định làm điều xấu với cô phải ôm đầu máu bỏ chạy. Thế rồi bọn chúng bàn cách trả thù, suốt ngày đêm mai phục nhằm bắn cho được con khi. Con Lô Lô thấy được sự nguy hiểm, nó lẩn vào rừng nhưng vẫn luôn theo dõi bảo vệ cô. Nó thoát ẩn thoát hiện, đu từ cây xuống cắn vào cổ khiến cho 7 kẻ phải nhập viện. Nhưng rồi nó vẫn không thoát được khi một đêm trăng gần Tết, nó về thăm cô thì bị hàng chục kẻ vây ráp, những khẩu súng hoa cải đồng loạt nã vào.

Cô đã ngất xỉu khi đám thợ săn khiêng xác con Lô Lô mình đầy máu đặt trước lán đào vàng. Chúng xẻ thịt con Lô Lô uống rượu và nhảy múa thâu đêm như một chiến tích. Khi tỉnh dậy, cô dắt lưng hai con dao, định xông vào quyết sống chết với đám thợ săn kia nhưng có già Páo ngăn lại. Nếu cô xông vào thì khác nào chui vào chỗ chết.

Nhờ thằng Chun gom cho ít lông và mấy mẫu xương, cô lập cho con Lô Lô một nấm mồ trên đỉnh núi Piêng Ong. Nó là ân nhân của cô là niềm tin vẫn còn những điều tốt đẹp trên cõi đời này. Cô đau đớn, nhớ thương nằm ôm mấy tuần liền.

Trước câu chuyện bi thương của Y Hoa, Khương rất muốn cứu cô ra khỏi vùng vàng đầy cạm bẫy và chết chóc này. Nếu cô ở đây thì nguy hiểm có thể ập xuống bất cứ lúc nào. Nhưng, Khương cũng chỉ là gã lãng tử có máu phiêu lưu. Tốt nghiệp đại học, không đi làm lại thích đi đây đi đó như một kẻ giang hồ. Anh cũng chỉ có 2 bàn tay trắng, không nghề nghiệp. Đến vùng vàng này cũng do quen biết Phi rồi rủ nhau đi tìm kiếm vận may mà thôi. Tại đây, Khương thân với Chun em họ của Y Hoa cũng là một phu vàng. Thế rồi, anh đã gặp cô bên bờ sông Nậm Nơ này.

Trên bậc cầu thang, Y Hoa kể đầu vào vai Khương, anh nắm chặt tay cô, trong lòng dâng lên nhiều cung bậc cảm xúc. Phải đưa nàng về xuôi thôi!

- Đừng ở đây nữa! Về xuôi với anh nhé!

Cô ngược đôi mắt long lanh nhìn anh tin cậy và nở nụ cười đẹp lung linh như đóa lan rừng nở trong đêm trăng hạ huyền. Họ cứ nắm tay nhau cho đến khi phía hừng đông bình minh lên đỏ ối cả đại ngàn. Con chim từ quy từ cây đỗ lả hót lên một tiếng rồi vụt bay lên bầu trời đen thẳm

- Về xuôi với anh nhé!

Tiếng gọi của con tim đang thúc giục. Đi thôi. Đi theo anh. Có nên đi không? Trong lòng cô đang giằng xé những suy nghĩ. Còn Khương, tình yêu mới bắt đầu, đang cuộn sóng, máu nghĩa hiệp trong người anh có sẵn. Lời yêu cầu của anh là thực lòng. Khương biết đây là đời thực, không phải là câu chuyện của những bộ phim cổ trang, hay tiểu thuyết ngôn tình. Liệu đưa Y Hoa về xuôi anh có đảm bảo cuộc sống cho cô hay không, khi anh cũng chưa lo được cho bản thân mình? Nhưng kệ. Nghĩ nhiều mà làm gì!

- Về xuôi với anh nhé!

Khương nhìn sâu vào mắt Hoa chờ câu trả lời thì một tiếng ầm vang lên rung chuyển cả ngôi nhà sàn. Tiếp theo là tiếng la hét náo động ngoài bãi vàng làm cho Khương và Hoa rời khỏi những luồng suy nghĩ. Thằng Chun chạy ra rồi hót hải quay về báo. Sập hầm rồi, rất nhiều người chết. Khương rung mình. Nếu như nghe lời Phi, đêm qua cố gắng làm thêm thì cả Khương, Phi và Chun đều đã mất mạng. Nửa ngọn Pù Cu đã sập xuống, đất đá ngổn ngang như vừa trải qua trận bom B52 thời chiến tranh. 6 người ngoài hầm bị đá đè chết. Cả một lò vàng xuyên sâu vào lòng núi với nhiều góc ngách giờ đây không còn vết tích. Hơn 20 con người bị vùi lấp trong đó. Hàng chục phụ vàng lấm lem bùn đất với những khuôn mặt nhợt nhạt, thất thần, bất lực đứng nhìn. Giờ chỉ còn nước chờ chính quyền đưa cầu, máy xúc chuyên dụng và mìn đến may ra mới đưa được thi thể những nạn nhân xấu số ra ngoài. Chiều đó, mây đen ùn ùn kéo tới và mưa dội tầm tã, cả đại ngàn chìm trong mưa gió gầm gào. Tiếng ầm ào mỗi lúc một lớn, mặt đất như rung chuyển. Thằng Chun hét: Chạy mau, lũ quét! Cơn lũ như ngàn con trâu điên lồng lộn lao đến. Khương cùng mọi người chạy nhanh lên núi nhưng vẫn không nhanh bằng nước lũ. Những tiếng thét, tiếng kêu cứu thất thanh, những bàn tay chới với trong dòng nước cuộn cuộn. Cơn cuồng nộ của thủy thần đã cuốn phăng tất cả những gì cản đường. Khương bị dòng nước lũ quăng quật, anh càng cố vùng vẫy càng bị cuốn đi. Khương bị sặc nước, chìm xuống lại trôi lên, tức thở, lồng ngực như muốn vỡ tung! Rồi cơ thể Khương bỗng nhẹ bẫng như có làn khói, cùng Y Hoa nắm tay nhau bay trên Đỉnh Pù Luông đầy mây trắng.

- Về xuôi với anh nhé!

Khương thấy Y Hoa ngược đôi mắt long lanh nhìn anh và nở nụ cười như đóa hoa lan rừng nở trong đêm trăng hạ huyền sương khói.

Chị Hai Chuột Nhắt

PHÁT DƯƠNG

Quán cuối tuần đông nghẹt, Thử chạy bàn muốn rụng cặp giò. Lớp nào khách kêu món mới, lớp nào khách xin nước chấm, chanh ớt, châm thêm nước đá.

Quầy tới quầy lui, khách này vừa đi bàn chưa kịp nguội đã có khách mới vô. Vén mớ tóc mai bết mồ hôi dính trên mặt, cô né con chó đang lụm xương khách quăng, la lớn vọng thẳng vô bếp: Bàn 5, lẩu mới. Bàn 6, 2 ốc hấp tiêu, 1 mực me, 3 trà đá.

Thằng An bước ngang, miệng cười tươi khoe cây răng khểnh dù ròn ròn mồ hôi, 2 tay bưng 2 đĩa đồ ăn đầy ụ lách qua những dây bàn kê sát “tránh, tránh nước sôi nha”. Để lên bàn cho khách, quầy lại qua chỗ Thử, nó nháy mắt chọc, con gái gì mà giọng bụi như loa thị xã. Cô quắc mắt nhìn nó, tay đang cầm giấy ghi order cho khách giơ lên dứ, đe dọa bẻ cây răng khểnh. Anh chủ quán tăng hăng, nhíu mày ngó 2 đứa làm trò. Mạnh đứa nào đứa nấy hoảng hồn, le lưỡi chạy về việc của mình.

Thử làm phụ quán kiếm tiền phụ má sửa nhà. Ráng làm hết tháng này, cô xin nghỉ về quê ăn tết luôn. Quán lúc nào cũng đông, chạy bàn cực gây lưng mà lương lậu đâu có bao nhiêu. Anh chủ cũng tốt tính, nhưng chị chủ thì không, cứ hăm he trừ lương nhân viên. Đi trễ có lý do cũng trừ, để khách phản ánh cũng trừ (dù lỗi rõ ràng do khách), làm lộn món cũng trừ (dù lỗi do bếp vẫn trừ luôn đĩa phục vụ), tóm lại cái gì cũng có thể trừ. Quán vậy, Thử cũng không tha thiết làm lâu.



Minh họa NGỌC LINH

Thằng An thì khác, nó không tính nghĩ. Nó làm ở đây lâu hơn Thử, hiền queo nên hay bị nhân viên cả cũ lẫn mới ăn hiếp. Mấy lần cô kêu nó nghỉ đi, nhưng nó tiếc tiền boia của khách. Ờ, nó kiếm nhiều hơn cô thiệt. Con trai chịu ra cụng vài ly với khách, khách khoái hay boia đậm. Chỉ là nhìn nó lén vô nhà vệ sinh móc họng ới cho bớt nhức đầu, tay còn cầm chặt mớ tiền xanh đỏ chưa kịp cất, cô thấy xót quá.

Thằng An hay chọc Thử này nọ cho vui, chứ nó thương cô lắm. Ngày cô mới vô làm, bị khách làm khó dễ ép uống bia, nó ra đỡ giùm cô. Bữa đó thằng nhỏ uống tới mặt mày xanh mét, nhìn đã sắp bật ngửa tới nơi mà vẫn mạnh miệng cười khề khề đàn ông con trai nhiều đây nhằm nhò gì. Mấy bữa cô bận không đổi ca được, nó cũng làm thay cô mà không đòi hỏi gì. Lâu lâu có chút đồ ngon cũng xách lên cho cô, kêu cô ăn nhiều cho mập mập lên chứ con gái gì như con khô cá sặc, nghe vừa ghét vừa thương.

Thôi thì, Thử chắc lưỡi, để khi nào kiếm được việc mới tốt hơn cô sẽ dụ nó nghỉ. Chứ giờ kêu nghỉ rồi ở không dám bữa đợi kiếm việc, để gì nó chịu. Nó còn lo nhiều thứ hơn cô nữa, vừa đóng tiền học vừa để dành gửi về nhà. Vừa nhắc đã thấy nó vác cái mặt đỏ lôm bước qua. Chắc thằng nhỏ mới uống thêm 3, 4 ly, không biết được bao nhiêu tiền boa mà ráng vậy nữa...

Quán nhậu bình dân nên đủ mọi thành phần. Mấy bạn sinh viên hay dân đi làm văn phòng vô ăn thì hiền lành dễ chịu, mà ngặt nỗi mấy kiểu này tiền đâu có dư mà boa cho nhân viên. Có lần, bạn trai kia thay vì đưa một trăm bảy để trả lại đưa luôn hai trăm hai cho thằng An, chắc ý bạn để thối lại năm chục ngàn cho chắc. An không biết, tưởng khách boa, hí hửng nhét tiền dư vô túi. Bạn đợi lâu không thấy ai nói gì, bực mình kêu anh chủ quán ra hỏi. Anh chạy đi hỏi vòng vòng, ai nấy ngơ ngác ngó nhau, ủa em đâu có tính tiền bàn đó. Lát sau An mới lò dò sau bếp ra, lờ ngơ một lát mới hiểu vấn đề. Biết mình bị hố, nó không dám đem tiền ra trả, nhờ Thử đem ra giùm. Bạn khách thấy mọi người xầm xì có vẻ căng thẳng, lo lắng hỏi cô bạn nhân viên có bị la không. Cô lắc đầu, giả bộ cười nói không cho bạn dừng ngại, chứ cô biết chắc chị chủ không những chửi tắt bếp mà còn trừ lương nữa. Thấy tội cho thằng nhỏ lẫn bạn, khi không rơi vô tình hướng oái ăm, cả 2 có lẽ đều áy náy cho nhau.

Thằng An vừa quẹt nước mắt xong là Thử ra tới. Nó trốn sau dãy nhà vệ sinh đứng khóc, hèn chi này giờ không thấy. Cô tưởng nó khóc vì mắc cỡ, và buồn chút tiền boa nên nghĩ thằng nhỏ này mít ướt quá. Tới chừng nghe mấy đứa nhân viên khác kể lại, cô mới giận thật sự. Chị chủ chửi thằng An ham tiền, có mấy đồng bạc lẻ mà gian dối với khách. Tội cho thằng nhỏ. Thấy mặt Thử hầm hầm, có vẻ sắp kiếm chị chủ nói chuyện cho ra lẽ, An kéo tay cô lại, lí nhí nói thôi thương em thì đừng chị. Nó cố đẩy môi thành nụ cười méo xẹo không lộ nổi răng khểnh cho cô an tâm, rồi chạy đi tiếp khách. Cô thở dài, thì thôi, chứ biết sao giờ.

Không kể mấy rắc rối đó thì mấy bạn khách kiểu vậy dễ thương. Khách đi theo gia đình thì tùy, có người khó người dễ, tiền boa cũng theo đó tăng giảm theo sự... hên xui. Kiểu khách boa nhiều nhất, có khi mạnh tay cho thẳng vài trăm, lại là kiểu khách phiền nhất. Lấy tiền người ta đâu có dễ. Cũng phải chiều theo trò này trò nọ, tiền bao giờ cũng có mùi mồ hôi và mặn nước mắt mà.

Còn một số rắc rối khác, là do khách kiếm chuyện với nhau. Đợt trước có 2 nhóm vô ngồi bàn số 7 và số 13, bên hăng máu kiểu gì mà hất văng cái chân gà bay qua bàn bên kia, vậy là thành đập lộn. Bữa đó bể hết một mớ chén đĩa, tiêu 4 cái bàn 6 cái ghế, hên anh chủ kêu công an lại kịp. Chị chủ tiếc của, tiền thiệt hại chia đều ra tất cả nhân viên trong quán, từ bếp tới cô lao công. Thử nghe mà tức anh ách, nhưng ráng nhịn làm cho hết tháng.

Bữa nay lại có khách kiếm chuyện. Có anh Tây lai vô ngồi nhậu một mình, bị nhóm bàn kế bên chỉ trỏ chửi thề này kia. Nhìn anh hiền hiền, An tính chạy ra

kêu anh đổi sang bàn khác xa xa cho chắc, bị Thử kéo tay lại. Cô lắc đầu, dừng. An mà ra tụi kia nghĩ phá chuyện tụi nó, có khi tụi nó chuyển qua đập mình. Có men vô nên bốc đồng làm lỗ chút thôi, cô trấn an An cũng như tự nói với mình, chắc không có gì đâu. Thấy anh không phản ứng gì, tụi nó định hất bia qua. An chưa kịp bước, Thử đã chạy ra, cầm menu kiểm soát, dạ dạ mấy anh gọi thêm món hải. Thằng xăm mình nhướn mày nhìn cô đánh giá, hạ ly bia xuống, cười cười quán này có bán thịt người không em. Cô cười hùa theo, mấy anh giỡn chơi hoài, bán thịt người công an bắt chết. Thịt người đẹp đó, em hiểu hông, thằng mặt sẹo, vừa nói, tay vừa vòng ra sau định bóp hông cô.

Á một tiếng, tay thằng mặt sẹo đã bị anh Tây lai nắm lại. Không biết anh đã đứng dậy từ bao giờ nữa. Tụi nó nổi cơn điên, đập bàn cái rầm, lao tới thụi cho anh một đấm ngay mặt. Anh té vô bàn đối diện, nằm giữa đám ghế nhựa gãy. Thằng xăm mình đập chai bia cái xoảng, lăm lăm mảnh miếng chai. Quán xôn xao, nhiều khách đứng lên bỏ chạy.

Nhắm nhẹn hết nổi rồi, Thử vung chân đá vô tay thằng xăm mình cho miếng chai bia văng ra xa. Tụi nó chuyển qua nhắm vô cô. Kệ, cô chấp hết. Mấy thằng lôm côm chỉ giới nhậu nhẹt này, sức cô hạ được. Cô vung chân, lên trỏ, xuống gỏi, tung những đòn võ gia truyền ba dạy cho từ nhỏ. Đám du côn té lăn ra đất, lớp ngóp bò dậy, chỉ vô mặt cô la, mày nhớ đó.

Mọi người xung quanh vỗ tay rầm trời. Chị chủ quầy hàng người ra xấn tới, chửi xối xả vô mặt Thử. Săn còn đang bực bội, cô kéo ghế ngồi xuống, coi như không có gì. Chị chủ càng tức, chửi nặng nề hơn, hăm he trừ lương, đuổi việc.

Chửi một lát, bắt đầu chửi sang ba má cô không biết dạy con.

- Khỏi đuổi, tui nghỉ. Trừ đồ bể vô lương đi. - Thử kéo tạp dề đồng phục quăng xuống đất, móc điện thoại ra bật chế độ quay phim - Giờ tui là khách, muốn ngồi đây nhậu, chị chửi tiếp đi. Săn tui quay clip, đăng lên mạng cho người ta coi quán đối xử khách ra sao?.

Chị chủ tức xanh mặt mày, giậm chân quay vô bếp. Thằng An nhìn cô, gơ 2 ngón tay cái, khen chị ngầu ghê. Cô kêu nó nghỉ đi, làm ở đây sớm muộn cũng có chuyện. Nó lắc đầu, do dự. Tiếng chị chủ kêu nó giật giọng, nó nhìn Thử, te tái chạy đi. Thử thờ dài, đứng dậy phủi áo quần đi về. Đang quay bước bị ai đó nắm lại, ra là anh Tây.

- Em tên là gì? - Coi ra anh nói tiếng Việt cũng sôi quá.

Hất tóc, Thử đưa tay quẹt ngay mũi, cười nhe răng:

- Chị tên Hai, kêu là chị Hai đi!

Hăm tám tết, đang phụ má phơi lá gói bánh tết thì Thử nghe có tiếng người gọi ngoài cổng rào. Chó nghe lạ sủa rần trời. Coi ngó đầu ra coi khách nào kiểm, thấy thằng An cười khoe răng khểnh, đứng nhón chân sau hàng rào xương rồng vậy

vẩy tay. Còn ai nữa cao cao đứng sau nó, cô nheo mắt ráng nhìn, trời hắt nắng chói mắt quá. Tới khi nhận ra được mặt người, cô rút cổ, bỏ chạy ra nhà sau. Má không hiểu, kêu với theo chỉ nghe cô đáp lại trước khi co giò chạy, có ai hỏi má nói con không có ở nhà nhe má.

Dặn má kĩ vậy đó, mà má nỡ lòng nào chỉ chỗ Thử trốn cho người ta. Đang ngồi vắt vẻo trên cành ổi ngó đám chim sẻ sau mấy liếp vườn, 2 cái đầu bắt ngờ ló ra khỏi đám lá làm cô giật mình chút nữa té. Thành An cười khì khì, chị khỏi trốn ha. Anh Tây lai cũng cười, định leo lên cây. Thử xua xua tay, thôi thôi để tui xuống.

Bữa đó anh hỏi nhà ở đâu, Thử không nói, kêu anh có giỏi kiếm được cho ở chơi tới qua tết. Ai ngờ đâu anh quay lại quán hỏi thăm, bốc đúng thành An tài lạnh này, nó khai cái một. Nó còn dữ dội hơn, dẫn đường cho anh thẳng về đây kiếm cô. Mà cô nhớ chỉ cho nó biết xóm, nó làm gì biết nhà mà kiếm hay vậy.

Anh Tây vẩy vẩy cái điện thoại của thành An, chỉ chỉ:

- Có hình chị Hai ở trong này nè!

Thử nghe mà muốn bật ngửa, trời ơi mấy người này dám đem hình dìm của tui đi hỏi khắp xóm làng. Cô lại thấy mắc cười, khi anh thật thà vẫn tin là cô tên Chị Hai.

Thành An khoe nó nghỉ ở quán rồi, Thử nhú mày không tin, thật không đó. An gãi gãi đầu, ờ thì anh chủ cá độ thua bán quán rồi. Biết ngay mà, cô xoa xoa đầu thành nhỏ, nghĩ là tốt.

- Ủa rồi 2 anh em xuống đây kiếm tui chi?- Thử với tay bẻ mấy trái ổi, quăng cho hai người.

An cười hề hề, nhe răng cạo một miếng bự:

- Chị Hai hứa với anh tìm được nhà cho ở chơi tới qua tết mà! -Thành quý nhỏ nhái theo anh gọi Thử bằng... Chị Hai - Em xin má ở tới mốt hè, còn anh này qua tết nha!

Thử chống nạnh, làm mặt dữ:

- Ai cho mà ở!

- Mẹ Chị Hai cho rồi! - Anh Tây cười ngây thơ, cầm trái ổi quơ quơ trước cái mặt đơ ra của Thử, cô nghi thành An kể cho má cô nghe hết rồi. Má lại không bỏ được cái tật tốt bụng.

Lúc đó, má trong nhà réo tên cúng cơm làm Thử muốn độn thổ:

- Chuột Nhắt, kêu bạn vô nhà ngồi chơi con!

- Chuột Nhắt là sao? Em tên Chị Hai mà? - Anh sờ sờ mũi, trong khi thành An ôm bụng cười chảy nước mắt.

- Thì chỉ là Chị Hai Chuột Nhắt chớ sao!

Thử ôm đầu, mặt đỏ bừng, mắc cỡ đi te te vô nhà, kệ 2 anh chàng một còn cười nắc nẻ, một ngơ ngác theo sau. Chà, coi bộ tết này ồn ào dữ!



Minh họa HÀ PHƯƠNG

Nước mắt chảy quanh

SƠN TRĂNG

Đũi sinh ra giữa mùa rơm rạ trong nắng đầu hè cháy bỏng da, người ta nói Đũi bị để rơi lại thiếu thốn là do mẹ Đũi không muốn giữ cái thai này. Ông Đản bỏ Đũi đi trăm dặm tận Lào, đằng đằng cả năm trời khiến cho bà Đền héo mòn trong chờ đợi cùng nỗi niềm khao khát đang độ thanh xuân vừa bén hơi chồng, mẹ Đũi ngã giúi vào tay kỹ sư xây đập thủy lợi. Tưởng ông Đản về thì sẽ làm ầm lên rồi ra làng ăn khoán theo lệ, nhưng không, ông chấp nhận như đã thủ phận là sự bèo nhèo của một kiếp người.

Đũi lớn lên với cái tính hâm hấp nhưng rất chí thú làm ăn, một hôm ông Đản thấy ở đũng quần của Đũi có đóng váng, ông bàn với bà Đền tìm đám cho Đũi. Quanh đi quẩn lại chỉ thấy nhà cô Thành con bà Thơi là hợp, thị Thành hơn Đũi năm niên cơ mà được cái khỏe mạnh, hình thể cân đối, tính tình ắt ơ như Đũi, xem ra xứng đôi vừa miếng với Đũi. Bàn bạc chu tất, nhờ mai mối đưa chuyện cuối cùng nhà gái đồng ý kết nghĩa thông gia, dẫu sao thì con gái nhà họ cũng thất thường khi mưa khi nắng, có được đám trai dòm ngó thì âu là phước trùng lai. Đêm tân hôn, Đũi luống cuống chả biết làm sao, thị Thành bế thốc Đũi lên, láu táu trượt cái mỏ chui của Đũi ra phập vào con Ất bích của thị, vừa nghe tiếng ái dà thốt ra thì cũng đúng lúc Đũi nằm thườn thờ dốc trên bụng Thành. Đũi hoảng loạn đạp cửa lao ra chạy một mạch lên núi Ổ Gà, hai ba ngày sau lân la xuống chân đồi gặp thằng Tẹo đi rêu bò, Đũi hỏi:

- Làng mình mấy hôm nay có đám ma nào không hở Tẹo?

Thằng Tẹo tròn xoe mắt:

- Ơ. Anh hỏi chi lạ vậy, có ai chết đâu.

- Tao tưởng hôm trước có người bị đâm thủng bụng mà chết - Đũi băng quơ.

Rồi thì chờ nhá nhem tối Đũi mới dám mò về nhà, thị Thành ung dung tỉnh queo, coi như chẳng có chuyện gì!

Trời vừa hừng sáng, Đũi đánh xe bò xuống chợ tăng bo hàng cho thương lái, Đũi ở chợ cả ngày, khi thì chuyển nông sản trong trang trại ra chợ cho người dân, lúc lại chở vật liệu xây dựng, phân tro, lân đạm cho chủ trại. Sau măn việc à ời đánh chén cùng nhau, con bò đực ngoe nguẩy đuôi đập ruồi đứng đợi, Đũi mềm oặt thì người ta khiêng ra quăng lên sàn xe, vỗ hai phát vào mông bò thể là chú ta tự giác làm phận sự của mình.

Đũi xem rượu là nguồn sống, uống đến mức bê tha, không làm chủ được bản thân, uống say rồi nằm queo người như con mực một nắng trên sàn ván chiếc xe cải tiến, con bò đực đứng đỉnh kéo tha lê cả xe lẫn chủ về tận ngõ, trăm lần như một, Đũi bê tha đến mức bò tha.

Thị Thành đôi khi lấy làm ngao ngán lắm nhưng tiền công Đũi mang về nộp không thiếu một xu nên cũng xem cái sự nát của Đũi là bình thường, chỉ cái khoản giao ban ấy mới làm thị bứt rứt, ai đời nom lực điền thế mà lại cứ như chuồn chuồn đập nước. Ngày thường lợn gà, dê, cá thị còn mở thêm hàng nước mía. Nhà ở cạnh đường cái quan nên rất thuận lợi cho cái sự buôn vật của thị, cũng có đồng ra đồng vào. Hôm nay bóng gió la đà đưa trên ngọn cây sanh góc quán, chiều xiên nắng quái qua tấm bạt bảy màu bạc thếp, Đội lẳng vẳng đánh trần trùng trục thả bò gặm cỏ mặt dọc đường cái quan, thấy Thành một mình lui cui dọn dẹp, Đội cọt nhả:

- Minh này, để giùm tôi đưa giai tôi biếu hần con bò!

Thành liếc nhanh xuống đứng quần còm cộm của Đội, hai bên má nóng ran như người sốt cảm nắng. Không trả lời, Thành quày quả đi về phía đụn rơm sau chuồng bò. Đội ranh mãnh lừa chú bò vào chuồng rồi cài then lại. Tiến nhanh về phía Thành, Đội giật phăng, ngấu nghiến, tiếng nhóp nhép gấp gáp như người già nhai trầu. Rồi buông xuôi như ánh nắng cuối ngày rơi trên đọt chuối. Đội lúi nhanh qua hàng rào ô rô, ra đến đường cái quan Đội gọi điện cho Đui:

- A lô Đui hả, mày gọi về báo thị Thành thả bò cho tao, gặm mấy lá khoai lang nhà mày mà nó nhốt bò vào chuồng bắt đền!

Đui mắng Thành rằng ăn ở không biết làng trên xóm dưới, có mỗi vạt rau lang bé bằng bàn tay gây mất tình nghĩa láng giềng. Thành đành miễn cưỡng thả bò cho Đội, chẳng nhẽ lại mách với chồng là con bò đực kia do đổi chác mà nên, ái dà, quân ăn cướp mất nết, khôn kiếp, khôn nạn, quân lưu manh.

Tiếng mõ lộc cộc vào ngõ, Thành vội dọn bữa cơm muộn cho chồng, trên cái chõng tre ông Đản phe phẩy chiếc quạt mo cau:

- Bà nó xem lại nồi cám heo, lúc nãy tao nghe tiếng nhóp nhép như con gì ăn con gì sau đụn rơm!

Bà Đền dừng tay vằm thân cây chuối, nghehn cổ vọng vào:

- Ừ, tôi cũng nghe như tiếng con gì ăn con gì nhưng tôi nghĩ là chó nhà mình ăn chực cám heo nhà mình nên tôi mặc kệ, nhẽ lại vơi đi mất một ít, để tôi độn thêm chuối vào!

Thị Thành nghe nơi lồng ngực nhoi nhói, mằn mằn hai khoé môi, nhìn chồng xì xụp húp tô cơm chan lẫn với canh một cách mệt nhọc, thị gấp thêm cho Đui miếng cá bống kho khô quắt như cái nhúh mày của Đui.

Bà Đền buông tiếng thở dài kín đáo, tay dao vằm chan chát xuống thớt như trút bỏ cơn cay đắng tủi nhục của số phận, duyên kiếp của Đui. Ông Đản vẫn ho hắng với cái điệu cày, khuôn mặt thô ráp không chút biểu cảm, có lẽ gió sương thời trai trẻ đã làm dày lên và chai đi lớp da mặt sừng hoá đến vô thần. Đêm buông nhanh trùm lên cái oi nồng cơn gió Nam, xóm nhỏ ven đồi chìm vào yên lặng, gia đình 4 người lại vật vờ những cái bóng hắt hiu cần mẫn phần việc của mình trước khi lên giường tìm bình yên trong giấc ngủ.

Sáng chưa bảnh mắt Đui đã nghe tiếng nôi niêu xoong chảo bay rừng rềng bên nhà Đội, có lẽ cơn rệu khuya qua chưa tan hẳn, Đội khua tay múa chân, vợ Đội tóc tai rũ rượi ngồi bên xó cửa, trên tay thị là bé con khóc thét, ba đứa nhóc khép nép ngồi một nhúm trên chiếc phản ở góc ngoài nhà. Từng tiếng nấc ngấn cùn mệt nhọc phát ra trong cổ họng của người đàn bà khổ hạnh. Đui xé hàng rào ô rô phi sang đề nghiến Đội xuống, quặt hai tay của hắn ra sau, thị Thành dắt mấy mẹ con sang nhà mình. Đui tổng cổ Đội vào nhà rồi khóa cửa, tiếng lè nhè chửi bới của Đội khùng khục rồi tắt hẳn, Đui bỏ về đi làm phần việc của mình với chú bò như thường lệ.

Xóm ven đồi vào mùa sen nở thơm ngát, từng bông tinh khôi trong gió hanh hao lướt qua mặt hồ, vài tiếng đớp bóng cách quãng lẻ loi của mấy chú cá rơi tôm vào hoang vu, người đàn bà lang thang đi nhặt nắng, từng hạt nắng bông đùa vô tư trên lá cỏ, lá cỏ nhàu nhàu dưới mỗi bước chân qua. Nắng non trưa đổ nhòa trên mặt nước, vồng xuống mờ mờ như thấm hơi sương, hay người đàn bà nhìn màu nắng qua những ngần nước mắt? Thị vô thần đi mãi, đi mãi, đi mãi, đi qua hết vạt sen mọc ven bờ, cho đến lúc chỉ còn lại chấm đen chìm dần, chìm dần...

Đội hốt hải chạy ra khi nghe giọng ông Đoàn lấp bắp:

- Chú Đội... chú Đội, thím nhà vương lưới... của tôi.

Đội lao đi như tên bắn, linh tính mách rằng vợ Đội đã trắm mình sau trận đòn không kiểm chế của y, hồi cũng đã muộn, chỉ vì khát khao đứa con trai nối dõi, lấy le với bạn bè không phải ngồi chiếu dưới lúc giỗ chạp mà Đội hành hạ vợ mình khi đứa con thứ tư vẫn là gái. Những trận đòn vô cớ, những bất lý nhỏ nhặt cộng với căng thẳng tâm lý của đàn bà sau kỳ ở cữ, vợ Đội đã nghĩ quẩn.

Tiếng loa rì rả mẩu tử tình thâm vất vương não nề bay qua hàng rào ô rô khiến cho Thành bài hoại, thị biết cái cơ sự này cũng do rượu mà ra, giá như không có rượu thì Đội đã bình tĩnh để không phải sinh chuyện đau lòng đến vậy.

Mồ bò lộc cộc vắng trong tiếng nhạc đám ma, thị Thành đưa tay vuốt nhẹ lên cái bụng đã lùm lùm, Đui lại mềm oặt trên sàn xe cải tiến. Ngày mai, đúng ngày mai sau khi hạ khoáng cho vợ Đội xong theo lệ của làng, thị sẽ lên miền ngược cắt thuốc Nam gia truyền chữa bệnh nghiện rượu cho Đui.

Ông Đoàn lò dò bước vào nhà Đội, ánh nhìn hai người đàn bà trên khung ảnh u uẩn, ông thấy nhột trong người khi gặp thẳng đôi mắt của bà Thành, ánh mắt ấy vừa cô độc, vừa trách móc, vừa van lơn.

Bà Thành vốn dĩ là người đàn bà mặn mòi và tự lập, mẹ bà từ miền biển đến tá túc ở làng nhỏ ven đồi này, khi mẹ khuất bóng bà ở một mình, thân gái bơ vơ làm thuê đủ việc để mưu sinh qua ngày, bà phiêu dạt mãi tận rừng rú đất Quảng Nam nhặt hạt ươi thuê. Thuở đó hạt ươi chưa được biết đến nhiều như bây giờ, thương lái gom mua chỉ để bán cho các tiệm thuốc cổ truyền của người Hoa. Việc thu hái cũng rất khó khăn và thô sơ, trai tráng trèo lên tía cành cho rơi xuống đất rồi đàn bà phụ nữ theo đó mà lượm quả. Trong bước đường ngậm ngải tìm trầm phiêu dạt trên những cung rừng đầy chướng khí ông Đoàn gặp bà Thành, cảm cái tình đồng hương hai người quấn vào nhau, khi mang bầu thì bà Thành một mình về làng khai hoa nở nhụy.

Ông Đoàn chậm nhang cắm vào hai cái lư lằm rằm khăn vái, ông lau lại mặt kính tấm ảnh thờ của bà Thành một cách cẩn trọng, nhẹ nhàng như cái vuốt má âu yếm dưới gốc cây ươi năm xưa, giọt nước mắt già cỗi hiếm hoi rơi giữa khoảng băng khuâng của ngày hè oi ả.

Lo liệu cho vợ Đội xong, ông Đoàn bàn bạc:

- Tao tính rồi, chỗ lảng giềng anh em với nhau thằng Đọi và thằng Đũi chung tay thâu lại cái hồ của xã, nhân thêm giống sen để thu hoạch hạt, giữa hồ thả cá nước ngọt. Nhận thêm đất rừng để trồng keo tai tượng, sau này bán cây nguyên liệu cho nhà máy dăm gỗ đang xây dựng. Hai con bò tăn bán đi lấy tiền mà làm ăn.

Rồi ông quay qua hỏi bà Đền đang phì phạch vẩy quạt cho con bé:

- Mụ thấy tôi tính thế đã ổn chưa?

- Cứ theo ý ông quyết, nhưng tôi e hai thằng nát rượu liệu có làm nên cơm cháo gì không- Bà Đền e dè.

Hỏi là hỏi thế nhưng ông tính cả rồi. Với sự quyết đoán của mình, đây là lúc ông Đản phải đứng ra sắp xếp lại mọi thứ, không thể thờ ơ buông xuôi được, vì tương lai của con cháu trong gia đình nhốn nháo này, bọn trẻ không thể lặp lại vòng đời của ông bà, cha mẹ nó. Được mấy chỉ vàng gom góp trong ống tre dất trên chái bếp, cộng với tiền bán hai con bò tăn, cha con ông Đản đã tạo dựng được đôi keo lai non xanh mướt mắt. Đũi và

Đọi làm lụng cần mẫn, cái hồ sen lan rộng, nở những bông trắng tím. Mỗi chiều mây sà xuống ngang ngọn đồi, Đọi ngồi thờ thần đếm những cánh hoa sen thấm sương, hắt thì thầm với gió lời sám hối muộn màng trong hư ảo. Đọi làm cái chòi giữa hồ, ở hẳn ngoài đó, bốn đứa trẻ do vợ chồng Đũi và ông bà Đản chăm nom.

Từ ngày uống thuốc và cách li đám chợ Đũi dứt hẳn với thần men, chăm lo lao động hơn. Thị Thanh chắc cũng đã đến kỳ khai hoa, ông Đản nhìn cái bụng thè lè của Thanh, hồ như nghe tiếng nhóp nhép sau chuồng bò vắng lại, ông thấy ằng ằng nơi mí mắt, trên môi ông thoảng nụ cười méo xệch, giọt nước mắt già cỗi không rơi, nó chảy quanh giác mạc sao buốt tấy.

NGUYỄN VĂN HÙNG

Bác Hồ trả lời phỏng vấn

- Thưa Chủ tịch, Cụ ghét điều gì nhất?
- Điều ác!
- Thưa Chủ tịch, Cụ yêu điều gì nhất?
- Điều thiện!
- Chủ tịch cầu mong điều gì nhất?
- Nền Độc lập nước tôi, và tất cả các nước toàn cầu!

Các nhà báo còn hỏi thêm Bác sợ gì nhất
Người bảo không sợ gì cả, nhất thiết chẳng sợ gì
Khi đã mang trong mình lòng yêu nước mà đi...

ĐẶNG PHI KHANH

Mong

Cà phê đắng, dạ mong chờ
Vô thường, vô ngã bây giờ ở đâu?

Hoa xoan rắc tím mái đầu
Hiếu sao hết nghĩa, hết câu vô thường.

Mong nhau một lễ khiêm nhường
Rộng dài như biển còn nương bến bờ...

LÊ QUỐC HÁN

Giọt thời gian

Nếu đời không có mùa Đông
mấy ai cảm thấu tuổi Xuân chóng tàn
tiếc thương một đóa cúc vàng
bách tùng vút thẳng trước ngàn bão đông.

Nếu đời không có mùa Đông
mấy ai biết quý cầu vồng trong mưa
trời Thu trong vắt ngàn xưa
chồi non nụ biếc giao thừa báo Xuân.

Quay đều chiếc bánh xe luân
cao xanh rót giọt trong ngần thời gian.

ĐINH HẠ

Chợ thềm hương vị tết xưa

Chợ thềm hương vị tết xưa
Thời câu đối đỏ bàn thờ gia tiên
Cuối năm nước tắm tất niên
Hương nhu, sả, bưởi mẹ tìm bờ ao.

Cái thời rét vẫn ngọt ngào
Người ngồi bên bếp núc nao chuyện trò
Nồi đất bạn với cá kho
Hũ dưa muối chưa kịp chua đã dùng.

Nhớ về tết cũ rưng rưng
Lá dong, nuộc lạt bánh chưng, bánh dày
Thái Sơn khuất bóng ngàn mây
Giờ con lóng ngóng gói thay vuông tròn.

Nhớ thời gánh cổ đơm cơm
Bấm chân qua quãng đường trơn mưa phùn
Thời còn pháo chuột tẹt đùng
Chó nhà ai chạy tứ tung khắp làng.

Tết xưa chợ nhớ miên man
Phiên chợ con nít rộn ràng niềm vui
Trống lung tung thùng mất rồi
Con tò he vỡ dọc thời ấu thơ.

Chợ thềm hương vị tết xưa
Đồng sâu chị cấy kịp vừa đón Xuân
Cây nêu vẫn dựng trước sân
Ngóng người viễn xứ bao năm không về...

Quê giờ còn mấy phần quê?!
Mỗi lần sắp tết lại nghe... chạnh buồn.

PHAN THỊ THANH NHÀN

Chợ tết vùng cao

Tỉnh mơ nghe tiếng khèn
Sương tan dưới thung êm
Vó ngựa ai leo núi
Như giục mời ta lên.

Từng đôi lại từng đôi
Kèn lá rồi đàn môi
Khăn piêu và khuy bạc
Ô xoay che dáng người.

Ngựa buộc dưới bóng cây
Chim rừng hót mê say
Suối reo vui róc rách
Váy xòe hoa như bay.

Lao xao bán và mua
Tiếng Dao nói êm ru
Tiếng Thái trong như suối
Tiếng Mèo sao ngọt lừ.

Ta đi không định hướng
Giữa màu sắc âm thanh
Đôi chân như cánh bướm
Khó chọn riêng một cành.

Chợ đông - người chen nhau
Ánh mắt chào, chẳng nói
Người của trăm ngọn suối
Thế thôi mà vui sao.

Mùa Đông chưa đi hết
Vách núi nở đầy hoa
Chợ tết hay là tết
Ta nghĩ hoài không ra...

THƠ

ĐINH TIẾN HẢI

Mùa

Gió lấp khuôn mặt người rét mướt
Mùa Đông qua phố lòng khùng

Tán bàng nằm trơ cuống lá
Mất mầm một nụ rừng rưng.

CẨM THẠCH

Vũ điệu mùa Xuân

Cây sắng lẻ rừng mình trút lá
Thẹn thùng khoác tấm choàng xanh
Rừng lau trắng làm duyên với gió
Tiếng chim kêu riu rít trên cành.

Ông hồi hã đua nhau tìm mật
Suối ca vang vũ điệu mùa xuân
Cô gái Thái bên khung dệt vải
Ngón tay thon sợi chỉ trắng ngần.

Tiếng khèn môi vọng vang xóm núi
Trái còn bay lơ lửng vòng xoay
Yêu em, anh đưa tay lên bắt
Trái còn nghe tim đập bồi hồi.

Tiếng chày khua rộn ràng khắc luống
Bồi hồi náo nức bếp sào hoa
Mùa Xuân, say men rừng, men núi
Suối cùng em hát khúc tình ca...

ĐỖ VĂN XUÂN

Hoa nở chiều Ba mươi

Có người hành khát qua đây
Nón mê chớp thùng dánh gậy da than
Áo ông trắng vệt muối loang
Nổi đời neo phía trăm ngàn nổi trôi.

Môi khô chôn kín nụ cười
Gió Đông gửi lại tàn hơi úa nhàu
Qua đường có mấy người giàu
Pô xe nhả khói buông câu xanh rờn.

Ông đi về phía cuối đường
Nhà gằm cầu tối gió sương giăng mùn
Tất niên tôi tặng bánh chưng
Môi ông hé nụ rừng rưng bao điều.

Lá xanh che lá rách nhiều
Lòng tôi hoa nở cuối chiều Ba mươi.

HỒ MẬU THANH

Xuân về nhớ Hàn Mạc Tử

Mùa đông cũ ai thương người bệnh khổ
Trái tim đau chín suối vẫn lở bồi
Đời thi nhân hoa đất cứ ngậm ngùi
Cỏ thanh thiên lạnh thăm buốt nhói.

Mang xót xa vượt bao mùa bão nổi
Trăng thượng tuần e ấp những nguyên tiêu
Lỗi hồn nhiên giữa Ghềnh Ráng ánh chiều
Trang thơ mỏng nói gì cùng hậu thế?

Áng mây trôi bến Tiên Sa đẹp thế
Người ở đâu, "Mùa xuân chín" còn đây
Lời hứa đôi và lời của cỏ cây
Bỏ lại cuộc chơi em theo chồng năm ấy.

Sương đầy trời gió lạnh chẳng ai vay
Biển sóng vỗ điệp trùng rồi trốn chạy
Đời đơn bạc lòng trần ai áy náy
Người đi rồi thơ vẫn cứ buông neo.



Minh họa HỮU TUẤN

VŨ TOÀN

Tôi làm người bình thường

Tôi làm người bình thường
giữa bao người tần tảo
giữa bao người cơm áo
những vui buồn giận thương.

Tôi làm người bình thường
con cù xoay sự sống
cây cao thì bóng rộng
tôi lặng thăm cỏ xanh.

Tôi làm người bình thường
gặp suối đành lội suối
gặp núi đành trèo núi
gặp rừng thì xuyên đêm.

Tôi làm người bình thường
mặc cho trời cao thấp
mặc đời quay chóng mặt
đất vẫn màu cỏ lên.

THƠ

NGUYỄN QUYẾN

Vành trăng thượng tuần

Nhìn thấy em dưới đáy thời gian
Gương mặt ẩn trong vành trăng thượng huyền mù sương, nguyên sơ, trinh tiết
Đi đâu lâu vậy? Tháng mấy rồi mà nguyệt vẫn như lưỡi liềm ai quăng lên? Cuối trời
mãi miết...

Vàng sáng rơi xuống đất đánh xẹt
Trong suốt. Ngọc ngà. Thân ai?...

Thì đã nói rồi mà. Hôm đến văn đền chúa Thượng Ngàn, Người làm rơi sợi tóc mai.
Em nhặt được mang về. Từ đó đêm đêm có cái gì luôn phát ra ánh sáng trong lấm
Như cánh đồng sơ khai
Anh tìm nơi đó có điệu ví giặm
Kết tủa tình yêu cha ông
Ồ gương mặt em! Vành trăng thượng huyền thăm thẳm.

Hôm ấy đâu như tháng Hai. Đêm rằm mà sao trăng lại hình lưỡi trai mỏng một?
Có người đàn bà từ trời cao bước xuống biến thành chên đồng đồng vừa hé bông
Cả cánh đồng bỗng trào lên hương sữa lúa.

Em- vành trăng hóa thân hạt gạo ngày mùa...

Năm xưa. Lối này...
Sáng nay vừa qua cơn mưa. Hình như trái đất được gột rửa
Sợi tóc bà chúa Thượng Ngàn còn đó
Ban sơ

Ơi vành trăng thượng tuần! Có thể nào xẻ thêm nữa?...

NGUYỄN THỊ THANH YẾN

Sao anh không về mà ôm lấy con thơ...?

Trong ngôi nhà nhỏ ngày xưa
một tuần vẫn có mấy đêm em không chốt cửa
không còn người đàn bà đợi anh về trong đêm nữa
nhưng con mình thêm hai tiếng “Bố ơi”.

Cuối tuần vắng anh con cứ ngậm ngùi
không dám nhắc vì sợ mẹ buồn, nhưng nhìn mắt con em biết
dù em có thể thay anh đảm đương mọi việc
nhưng hai tiếng “Bố ơi” thì chẳng bao giờ.

Sao anh không về mà ôm lấy con thơ
hết nghĩa vợ chồng nhưng chúng mình là bố mẹ của con thì không ai thay thế được
con nhắc bố hàng đêm và đọc truyện bố vừa mua hôm trước
cái áo cái quần bố tặng mặc nhiều hơn.

Mai đây có thể có người sống cùng em và cùng yêu thương con
nhưng vị trí của anh trong con thì không ai thay được
nên vì thế em muốn giữ ngôi nhà chung thưở trước
để mỗi tuần vài đêm cách cửa vẫn khép hờ.

Sao anh không về mà ôm lấy con thơ...?

Nhà thơ Thạch Quỳ chọn, giới thiệu thơ

Tạp chí Sông Lam số 1/2019, đã giới thiệu bài thơ “Phù du thi sĩ” của tác giả Gerardo Nam Việt - một tác giả thơ, một cộng tác viên mới của Tạp chí.

Bài thơ có ấn tượng, ít nhiều đã gây được cảm tình và sự chú ý của bạn đọc.

Chúng tôi có gợi ý với nhà thơ Thạch Quỳ, đề nghị nhà thơ giới thiệu thêm vài bài để bạn đọc biết rõ hơn về chất thơ, “gu” thơ của một gương mặt thơ mới đang ẩn chứa trong nó những nét thơ còn có phần khác lạ. Sau đây là 2 bài thơ do nhà thơ Thạch Quỳ chọn và giới thiệu.

Dự cảm tháng Bảy

*Cứ rơi đi đâu chẳng phải lá vàng
Mùa thu sẽ về, em biết đấy
Phố dọc ngang, những con đường gấp gáp
Bản hợp xướng gọi mùa viết trên thảm lá xanh.*

*Em trầm mình trong tiếng thờ đêm
Mơ man lửa hồng hoang trầm tích
Thức thỏm mùi hai bên nước
Tháng Bảy về
Chua tay hứng giọt ngẫu.*

*Ta nhắm hát theo điệp khúc của một bài thánh ca
Thấy lòng mình trống rỗng
Ngoài kia
Người hành khất vẫn ngủ say trên những thảm lá xanh bất tận
Như vô cảm trước thời gian.*

*Tháng Bảy hoang lạnh, tháng Bảy khói hương
Gọi những linh hồn tha thần*

*Khúc nhã ca rong ruổi miền yên tĩnh
Mong manh thời khắc giao mùa.*

*Tháng Bảy rằm nắng, tháng Bảy ướt mưa
Nửa mình biển xanh, nửa mình hoang mạc
Khúc vọng ngày đan bằng khổ đau và hạnh phúc
Tấu lên
Khi chuông hoàng hôn điểm vô hồi.*

*Những thảm lá xanh vẫn hát gọi mặt trời
Dự cảm
Về một sắc màu vĩnh viễn
Lên ngôi...*

Đọc thơ của tác giả Gerardo Nam Việt, ta không thể hỏi tổng thể là bài thơ ấy nói gì, cái tứ chung của bài thơ ấy là ra sao, bài thơ tập trung vào một vấn đề nhận thức mang tính triết lý thẩm mỹ chứa đựng ở trong nó như thế nào?

Nghĩa là ta không thể hỏi tổng thể là bài thơ *Dự cảm tháng Bảy* nói với ta điều gì?

Nhưng nó vẫn có nói. Nói bằng tâm hồn, nói bằng thơ, miên man trong ý, trong lời, bằng bạc và man mác trong câu, trong chữ. Tháng Bảy chỉ là dự cảm. Chỉ là cái cớ để tác giả triển khai những ý thơ, những cảm nhận không phải của thời tiết, của tháng ngày cụ thể mà với tác giả, tháng Bảy như là một tiếng “gọi mùa” cho những cảm thức miên man, những ý thơ tiềm ẩn trong vô thức có dịp để tuôn trào.

Tôi đọc thơ ông trong những câu thơ rời rạc. Trong những câu thơ bằng bạc của tác giả. Không phải là không có thơ. Ấu cũng là một cách viết.

*Ta nhắm hát theo điệp khúc của một bài thánh ca
Thấy lòng mình trống rỗng
Ngoài kia
Người hành khất vẫn ngủ say trên những thảm lá xanh bất tận
Như vô cảm trước thời gian.*

*Tháng Bảy rằm nắng, tháng Bảy ướt mưa
Nửa mình biển xanh, nửa mình hoang mạc
Khúc vọng ngày đan bằng khổ đau và hạnh phúc
Tấu lên
Khi chuông hoàng hôn điểm vô hồi
Những thảm lá xanh vẫn hát gọi mặt trời.*

Tôi nghĩ, giới thiệu một bài thơ không phải là sự khẳng định bài thơ đó là hay. Hay, dở của thơ thuộc về cảm nhận của đa phần bạn đọc. Nhưng giới thiệu một gương mặt mới, một tác giả mới trong thơ là giới thiệu cái chất thơ, cái “gu” thơ riêng biệt của tác giả ấy. Mục tiêu của chúng ta là làm quen và nhận diện những gương mặt mới, xuất hiện trong các ấn phẩm mới của Tạp chí chúng ta. Có lẽ, chúng ta hãy cứ đặt yêu cầu cho các bài viết khiêm khiêm vậy đã...

Thiên An, một chiều...

*Một chiều tôi đến Thiên An
Lặng nghe mưa rừng miên man bên đời.*

*Về tìm một chiếc lá rơi
Gió đưa cùng với phận người hư không.*

*Về tìm uống nước Dòng Sông
Chảy trong Hiện Tại mệnh mông tháng ngày.*

*Về tìm lại chút Men Say
Tưởng chừng rã mục theo mây cuối ngàn.*

*Về tìm lại một Cung Đàn
Tưởng chừng lỡ nhịp thời gian vô thường.*

*Về tìm thơm thảo Trầm Hương
Lặng trong hơi-thở-thiên-đường đầu đây.*

*Đồi cao... và gió... và mây...
Bàn chân chạm đến đất này... nên duyên.*

*Về tìm học, biết Nhớ - Quên
U minh len lỏi khắp miền chiêm bao.*

*À ơi... mấy cội trăng sao
Lãng du mấy thuở trúc đào đa đoan...*

*Một chiều tôi đến Thiên An
Mà nghe,
Mà thấy,
Những trang TIN MỪNG.*

Như trên đã nói, đọc thơ về tháng Bảy của tác giả Gerardo Nam Việt không phải là đọc cái tháng Bảy thời gian, thời tiết thì đọc thơ Thiên An của ông cũng không phải là đọc cái phong cảnh Thiên An hay địa lý Thiên An ở trong thơ.

Chả thế mà tác giả Gerardo Nam Việt thường viết hoa các chữ ở trong thơ. Tháng Bảy viết hoa, Dòng Sông viết hoa, Men Say viết hoa, Cung Đàn viết hoa, Trầm Hương viết hoa...

Chúng ta lại gặp lối thơ miên man ấy, miên man cảm xúc, miên man chiêm nghiệm.

Tác giả ngồi ở Thiên An “Lặng nghe mưa rụng miên man bên đời” rồi để cho tâm hồn lang thang đến gặp một chiếc lá rơi, một Dòng Sông, một chút Men Say, một Cung Đàn, một xứ Trầm Hương...

Gặp chiếc lá thì tác giả có thơ về chiếc lá, gặp Dòng Sông thì có thơ cảm thức về Dòng Sông, gặp Men Say, gặp Cung Đàn, gặp Trầm Hương... thì nhà thơ đều có thơ cảm nhận về sự ấy, việc ấy. Những cảm nhận đó, những chiêm nghiệm đó đã ăn sâu, nằm sâu ở trong tâm hồn tác giả tự thuở nào, đến bây giờ gặp người, gặp cảnh tự nó lại cất lên thành thơ. Cứ y như là thơ không định trước, không chủ ý gò gẫm, thả lỏng ra, không ép buộc nó vào một khuôn khổ, một chủ đề định trước. Có lẽ đây là phong cách, là “gu” sáng tác của tác giả thơ Gerardo Nam Việt chăng?

Nếu tác giả miên man thì chúng ta cũng miên man đọc những câu thơ miên man của tác giả, miễn nó đẹp, nó hay là được.

Về tìm lại chút Men Say

Tưởng chừng đã mục theo mây cuối ngàn...

PHẠM QUỐC CA

Nhớ

Cuối năm
Run rẩy hoa đào
Ong bay vườn mẹ
Ngọt ngào tuổi thơ.

Bãi vàng hoa cải
Bay mưa
Tóc mềm sợi gió
Em giờ ở đâu?

Mẹ ta áo bạc dài dẫu
Thời gian thơm
Cối giã trâu hồng tươi.

Chợ Sy tết
Chật nói cười
Người xa đem bốn phương trời về quê.

Đời ta là những chuyến đi
Mùa Xuân thấp thoáng
Bay về sếu giang.

Xa làng
Nhớ bến đò ngang
Mái chèo khuấy nhẹ bóng làng trong veo...

PHẠM BÁ THÁI TÂM

Xin được nói lời

Người ơi xin được nói lời
Cám ơn người đã có thời yêu tôi
Đắm say ánh mắt bờ môi
Trái tim rạo rức bồi hồi về nhau.

Cám ơn người - những nỗi đau
Cuộc tình một thuở qua cầu gió bay
Dấu lòng nhiều lắm đắng cay
Mà không một chút mảy may trách người.

Người ơi xin được nói lời
Cám ơn người đã một thời thương tôi
Nâng niu một cánh hoa rơi
Trong ngàn ý nghĩ cũ người mới ta.

Cám ơn người - cõi ta bà
Những lời gần lẫn tiếng xa buốt lòng
Ghét nhau câu nói lộn sòng
Bao giờ có được chữ KHÔNG hỡi người?

THẠCH QUỲ

Hoa

Đường đầy hoa đỏ
 Phố ngập hoa vàng
 Lâm tâm mưa bụi
 Bốn bề Xuân sang.

Người ưa đào thắm
 Kẻ chuộng đào phai
 Ai về ngõ quất
 Ai tìm lối mai...

Bâng khâng ngó lại
 Gió Xuân thổi hoài
 Viết bài thơ mới
 Bây giờ gửi ai?

LÂM BẰNG

Đề ảnh

Tìm chi trong dáng lá
 Xiêm áo mùa tặng nhau.

Hồn vía đâu là tả
 Để ráng chiều lạng mau.

Có chăng thần Vishnu
 Nở cười trong mắt lạ.

Kìa vườn ai bóng ngả
 Sông trăng trôi qua thêm.

LÒ CAO NHUM

Lời tháng Giêng

Chim Khàng khoáy đợi mùa gieo mạ
 Chim Khảm khá gọi mùa tìm đôi
 Bông mạ vàng thoi thả
 Hoa úm áo tím ngát chân trời.

Mùa xuân reo về náo nức
 Mùa hội hè trống chiêng
 Như lòng anh bung biêng
 Ôm lời chim về núi.

Bước đi vấp rễ cây khắc khoải
 Bước lại va ngọn gió thở dài
 Lo tiếng vàng ngả dốc
 Lo lời ngọc trôi sông.

Lo dẫn cây không theo hướng
 Ngả cây không lựa chiều
 Cây chiêm trông thời vụ
 Gieo mùa đếm trời ngâu.

Sợ đèo núi hoang sơ khảng khiu càn đậu
 Ngồi sần bương mái lợp sao trời
 Đêm đêm ngóng nắng về ủ ấm
 Sương mai lên lòng dạ vui đầy.

Giêng Hai lất phất mưa bay
 Anh nâng niu lời chim về núi
 Đón em về mùa màng hoa trái
 Gác sần thơm chín bậc cầu thang.

NGUYỄN CHÍ DIỄN

Cây gạo đầu làng

Đầu làng cây gạo trở hoa
Thắp lên ngọn đuốc thắp Ba giữa trời
Gió đùa đóm lửa rụng rơi
Tựa như xác pháo sáng ngời triền đê.

Bầy chim gọi bạn tìm về
Uống bao mật ngọt tràn trề giọt xuân
Trẻ thơ khắp xóm quây quần
Cành xa vịn gậy, cành gần vịn tay.

Khúc sông quê nước vơi đầy
Vẫn in bóng gạo thắp ngày khảng khiu
Hỏi bà tuổi gạo bao nhiêu
Mà như cổ tích giữa chiều mộng mơ?

Bà rằng xưa lắm tuổi thơ
Đã thấy dáng gạo trơ trơ trước đình
Màu hoa như máu cuộc tình
Kẻ trời, người đất điêu linh kiếp người.

Xa quê mấy chục năm rồi
Đầu làng chẳng thấy đỏ trời thắp Ba
Về đâu năm tháng phơi pha
Về đâu dáng gạo, dáng bà về đâu?

HOÀNG ANH TUẤN

Rằm

Mỗi tháng một rằm luôn đúng hẹn
Bà tôi thành kính thắp hương vòng
Dâng mâm quả chín trong vườn cũ
Gọi gió bay về theo bướm ong.

Bà khấn thần linh cai quản đất
Xua đi sâu bọ hại mùa chiêm
Cho ngô sai hạt đầy quang gánh
Để lúa trĩu bông đổ lười liềm.

Bà khấn tổ tiên xa khuất núi
Độ trì con cháu khoẻ chân tay
Thẳng lưng cứng gối không luồn cúi
Như hạt mọc trên mấy luống cày.

Bà khấn cô Bơ miền thoải phủ
Đừng làm bão lụt với mưa giông
Quét trần tô thắm làn môi đỏ
Cô cưỡi ngựa đi giữa ráng hồng.

Bà khấn ông tôi vùng chiến trận
Nắm xương ngủ lại dưới cây rừng
Kìa đàn đom đóm vào khung cửa
Nước mắt tuổi già hoen khói sương.

Bà khấn chúng sinh đang đói khát
Chẳng nơi nương tựa chốn trần gian
Câu kinh tiếng mõ chờ siêu thoát
Muối gạo bà gieo vãi nắng vàng.

Bà ngồi hạc trắng lên côi phạt
Hoa huệ thêm khuya thơm thắp năm
Những đêm trăng sáng tôi hay khóc
Vì nhớ bà tôi nhớ những rằm...

ĐOÀN XUÂN HÒA

Chậm chậm đến mùa Xuân

Cục máu đông tự mấy mùa đông trước
Xác bóng bay bịt kín cổng nhà băng
Tiếng bò rống dọc vỉa hè biệt thự
Phả vào chiều thăm thẳm những hư không.

Hoa sống gấp như chạm ngày tận thế
Từ mùa thu năm ngoái trở đầy bông
Làng phấp phồng bao em gái trẻ
Tuổi mười lăm, mười sáu cuốn theo chồng.

Tà lững thững cầu mùa Xuân đến chậm
Thời gian ơi đừng lái suất như tiền
Hoa sót lại hãy nở hồng má phở
Mất ai kia như thể vẫn bình yên.

TRƯƠNG QUANG THỨ

Thời gian

Thời gian như nước qua cầu
Bước chân dần mỏi, mái đầu ngả sương
Những gì được mất, giận thương
Vẫn còn canh cánh đêm trường khôn nguôi.

Thời gian làm lá vàng rơi
Làm cây đốn nhựa đơm chồi nở hoa
Bình minh giục già chiều tà
Dòng sông cuộn chảy, tàu qua bao miền.

Thời gian khắc nghiệt, diệu huyền
Loại trừ, tái tạo, làm nên bao điều
Đông gây ngọn lửa chất chiu
Bừng lên khát vọng tình yêu cuộc đời.

THƠ

TRẦN NAM PHONG

Chiều cuối năm

Buổi chiều đi dọc tiếng chim
Nghe trong thớ gió nổi chìm hư vô
Câu thơ buông xuống mặt hồ
Vớt lên một mảnh bọt thờ heo may.

Chiều nghe gió chín trên cây
Nôn nao năm cũ đông đầy nhớ thương
Hồn về tạ lỗi cổ hương
Chân đi muôn nẻo tha phương đất trời.

Nhặt lên tiếng khóc, nụ cười
Thành hoa nở thắm hồn người trong tôi
Mùa Xuân làm tổ bên đời
Vinh hằng sông cứ sinh sôi cánh buồm.

Cho tôi đi hết ngọn nguồn
Bát cơm cha mẹ, nỗi buồn của em
Cho tôi sao sáng vào đêm
Mở ra ngọn gió vô biên đất trời.

VÕ VĂN THOAN

Tết về vắng mẹ

Tết về, mẹ đã đi xa
Nỗi niềm thương nhớ sao mà chênh vênh
Bao đêm giấc ngủ gập ghềnh
Trong mơ gặp mẹ hiền lành của tôi.

Bánh chưng xanh đã chín rồi
Thắp hương thăm gọi, mẹ ơi có về
Bóng ai phía cuối bờ đê
Hao hao giống mẹ về khuya thế này?

Tết giờ không có mẹ thầy
Đào mai dù rộ đứng đây như thừa
Con ngồi đếm những giọt mưa
Bên thềm vắng tiếng nô đùa chùng chiềng...

VƯƠNG CƯỜNG

Hoa khế góc vườn

Em
anh đã về rồi
em lặng tím ở góc vườn ngơ ngác.

Ngỡ đã đi qua một vòng trái đất
những mùa hè thảng thốt
những mùa thu hun hút heo may
những mùa đông gió cuộn vào mây
bốn mùa nhớ găm đau lòng ngực...

Anh mang trong lòng
liu riu ngọn lửa tím
liu riu lời đắm say
anh đã qua những vùng đất chết
anh đã qua những chuyến đò đầy
anh đã nghe
mùa Xuân tí tách trở về
mùa Hạ căng buồm xanh ngắt
mùa Thu rải cánh diều mơ
mùa Đông mây trời tù ngục.

Ơ kìa, sao em không nói
sao em không cười
trong giấy lát anh buồn
ngắm thăm vườn đang thêu tiếng chim
con chào mào đỏ đít, đội mũ đen
con chim sâu thoăn thoắt chuyền vàng
nắng sớm vẽ ma trận gù trên đất
ngước nhìn em tím mỏng mớ côi.

Liu riu ngọn lửa tím
liu riu lời đắm say
thời gian chầm chậm từng giây
nhè nhẹ góc vườn hương đại.

Anh đọc được những lời em không nói
gói đắm say vượt tiếp cuộc hành trình...

VĂN HIỂN

Cung đàn Xuân

Một dây ai lấy... buồn vui
Luyến la luyến láy đất trời mang mang.

Cung ngân dậy thuở hồng hoang
Mây trôi bèo dạt ngổn ngang nổi người.

Cung thương mưa gió sập sùi
Mẹ cha gieo gặt đứng ngời chưa yên.

Xao lòng này khúc giao duyên
Sang sông chim sáo đậu thuyền
người đứng.

Cung thanh chua ngọt đã từng
Ngược rừng xuôi biển xin đừng
ngươi quên.

Ai lên Quán Dốc thì lên
Giây tơ ống trúc nổi miền quê xa.

Tay em hoa cải hoa cà
Sông sâu anh lội nẻo xa anh tìm.

Ở đâu đuôi mắt lìm dim
Trống cơm chờ vỗ đàn kìm chờ trao.

THƠ

VƯƠNG ĐÌNH KHANH

Vô cùng

Khẽ chạm bờ môi em
Nghe giấc ngủ đắm sâu gột quên miền dĩ vãng
Bao nhọc nhằn lo toan cuộc sống
Nhường chỗ cho vòng tay ngoan.

Mấy mươi mùa trở gió ngỡ tin yêu hoang tàn
Ta dịu ngọt đón vàng dương sau cơn mưa vỡ òa niềm hạnh phúc
Nín nỗi buồn xuống thấp để vết nứt ngủ yên và tâm bay lên chói lòa vàng nhạt nguyệt
Tình yêu nguyên sơ như thuở ban đầu.

Trả lại cho đời chiếc gàu rã nát
Chút tình trắng lặn đáy sông...
Ta ngược về tiền kiếp
Nương nấu một tình em vốn dĩ đã vô cùng.

Những cánh chim đại bàng của một vùng quê

LÊ THỊ HẠNH LIÊN

Vùng quê, ấy là 5 xã bên hữu ngạn sông Lam của huyện Nam Đàn, nằm lọt thỏm giữa hạ lưu hai con sông từ xưa nổi tiếng hung dữ mùa bão lụt: sông Lam và sông La. Ấy là Nam Trung, Nam Cường, Nam Phúc, Nam Kim và Khánh Sơn. Mọi người vẫn gọi thân mật là Năm Nam.

Trước đây vùng đất này hầu như bị cô lập với bên ngoài bởi nghèo đói, không có đường giao thông đi lại, quanh năm ngập trong bão lụt; nhưng không hiểu vì sao lại là nơi nổi tiếng là đất khoa cử, là đất cách mạng, mà chỉ tính thời đương đại là những cánh đại bàng đầu tiên tiêu biểu:

1/ Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Năm Nam

Trong lịch sử, sông Lam đã nhiều lần đổi dòng. Nhiều xã vùng quê này vốn liền thổ với huyện Hưng Nguyên. Rất đông dân cư dọc sông Lam là dân Hưng Nguyên, vẫn do tổng Phù Long của huyện Hưng Nguyên quản lý (mãi đến năm 1949, sau Cách mạng tháng Tám mới cắt chuyển sang Nam Đàn). Phong trào Cộng sản ở Chín Nam từ khi có Đảng (1930) với việc thành lập các chi bộ ở đây là do Xứ ủy Trung kỳ trực tiếp lãnh đạo, phụ trách. Tháng 4 năm 1930 Xứ ủy Trung kỳ chỉ đạo thành lập 2 chi bộ ở vùng Phù Long và Nam Kim. Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Năm Nam được thành lập mang tên Chi bộ Trúc - Lam - Giang là bí danh (khi hoạt động bí mật) của ông Lê Xuân Đào (Trúc), ông Nguyễn Hữu Nhượng (Lam) và bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga, tức là bà Thông Phia (Giang). Ông

Lê Xuân Đào được cử làm Bí thư Chi bộ. Ông Lam và bà Giang đều là người xóm Trung Cần, xã Nam Trung. Như vậy là Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Chín Nam nằm trong huyện Hưng Nguyên. Chi bộ Trúc - Lam - Giang hoạt động, phát triển, về sau thành nhiều chi bộ của các xã và liên xã, trở thành một lực lượng hùng hậu, lãnh đạo nhân dân Năm Nam trong các sự kiện của cách mạng. Tên người Bí thư Chi bộ đầu tiên của Năm Nam (Lê Xuân Đào) nay được đặt cho con kênh chảy từ xã Hưng Long dọc theo xã Hưng Xá, Hưng Xuân, Hưng Lam...

Chi bộ đầu tiên của vùng quê Năm Nam vừa thành lập đã phải đương đầu với bao khó khăn, gian khổ. Phải lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương trong sự đàn áp gắt gao của giặc Pháp và quân lính Nam triều. Bắt đầu là phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh, từ cầu Yên Xuân với cuộc biểu tình của dân xứ Nghệ đã đi vào sử sách, ngày 12 tháng 9 năm 1930.

Cầu Yên Xuân hoàn thành năm 1924, dài 350 m với 5 nhịp, chỉ dành riêng cho tàu hỏa (với đường ray 0,90 m phổ biến thế giới lúc đó). Cạnh chân cầu là bến đò, cũng mang tên là bến đò Yên Xuân. Cầu Yên Xuân đã từng là nhân chứng lịch sử của người dân Năm Nam trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh. Những năm 1930-1931, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào cách mạng đã bùng lên dữ dội ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Nhiều đoàn biểu tình chống Pháp và triều đình nhà Nguyễn từ các huyện Đức Thọ, Hương Sơn, Thạch Hà...(Hà Tĩnh) đã đi qua đây hoặc tập trung ở đây cùng các đoàn biểu tình của các huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Hưng Nguyên (Nghệ An) kéo ra thành phố Vinh đấu tranh với Pháp và chính quyền Nam triều. Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 12 tháng 9 năm 1930. Từ cầu Yên Xuân, có ga Yên Xuân ngay đầu cầu, các đoàn biểu tình đã tập trung hơn 8000 người. Một cuộc mít tinh rầm rộ đã nổ ra ở đây, người diễn thuyết, tố cáo tội ác của giặc Pháp và triều đình phong kiến, kêu gọi mọi người đi biểu tình đấu tranh chính là bà Thông Phia. Sáng hôm sau đoàn biểu tình kéo lên chợ Vực (xã Hưng Xá) cách ga 2 km, đi theo đường hàng tỉnh ra Thái Lão (xã Hưng Thái) để xuống Vinh thì bị lính Pháp từ Vinh kéo lên cùng máy bay đàn áp. Chúng đã giết chết 217 người, bắn bị thương 125 người. Giặc Pháp đã đốt cháy hàng chục ngôi nhà trong đó có của nhân dân làng Phố Đông, làng Xuân Trạch, làng Long Xuyên (xã Nam Cường) là những địa phương nằm sát cầu Yên Xuân. Sau hòa bình (1954), con đường mà đoàn biểu tình đã đi qua được mang tên là đường 12/9, chạy từ Chợ Vực ra Nghĩa trang liệt sỹ Thái Lão, nằm trên đường từ Vinh về quê Bác Hồ.

Trong ngọn lửa cách mạng dữ dội ấy và tiếp theo những năm sau của cách mạng Việt Nam, không ai quên người Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên là ông Nguyễn Tiềm.

2/ Ông Nguyễn Tiềm - Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An đầu tiên

Ông Nguyễn Tiềm (bí danh là Quảng) sinh ngày 10/11/1912 tại xóm Hạ, làng Dương Liễu, xã Nam Trung. Cha là ông Nguyễn Danh Chính, một nhà nho hiếu học, yêu nước, lúc còn trẻ đã nhiều lần đi thi ở trường Nghệ nhưng không đỗ đạt, ở nhà làm ruộng. Mẹ là bà Võ Thị Tiểu, một người phụ nữ hiền thực, sớm hôm chăm lo

vườn ruộng và nuôi dạy con cái. Lúc nhỏ Nguyễn Tiềm học chữ Hán với cha. Năm lên 8 tuổi học chữ quốc ngữ ở trường làng sau đó học Trường Tiểu học Pháp - Việt ở thị trấn Nam Đàn. Năm 1926, Nguyễn Tiềm thi đậu vào Cao đẳng Tiểu học Vinh.

Nguyễn Tiềm sớm có tinh thần yêu nước, đầu năm 1927 ông tham gia Tân Việt và tổ chức Sinh Đoàn để đoàn kết, tập hợp thanh niên, học sinh trong phong trào đọc sách, báo tiến bộ, thơ văn yêu nước. Tổ chức này về sau là chi bộ của Đảng Cộng sản Đông Dương và được cử làm Bí thư Chi bộ. Những hoạt động của Nguyễn Tiềm bị mật thám theo dõi, ngày 3/3/1930, thực hiện lệnh của Công sứ Vinh, Hiệu trưởng nhà trường đã ra quyết định đuổi học Nguyễn Tiềm vì tội tham gia “hội kín”. Tháng 6/1930 Nguyễn Tiềm được Xứ uỷ Trung kỳ chỉ định làm ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An lâm thời, phụ trách công tác tuyên truyền cổ động. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trước phong trào cách mạng phát triển và chống trả lại sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, giữa tháng 10/1930 Tỉnh uỷ Nghệ An triệu tập Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất, đã bầu ra Ban Chấp hành chính thức đầu tiên của Đảng bộ tỉnh gồm 7 đồng chí, do Nguyễn Tiềm làm Bí thư. Nguyễn Tiềm (lúc đó mới 18 tuổi) đã đề ra những chủ trương sáng suốt như vay lúa của các nhà giàu có ở địa phương cứu đói cho dân nghèo, xây dựng các tổ chức quần chúng Nông hội đỏ, Tự vệ đỏ, Thanh niên cộng sản đoàn, Phụ nữ giải phóng... làm chỗ dựa cho các tổ chức đảng. Cuối tháng 5 năm 1931, cơ quan Xứ uỷ Trung kỳ bị địch khủng bố, nhiều cán bộ chủ chốt của Xứ uỷ như Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Mao bị địch bắt, Nguyễn Tiềm được Xứ uỷ điều lên bổ sung vào Ban Thường vụ Xứ uỷ phụ trách công tác tuyên truyền. Do làm việc quá sức, lại ăn uống kham khổ nên Nguyễn Tiềm bị ốm nặng, nhưng vẫn cố sức làm việc. Đêm 17/10/1931, bọn mật thám và lính đồn đến vây bắt Nguyễn Tiềm trên giường bệnh. Biết ông là Bí thư Tỉnh uỷ Nghệ An, là Thường vụ Xứ uỷ Trung kỳ, mặc dù còn ốm yếu, nhưng chúng đã dùng đủ mọi cực hình để tra tấn làm cho Nguyễn Tiềm chết đi sống trong suốt 2 tháng trời, nhưng Nguyễn Tiềm kiên quyết không khai. Trong phiên toà xử án tù chính trị ngày 18/1/1932, Toà án Nam Triều đã kết tội tử hình đối với ông Nguyễn Tiềm. Trước áp lực của quần chúng phản đối, ngày 24/6/1932, Khâm sứ Trung kỳ buộc phải giảm án Nguyễn Tiềm xuống khổ sai chung thân và đày ông đến nhà tù Lao Bảo. Ở đây, nơi rừng thiêng nước độc và chế độ hà khắc của nhà tù và do bị tra tấn nhiều trong lúc bệnh nặng, Nguyễn Tiềm đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày 11/10/1932.

Nhà lưu niệm của Nguyễn Tiềm ở xóm 1 (Dương Liễu), xã Nam Trung là Di tích Lịch sử Văn hóa quốc gia và tại thành phố Vinh có một đường phố mang tên Nguyễn Tiềm.

3/ Ông Đặng Chính Kỷ - Bí thư Huyện uỷ đầu tiên của Nam Đàn

Từ sau năm 1930 khắp nơi trên đất nước Việt Nam và nhất là Nghệ - Tĩnh, trong các cuộc mít tinh, biểu tình và hoạt động chống thực dân Pháp và triều đình phong kiến đâu đâu cũng nghe đến bài thơ ca ngợi tinh thần đấu tranh bất khuất của Phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh:

BÀI CA CÁCH MẠNG

Kia Bến Thủy đứng đầu dậy trước,
Nọ Thanh Chương tiếp bước đứng lên.
Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên,
Anh Sơn, Hà Tĩnh một phen dậy rồi.
Không có lẽ ta ngồi chịu chết,
Phải cùng nhau cương quyết một phen.
Tổng này xã nọ kết liên,
Ta hò ta hét, thét lên thử nào.
Trên gió cả cờ đào phát phới,
Dưới đất bằng giấy trắng tung ra,
Giữa thành một trận xông pha,
Bên kia đạn sắt, bên ta gan vàng.

Tác giả của bài thơ rùng rục tính chiến đấu và bài ca tinh thần cách mạng ấy là ông Đặng Chính (Chánh) Kỷ tên thật là Đặng Đức Chiêm (còn có tên là Đặng Tùng Mậu), Bí thư Huyện ủy đầu tiên của huyện Nam Đàn. Đặng Chính Kỷ quê ở xã Khánh Sơn, sinh trưởng trong một gia đình Nho học, nhà nghèo, có truyền thống yêu nước. Từ bé ông đã tỏ ra thông minh, chăm học.

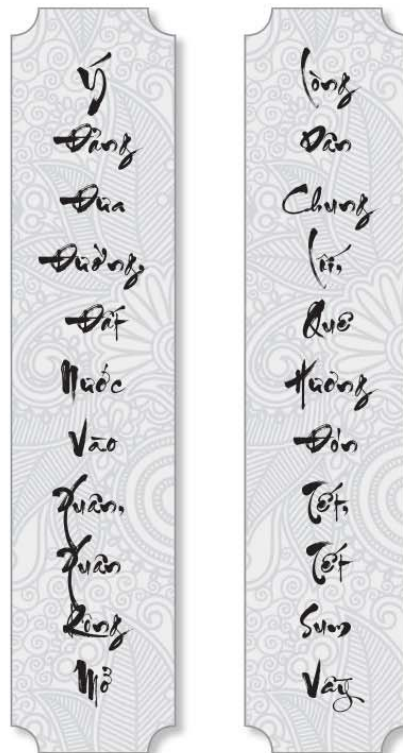
Năm lên 10 tuổi ông được Thượng thư Bộ học Cao Xuân Dục - bạn thân của cụ Đặng Tế (ông nội của Đặng Chính Kỷ) là Thượng thư bộ Lễ triều Nguyễn đưa vào Huế học trường Quốc học cùng với anh em Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) và Nguyễn Tất Đạt là con trai Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Đặng Chính Kỷ học giỏi, năm 19 tuổi đỗ Thành chung vào loại xuất sắc (1910), ông về quê dạy học và tham gia viết báo một thời gian. Năm 1920 ông vào Huế mở trường tư thực và viết báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng, cùng với cụ Phan Bội Châu viết sách, báo tuyên truyền và giáo dục tinh thần yêu nước cho thanh niên, học sinh. Nhân dịp ngày giỗ đầu cụ Phan Chu Trinh, được cụ Phan Bội Châu ủy thác, Đặng Chính Kỷ đã đọc bản tiểu sử của cụ Phan Chu Trinh, ca ngợi tinh thần yêu nước của cụ Phan Chu Trinh và những người đồng chí của cụ. Đặng Chính Kỷ bị mật thám Pháp theo dõi và bắt đóng cửa trường tư thực của ông.

Năm 1926, Đặng Chính Kỷ tham gia Tân Việt Cách mạng Đảng. Ông được cử về Nghệ An phát triển tổ chức cùng với ông Phan Đình Đồng. Ông về quê Nam Đàn hoạt động và khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (6/1/1930), Đặng Chính Kỷ gia nhập Đảng. Tháng 10 năm 1930 ông được bầu vào BCH Huyện Ủy Nam Đàn và được cử làm Bí thư Huyện ủy (khóa đầu tiên). Với tinh thần trách nhiệm và khả năng, học vấn cao ông đã có nhiều cống hiến cho việc tuyên truyền vận động cách mạng bằng văn nghệ và báo chí. Ông được Tỉnh ủy điều lên phụ trách Ban Tuyên truyền của Tỉnh đảng bộ Nghệ An. Đầu năm 1931 Đặng Chính Kỷ bị địch vây bắt, bị đánh đập, tra tấn dã man hàng tháng trời nhưng ông

cần răng chịu đựng, không khai báo điều gì. Phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh bị đàn áp khốc liệt, khi biết tin quân địch sẽ đưa ông ra tòa xử với bản án tử hình, ông đã tự sát vào ngày 27 tháng 5 năm 1931 tại Nhà lao Vinh, không chịu để cho kẻ thù đưa mình ra pháp trường. Hiện nay ở xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn có một ngôi trường phổ thông cơ sở mang tên Đặng Chính Kỷ để ghi nhớ công lao của một người con Năm Nam trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Bây giờ Năm Nam đang từng ngày thay da đổi thịt và phát triển. Lũ lụt năm xưa, nỗi kinh hoàng của bao thế hệ nay giảm hẳn. Nhà ngói tường xây, nhà cao tầng khang trang. Không một gia đình nào thiếu ăn, thiếu mặc. Thị trấn Phúc Cường đang hình thành, hứa hẹn một thị tứ giàu có, sầm uất. Từ khi cầu đường bộ Yên Xuân được xây dựng (2016), đi ô tô từ thành phố Vinh, đến Đức Thọ, Hương Sơn để sang Lào chỉ mất 30 phút. Như trong giấc mơ. Để có được như hôm nay không ai quên những cánh chim đại bàng đầu tiên của quê mình đã vỗ cánh bay lên chống chọi với giông bão và báo hiệu mùa Xuân mới của dân tộc. Những cánh chim đại bàng ấy không bao giờ chết trong lòng nhân dân.

TRẦN HÀ



Nhớ về xứ Nghệ từ bên kia bán cầu

HỒ NGỌC THẮNG

LTS: Tác giả Hồ Ngọc Thắng là người Đức gốc Việt. Ông từng là cựu chiến binh chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị từ 1972 đến 1974. Tốt nghiệp Đại học Luật ở Đức, làm chuyên viên gần 3 thập kỷ trong cơ quan thuộc Bộ Nội vụ Liên bang Đức phụ trách di cư và tị nạn, ông cũng là cộng tác viên của Báo Nhân Dân và các tờ báo khác đã nhiều năm.

Dù xa Tổ quốc, nhưng tấm lòng của ông luôn đau đáu nhớ về đất nước, quê hương. Sau khi biết tới Tạp chí Sông Lam trên mạng internet, ông đã mừng vui, góp ý, chia sẻ và gửi bài cộng tác với Tạp chí. Ông cũng nói rằng, đó là một phần tình cảm của người con xa xứ với quê hương của Bác Hồ kính yêu.

Ban biên tập trân trọng giới thiệu bài viết này của ông.



Châu Âu nói chung, ở Cộng hòa Liên bang Đức nói riêng, rất đông những người con xứ Nghệ sinh sống. Các thế hệ con cháu của họ cũng được sinh ra và lớn lên ở xứ người. Nhiều người trong số họ rất thành đạt trong hoạt động kinh doanh. Ở nhiều trường đại học, con cháu người xứ Nghệ là những sinh viên xuất sắc, đã phát huy được truyền thống hiếu học có từ bao đời nay của ông cha. Dù ra đi trong hoàn cảnh và lý do nào, mọi người hướng về đất nước với lòng tự hào về truyền thống cách mạng của quê hương Xô viết Nghệ - Tĩnh. Nhiều gia đình có con em ở độ tuổi đi học và dịp tết không trùng với các kỳ nghỉ của nhà trường, nên đành đón tết Nguyên đán ở nơi đang cư trú. Và một điều khó lý giải, dù là thành viên của một tôn giáo hay người vô thần, thì tết Nguyên đán vẫn kỳ diệu với những con người mang dòng máu Lạc Hồng trong huyết quản.

Cá nhân tôi, tuy sinh ra và lớn lên ở Tỉnh Gia, nơi vẫn thường được gọi là vùng nam Thanh bắc Nghệ, nhưng vẫn có nhiều kỷ niệm sâu sắc với xứ Nghệ. Từ ngày cấp sách đến trường phổ thông, tôi đã cảm nhận tình cảm tốt đẹp trong trái tim mình dành cho tỉnh Nghệ. Cô giáo kể về xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là nơi Bác Hồ ra đời đã trải qua những năm tháng tuổi thơ. Lần đầu đi thăm Nghệ An là kỷ niệm tôi không bao giờ quên. Đó là năm 1964, lúc 10 tuổi, ba đưa tôi bằng xe đạp vượt chặng đường 50 km từ chợ Kho vào Cầu Giát, nơi 2 người anh trai của ba sinh sống. Hồi đó, quốc lộ 1A rất chật hẹp và khó đi vì đường rải đá dăm với vô số “ổ gà”, vượt qua khe Nước Lạnh, nơi được xác định ranh giới giữa hai tỉnh là tới đất Nghệ. Hồi đó, địa hình ở đây hiểm trở, nhiều người kể những chuyện câu chuyện huyền bí về nơi đồi núi heo hút, ban đêm không ai đi qua đây vì có cọp và kẻ cướp. Đến Cầu Giát, tôi như đã quên đi sự mệt nhọc của hành trình, lần đầu tiên trong đời được tận mắt thấy một thị trấn sầm uất với cảnh buôn bán nhộn nhịp. Bác Thành, anh trai của ba tôi hồi đó là chủ hiệu chụp ảnh nổi tiếng ở Cầu Giát. Thật thú vị khi chứng kiến cảnh khách hàng đến chụp ảnh đông đúc. Họ tìm đến vì ông là một nhiếp ảnh gia nổi tiếng và có uy tín, nhất là sau khi ông đoạt giải thưởng quốc tế trong một lần tham gia triển lãm ảnh tại Cộng hòa Liên bang Đức.

Trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ, ngoài thành phố Vinh, thị trấn Cầu Giát và nhà ga Cầu Giát là địa điểm thường xuyên bị đánh phá bởi máy bay và pháo kích của hạm đội 7 bắn vào từ Biển Đông. Sau chiến tranh, nơi đây bị tàn phá tan hoang phải xây dựng lại toàn bộ. Trong thời gian chiến tranh, gia đình người bác phải sơ tán lên khu vực phía Tây được gọi là vùng nông trang. Một lần lên thăm bác, tôi bị hút hồn bởi phong cảnh tuyệt đẹp của vùng sơn cước phía tây huyện Quỳnh Lưu. Trong vườn nhà, tôi thấy những hàng cây cà phê xanh tốt, ngút ngàn, bên cạnh những cây cam trĩu quả nom mát mắt dịu lòng.

Một hành trình nữa, dài ngày xuyên suốt toàn tỉnh Nghệ An đã để lại những ấn tượng sâu sắc trong tâm trí tôi cho đến tận ngày hôm nay là cuộc hành quân ra trận khi tôi tròn 18 tuổi. Để tham gia chiến dịch Xuân - Hè Trĩ - Thiên năm 1972, từ địa điểm tập kết ở ngã ba Chuối (nay là thị trấn Nông Công, Thanh Hóa), tôi và đồng đội di chuyển bằng xe quân sự theo đường 15 vào ban đêm. Vì mưa to gió lớn, chúng tôi rất vất vả để vượt qua dốc “Bò Lăn” chạm đất Nghĩa Đàn, miền Tây Nghệ An khi mặt trời lên cao. Nguy cơ bị máy bay Mỹ phát hiện và oanh tạc, buộc chúng tôi vào rừng trú ẩn. Đó là cơ hội để tôi ngắm phong cảnh hùng vĩ của núi rừng miền tây tỉnh Nghệ. Sau 1 ngày ở binh trạm Nghĩa Đàn, đêm đến chúng tôi đi xe đến binh trạm Nam Đàn. Từ đó hành quân bộ vào ban đêm theo đường đê sông Lam vào binh trạm Đức Thọ ở Hà Tĩnh. Dưới ánh trăng sáng tỏ, từ triền đê tôi nhìn thấy những ngôi làng quê xinh đẹp, với những bến đò nổi lên những miền quê yên tĩnh, thơ mộng làm tôi nhớ tới câu ca dao: *“Đường vô xứ Nghệ quanh quanh/ Non xanh nước biếc như tranh họa đồ”*. Và tôi mơ ước, khi hòa bình, nước nhà thống nhất tôi sẽ về thăm lại vùng đất của sông Lam, sông La và núi Hồng Lĩnh.

Và ước mơ đã trở thành hiện thực. Mùa hè 1975, trở về từ chiến trường miền Nam, tôi thăm lại thị trấn Cầu Giát và thấy một cuộc sống mới đầy hứa hẹn đã bắt đầu, mặc dù vết thương chiến tranh vẫn còn dày đặc. Sau này, mỗi khi từ Đức về Việt Nam tôi đều ghé thăm xứ Nghệ. Gia đình người anh họ sống ở TP Vinh, gần Quảng trường Hồ Chí Minh. Ở đó, khi dạo bước trên những đường phố rộng thênh thang với rất nhiều cửa hàng sang trọng, tôi có cảm giác như đang đi ở những thành phố lớn ở châu Âu. Sau những lần về nghỉ mát ở Cửa Lò, tôi không muốn đi nghỉ mát những nơi khác. Bởi vì cơ sở hạ tầng ở Cửa Lò được nâng cao rõ rệt và dịch vụ du lịch không thua kém nước ngoài, và đặc biệt là giá cả hợp lý, đối với khách du lịch phương Tây quá tuyệt vời.

Một đồng đội của tôi, hồi ở mặt trận Quảng Trị, anh là Trung đội trưởng Trung đội thông tin của Tiểu đoàn 1 Bộ binh, Trung đoàn 101, Sư đoàn 325, sau khi về hưu, hiện đang sống ở Đô Lương. Nhiều lần tôi đến thăm anh và được chứng kiến sự thay da đổi thịt của vùng nông thôn Nghệ An. Cảnh đói nghèo của năm xưa đã vĩnh viễn đi vào quá khứ, thay vào đó là những con đường rải nhựa, những cây cầu mới, và những ngôi nhà khang trang tạo nên một bức tranh sinh động của một miền quê trù phú. Trên đường từ Tĩnh Gia đến Đô Lương, 2 bên đường không chỉ là những ngôi nhà mới hiện đại, trường học, bệnh xá mà thi thoảng có nhà thờ Công giáo khang trang với tháp chuông cao vút giữa nền trời. Cảnh quan đó giúp nhận biết mật độ nhà thờ Công giáo ở thành thị và nông thôn Việt Nam như thế nào. Hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với những gì mà các thế lực thù địch và thành phần bất mãn lâu nay cứ rêu rao, ở Việt Nam không có tự do tôn giáo, nhân quyền bị xâm phạm.

Và không thể thiếu được, là con cháu họ Hồ phải một lần đến thắp hương đền thờ Nguyên tổ họ Hồ (Hồ Hưng Dật - Đền Vua Hồ) một di tích lịch sử Quốc gia tại xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu. Là người suốt đời yêu kính Bác, trong một lần về thăm quê, tôi hạnh phúc khi được thăm Khu di tích tưởng niệm Người tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn và Khu mộ bà Hoàng Thị Loan. Ngôi nhà đơn sơ, đồ vật giản dị vẫn còn đó, với tôi có giá trị như những bài học quý giá. Được tận mắt chứng kiến sự thay đổi to lớn ở Việt Nam nói chung và ở xứ Nghệ nói riêng, tôi cảm thấy tự hào mình là một người con của một dân tộc không chịu khuất phục trước vũ lực của kẻ thù, bất chấp mọi khó khăn gian khổ để xây dựng một đất nước hòa bình, độc lập và giàu mạnh.

Bước chân ông Ké

LÊ ANH HÀ

(Tốp ca: Nữ).

Modenrato



Non nước điệp trùng bước chân Ông Ké về suối róc rách tiếng đàn chim trao cành giữa
8 màn sương giăng, nắng qua khe lá bàn đá chông chênh bút chì đỏ
15 màu cờ sao nhuộm tranh đầu viết nên con đường tự do. "Cháo bẹ rau
21 măng, "Ông Ké cách mạng" cuộc đời thật sang, bạn cùng trăng đêm nằm hang đá,
28 núi Mác, suối Lê Nin xanh non ngàn dệt ý thơ. Gậy cầm tay vai quàng khăn gấm
35 ơ ơ ơ ơ ơ hơ bước chân thấp thoáng trên đèo bản làng ta mí chắc pò
42 Ké, hỡi má Đin mừng Đin mừng Đin mừng trong tim pò
49 trở về Đất nước Đất nước trong tim của
Ké con chim rừng hót mừng tin vui, ông Ké đem ánh bình minh xua đêm
54 *Bác*
dài màn đêm tăm tối. Bản làng theo ông tiếp bước con đường cách
59 mạng ngày vui Đất nước Bắc - Trung - Nam chung điệu xòe hoa. /.



Đồng chí Trần Quốc Vương, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và tỉnh Nghệ An dâng hoa tại Khu Di tích Kim Liên

Về với

QUÊ CHUNG



Khu Di tích Kim Liên huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là Di tích Quốc gia có giá trị đặc biệt, liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khu Di tích gồm 2 cụm chính:

Cụm Di tích làng Hoàng Trù (quê ngoại Bác) - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh cất tiếng khóc chào đời và sống 5 năm tuổi thơ (từ 1890 đến 1895).

Cụm di tích Làng Sen (quê nội Bác) gồm: nhà cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, nơi Bác sống 5 năm thời niên thiếu (từ 1901 đến 1906); nhà cụ Nguyễn Sinh Nhậm, ông nội của Bác; nhà thờ đại tôn họ Nguyễn Sinh; nhà cụ Vương Thúc Quý, thầy dạy học của Bác; giếng Cốc, nơi Người thường ra lấy nước khi ở





Làng Sen; lò rèn Cổ Điển, nơi thuở nhỏ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường sang chơi; Di tích cây đa, sân vận động Làng Sen, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với nhân dân trong 2 lần về thăm quê (ngày 16/6/1957 và ngày 9/12/1961).

Ngoài ra, từ Khu Di tích Kim Liên, du khách còn có thể ghé thăm nhiều địa danh nổi tiếng gắn với cuộc đời và thân thể Chủ tịch Hồ Chí Minh như Mộ bà Hoàng Thị Loan - thân mẫu Bác; Di tích Núi Chung; Đền thờ Tướng quân Nguyễn Đắc Đài (đền Thánh Cả).

Về với quê Bác, người dân đất Việt đã xem là về với quê chung - ấm áp, nồng hậu, chan chứa nghĩa tình.

P.V



Ảnh: TRỌNG SÁCH - LÊ THẮNG - Tư liệu

Bạn ơi mùa Xuân đến rồi

Nhạc & lời: THANH LƯU

Rộn rã tươi vui

Bạn ...ơi mùa xuân kia xuân đã đến rồi, bạn
 ơi mùa xuân kia xuân này đã tới, Ngập
 Lồng
 tràn trong nắng mới những mầm non xanh tươi, ríu ra ríu
 người vui phơi phơi với niềm tin tương lai, tung tăng mùa
 rù dân chim ca giữa trời A : : : :
 hát dân em thơ reo cười
 Mùa xuân sang muôn cánh đào nở thắm, mùa xuân về hoa
 Mùa xuân này quê hương mình đẹp lắm, rộn ràng hồ vang
 rộn trắng vườn quê. Kìa nắng mới đang tràn
 nhịp trắng vào xuân Nghe nào nước
 về lòng thêm ấm nồng tình... quê (Bạn...)
 ...xuân

Biết sống

(Tặng H@o)

NGUYỄN NGỌC TƯ

Chị kể hồi ở Sài Gòn hay tới một quán cháo vịt ngon muốn xỉu, nhưng tới hơi trễ chút là phải chịu bụng đói ra về. Bởi quán chỉ bán đúng sáu con vịt, không thêm không bớt. Khách có kì kèo hay đòi nằm vạ cũng chỉ nhận được nụ cười, “chịu khó mai quay lại”. Hồi khách quá chừng đông sao không bán thêm, chủ quán cười, nhiều đây là đủ. Nhưng đủ cho cái gì, chủ không nói thêm.

Ngồi quán đó, chị nhớ quán bán bánh canh cua của má nổi tiếng xóm hẻm hồi xưa. Mỗi ngày nấu đúng bảy chục tô, hỏi mua tô thứ bảy mươi một về làm thuốc cũng hên xui. Sáng dọn chưa ấm chỗ, vèo cái hết nồi bánh, bà dành cả thời gian còn lại của ngày để nằm võng nghe Thái Thanh, hoặc dẫn con Chó đi chơi dài xóm. Chó, là tên của con vịt xiêm cồ.

“Sống như má mình không phí cuộc đời. Đâu phải giàu mới vui”, nhắc tới đó chị bùi ngùi. Người ra thiên cổ lâu rồi, nhưng ký ức động đậy như người vẫn đi lại quanh đây. Chị nói người sống ung dung kiểu vậy giờ ngày mỗi hiếm, nhưng không phải không có. Họ đang ở đâu đó, chừng như vô nhiệm với cơn khát tiền. Ở Hội An chị biết một quán nước nhỏ nằm dưới giàn cát đắng, cà phê ngon, trà gừng hết xẩy mà đúng bong mười giờ là đóng cửa. Sau bữa trưa, anh chị chủ dành thời gian đọc sách, nghe nhạc, chơi với mấy đứa cháu nhỏ. Nhiều sáng khách đông, hết chỗ ngồi, nhưng sân vẫn để trống không chẳng kê thêm bàn. Sân là khoảng thờ của ngôi nhà, không phải chỗ để chen chúc bán mua lấy được.



Minh họa HỒ THIẾT TRINH

Nhắc mấy chuyện đó, không phải nói khơi khơi, mà chị đang nhấn thẳng em thời cào hốt này vẫn còn những người “biết sống”. Vì tuần sau là giỗ má. Vì thằng em vừa chặt cây khế, coi thêm một tầng lầu, chồm lan can ra che gần hết lộ hẻm. Nó nói không lần được phần đất, thì lần trời. Tiền xây nhà nó kiếm được từ quán bánh canh má để lại, mở bán từ sáng sớm tới khuya. Nó thuộc kiểu được mười ba đồng, thì phải kiếm thêm bảy đồng cho chẵn hai chục. Giàu cái đã, chuyện khác tính sau.

Cũng là con má nhưng tánh thẳng em ngược một trời một vực. Tại sao bà chỉ bán bảy chục tô bánh canh, bà giải thích rồi, nhiều đó đã đủ lời để xoay xở trong nhà, lại còn dư chút đỉnh để dành khi bắt trắc. Mấy chục năm, bà hài lòng với việc giữ gia cảnh mình gói gọn trong hai chữ “đủ ăn”.

“Nhưng làm nhà giàu sướng hơn chớ, má?”

“Giàu nghèo gì phải vui mới được”.

Chữ vui đó cũng minh mông, với mỗi người nó có nghĩa khác nhau. Với bà chủ tiệm tạp hóa Linh Thông là buôn bán luôn tay, mặc đĩa cơm tấm khô queo và ly cà phê đá tan trắng nhọt tự hồi nào. Vui của ông chủ chuỗi cửa hàng điện máy là mở thêm vài chi nhánh mới. Của quán nhậu Tăng Ba là khách nào ra khỏi đó cũng xùng xính say. Hay với vợ chồng thằng em, không vui nào bằng nghe tiếng những tờ giấy bạc sột soạt lúc nửa đêm. Nhưng có những người như má, vui bởi được nằm thong thả nghe Thái Thanh hát “bể sâu không nhiều nhưng cũng đủ yêu”, vui vì nhà có cây khế chua cho trái gần như quanh năm. Chua tới con nít bụi đời không thèm hái. Nhưng khế chua được cái trái lớn, mọng nước, dài cánh khía sâu. Má hái mớ trái chín vàng chắt lên cái rổ tre cạnh lòng, là đẹp bùng lên bàn ăn trong bếp.

Đó là ngôi nhà rất đẹp, trong ký ức con cháu. Không có hoa tươi (như bà nói hoa chỉ đẹp khi còn nguyên cành nguyên gốc), nhưng nhà vẫn được chưng diện bằng những thứ ít ai ngờ. Cái rổ tre lúc nào cũng đựng gì đó, khi thì những trái muồng khô, lúc khác, trái bàng. Không phải loại trái cây ăn được, chúng rụng đầy công viên, chỉ cần cúi lượm một chút là đầy rổ. Nhìn thấy cái đẹp trong thứ tưởng chừng vô dụng, trăm phần trăm chẳng phải người sống gấp sống nhanh. Mấy thứ trái tức cười trong rổ tre của má, cũng là thứ mà chị nhớ, vào buổi chiều nào đó ghé thăm ngôi nhà xiêu xiêu gần cửa Gió. Xóm chài, buổi trưa vắng người. Trên bộ vạc sau nhà có một nắm trái so đũa nằm trên mo cau. Hỏi thứ này ăn được sao, một thằng nhỏ cười, hông đâu cô, con để vậy cho đẹp. Trưng ở sau nhà, nên chắc chắn không vì khách, đẹp này cho mình. Mớ trái gà chẻ dề nguyệt nọ không phải được mang về bởi một phụ nữ nào, mà từ thằng nhỏ chấy nắng đen thui. Nghe thằng nhỏ nói, chị đoán sau này nó sẽ vác cây đờn đi ca tài tử, sau một ngày đánh bắt mệt lả. Nửa đêm về nó đứng ngoài hè một lúc lâu, vợ hỏi sao không vô, nó nói trời nhiều sao quá, nhìn thêm chút nữa. Thằng nhỏ cũng có thể trở thành một anh giám đốc thiệt giàu, nhưng mỗi cuối tuần anh tắt điện thoại, chờ con ra đồng thả diều, ngắm bèo trôi sông.

Đó là một người sẽ tận hưởng được nhiều vẻ đẹp trên đời, bất kể giàu nghèo. Như má. Một người đàn bà mà khi nhắc tên ai cũng buột miệng kèm theo mấy chữ, “sao mà biết sống quá xá”. Cái khái niệm biết sống này cũng vô chừng, mỗi người mỗi kiểu, nhưng nhìn một lượt, chừng như người biết sống là biết đủ. Khi đó tham vọng thôi sôi réo, họ trọn lòng lắng nghe những tiếng thì thầm ở quanh mình. Nhưng đó không phải là kiểu sống mà vợ chồng thằng em chọn. Nó nói ai cũng tà tà vậy thì sao nước mạnh được. Mạnh, là phải có tiền, nhiều tiền, rất nhiều tiền. Có tiền mua gì cũng được. Mua vũ khí. Mua bằng hữu. Không thiếu nợ, và khỏi phải lấy đất đai ra trừ cấn nợ. Chị hiểu nó muốn ám chỉ chính sự gì đây, cười, “nói thì hay, bữa rồi có vài trăm ngàn tiền thuế mà kì kèo trả giá”. Người giàu nhiều, mà đất nước vẫn nghèo, là vậy. Tới cái nắp cống ngoài đường cũng bị lấy cắp. Ai cũng vợ vét cho mình, sẵn sàng ôm tiền bỏ chạy.

Hồi buổi chụp giựt bắt đầu, ngó tiền lẻ nhét đầy tượng Phật, chị không nghĩ thời thế kéo dài như vậy. Lâu đến mức không tin là mình chờ được ngày kết thúc. Sóng trước sóng sau cứ hốt hải. Nhỏ cháu chị mua sách dạy làm giàu về gối đầu giường, dù ba nó nói cần gì đọc, chỉ cần chui vào cơ quan nhà nước, lên cao, thì đường nào cũng giàu. Ngó mớ tựa rất kêu kiểu như “Làm giàu không khó”, “Hai mươi bảy cách trở thành tỉ phú”, chị biết trong đó không có câu nào khuyên người ta biết thả lỏng tấm mình trong mùi hoa ban đỏ trong đêm. Mùi hoa nhẹ lắm, hít thở nhanh không cảm nhận được. Chị nhắc con nhỏ cũng có những cuốn sách chỉ cách người ta sống chậm, cách kháng cự lại lòng tham lúc nào cũng đói khát của chính mình.

Ở hai bên con đường một chiều đi tới miền khuất mặt, nhiều thứ đẹp lắm, chạy nhanh thở gấp thì không thấy được đâu.



Minh họa NGOC LINH

Ngày tết nói chuyện quê

ĐÀM QUỲNH NGỌC

Cuối năm...

Dòng người tấp bập chờn hàng tết đi vội vàng như thể chờ thời gian của con người đi mãi không khứ hồi. Các cửa hàng hiệu, đường phố nhấp nháy điện chế giễu ngày tháng miệt mài trôi. Thế là, đôi lúc cũng dễ nổi nóng, bức xúc một cách vô lý đến buồn cười. Nhưng cảm giác đó cũng qua mau, vì trời, vì đất, vì không khí tết ẩm cúng đã bắt đầu thơm nức mùi hương trầm đang tỏa dần vào không trung, bao trùm cả không gian do con người làm chủ. Muốn nắm tay người thân thương đi chợ tết, muốn thời gian phải trôi đi chậm chậm, con người được hưởng thụ bù đắp lại những gì vất vả trong năm qua.

Đa số người Việt đều sinh ra ở nông thôn. Tôi cũng vậy, trải qua những năm tháng của tuổi thơ chìm trong muối mặn gừng cay, thiếu thốn đủ điều. Tôi nhớ mãi cái làng nhỏ bé tôi ra đời có tên rất đẹp: Thọ Phú (xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu). Một cái làng nằm lọt thỏm trong xã nghèo vùng sâu xa nhiều năm được hưởng chế độ 135, vất vả vì miếng cơm manh áo đã đành, mà còn khó khăn khi được tiếp thu về văn hóa nghệ thuật. Nhưng lại cũng vì nghèo, mà có bao nhiêu niềm vui hồn nhiên... Mà một trong niềm vui ấy, là...đi chợ, chơi chợ... Tiếng là đi chợ cũng có mua bán gì nhiều cho cam, chỉ mấy con cá, cân thịt, bó rau. Thế mà cứ luẩn quẩn mãi ở chợ đến mấy tiếng đồng hồ. Chợ quê do các xã nghèo gom nhóp dựng lên. Hàng hoá không nhiều, được trưng bày ra trong các túp lều lúp xúp đơn sơ, mua vèo chỉ mấy phút. Vậy mà cứ lượn đi, lượn lại, đi vào, đi ra, ra đến cổng chợ lại quay trở lại như tìm đồ rơi, đồ bị quên vậy? Không quên, không rơi gì. Vậy mà cứ thất thần chưa chịu rời cổng chợ? Trời ơi, cuối cùng cũng đã nghĩ ra, thích nghe tiếng nói của quê mình, hít hà hương vị của chợ quê. Ngắm nghía mớ rau, con cá khác chợ vùng nơi khác.

Nhà văn Nguyễn Minh Châu (quê xã Sơn Hải- Quỳnh Lưu) những giây phút cuối đời nói muốn ăn con cá thèn đánh bắt ở Lạch Quèn chợ quê này đây mới có. Nhìn con cá thèn bỗng dưng muốn khóc. Ôi hương vị quê nhà, mỗi vùng mỗi khác thấm đậm vào máu thịt của những con người đã sinh ra lớn lên ở đây, không có cái gì thay thế được.

Tôi không bao giờ quên cái giếng chùa của làng sát chân núi có mạch nước trong xanh ngọt mát, ai đi qua đều dừng chân dùng gàu kéo nước lên, uống tại chỗ, nghe trong lòng mát mẻ. Nhiều đêm trăng sáng, sân giếng chùa trở thành nơi tụ họp của các ông bà già uống nước chè xanh bàn chuyện làng chuyện xóm. Trai gái thì hẹn hò tình duyên. Trong làng còn có cây gạo cổ thụ, bụi tre vây quanh, đêm đêm gió thổi phát ra tiếng cọt cọt kẹt đến bần bĩ với thời gian. Dưới gốc cây còn có cái chõng của các ông bà đưa ra chơi vào ngày hè nói chuyện râm ran không dứt đến là vui. Tôi nhớ mãi bà Thu tám mươi tuổi, già nhất gần bó với cái chõng và ầm chè, có hôm bà đưa cả nồi niêu bát đĩa nơi gốc gạo để nấu cơm ăn cho mát. Bà kể chuyện về giặc Pháp ngày xưa hay về làng truy lùng những người nấu rượu lậu. Bà Thu nói có lần bọn Pháp ngồi ở gốc gạo xem bà ăn trầu rồi cũng xin ăn thử và kêu lên hốt hoảng khi nhở nước trầu đỏ như máu. Bà Thu kể rồi nói thêm, bọn Pháp cũng buồn vào mỗi chiều, có lẽ họ cũng đang nhớ nhà ở nơi xa xôi...

Tôi nhớ quê vào những ngày giáp tết. Những ngày này tất bật, trong người lo âu nhưng rộn ràng. Làng Phú Thọ ngày xưa xa chợ, xa trường cách sông, lại không có cầu, nên đi lại giao lưu vô cùng vất vả. Dòng kênh nhà Lê chảy qua làng tạo ra rất nhiều bến nước. Ngày thường người làng tôi đi chợ Ngõ (xã Quỳnh Sơn) từ làng đến bến đò để sang sông vào chợ khoảng 5 km. Bến đò luôn đầy ngập bùn, xấn quần lên đầu gối còn phải mang theo con gà, mớ khoai, mớ lạc, gạo...để bán mới có tiền mua thức ăn, không có tiền mang đi để mua hàng như bây giờ.

Nhọc nhằn là vậy, nhưng trẻ con vào dịp tết đều hào hứng muốn đi chợ để được mua áo mới, ăn bánh xèo, bánh dúc, thổi tò he, hay có con gà đất đến là vui. Lúc về tung tăng vác đôi mía hoa thờ tết, thật nhộn nhịp. Nhiều năm tôi được chứng kiến xong việc ngoài đồng cũng đã chiều hai chín tết. Sáng ba mươi, mẹ bắt đôi gà trống vôi vàng lấp vấp đem đi chợ để bán lấy tiền mua sắm, tôi leo đèo theo sau. Có năm gà bán được, mẹ mua cá, mua thịt, có năm ngồi đến tận trưa vẫn chưa có ai hỏi đến, cuối cùng mẹ đưa gà về. Tôi buồn thiu muốn khóc. Mẹ không buồn còn cười bảo năm nay gia đình ta làm thịt gà đón Giao thừa, việc gì con mếu máo. Chợ tết năm ấy tôi không có quần áo mới, mẹ đi chợ tết về tay không, tiền chỉ đủ mua đôi mía hoa cho tôi vác trên vai theo dòng người tản về ngõ xóm. Tôi buồn hiu hắt khi so đo với bạn bè, nhưng không hiểu được vì sao mẹ cứ cười trả lời với mọi người là ở nhà sắm tết đầy đủ cả rồi? Dù rằng nhà chưa có cái gì gọi là tết, đến bó hương trầm cũng không.

Nhưng rồi theo thời gian tôi cũng được làm mẹ, cũng tươi cười trả lời với bạn bè khi hỏi về tết, ở nhà sắm tết đầy đủ rồi. Bây giờ tôi đã hiểu được lòng mặc cảm, tự ti của những người nghèo nhưng đầy tự trọng.

Những năm tháng của tuổi thơ tôi đói khổ nhưng không có người chết đói như năm 1945. Chúng tôi trải qua các đợt đói cơ hàn nghèo khổ với cả nước của một thời khó khăn, nhờ con tôm, con cá, con dất, con ngao ở dòng kênh và biển bãi. Nhờ đồng ruộng từ rau, từ đồng muối. Tôi luôn cảm ơn mảnh đất con người ở quê hương đã nuôi tôi khôn lớn. Tôi xa quê cũng vì kế sinh nhai, nhưng mỗi lần quay về ngôi nhà cũ đều bồi hồi xúc động và chợt nhận ra rằng nhiều năm tháng lam lũ nhọc nhằn ở phố phường chỉ là tạm bợ. Quê nhà mới thực chất là nơi sống gửi gắm cả tâm hồn. Các món ăn ngon, nhớ lâu phải chính là con tôm con cá và ngọn rau trên đồng ruộng ở quê nhà. Đó mới là nơi tôi cần, tin tưởng và là chỗ đứng vững cho đôi chân cả một đời người.

Tôi về, đi theo con đường cũ, thấy hai bên đường hoa rực rỡ sắc màu. Hoa ngày xưa là một thú vui chơi tao nhã của nhà giàu. Hoa không dành cho người nghèo. Hoa là thuốc thử cuộc sống! Đến làng ngõ chợ, vào nhà ngõ nôi. Chợ bây giờ có ở khắp nơi với các đại lý, dịch vụ phục vụ khách hàng đến tận nhà. Nồi thức ăn ngày xưa chỉ có mắm mặn đưa cơm, bây giờ có thực đơn thay đổi hàng ngày. Ngõ vào ra của mỗi gia đình đều có hoa. Trong vườn nhỏ của gia đình cũng để góc nhỏ cho muôn màu khoe sắc. Hoa không bán, chỉ trồng cho đẹp. Hoa đã lan tỏa đến vùng sâu xa nghèo đói quê tôi. Đã nghĩ đến cái đẹp, nghĩa là cuộc sống đã đang dần lên no ấm!

Ngày tết, tôi đi chợ ở quê cho vui là chính, rồi ra đồng ruộng lượn lờ đến cả tiếng đồng hồ hình dung ra những điều kỳ diệu đang được sinh sôi nảy nở dưới lớp đất nuôi sống con người từ bao thế hệ truyền đời. Tôi luôn nghĩ về quê hương mến mãi bụi ngùi với đất. Tôi không thể sống được khi xa quê.

Ngày tết để hướng về tổ tiên. Nhưng lớp trẻ thời a còn có lối sống khác, dù rằng về vật chất không túng thiếu như xưa. Quan điểm của tuổi trẻ ngày nay là tết

để nghỉ ngơi và hưởng thụ. Có lẽ vì vậy nên chúng sợ tết. Sợ đầu tiên là thêm... tuổi. Sợ thứ hai là phải ăn. Nhu cầu ăn uống hằng ngày bây giờ đâu có thiếu thốn như xưa, mà ngày tết thì ăn vô độ. Ăn bất cứ cái gì đang có, đủ thứ lúc nào khi đến nhà bạn bè hay nhà có khách. Người chằng lằng, chẳng ra no, cũng chẳng ra đói, cuối cùng mệt mỏi. Thứ ba là phải rửa bát, dọn dẹp nhà cả ngày. Uể oải, rã rời nhưng vẫn phải làm. Thứ tư lớp trẻ ở thành phố sợ phải về quê. Tết ở quê vui đấy, nhưng cũng lắm nhiều khê. Cách xưng hô anh em, chú, bác, cậu, mợ dì, dượng... phải cho đúng tôn ti trật tự, nếu không sẽ bị trách, hờn nữa. Ở quê sinh hoạt không có giờ giấc, ít nghỉ trưa, đi hết nhà này đến nhà khác để chúc tết. Đến là ngồi mâm cỗ, mặc dù đang ngáp buồn ngủ, lại ăn bánh chưng, dưa hành hay miếng giò, chén rượu, cái kẹo. Kết thúc một ngày thấy... mệt nhoài, muốn ngủ ngay. Cái sợ thứ năm là mừng tuổi. Với người giàu thì việc này không thành vấn đề. Nhưng với những viên chức nghèo, người nông dân thì trở thành quan trọng. Đi đâu gặp trẻ con, người già thân quen, không lẽ không mừng tuổi nhân dịp đầu năm mới. Thế cũng là một nỗi lo của ngày tết!

Biết là như vậy, nhưng giá như không có tết Nguyên đán thì cuộc sống sẽ như thế nào nhỉ? Chắc sẽ chán và không có niềm vui nào có ý nghĩa hơn ngày tết!

Ra tết, không khí bận rộn giãn ra, và cũng là kết thúc quan hệ trả ơn tình nghĩa đã được thể hiện trong ba ngày tết.

Mùa Xuân, trời đẹp, mưa lâm phù, nó khiến người ta không thể ngồi yên trong nhà mà rạo rức, lại thêm đi, tiếp tục nạp năng lượng, xây dựng quan hệ mới dành cho thời gian sắp tới của năm mới.

DƯƠNG HUY

Về quê

Theo bà về quê nội
Lúa xuân reo đầu bờ
A, cánh chuồn, cánh bướm
Ừ ra đón bất ngờ.

Vào nghĩa trang liệt sĩ
Khói hương tỏa ấm đồng
Bà hoe hoe mắt đỏ
Chú nằm đó... thương không!

Đêm khuya bà kể chuyện
Chuyện ngày xưa làng Nồi^(*)
Đất này là đất học
Có học mới nên người.

Rời quê, ra thành phố
Cổng làng cứ mờ dần
Ngoái đầu trông hoa gạo
Nhảy dù đỏ nắng Xuân.

^(*) Làng Quỳnh Đôi

HOÀI LINH

Hỏi gió

Gió về đâu
Mẹ?
Gió về đâu
Cha?
Về ngôi nhà có mẹ có cha
Nơi góc nhỏ có con mèo nhỏ
gọi meo meo.

Về nơi ấm áp
Về nơi ngào ngạt
Trong ô cửa
Tràn hạnh phúc.

Cụ tò he

HỒ NHẬT THI

(Học sinh lớp 9A, Trường THCS Cửa Nam, TP. Vinh)

Đó là tối ba mươi tết, trời buốt giá. Giữa con đường phố đi bộ đông nghịt người của thủ đô sầm uất, gió thổi từng đợt lạnh lẽo đến không chịu được.

Cụ Tỷ mắt díp lại, uể oải ngáp một hơi dài. Hai bàn tay nhăn nheo của cụ đút chặt vào túi áo, người cụ run cầm cập. Chiếc phéc mơ tuya bằng đồng cũ trên áo cụ, theo từng nhịp run lấy bầy, đập canh cách vào chiếc cúc màu hổ phách bên cạnh.

Cụ chép miệng, gượng đứng dậy chậm chạp:

- Chao ơi. Trời cuối năm lạnh thế.

Gian hàng tò he của cụ đã có từ lâu, và men dọc theo những quán hàng ở quanh hồ, ai cũng biết cụ Tỷ. Cụ hiền hậu, đôi khi hay xởi lởi. Bọn trẻ con coi bộ thích cụ ra mặt, mỗi khi thấy cụ bày gian hàng tò he đủ màu bên vỉa hè, đứa nào cũng nhanh nhẩu chạy lại, đứa đấm vai cho cụ, đứa ngồi xuống chiếc chõng tre cũ sồn, ôm lấy bả vai cụ thủ thủ:

- Ông làm cho cháu bông hoa hướng dương màu đỏ nhé ông, và cháu muốn lá của nó màu xanh vàng như cỏm.

- Hôm kia ông chả hứa nặn cho cháu con khi Ngộ Không trên ti vi hay chiếu còn gì.

- Ôi cảm ơn ông. Chú Cuội đẹp quá. Mai mốt ông nặn chị Hằng cho cháu với ạ!

...

CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM

Nhưng đó là chuyện của nhiều năm về trước.

Bây giờ, cuộc sống đã khác trước. Đủ thứ gian hàng đồ chơi lạ mắt: rô bốt biết đi, máy bay trực thăng điều khiển từ xa... xâm chiếm khắp mọi ngõ ngách, làm cho bao đứa trẻ thích thú. Dần dà, không còn ai qua gian tò he nhỏ của cụ bên vỉa hè nữa. Tên gọi thân thuộc “cụ Tý” bây giờ cũng chẳng mấy ai biết đến.

Gió rít một hơi lạnh tê sống lưng, cụ quyết định dọn hàng

Cụ thu xếp đồ đạc bỏ vào bao. Cụ buộc chiếc ghế con sau lưng, đeo bao chéo vai qua chiếc áo phao đã cũ từ hơn hai chục năm về trước, rảo bước trên con đường men theo bờ hồ. Nhưng rồi cái lạnh lại khiến cụ dừng lại. Cụ Tý đặt chiếc ghế con xuống thảm cỏ, ngồi lên, hai chân chống lại, run run.

Chợt, cụ quay lại, thấy một cậu bé nhỏ tuổi, mặc bộ đồ cộc tay màu nâu, tay cầm hộp gỗ, gương mặt lấm lem nhưng đôi mắt to sáng.

- Cháu sao không về nhà đón giao thừa với cả nhà đi? Lại còn ngồi đây làm gì cho lạnh hả cháu.

Nghe cụ Tý hỏi, cậu bé ngoảnh lại nhìn.

- Cháu chẳng có nhà để về.

- Bố mẹ cháu đâu?

Cậu bé im lặng một lúc. Em rút từ trong chiếc hộp gỗ màu hạt dẻ của mình ra một mảnh lam nhỏ, mài chiếc bàn chải nghe soàn soạt.

- Bố mẹ cháu chết rồi. Cháu ở với má nuôi. Cháu nghe người ta bảo má nhặt cháu ở bệnh viện. Giờ má bỏ cháu vào Nam rồi.

Cụ Tý thở một hơi dài ra khỏi. Tội nghiệp thằng bé!. Cụ hỏi, giọng khàn khàn:

- Cháu tên gì?

- Nhân. Cháu tên Nhân.

Cậu bé nhanh nhẹn đáp, tay tỉ mỉ dùng chiếc kéo nhỏ cắt những mảnh da sồn màu ghi. Đoạn, em bỏ hết đồ vào trong hộp, đóng lại, quay sang nhìn cụ.

- Cháu đi đánh giày từ 2 năm trước, hồi cháu 7 tuổi. Người ta đòi đưa cháu vào trại mồ côi nhưng cháu không thích.

- Thế ban đêm cháu ngủ ở đâu?

- Dưới gầm cầu ở phố bên cạnh ạ. Ở đó có vài người giống cháu.

Nhân quay sang nhìn mái tóc và chòm râu bạc trắng của cụ Tý, nở một nụ cười tươi:

- Ông cũng không có nhà để về như cháu ạ?

- Ông có nhà, nhưng cũng lụp xụp lắm. Và lại, chẳng có ai ở nhà. Vợ ông mất vì lao phổi lâu lắm rồi. Con trai ông cũng mất vì tai nạn xe hơi bé. Đến là khổ!

Hai ông cháu ngồi bên cạnh nhau một hồi lâu. Pháo hoa đã bắt đầu lác đác trên nền trời đêm. Nhân ngơ ngác đưa mắt nhìn lên bầu trời, những tia lửa sáng chói bật lên đủ mọi hình thù, chớp hiện rồi lại tắt làm em thích thú. Phía bên kia đường, những gia đình cùng dắt tay nhau ra phố xem pháo hoa chào năm mới. Nhìn những người cha cho con cưỡi lên cổ, những bà mẹ dịu dàng cầm tay con mình khỏi lạc trong đám đông lộn xộn, Nhân không khỏi ghen tỵ.

- Cháu biết chơi tò he không?

Nhân giật mình quay lại, mỉm cười:

- Cháu có nghe qua rồi nhưng chưa được chơi khi nào.

Cụ Tý mở bao vải, bày ra những viên nếp đủ màu đặt trên một chiếc đĩa hình chữ nhật, đoạn cụ nói:

- Ông là nghệ nhân tò he đã hơn sáu chục năm rồi. Cháu có muốn một cái không? Ta sẽ nặn cho cháu, bất kì thứ gì cháu muốn.

Mắt Nhân sáng lên:

- Ôi! Ông giỏi quá. Dạ... hay là ông tặng cháu một cái bánh chưng nhé. Cháu đói quá.

Cụ Tý cười khà khà. Cụ lấy một vốc bột màu xanh lá chuối, tỉ mỉ nhào nặn. Chỉ trong một chốc, “chiếc bánh chưng” nhỏ đã hoàn thành. Nhân vui sướng, hai tay cầm lấy cây tò he mà cụ Tý đưa cho, cảm ơn rối rít.

- Ngon phết, ông nhỉ?

Pháo hoa một lần nữa nổ rần rần trên bầu trời đêm. Ánh sáng vàng chói lọi chiếu lên mặt Nhân, lên đôi má lúm lem của em và lên cả khuôn miệng chớp chớp nhai của em nữa. Cụ Tý, nhìn cậu bé mà cảm động, trong lòng se lại.

- À mà ông ơi. Ông có biết chữ không ạ?

- Có chứ cháu.

- Ông có thể chỉ cho cháu cách viết tên cháu được không ạ? Đổi lại, cháu sẽ đánh giày cho ông?

Cụ Tý cười xoa.

- Được! Nhưng ông chẳng có giấy bút.

Nhân gãi đầu gãi tai, chợt, nhìn que tre cắm tò he vừa ăn xong, em liền nảy ra ý tưởng gì đó.

- Hay cháu bẻ que tre này thành từng đoạn nhỏ rồi ông dạy cháu cách xếp chúng lại thành chữ nhé.

Cụ Tý khen:

- Cháu thông minh lắm. Ông không đi giày nên cháu không cần trả ơn ông đâu. Ông còn rất nhiều que tre như thế này. Ông sẽ chỉ cho cháu...

CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM

Và thế là, dưới ánh đèn dây nhấp nháy quanh những thân cây cổ thụ to lớn, vẫn còn 2 người đang say sưa đọc chữ. 2 chiếc bóng hắt xuống vệ đường đi, bóng lớn che bóng nhỏ...

Chỉ lát sau thôi, Nhân dựa vào vai cụ Tỷ, mắt díp lại:

- Cháu mệt và buồn ngủ quá.

Thấy Nhân lạnh, cụ Tỷ cởi chiếc áo khoác của mình, khoác cho em. Cụ quay sang, móc tay vào túi, đưa ra một chiếc tờ he hình bông cúc trắng. Cụ gói ghém cẩn thận rồi gửi vào tay Nhân.

- Cháu giữ lấy cẩn thận. Ta tặng cháu. Chúng ta học đến đây thôi.

Nhân lẳng lặng cất cẩn thận miếng giấy báo cũ trong chiếc hộp gỗ rồi đóng lại. Em nhìn cụ Tỷ đầy cảm động. Bất chợt, em ôm chầm lấy cụ. Cụ Tỷ xém ứa nước mắt.

Giao thừa tới, hai ông cháu ôm chặt lấy nhau, bên chiếc hộp gỗ và bao vải cũ kĩ.

Họ chẳng còn thấy lạnh nữa.

Họ cũng không biết đói là gì.

Họ quên rằng mình đã bất hạnh như thế nào.

Có lẽ họ không quên, vì họ không bất hạnh.

Cụ Tỷ có một người con trai.

Nhân có một người cha.

Cụ đã có vị khách cuối cùng vào ngày giao thừa.

Em đã biết đánh vần tên của chính mình.

Họ không cô đơn. Họ hạnh phúc.

Đêm giao thừa của họ đã trôi qua, tuyệt vời như vậy.

Sáng hôm sau, nắng Xuân ấm áp đã tràn về trên khắp nẻo đường. Chim hót líu lo và cái lạnh thấu xương đêm qua dường như đã không còn nữa.

Nhân dụi mắt tỉnh dậy. Mặt trời hồng tươi lọt vào đôi mắt em, chim hót bên tai em và cụ Tỷ đang ôm chầm lấy em.

- Dậy ông ơi. Sáng rồi ạ.

Cụ Tỷ không trả lời.

- Ông ơi, hôm nay nắng đầu năm đẹp lắm ông ạ.

Cụ Tỷ vẫn không trả lời.

- Nếu ông còn buồn ngủ thì ông cứ ngủ đi ạ. Hôm qua ông đã rất mệt mà. Cháu cảm ơn ông nhiều lắm.

Nhân xách vai cụ Tỷ dựa vào gốc cây bên cạnh, cởi áo khoác đắp lên người cụ, ôm cụ thật chặt lần cuối.

- Cháu phải đi rồi. Cháu cảm ơn ông.

Nói đoạn, cậu bước đi, vừa đi vừa luyến tiếc quay đầu không thôi.

Trên khắp thảm cỏ, người ta thấy những mảnh tre được bẻ nhỏ ra, xếp thành những hàng chữ lộn xộn... Bên cạnh đó là một cụ ông đẹp lão, môi trắng bột, nhưng vẫn nở nụ cười.

Cụ Tỷ, đã không thể trả lời được nữa.

Cụ Tỷ đã ra đi, nhưng trên khuôn mặt phúc hậu của cụ vẫn toát lên một sự hạnh phúc lạ kì.

Xa xa, Nhân tung tăng chạy, một tay cầm chiếc hộp gỗ đựng đưa nhíp nhàng, tay kia giơ cao bông hoa cúc trắng được nặn bằng bột, đôi chân trần thoăn thoắt, ánh mắt sáng ngời, mái tóc đen phấp phới, em lẩn vào dòng người tấp nập đi mừng mừng một tết, dưới những tán hoa đào hồng phớt điểm lẹ.



Nguyễn Văn Tý Người về trong lời ru mẹ

VÕ THU HƯƠNG

Tôi ngồi viết những câu chuyện về ông, một nhạc sĩ tài hoa, uyên bác khi ông đang trong hành trình cuối cùng của đời mình - hành trình về với đất, trong lời ru rất êm ngày nào ông viết ở *Mẹ yêu con*: “À á ru hời, ơ hời ru...”, trong nước mắt thương yêu của muôn người quen và chưa quen đã từng lớn lên trong lời mẹ ru bằng nhạc Nguyễn Văn Tý.

Một tài hoa âm nhạc

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý được sinh ra và lớn lên trong chiếc nôi âm nhạc. Ông sinh năm Giáp Tý (1924) tại Vinh (Nghệ An), vùng đất của những câu ca điệu ví, trong gia đình truyền thống âm nhạc, lại được một linh mục người Tây Ban Nha dạy nhạc lý từ nhỏ. Khi làm ca sĩ ở phòng trà Moongate (Vinh) ông may mắn gặp một nhạc sĩ người Thượng Hải dạy đánh đàn Hạ uy di theo phong cách Mỹ. Đến khi tham gia kháng chiến chống Pháp, ông được các nhạc sĩ đàn anh như Nguyễn Văn Thương, Lê Yên dìu dắt... Có lẽ, vì nhiều mối lương duyên đẹp với âm nhạc như thế mà trong âm nhạc của Nguyễn Văn Tý vừa có sự ngọt ngào của những âm hưởng dân ca, vừa đầy màu sắc tươi mới và đậm cá tính sáng tạo.

Lại nhắc về nhạc sĩ ở thế hệ ông, với những tác giả và tác phẩm vốn được coi là vàng ròng của âm nhạc Việt Nam với dòng nhạc tiền chiến, Nguyễn Văn Tý chỉ có duy nhất một bài: *Dư âm*. Tác phẩm đầu tay của ông là bài hát *Ai xây chiến lũy* được viết 1949, chỉ 1 năm sau đó, *Dư âm* ra đời và ghi danh chàng trai trẻ 26 tuổi Nguyễn Văn Tý vào lịch sử âm nhạc Việt Nam. Cho đến nay - gần 70 năm - và cả mai sau, dư âm của bài hát ấy chắc chắn còn lại mãi giá trị của nó.

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý là 1 trong 5 nhạc sĩ đầu tiên, cùng Nguyễn Xuân Khoát, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước, Văn Cao, thành lập nên Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Ấn tượng của ông trong rất nhiều ca sĩ là sự chín chu, nghiêm túc với nghề. Bản thân người viết bài từng có kỷ niệm nhỏ với bài học ý nghĩa từ nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý. Khi tôi vẫn còn là sinh viên thực tập ở một tòa soạn báo, đến nhà ông viết bài, gặp ngay lúc nhạc sĩ đang còng lưng rì mọ... sửa từng nốt nhạc. Đêm hôm ấy, ông có một chương trình đêm nhạc nhân dịp cuối năm ở khách sạn nổi tiếng. Ban tổ chức chuyển đến ông mấy trăm cuốn nhạc *Tuyển tập ca khúc Nguyễn Văn Tý* để xem lại lần cuối trước khi phát tặng khách mời, không may có một số sai sót không đáng kể trong phần nhạc. Nhìn nhạc sĩ tuổi đã quá cổ lai hy từ rất lâu vẫn tỉ mỉ, dò dẫm từng cuốn sách để sửa, thương quá, tôi nói với ông rằng, có khi người ta không để ý đâu bác. Ông nói: “Không được, là nhạc sĩ phải tôn trọng từng nốt nhạc của mình, không để in sai được. Không được để dài dủi chỉ là việc in sai 1, 2 nốt nhạc. Anh không tôn trọng mình thì ai tôn trọng nhạc anh?”.

NSND Thu Hiền, người hát thành công nhiều bài hát của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý sẻ chia, nhạc của Nguyễn Văn Tý bay lên từ bùn đất đồng ruộng, mang những vị ngọt thơm của nếp mới, gạo mới, của vị khói đốt đồng. Kể cả khi ông viết tình khúc đôi lứa, thì những giai điệu ấy cũng như những sợi tơ rút ruột mà ra, chân thành đến mê hoặc lòng người chứ không bay bổng dù vẫn là tiếng đàn, là gió, là trăng đi nữa... Điều này làm nên cá tính âm nhạc Nguyễn Văn Tý, khác với nhiều nhạc sĩ cùng thế hệ ông - ca từ luôn bóng bẩy, trau chuốt.

Dư âm - bài hát gắn liền thân phận

Điều đặc biệt trong ca khúc của Nguyễn Văn Tý, dù là tình cảm triu mến của mẹ dành cho con, dù là tình cảm đôi lứa hay tình quê hương đều gói gọn trong một chữ tình. Khó tìm được nhạc sĩ nào viết bất cứ thể loại nhạc nào cũng mang một dòng chảy nồng nàn xuyên suốt đến thế.

Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh là ca khúc mà khi bước ra khỏi nhà tang lễ Lê Quý Đôn, tiếng nhạc phát ra từ chiếc loa nhỏ người con rể cầm theo để trong túi, mở cho người dự lễ tang và cho chính bố vợ mình đang nằm trong quan tài lắng nghe (như nhiều người phương Đông khác, tôi tin những người vừa nằm xuống vẫn còn có thể lắng nghe, trông thấy mọi sự quanh mình). Không ít người, cả những người dân Nghệ An, Hà Tĩnh ở Sài Gòn trôi trong dòng đưa tiễn chưa một lần gặp nhạc sĩ đều ngậm ngùi bật khóc. Rồi một vài bác xe ôm, chị hàng rong gần đó thắm thì hát *Dáng đứng Bến Tre* - ca khúc thân thuộc với những người

miền Tây đất nước. Có lúc, tôi vẫn nghĩ những miền quê trong nhạc của ông tựa như một phụ nữ đẹp, để từ đó nhạc sĩ có thể thốt lên những lời thật dịu dàng, đắm say rót vào lòng người. Và vì thế, dù chẳng phải là người Hà Tĩnh, Bến Tre.. thì người ta vẫn có thể say đắm, mến thương một vùng đất, một xứ sở, qua nhạc của Nguyễn Văn Tý.

Nhưng, nói đến nhạc của Nguyễn Văn Tý là nói đến *Dư âm*. Nói đến *Dư âm*, tôi nhớ mãi bức tường nhuộm màu thời gian, nằm ngay cạnh cửa ra vào căn nhà (đúng hơn là căn phòng vì rất nhỏ) của nhạc sĩ mà ai đến cũng ngồi bên chiếc bàn nhỏ kê gần đó, nhìn lên đầy trân trọng. Ở đó, ông đặt những tấm hình đen trắng của mẹ, của vợ, của một thời trai trẻ và không thể thiếu bài hát *Dư âm*. *Dư âm* đến nay vẫn được xem là một trong những ca khúc xuất sắc về tình yêu lứa đôi. Từ những anh chàng, cô nàng tuổi 17, 18 cho đến những người đi qua bao thăng trầm cuộc sống đều có thể tìm được những đồng vọng trái tim mình từ lời ca điệu nhạc đẹp như mơ: “*Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn dịu muôn tiếng tơ, không gian trầm lắng như âu yếm ru bao muôn ý thơ. Muốn nói cùng em, bao lời trầu mến...*”

Dư âm được ra đời trong cảm hứng rất đặc biệt. Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý đã kể nhiều lần về câu chuyện *Dư âm* xưa: “Năm 1950, tôi đang làm Trưởng Đoàn Văn công. Trong kỳ nghỉ phép, một người bạn thân rủ tôi về nhà anh ấy chơi tại Quỳnh Lưu, Nghệ An. Nhà anh bạn có 2 người con gái: Chị 22 tuổi, em 16, mà tôi hồi đó 26 tuổi. Hình như ý muốn của anh bạn là để tôi kết cô chị, cho thành anh em. Tôi gặp cô này và đôi lần trò chuyện nhưng chẳng thấy có cảm xúc gì. Một hôm, đang nói chuyện với cô ấy, thì cô em đến thì cầm vào thành ghế chị ngồi, và nghiêng đầu nhìn tôi với đôi mắt đen tròn lay láy. Ôi! đôi mắt kỳ diệu hút hồn tôi...”

Thấy tôi bỗng nhiên đờ đẫn, cô chị quay lại và... đứng dậy bỏ đi, cô em sợ quá, cũng đi luôn. Sau đó, tôi bị gia đình này cấm liên lạc với cô em vì cô còn ít tuổi, so với tôi. Nhưng... nhớ quá, tôi tới liều. Gia đình không cho vào nhà mà để tôi ngồi tại một góc sân. Ngồi mãi... bất chợt thấy Hằng (tên cô em) xuất hiện với mái tóc xõa ngang vai, cô ấy vừa mới gội đầu, ra ngồi hong tóc ngoài thềm, cách tôi cái sân rộng. Cô ôm chiếc ghi-ta, xoay lưng lại phía tôi, và bắt đầu gảy đàn... Cô hát khe khẽ những gì, tôi không rõ nhưng cho rằng đó là một phản ứng của cô chống lại khuôn phép gia đình và xã hội, đồng thời gửi cho tôi một thông điệp, cho nên tôi ghi nhận hình ảnh đó một cách trọn vẹn.

Tôi ra về, mang nặng trong lòng sự tan vỡ. Về đến đơn vị, đêm hôm ấy, khi mọi người đã ngủ, tôi thắp ngọn đèn dầu, ngồi trong tấm cót cuộn tròn, viết *Dư âm*, viết cho chính mình những điều không thể nói cùng ai, viết một mạch, không sửa chữ nào. Bản nhạc hoàn tất khi trời hừng sáng”.

Bài hát *Dư âm* là tâm sự của chàng thanh niên ấy, đã trở thành tiếng lòng của bao thế hệ thanh niên. Tuy vậy, một thời, *Dư âm* bị xem là ca khúc ủy mị, làm chùn lòng nhụt chí người ra trận. Từ người viết bị xem như “tội đồ”, người hát, hay thậm chí chỉ là bản nhạc chép tay của không ít người lính ngã xuống với tình khúc *Dư âm* bên mình. Tôi vẫn nghĩ đó là hình ảnh đẹp bất tử của tình yêu và ý chí tuổi trẻ.

Đặc biệt, vào thời kỳ chỉnh huấn 1953, nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý bị họp đầu tổ, bị buộc viết kiểm điểm để tự nhận sai lầm khi sáng tác *Dư âm*. Trong những buổi nói chuyện trước quần chúng nhân dân, ông gần như phải chối bỏ đứa con tinh thần và đề nghị quần chúng nhân dân đừng nghe ca khúc mình rút ruột mà viết. Một thời, *Dư âm* chỉ được nghe lén lút ở miền Bắc, ở Sài Gòn lại được các danh ca hàng đầu hát, điều ấy càng làm số phận bài hát trở nên bi thương...

Người đi, ân tình còn mãi

Tôi vẫn nhớ mãi hình ảnh lão nhạc sĩ già tuổi ngoài 90, ngồi trong căn phòng nhỏ có bức tường in màu thời gian với những đồ đạc tưởng như đi lạc từ vài chục năm về trước. Ông giản dị tới mức đáng thương và đôi khi khó tính, gần đến cực đoan trong mắt người đối diện. Những tính nết ấy, tôi vẫn nghĩ là bản chất yêu ghét rõ ràng của người Nghệ như từ xưa đã có:

*"Đã thương thì thương cho chắc,
Bằng trực trặc thì trực trặc cho luôn.
Đừng như con thỏ đứng đầu truông,
Khi vui thì giỡn bóng, khi buồn thì giỡn trăng".*

Người nhạc sĩ nổi tiếng gần bó hàng chục năm cuối đời mình trong khu xóm lao động nghèo nàn, chỉ cách trung tâm thành phố vài phút chạy xe, đôi khi trở nên lạc lõng. Ở đó, ông vẫn đơn côi ngồi bên cửa sổ luôn rộng mở ra con hẻm nhỏ, ngóng đăm ba bè bạn lâu lâu ghé qua thăm. Ở đó, mấy mươi năm cuối đời, không phải là con cháu, ông có một người đồng hành là cô Thương (cháu gái của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương). Câu chuyện giữa ông và người đàn bà này vẫn chẳng bao giờ được kể rõ. Có một điều chắc chắn rằng, bà đến bên ông khi đã về chiều, với thân phận như một chị giúp việc trong nhà, và đương nhiên chưa bao giờ xuất hiện trong một nốt nhạc tình ca của ông viết. Dẫu thế, bà vẫn giữ thái độ trân trọng, nhìn nhận bao năm bên một lão nhạc sĩ thường kỹ lưỡng, đôi khi khó chịu vì bị quên lãng vẫn khiến nhiều người yêu thương.

Ngày cuối cùng nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý nằm trong căn nhà nhỏ của mình, những người hàng xóm đồng thanh cất lên bản thánh ca buồn cầu hồn. Chị Linh, con gái nhạc sĩ hỏi nhà báo Lưu Trọng Văn, có sao không, vì bố em đâu có theo đạo nào. Nhà báo Lưu Trọng Văn bảo, cứ để xóm giềng, những người đàn bà nghèo cầu hồn cho ông, ông vẫn vui mà. Cái hẻm nhỏ Sài Gòn ấy vang lên đồng ca của những người đàn bà yêu mến nhạc ông. Và rồi ngày ông đi, bao người quen lẫn chưa quen đi theo đến tận nơi yên nghỉ, hát *Mẹ yêu con*, *Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh*... họ cùng trôi trong tiếng nhạc và nước mắt thương yêu dành cho người nhạc sĩ của nhân dân.

NSND Thu Hiền kể, lần đầu gặp Nguyễn Văn Tý là khi chị hát bài *Một khúc tâm tình người Hà Tĩnh*. Dù bài hát này, trước đó có chị Hương Loan đã hát trên sóng phát thanh vào năm 1974. Hôm thu thanh, nhạc sĩ đến nghe, ông nói: "Để bác

qua nghe thử con bé này hát thế nào". Rồi chỉ khi tôi hát mấy chữ đầu tiên: "Chứ đi mô..." ông đã thốt lên: "Được, con bé này hát được. Sao mà lại hát được đúng chất giọng vậy?". Tôi chia sẻ với bác, cháu đã ở xứ Nghệ, đi khắp dải miền Trung bao năm chiến tranh rồi... Sau đó, từ 1975 bài hát được thường xuyên phát sóng phát thanh. Đến *Người đi xây hồ Kẻ Gỗ* thì tôi được chọn là người đầu tiên hát cùng anh Kiều Hưng. Lúc ấy tôi còn rất trẻ, chưa nổi tiếng, và nhờ tình cảm của một nhạc sĩ có tiếng dành cho lớp trẻ mà có giọng hát Thu Hiền được công chúng biết tới rộng rãi.

Ca sĩ Ánh Tuyết vẫn nhớ mãi kỷ niệm với nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý trong chương trình kỷ niệm 35 năm ca hát của chị ở Cung Lao Động (Quận 1- TP. Hồ Chí Minh). Khi chị thể hiện bài hát *Mẹ yêu con* được nửa bài, ông đã lên sân khấu, cầm micro và nói: "Đây mới đúng là hát ru con". Ấn tượng của chị về ông là người luôn gần gũi và dành cho hậu bối những lời động viên to lớn. Trong ấn tượng của ca sĩ Ánh Tuyết vẫn giữ hình ảnh của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý thời trung niên là người rất phong độ và khéo ăn nói. Ông có thể nói về lịch sử âm nhạc Việt Nam cả buổi mà không thấy chán. Ông cũng là một trong số hiếm hoi những nhạc sĩ viết các bài "tình ca" theo "đơn đặt hàng" mà vẫn đậm giá trị nghệ thuật. Theo chị, "ông là một trong số cây đa, cây đề hiếm hoi của nhạc Việt ngang tầm với Phạm Duy, Văn Cao về trình độ âm nhạc, kiến thức...".

Chân dung của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, có lẽ chẳng ai họa được chính xác bằng chính tấm lòng của người dân và nghệ sĩ dành cho ông, qua những câu chuyện nặng tình như thế. Với Nguyễn Văn Tý, có thể xem âm nhạc là tình yêu bất tử với ông. Dù cuộc đời ông có những thăng trầm, nếm trải nhiều đổi thay cay đắng của lòng người, của thân phận; có những tháng năm sống khổ hạnh trong đói nghèo khi chủ yếu sống với tiền tác quyền... thì âm nhạc vẫn luôn là nguồn nhựa sống ấm áp để người nghệ sĩ ấy nương mình vào.

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý sinh năm 1925 tại Nghệ An. Ông là 1 trong 5 nhạc sĩ đầu tiên, cùng Nguyễn Xuân Khoát, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước, Văn Cao, thành lập nên Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Nguyễn Văn Tý nổi tiếng với những sáng tác như: *Dư âm*, *Mẹ yêu con*, *Tấm áo chiến sĩ mẹ vá năm xưa*, *Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh*, *Người đi xây hồ Kẻ Gỗ*, *Dáng đứng Bến Tre*... Ông còn viết một số ca khúc thiếu nhi như: *Màu áo chú bộ đội*, *Tôi là gà trống*, *Gà mái mơ*, *Út cứng*... Ông viết nhạc cho phim hoạt hình, múa rối và một số vở chèo: *Đảo nổi*, *Sông Hồng* (1967), *Nguyễn Viết Xuân* (1968). Năm 2000, ông được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.



CHÂN DUNG
NHÀ THƠ TRẦN HỮU THUNG
Ký họa: TẠ TÂM

“Thăm lúa” ban đầu là bài thơ... mừng đám cưới

GIAO HƯỞNG

Nhà thơ Trần Hữu Thung sinh ngày 21/7/1923, người xã Diễn Minh huyện Diễn Châu, Nghệ An. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954) ông là cán bộ Sở tuyên truyền Liên khu 4, từng phụ trách Chi hội Liên khu 4. Ông là Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam, cán bộ Vụ Văn nghệ Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội trưởng Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh. Ngày 31/7/1999 vào lúc 18h20, Nhà thơ, nhà nông Trần Hữu Thung lặng lẽ mang tuổi 77 cùng cút rượu túi thơ lên văn cảnh tìm thi hứng trên chốn bồng lai.

Nghĩ lại mấy chục năm “phu chữ”, tôi còn duyên 2 lần được diện kiến nhà thơ - nhà nông Trần Hữu Thung tại nhà riêng vợ chồng ông ở xã Diễn Minh. Chuyện là dịp trước tết Nguyên đán Đinh Sửu (1997) và tết Nguyên đán Mậu Dần (1998), tôi đi cùng các anh: Nguyễn Hồng Nam, Chủ tịch Liên đoàn lao động (LĐLĐ tỉnh), kiêm Tổng biên tập Báo Lao động Nghệ An (đang trong giai đoạn 3 năm thử nghiệm); các phó tổng và Chánh văn phòng LĐLĐ tỉnh, đến chúc tết nhà thơ. Nhân thể chúng tôi xin ông mấy cặp câu đối mang về để các họa sỹ Hải Thọ, Đào Phương (được Ban biên tập mời cộng tác trình bày) làm đẹp Báo Lao động Nghệ An số Xuân.

CHUYỆN LÀNG VĂN

Căn nhà một lối một lôm kiểu phổ biến ở nông thôn xứ Nghệ còn nồng vôi vữa. Anh Nguyễn Hồng Nam nói lời chúc tết nhà thơ và gia đình, anh Lê Huy Diễn (đồng hương xã) cùng mọi người trân trọng tiến hành trao quà. Nhà thơ đồng quê không dài dòng sáo rỗng, ánh mắt ông nhìn khắp mọi người cảm động:

-Về hưu còn được anh em bạn hữu nhớ đến thăm, đi qua về lại ghé tặng quà thể này, đời còn gì sướng bằng.

Nhiều năm rồi, gia đình ông “ngự” trong một gian của dãy nhà tập thể thuộc Bệnh viện huyện, nhờ những tấm lòng thơm thảo gần xa, cuối đời ông mới có nổi chút nhà chừng 40m² còn nồng vôi vữa. Thấy khách chúng tôi “tham quan” căn nhà, với ông thì đã là “tòa” biệt thự, nhà thơ lóng nga lóng ngóng, giọng ông chừng xuống, tôi nhận ra ông đang xúc động:

- Nhờ các anh trên tỉnh, trên huyện tài trợ 40 triệu đủ làm nhà, cứ lương hưu và nhuận bút cả một đời cũng khó có được.

Từ lúc nào đã không còn ranh giới chủ - khách, ông bảo vợ mang hũ rượu ra “để uống một chén Xuân sớm với các anh. Rượu bạn làng biếu mà”.

Ông tâm đắc với khoản rượu nhà quê ngâm rễ đinh lăng, thứ cây dễ trồng. Bà Bùi Thị Phương vợ ông, ngồi ngắm chồng tứ nhập ngôn xuất với tốp khách hầu hết là tuổi em, tuổi con. Bà Phương cho biết, là y sĩ bệnh viện huyện nên bà quá rõ, đến hộ pháp đồ vật cũng bị rượu phản thùng nữa là, vậy nên mấy năm nay bà giành quyền “quản hũ rượu”. Chúng tôi biết ý “khà” với ông chậm chậm để cuộc vui kéo dài hơn, ông thì “nỏ can chi mô, rượu làng tự nấu, càng uống càng mê mà”. Tính ông vốn thế, có bạn có bè là tứ lượng luôn vượt ra ngoài quy định rất chi là nghiêm ngặt của bà Phương.

Anh Lê Huy Diễn chủ động lái cuộc vui chung sang phía... không rượu:

- Xin anh cho Báo Lao động Nghệ An một ít câu đối để về in số Xuân.

Ông cười:

- Mấy bữa ni các báo tạp chí đến chơi đã lấy khá nhiều. Tui vẫn để dành mấy câu cho báo của Công đoàn và công nhân lao động Nghệ An.

Tôi chưa kịp mở sổ tay thì ông đã “xuất kho” ngay 4 đôi câu đối có sẵn trong đầu kèm chú thích:

- Chưa gửi cho ai cả, các anh cứ chọn mà dùng.

Nhiều năm rồi, cứ vào quý cuối năm ông đều làm sẵn câu đối, dịp tháng Một, tháng Chạp anh em ở các báo tạp chí Trung ương, các địa phương quen biết ông đến chúc tết sớm, và cũng “nhân thể” xin ông mang in số báo Xuân để hội đủ hương vị “thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ” của tết cổ truyền dân tộc. Cứ sau chiều rượu nhắm với “lạc Diễn Châu quê tui”, khách báo chí vẫn chương trong Nam ngoài Bắc đều vui vẻ ra về mang theo sản phẩm câu đối của ông.

Một đời cày cuốc trên cánh đồng văn chương chữ nghĩa lắm gian nan và lắm vinh quang, ở ngưỡng bát tuần ông vẫn cần mẫn không mỏi mệt. Ông nghỉ hưu theo

tuổi tác chứ không “hưu trí”. Chưa kể những giải thưởng văn chương tầm cỡ quốc gia, riêng sau khi nghỉ hưu ông còn để lại 2 công trình: “Từ điển tiếng Nghệ” (NXB Nghệ An 1998) với 3066 mục từ và 18 mục từ mở rộng, trên 300 trang in; “Giai thoại nhà nho xứ Nghệ” (một phần đã đăng tải rải rác trên các báo, tạp chí ở Nghệ An). Nhiều người cầm bút tâm phục khẩu phục với thành quả lao động sáng tạo của ông, xếp ông vào đội ngũ các nhà nghiên cứu văn hoá Việt Nam.

Suốt đời cầm bút với khối tác phẩm kính nể, người đời không tìm ra dù là một câu ông tự nói về mình, cũng như về nỗi buồn thế thái nhân tình.

Nhân lúc đang vui, tôi chủ động tìm hiểu hoàn cảnh xuất xứ bài *Thăm lúa* ông làm năm 1950, năm 1953 tác phẩm đoạt Giải thưởng thơ tại Liên hoan Thanh niên thế giới. Nghe tôi hỏi ông bật cười:

- Anh nhà báo hỏi, tôi nói thật hí...

Những điều ông vẫn tất vào chiều Đông ấy thật đến mức tôi cũng không ngờ, nó khác hoàn toàn với những bàn luận xung quanh bài *Thăm lúa* mà tôi từng được/ bị học thời phổ thông, từng được/bị đọc trên các sách, báo, tạp chí. Thì ra xuất xứ hoàn cảnh ra đời của bài *Thăm lúa* mộc mạc chân chất như cốt cách, như cuộc đời dân dã của nhà nông cầm bút Trần Hữu Thung.

Ông kể: Ngày ấy cơ quan tuyên truyền Liên khu 4 sơ tán đóng trên đất Đô Lương, trưa ấy, anh bạn đồng niên cùng cơ quan, rủ tôi cuốc bộ sang làng bên dự đám cưới người bạn của anh ấy. Đến dự đám cưới mà tay không thì khó coi, anh bạn đồng niên gợi ý tôi làm thơ tặng cô dâu chú rể. Tôi viết một lèo như lên đồng đọc tặng đám cưới. Bài thơ được nhiều người khen, tác giả chỉnh sửa một số chữ rồi gửi *Thăm lúa* in báo, vậy thôi.

Cũng như sau này - ông tiếp tục ngược dòng ký ức, giữa hừng hực khí thế cả nước lên đường đánh Mỹ, ông viết bài thơ “*Anh vẫn hành quân*”. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tình cờ ông nghe Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam phát ca khúc “*Anh vẫn hành quân*”, bấy giờ mới biết bài thơ của mình được ông Nhạc sỹ Huy Du phổ thành ca khúc, tên của nhạc phẩm vẫn giữ nguyên “*Anh vẫn hành quân*” tiêu đề bài thơ.

- Bác Thung ơi, từ hồi cháu học phổ thông và sau này đọc mấy bài giới thiệu về hoàn cảnh ra đời bài “*Thăm lúa*” của bác. Bữa nọ trực tiếp được nghe bác kể thì cháu mới hay, trí tưởng tượng của nhiều “nhà phê bình” quả đáng nể, họ có biệt tài dàn dựng bối cảnh ra đời bài “*Thăm lúa*”, điều mà ngay cả tác giả sinh ra nó cũng không ngờ.

Nghe tôi nói, nhà thơ - lão nông không bình luận gì. Nhìn cái miệng của ông nửa như muốn cười nửa như muốn mếu, tôi cảm nhận dường như trong tâm hồn ông không có chỗ cho những chuyện tầm phào, không có chỗ cho những thứ vi rút chữ nghĩa thường lợi dụng ẩn náu ăn theo.

Nay thì trái tim của ông vĩnh viễn hoà trong hương lúa, trong nhịp thở, trong sức sống mãnh liệt phi thường của đồng quê Việt Nam.

Tinh thần đối thoại lịch sử bằng ngôn ngữ tiểu thuyết

BÙI VIỆT THẮNG

Nhà văn “chung thân” với đề tài lịch sử

Sự lựa chọn đề tài của nhà văn đôi khi là ngẫu nhiên, nhưng thường khi là tất nhiên. Với Nguyễn Thế Quang, tôi nghĩ, hoàn toàn tất nhiên. *Đường về Thăng Long* (Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, quý IV, 2019), là cuốn tiểu thuyết lịch sử thứ tư của Nguyễn Thế Quang tiếp sau *Nguyễn Du* (2010, 2012, 2015), *Khúc hát những dòng sông* (2012, 2013), *Thông reo Ngàn Hồng* (2015, 2018). Bằng Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2016 dành cho *Thông reo Ngàn Hồng*, mới đây (11-2019), nhà văn đã sang Thái Lan nhận Giải thưởng Văn học Đông Nam Á (ASEAN). Rồi tiếp theo? Hãy đợi đấy! Nguyễn Thế Quang là “người đến muộn” trong văn chương, nhưng từng bước vững chắc tiến lên quyết không lùi một phân. Người này có duyên “ấm” giải thưởng, khiến không ít người trong văn giới phải tâm phục khẩu phục. Nhưng như dân gian tổng kết “có bột mới gột nên hồ”. Năm 2014, tôi đã viết một tiểu luận có tựa *Tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Thế Quang* (sau đưa vào sách Bùi Việt Thắng: *Thi pháp tiểu thuyết hiện đại*, Nhà xuất bản Thanh niên, 2019). Ý kiến sau của nhà văn khiến chúng tôi rất quan tâm: “Viết tiểu thuyết lịch sử không chỉ nhằm khám phá bản chất lịch sử mà cần hơn là đối thoại với hiện tại” (Tạp chí *Hồn Việt*, số 69, 5-2013). Có nhiều cách đối thoại lịch sử bằng ngôn ngữ văn chương/ tiểu thuyết. Một là, thông qua những nhân vật lịch sử tầm cỡ/hiệt liệt (như *Ngô Vương* của Phùng văn Khai, *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai). Hai là, thông qua những nhân vật tuần tiết/bi kịch (như *An Tư công chúa* của Nguyễn Huy Tưởng). Ba là, là nhân vật truyền thuyết (như *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật). Bốn là, những hùng bá xưng vương (như *Tam quốc chí diễn nghĩa* của La Quán Trung). Nguyễn Thế Quang, theo tôi, chọn cách thứ nhất. Hãy xem nhà văn chọn viết về những liệt kiệt nào: Nguyễn Du, thiên tài văn chương Việt, Danh nhân Văn hóa Thế giới (*Nguyễn Du*), Bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu của Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất

Thành (*Khúc hát những dòng sông*), Nguyễn Công Trứ, vừa là nhà nho tài tử, vừa là quan thanh liêm, có công trạng với dân, với nước (*Thông reo Ngàn Hồng*) và Võ Nguyên Giáp/ người Anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam/ Người tài đức vẹn toàn (*Đường về Thăng Long*). Và còn nữa trong tương lai...

Hình tượng Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Mới đây, đoàn nhà văn Việt Nam tham dự Hội nghị Quốc tế văn học tổ chức tại Islamabad (Thủ đô Pakistan), khi giao lưu bên lề Hội nghị, thì nhiều đại biểu làm quen với đoàn bằng tiếng Việt “Việt Nam - Hồ Chí Minh”, lại có người nói rõ hơn “Việt Nam - Điện Biên Phủ - Võ Nguyên Giáp”. Có một nhà văn già cho biết, ông đã từng sang Việt Nam và trực tiếp phỏng vấn Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ông hết sức khâm phục Việt Nam - Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp. Đúng là mở mày mở mặt với bạn bè quốc tế. Riêng tôi nghĩ, Võ Nguyên Giáp là “một danh từ Việt Nam”.

Sẽ rất khó khăn cho nhà văn khi tái hiện nhân vật lịch sử tầm cỡ như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vì cái “khoảng cách sử thi”, như các nhà lý luận đã chỉ ra. Nhưng tác giả đã khéo léo vượt qua cái ranh giới tường như nhất thành bất biến này. Bằng cách như là người trong cuộc, ướm mình vào nhân vật mà viết (cùng chịu đựng thử thách, cùng ứng biến vượt qua, cùng chung lưng đấu cật, chia sẻ ngọt bùi đắng cay,...). Ngay chương 1, nhân vật chính Võ Nguyên Giáp đã xuất hiện, từ đó cho đến dòng cuối, trở thành *sợi chỉ đỏ* xuyên suốt tác phẩm. Như vậy, lồng lộng hình tượng Đại tướng là con người của tinh thần “dĩ công vi thượng”, cao như Thái Sơn, dài như Hồng Hà giang. Con người của hành động với trí tuệ mẫn tiệp tuyệt vời, tình cảm sâu thẳm vì nước, vì nhân dân: “Vi điều Chính phủ đang làm cũng là nguyện vọng, là ý chí của toàn dân. Chính phủ chỉ thất bại khi làm mất lòng dân, làm trái với nguyện vọng của nhân dân. Vì dân sẽ có dân, có dân là có tất cả” (trang 566). Theo tôi, đây là tư tưởng căn cốt của tác phẩm - *tư tưởng về NHÂN DÂN*. Nếu nói tinh thần đối thoại lịch sử cũng chính là *đối thoại về NHÂN DÂN*. Hơn 500 trang sách chỉ tập trung khai thác thể hiện cuộc dân thân vĩ đại của một thế hệ vàng, suốt đời vì nước vì dân. Tiểu thuyết tiếp cận trang trọng nhiều nhân vật lịch sử tầm cỡ thời đại: Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, và tiếp đến là các học trò xuất sắc của Người như Phạm Văn Đồng, Trường Chinh,... những nhân sỹ trí thức, những bậc túc nho của đất nước như Cao Xuân Huy, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Văn Huyền,... Nhưng cần chú ý là, trong *Đường về Thăng Long*, có thể nói tác giả đã vượt qua được những rào cản về tư tưởng, tình cảm để công bằng khi “chạm” đến các nhân vật lâu nay như một “tập mờ” như Bảo Đại, Trần Trọng Kim, Vĩnh Thụy, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh... Nhân vật Võ Nguyên Giáp sẽ, theo tôi, trở nên “lẽ loi” nếu thiếu mối liên hệ rường cột với các nhân vật lịch sử cùng thời khác như đã nói. Họ là những thói nam châm cực mạnh có sức hút nhau khó cưỡng.

Đọc *Đường về Thăng Long* (tiểu thuyết lịch sử về Đại tướng Võ Nguyên Giáp), riêng tôi thấy, nhân vật chính Võ Nguyên Giáp có “hào quang”, một hiện tượng

hiếm thấy trong các tiểu thuyết lịch sử từ trước tới nay. Nhưng nhân vật này không khiến độc giả “kính nhi viễn chi”, trái lại gần gũi, ruột thịt, thậm chí như có thể tri âm tri kỷ. Tôi cũng đã đọc bản thảo tiểu thuyết lịch sử *Võ Nguyên Giáp* của Vũ Xuân Túu, để đối chiếu, so sánh với *Đường về Thăng Long* của Nguyễn Thế Quang. Như ai đó nói “mọi sự so sánh đều khập khiễng”. Nhưng nếu không hiểu A làm sao ta biết B (!?). Mỗi người một vẻ, còn vẹn toàn đến mấy phần lại là chuyện khác. Tác giả cũng mạnh dạn đi sâu tái hiện chuyện tình cảm riêng tư của nhân vật Đại tướng Võ Nguyên Giáp (với “vong linh” của người vợ trẻ đã quá cố Nguyễn Thị Quang Thái, cũng như quan hệ với người phụ nữ khác sau đó). Nhưng không khêu gợi tò mò bằng các “chiêu” câu khách. Nếu có viết về sự “phân thân” của nhân vật cũng chỉ nhằm làm cho nó đầy đặn, sinh sắc, linh hoạt, “mềm hơn”, gần gũi và đời hơn. Nói cách khác là tác giả đã khá thành công khi đi tìm cái gọi là “con người trong con người” (theo quan điểm của nhà bác học Nga M. Bakhtin, tác giả của công trình *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* đã dịch và giới thiệu rộng rãi ở Việt Nam).

Thiết nghĩ, phê bình tác phẩm không có nhiệm vụ kể lại nội dung câu chuyện mà chính nhà văn đã kể rất hay bằng ngôn ngữ kể chuyện của mình. Tôi sẽ làm cái việc đập vào cánh cửa đã mở sẵn nếu cứ kể lại trong hơn 500 trang sách nhân vật chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã làm những gì.

Vĩ thanh

Tôi đồng tình với ý kiến của nhà văn Nguyễn Khắc Phê trong *Lời giới thiệu* in đầu sách: “tác giả đã mạnh dạn tái hiện những điều “có thể có thật” - đó là những “khoảng mờ” trong lịch sử hay những riêng tư, thao thức mà chính sử không thể có...”. Theo lý thuyết văn học thì cách viết của tác giả trong *Đường về Thăng Long*, là nương theo phép của “cái khả nhiên” (cái có thể có). Toán học còn có “Lý thuyết tập mờ”, hướng hồ nghệ thuật/ văn chương. Có vẻ như tác giả tin tưởng vào xác tín của mình nên đã mạnh dạn “giải phẫu” những “ca” phức tạp của lịch sử như Trần Trọng Kim, Nguyễn Tường Tam... Nghĩa là tác giả đã thoát ra được khá xa lối viết “nệ thực” (phản ánh cuộc sống như nó vốn có). Lối viết của tác giả khiến tôi nhớ tới cuộc tranh luận thú vị vào đầu những năm 90 của thế kỷ trước về “văn học phản ánh hiện thực” hay “văn học nghiên ngẫm hiện thực”. Dấu cho không có “phe” nào chiến thắng tuyệt đối, cuối cùng thì đa số chấp nhận “văn học vừa phản ánh hiện thực vừa nghiên ngẫm hiện thực”. Tại sao không (!?). Vậy trong *Đường về Thăng Long*, tương quan giữa *phản ánh* và *nghiên ngẫm* như thế nào? Theo tôi, tỷ lệ này là 50/50 (một ví dụ nhỏ, như đoạn đối thoại giữa Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Tường Tam, trang 13-15).

Còn một điều tôi muốn viết thêm để kết bài báo nhỏ này, Nguyễn Thế Quang viết đối thoại hay. Tôi đã từng phỏng vấn nhà văn Lê Minh Khuê về việc bà học được gì khi thích đọc E. Hemingway, nhà văn Mỹ (Giải Nobel văn chương, 1954) với những tác phẩm đã dịch sang tiếng Việt như các tiểu thuyết *Chuyến nguyên hồn ai*, *Ông già và biển cả*, cùng hơn dăm chục truyện ngắn không thể không đọc với người làm nghề viết văn. Rất ngắn gọn, nhà văn trả lời: “Học cách viết đối

thoại trong văn Hemingway!" (bà đưa ra ví dụ về truyện ngắn có cách viết đối thoại hay nhất của tác giả này - *Rặng đồi tựa đàn voi trắng*). Đối thoại hay, theo tôi, như một động lực làm cho cốt truyện diễn tiến mau lẹ, tạo nhịp điệu (*rythme*), thậm chí bộc lộ tính các nhân vật trong một ngữ cảnh đặc biệt nào đó. Xin dẫn một ví dụ nhỏ: "Giáp thoáng nhớ lại: Đêm ấy, hơn 8 giờ tối, đồng chí cận vệ vào báo: "Có nhà văn Nhất Linh đòi gặp". Giáp vội mời vào ngay. Tam bước vào phòng, gương mặt rần rở, dạn dày phong sương. "Rất giống anh chàng Dũng trong *Đoạn tuyệt*" (tác phẩm nổi tiếng của Tam với bút danh Nhất Linh). Giáp thoáng nghĩ thế rồi đưa tay chỉ vào ghế trước mặt:

- Mời anh ngồi.

Anh chưa kịp nói gì thì Tam đã hỏi:

- Ông Giáp. Các công đã cướp được chính quyền. Vậy ông điện mời tôi về làm gì?

"À! Như vậy bức điện mình đã gửi đến tay ông ta. Nội dung có mấy dòng: "*Của Võ Nguyên Giáp tức Văn gửi cho ông Tam (nhờ AGAS chuyển). Việt Minh đã thành lập Chính phủ Cộng hòa lâm thời. Nhân danh cá nhân tôi, mời ông về Hà Nội*". (Bức điện này được SOS chuyển sang Trùng Khánh với ký hiệu số M/C. 52 ngày 31-8-1945). Giờ nghe giọng Tam có vẻ gay gắt, Giáp nhẹ nhàng:

- Có gì phải vội đâu anh Tam. Mời anh dùng tạm chén trà đã.

Đưa chén trà cho Tam, Giáp nhìn thẳng vào mặt anh ấy, bắt gặp một cái nhìn thẳng và sâu như dò hỏi, như thách thức. Giáp thấy thích cái nhìn ấy, bèn nói:

- Chính quyền mới đã được thành lập, đất nước còn rất nhiều khó khăn, chúng tôi mời anh về cộng tác.

- Cảm ơn anh đã mời tôi. Nhưng, tôi lại muốn mời anh cộng tác cùng chúng tôi.

Giáp ngạc nhiên:

- Chúng tôi là ai vậy?

- Là Chính phủ Việt Nam Dân quốc. Các anh nhân lúc Nhật đầu hàng, chúng tôi chưa về kịp đã tự ý tuyên bố thành lập chính quyền. Chính quyền đó không được Đồng Minh công nhận. Thống chế Tưởng Giới Thạch sẽ đưa chúng tôi lên cầm quyền. Các nước trong phe Đồng Minh sẽ công nhận chính phủ do chúng tôi thành lập. Chúng tôi sẽ được ủng hộ về mặt tài chính.

Giáp ngắt lời:

- Và nước Việt Nam thuộc Tàu?

- Đúng vậy. Thế càng tốt chứ sao?

- Dứt khoát không. Nhân dân Việt Nam không bao giờ chấp nhận điều đó" (trang 14-15).

Đối thoại hay và câu văn được trau chuốt kỹ càng khiến cho đọc sách dày nhưng không mệt, không bỏ cuộc. Trái lại hấp dẫn và thú vị. Còn gì thành công hơn với một nhà văn hiện nay khi tác phẩm không bị lãng quên trong thời gian.

Muốn đổi mới thơ trước nhất cần có thơ để đổi mới

TÙNG BÁCH

LTS: Dịp cuối tháng 12 năm 2019, Ban Thơ của Hội LHVHNT tỉnh tổ chức buổi tọa đàm về chủ đề “Đổi mới Thơ”. Có khá nhiều những ý kiến thú vị của các hội viên được trình bày tại đây. Sông Lam xin giới thiệu đến bạn đọc bài viết cũng là bài tham luận tại buổi tọa đàm do tác giả - nhà thơ Tùng Bách tự đặt tên.

Trong lịch sử nước ta, người miền trung nói chung và người Nghệ Tĩnh nói riêng đóng một vai trò rất lớn trong chiến đấu lao động sản xuất, vệ quốc và kiến quốc. Nghệ Tĩnh đã nảy sinh ra nhiều những danh nhân hào kiệt ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Nếu văn hóa là cái duyên cuộc sống, thì thơ chính là tình cảm, nhịp điệu của hồn người. Bởi lẽ trong văn hóa, bao hàm cả văn nghệ, trong văn nghệ có thơ ca hò vè...Thơ ca vốn sẵn và nhiều như nước như khí trời có ở khắp nơi.

Thơ ca vốn được sinh ra ngay sau khi con người có tiếng nói. Thơ không phải là thứ gì xa lạ. Ước mơ khao khát chính là thơ. Có thể nói thế kỷ 20 là thế kỷ của ngôn ngữ thơ ca.

Mỗi vùng đất, mỗi tộc người đều có cách biểu đạt riêng, tùy từng lúc từng nơi theo cung bậc, tình cảm khác nhau. So với các vùng miền khác, tổ chất người Nghệ thông minh, cá tính bộc trực, mạnh mẽ, khôn ngoan nhưng không “khôn khéo” bằng người Bắc, không hào hớn như người Nam, nhưng khi cần phải thể hiện cái “tôi” thì người Nghệ không kém phần quyết liệt.

Thơ miền Trung nói chung và thơ xứ Nghệ nói riêng ít uốn éo quanh co, ý tứ chặt chẽ, chữ nghĩa trong sáng dễ hiểu, dễ gần.

Cách nay 2 thế kỷ, chỉ riêng An - Tĩnh (Tức Nghệ An- Hà Tĩnh) đã xuất hiện gần như cùng một lúc 3 đỉnh thi ca. Một Nguyễn Du mượt mà hào hoa, phảng phất hơi hướm văn minh văn hóa Sông Hồng. Một Hồ Xuân Hương thông minh, dí dỏm, nghịch ngợm và táo bạo, được người đời tôn vinh là Bà chúa thơ Nôm. Một Nguyễn Công Trứ, vị quan thượng thư hào hoa, văn võ song toàn nhưng không kém phần lãng tử, dám đưa cả tạo hóa ra mà cười cợt trên đầu.

Ba đỉnh “Thi Sơn” ấy, theo tôi, đến nay vẫn chưa mấy ai vượt qua.

Nói đến xứ Nghệ là nói đến xứ Thơ. Sự xuất hiện của những lớp lớp người thơ hầu như không theo một nguyên tắc, quy luật nào cả. Theo mặt bằng thơ cả nước (10 năm trở lại đây), thơ Nghệ An cũng như thơ các vùng miền cả nước, đang thi nhau “giẫm chân tại chỗ”, có nguy cơ tự sướng cao! Trung bình mỗi tháng, tôi nhận được từ 3 đến 4 tập thơ của bạn bè thơ gửi tặng. Không ít tập thơ, bài thơ cố đọc đi đọc lại mà chả tài nào hiểu tác giả viết gì? Đành rằng thơ là ý ngoài lời (Ý tại ngôn ngoại) nhưng ngoại đến mức...ngoài khả năng huy động mọi liên tưởng của người đọc thì nhất quyết không thể gọi là thơ! Có thể thưởng thức thơ bằng linh cảm, chứ không thể bằng ngoại cảm! Lâu nay trên một số tờ báo văn, (chưa kể đến các trang báo điện tử) xuất hiện không ít bài viết hùng hồn đòi cách tân thơ. Nào là thơ “tân hình thức”, thơ “hậu hiện đại”, thơ sex...Theo tôi, thơ chỉ mỗi tiêu chí đó là HAY. Thơ hay không nhiều, nhưng không phải là không có!

Muốn có thơ hay, cần có sự chuẩn mực. Thơ dở, thơ rác cũng...rất có thể gây tổn hại cho sức khỏe người đọc, người nghe, giống như nạn rau- củ- quả- thịt- cá...tẩm, ngâm hóa chất!

Đội ngũ những người làm thơ ở Nghệ An ta, phải nói là khá hùng hậu, không thua kém bất cứ vùng miền nào trên cả nước. Ban thơ của Hội có gần 100 hội viên, chưa kể đến hàng chục CLB thơ ca của các phường xã, thị trấn, thị xã và tỉnh, thành phố. Trình độ học vấn của các người làm thơ phải nói là khá cao và tương đối đồng đều. Nhưng, xem ra lâu nay, trong số đó chưa có cây bút nào tỏ ra xuất sắc, tỏa sáng, vượt trội, gây được chú ý trong làng thơ Nghệ như các thế hệ cha, chú, anh, chị trước đây, mà chỉ mới đạt đến ngưỡng phong trào, hay nói cách khác là “hát đồng ca”.

Nhân cuộc tọa đàm về “đổi mới thơ”, nếu chúng ta chỉ đến đây để nghe một vài ý kiến, nên thế này, phải thế kia, để có thơ hay, theo tôi, quả là hơi bị khó!

Nhưng khó, không có nghĩa là không thể, mà còn phụ thuộc vào nhiều thứ khác, để xem con “người thơ” có chịu, có khả năng để đổi mới hay không? Đổi mới bằng cách nào để có thơ hay? Vì sao “*Hạt gạo muôn đời vẫn mới / Câu thơ chưa viết đã cũ mèm*”?

Theo tôi, muốn đổi mới thơ, trước nhất cứ phải là Thơ đã. Thơ dở, có thể hay, còn thơ nhạt thì... “nước ốc, khó mà thành rượu”:

*“Muốn “đổi mới Thơ”? Cứ phải là Thơ đã
Không thể ngồi đợi “thi hứng tự nhiên lai”
Nòng Nọc đến kỳ, đứt đuôi thành Nhái Bén
Cõi nhân gian có được mấy thiên tài
Muốn đổi mới Thơ? Cứ phải là Thơ đã
Mới - Cũ - chỉ là cách nói mà thôi
Mới, không lạ - lạ, không hay - “hồn xưa - vía cũ”
Không vô cơ trước Kiều - hậu thế chấp hai tay!*

Theo sự biết của tôi thì các bậc cha chú, đàn anh của chúng ta trước đây cũng đã từng đổi mới thành công từ về - giặm - tuồng - tấu nói - ca dao... thành thơ. Ví dụ: Tố Hữu viết “*Lượm*” là thể loại về; Trần Hữu Thung với *Thăm lúa*, Minh Huệ với *Đêm nay Bác không ngủ*... là một thứ giặm được “đổi mới bằng cách không “giặm”: “*Em nhớ ruộng nhớ vườn/ Không nhớ anh rằng được*”. Nếu là giặm, sẽ có thêm câu: “*Nó nhớ chàng rằng được*” hoặc: “*Mời Bác ngủ Bác ơi/ Trời sắp sáng mắt rồi/ Bác ơi mời Bác ngủ*”

Còn nhà thơ được coi là một trong những lá cờ tiên phong trong phong trào thơ mới Thế Lữ, ông đã có cái nhìn mới mẻ, nhưng vẫn chưa rõ bỏ được cách thể hiện của “hát bội”: “*Gặt một mối cảm hồn trong cúi sát/ Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua (a....)*... “*Dăm vầng lá hiền lành không bí hiểm/ Cũng học đòi bắt chước vẽ hoang vu (a....)*

Trên đây là một vài ví dụ về những “người thơ” lớp trước đã có công đổi mới, chuyển hóa hò về, ví giặm, hát bội... thành thơ. Chúng ta hôm nay chỉ việc làm sao để có thơ hay? Theo tôi, HAY là MỚI, còn hiện đại hay chưa hiện đại cũng chỉ là khái niệm mơ hồ, có khi chỉ là cách biện hộ của những kẻ “lực bất tòng tâm”

Ai cũng biết, Thơ vốn dĩ không phải là nghề kiếm sống. Bởi thơ không nuôi nổi người thơ. Vậy thơ là nghiệp (nghiệp chướng)! Thơ có thể biến kẻ vô danh tiểu tốt thành danh, và cũng không mấy khó khăn biến những người từng có danh thành dở hơi, hâm hấp!

Muốn có thơ hay, ngoài vốn sống, kiến văn ra, người thơ cần phải có “tay nghề” - tạm gọi đây là kinh nghiệm, cộng thêm một chút “Trời cho” (xin mở ngoặc - cảm xúc là thứ rất khó bề truyền dạy). Người làm thơ ai chẳng muốn thơ mình hay, được người đọc người nghe đồng cảm, chia sẻ... Nhưng để có thơ hay thật chẳng dễ dàng chi - bởi thơ luôn đòi hỏi sự tìm tòi sáng tạo để có được cái mới, cái lạ. “*Năm mươi năm tí toáy làm thơ/ Gom một tập vài mươi bài, sao mà khó/ Nửa thế kỷ bởi đất, lật cò/ Cỏ mơn man rạo rức dưới chân người*”

Ngày tết, nói chuyện câu đối

ĐOÀN MẠNH TIẾN

Đã từ lâu, câu đối được xếp vào thể loại văn biền ngẫu. Cũng như văn tế, văn bia, thơ, phú, câu đối là một trong những thể loại của văn học Trung Quốc, có từ lâu đời và cho đến đời nhà Đường (618 - 907) thì có phép tắc, luật đối hẵn hoi. Qua câu đối, tác giả bộc lộ tình cảm, ý chí, quan niệm... của mình trước một sự việc, sự kiện, hiện tượng trong cuộc sống xã hội. Người xưa quan niệm rằng *"nếu thơ văn là tinh hoa của chữ nghĩa thì câu đối là tinh hoa của tinh hoa"*. Câu đối thể hiện sự nhạy bén, cảm nhận tinh tế, trí thông minh của tác giả trước hiện thực, trong việc đối đáp, ứng xử. Qua sự hài hòa, câu đối, đả đố, ... người đọc sẽ nhận ra được cái hay, cái thú vị, hấp dẫn của câu đối.

Theo các nhà nghiên cứu văn học thì có 11 loại câu đối, để cho ngắn gọn, chúng tôi không nêu ra ví dụ.

1. **Câu đối mừng:** làm để tặng người khác trong những dịp vui mừng như mừng thọ, mừng đám cưới, mừng thi đỗ, mừng nhà mới...
2. **Câu đối thờ:** là những câu tán tụng công đức tổ tiên, làm để dán hoặc treo những chỗ thờ.
3. **Câu đối đề tặng:** là những câu đối được làm ra để tặng cho người hoặc tổ chức nào đó.
4. **Câu đối phúng:** làm để viếng người chết.
5. **Câu đối tự thuật:** là những câu đối tác giả nói lên ý chí, lý tưởng, quan điểm, tư tưởng... của mình và thường dán ở những chỗ ngồi chơi.

6. Câu đối tập cú: là những câu đối lấy những câu chữ đã có sẵn ở trong sách hoặc đã có sẵn trong ca dao, tục ngữ, tác giả sắp xếp lại thành câu đối.

7. Câu đối trào phúng: làm để chế diễu, phê phán, châm biếm một đối tượng nào đó.

8. Câu đối tức cảnh: là những câu đối được làm để diễn tả ngay những cảnh xảy ra trước mắt tác giả.

9. Câu đối thách: tác giả tự nghĩ ra một vế rồi yêu cầu người khác đối lại (hoặc có khi tác giả tự đối lại).

10. Câu đối chiết tự: là những câu đối do sự tách chữ Hán hoặc chữ Nôm ra từng nét hoặc từng phần mà đặt thành câu.

11. Câu đối tết: làm để dán ở nhà, cửa, đền, chùa... vào dịp tết Nguyên đán.

Nói chung, mỗi câu đối nói lên một khía cạnh của đời sống. Câu đối chỉ thu gọn cảnh đời trong vài nét chữ không đi sâu vào nhân vật, hoàn cảnh, chi tiết... Giá trị hiện thực của câu đối thường thể hiện rõ nhất trong các câu đối tết. Qua câu đối, ta thấy dưới chế độ thực dân, phong kiến, trong ngày tết người lao động rất nghèo túng. Đây là cảnh một người độc thân đón tết chỉ có quả bưởi:

- *Thấy tết đến rồi, chẳng lẽ giờ cùi cùng tuế nguyệt.*

Kìa Xuân sang đó, rồi xem mở múi với giang sơn.

Và đây là cảnh nhà nho trong cơn nghèo túng:

- *Nợ có chết ai đâu, đòi mà chi, trả mà chi, cha cóc!*

Trời để sống ta mãi, tiền cũng có, bạc cũng có, mẹ bò!

Trong lúc đó, cảnh tết của bọn quan lại thì trái ngược hẳn:

- *Doanh quan lớn gọi là dinh, võng lọng, hèo hoa, ngù giảo đỏ, quan kiệu sắp hàng đôi.*

Tết ba mươi gọi là tết, chè lam, bánh chưng, nhân đậu xanh, dưa hành đánh miếng một.

Với nhà giàu, cảnh tết cũng rất xa hoa. Tính chất hiện thực của câu đối thể hiện rõ qua hàng loạt các từ ngữ, hình ảnh:

- *Cảnh tết thật là vui, nào tranh, nào pháo, nào áo, nào quần, nào dưa hành, mít bí, nào giò mỡ, bánh chưng, rượu đánh tít mù, tớ muốn quanh năm Xuân tất cả.*

Ở đời ừ cũng phải, cứ ăn, cứ chơi, cứ tiêu, cứ phí, cứ rượu cúc, chè sen, cứ tài, bàn xóc đĩa, chơi vui tàn tán, ai hỡi trăm tuổi cũng thôi mà.

Nghịch cảnh như vậy nên có lần nhà thơ Tú Xương đã làm câu đối chửi thẳng:

- *Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo.*

Nhân tình trắng thế lại bôi vôi.

Không những thế, dưới chế độ cũ, câu đối còn đả kích vào quyền uy của bọn thống trị:

- *Võng đào ông lớn đi trên ấy.*

Váy rách bà con vồ dưới này.

Có một câu đối khá thú vị: Khi một tên quan ở tỉnh Ninh Bình tổ chức thi làm câu đối mừng mẹ của Vua Khải Định năm mươi tuổi, hắn xướng ra một vế đối như sau:

- *Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước.*

Thì không ngờ hắn nhận được vế đối lại vạch trần bộ mặt xấu xa, bản chất bóc lột, ăn hối lộ của hắn:

- *Bạc đưa trăm một chết cha dân.*

Câu đối cũng thể hiện đậm nét tinh thần yêu nước của nhân dân ta: Với người chiến sĩ yêu nước, câu đối khóc bạn cũng là khóc cho đất nước bị giày xéo, lo cho nỗi giống của mình. Trong câu đối khóc Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế có viết:

- *Ôi huynh ông! Học cùng nhau, đồ cùng nhau, lại khi hoạn nạn cùng nhau, xót vì hồn nước bơ vơ, mưa gió nặng nề không đối tiết!*

Nào đồng chí! Chết vì gương, chết vì tù, còn ta cũng yếu vì bệnh, thương nỗi đoàn tan ngư ngắc, giang sơn gấm vóc biết cùng ai?

Ta thấy rõ ràng mỗi dòng đối, vế đối là một nỗi niềm tâm sự, Ngô Đức Kế khóc bạn nhưng đồng thời cũng bộc lộ nỗi khóc thương cho mình, người sống tiếc thương người chết nhưng vẫn thấy còn nhiều nhiệm vụ nặng nề, tình cảm dạt dào, thấm thiết nhưng không bi lụy.

Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, câu đối vẫn được kế thừa và phát triển. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, ngoài việc thể hiện tình cảm, tư tưởng của người viết câu đối, thì câu đối đã bám sát các vấn đề thời sự, các chủ trương chính sách lớn của Đảng. Ngay từ tết Bính Tuất 1946, khi Cách mạng tháng Tám vừa thắng lợi được bốn tháng, Bác Hồ đã viết câu đối mừng Xuân:

- *Rượu Cộng hòa, hoa Bình đẳng, mừng Xuân Độc lập.*

Bánh Tự do, giò Bác ái, ăn tết Dân quyền.

Gần đây nhất là câu đối trên tờ báo *Quân đội nhân dân Xuân Đinh Dậu 2017*:

- *Tinh cán, tinh binh, giàu đức hy sinh vì đại nghĩa, bảo vệ Tổ quốc, hòa bình bền vững.*

Vì Đảng, vì dân, sẵn sàng xả thân tròn trung hiếu, giữ gìn non sông, hạnh phúc yên vui.

Và trên báo *Nhân dân Xuân Đinh Dậu 2017*:

- *Tiếp bước cha ông, giữ vững cõi bờ, tô non sông tươi đẹp.*

Đồng tâm con cháu, xây giàu làng nước, thêm gấm vóc rạng ngời.

Có thể nói câu đối đã được phổ cập trong nhân dân, đã trở thành một truyền thống văn hóa đẹp. Với dân tộc Việt Nam, câu đối đã sống, đang sống và sẽ còn sống mãi.

Dân gian nói về nạn cờ bạc qua một số bài giặm về xứ Nghệ⁽¹⁾

TRẦN HỮU VINH

Trong văn học dân gian nói chung, giặm về Nghệ - Tĩnh nói riêng, nhân dân lao động đã phê phán nạn cờ bạc, rượu chè cùng với vô vàn những thói hư tật xấu khác.

Về là một thể loại tự sự dân gian được viết dưới hình thức văn vần nên dễ nhớ. Về có vai trò như một thể loại báo chí cổ xưa, cập nhật những vấn đề của cuộc sống hàng ngày với thái độ khen chê rõ ràng. Những vấn đề được đề cập đến có tính chất địa phương, nó ghi đậm dấu ấn vùng miền. Ngôn ngữ về mộc mạc, giản dị. Kết cấu ngôn ngữ của về chủ yếu là lục bát, ngũ ngôn, tứ tuyệt... câu thường ngắn gọn. Về xứ Nghệ, ngoài những thể thơ phổ biến, có một bộ phận được hình thành trên cơ sở làn điệu hát giặm của dân ca Nghệ - Tĩnh. Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi khảo sát một số bài về theo thể loại hát giặm.

Cũng như những thể loại văn học dân gian khác, tác giả dân gian trước hết tự cười mình, tự phê phán những thói hư tật xấu của tầng lớp mình. (Mặc dù đối tượng của nạn cờ bạc, rượu chè không phải chỉ có nhân dân lao động)

Người xưa đã nhìn thấy trong nạn cờ bạc những mầm mống hậu hoạ nặng nề, tiền mất tật mang, tan cửa nát nhà: *"Trước được một đôi đồng/ Sau rút từng mất vốn". "Kẻ bịp bợm khôn ngoan/ Cũng một đoàn bị gậy"*. Rồi bi kịch sớm muộn cũng

xảy ra, một cận cảnh ai ai cũng biết mà bao kẻ cứ lao vào như một con thiêu thân: “Kẻ cầm khăn cầm khó/ Người cầm áo cầm quần”, và bán nhà, bán đất là điều không tránh khỏi: “Tay cầm bút giấy/ Biên cho rõ tám hàng/ Đông cận Tây hoang/ Nam Bắc: đàng tiểu lộ”.

Thái độ phê phán có nhiều cung bậc khác nhau. Mượn hình tượng người vợ khuyên chồng, tác giả dân gian chọn cách nói nhẹ nhàng, phân tích có tình có lí: “Nghe lời thiếp tự tình/ Dám xin chàng nghĩ lấy” (Nghề cờ bạc là nghề phá của)/ “Dám khuyên chàng ngồi lại/ Để thiếp bàn giải đôi lời”/ “Dám khuyên chàng nghĩ lấy/ Mong chàng tự nghĩ lấy” (Đa mang cờ bạc hoá nhăng). Nàng khuyên chồng nhận thức được tác hại của cờ bạc, khuyên để phòng ngừa, mong chồng đừng dính vào thú vui vô bổ ấy để giữ gìn hạnh phúc gia đình, thế nên nàng nói: “Chơi một chút cho vui/ Rượu ba chén vô rồi/ Bạc mấy trăm cũng mở” (Mở bát xóc đĩa). Cái lí của kẻ cờ bạc chẳng đâu vào đâu, nàng biết rõ điều này nên thông cảm và khuyên chồng một cách bao dung: “Không chơi nhờ thì quê/ Thà chơi nhờ điều chi (...) Đừng mê say cờ bạc”.

Tục ngữ có câu “trong cờ bạc, ngoài anh em”, đã dính vào cờ bạc là dễ mất anh, mất em... Đánh thua vay nợ, khát nợ nhiều lần, những người lúc đầu vốn là bà con làng xóm, vốn là anh em, bè bạn nay trở thành kẻ thù: “Hắn đào hết cha, hết mẹ/ Hắn chửi hết tổ, hết tiên” (Làm trai cờ bạc thì chừa). Lại nữa: “Cờ bạc là bác thẳng bản”, cờ bạc làm con người đánh mất nhân cách, ứng xử tha hoá: “Dầu kẻ thanh người lịch/ Trước trau chuốt áo quần/ Sau cũng hoá ngu đần”; “Ông với thẳng lộn lạo”; “Bỏ hết điều trung tín”; “Đối trá đủ trăm khoanh”; “Không ai tin người cờ bạc”... Nhưng trên hết người vợ cho rằng đồng tiền cờ bạc là “của bất nghĩa”, còn tiền thì còn tình, hết tiền thì hết tình. Muốn cho cuộc sống sung túc, đủ đầy, bền vững, không chi bằng tự lực cánh sinh bằng bàn tay khối óc chính mình là hơn:

Nhân sinh ra bách nghệ,
Người có nghề thì hơn.
Kẻ cày ruộng cuốc vườn;
Kẻ đọc sách thánh hiền,
Lo theo đòi chúng bạn”.

(Nghề cờ bạc là nghề phá của)

Đối với chồng, người vợ chỉ dám chọn thời điểm “nhân khi vô sự” mà khuyên, khuyên chồng để ngừa, rồi tới chừa hẳn. Trong toàn bộ bài về Nghề cờ bạc là nghề phá của người vợ đã 2 lần nhắc chồng nên “chừa” (ngừa): “Gẫm trong mình nên chừa”; “Sau có thân thì chừa”, 3 lần nàng nhắc chồng nên “trừa” (chừa): “Trừa sớm đi là phải”; “Nghề cờ bạc nên trừa”; “Dám xin chàng trừa nghề cờ bạc”.

Thái độ của tác giả dân gian không chỉ dừng lại ở mức độ nhẹ nhàng, có lúc cần gay gắt, đánh thẳng vào nhận thức của những “con nghiện”. Tan cửa nát nhà vẫn chưa thôi, cờ bạc sinh ra tham quan, sinh ra phường trộm cắp... Những người dân vốn lam lũ hiền lành rồi sẽ trở thành những kẻ đầu đường xó chợ, đầu trộm

đuôi cướp: “Anh lên vô nhà/ Anh bắt được con gà/ Anh vợ cả cái chòng cái cuốc”, trở thành kẻ phá gia chi tử: “Không cha mô hóng/ Không cửa nhà mô hóng”, trở thành người chồng vũ phu: “Ơi mẹ mi ơi/ Đừng có nói lảm mà roi với đòn” (Máu cờ bạc) rồi muốn kết liễu đời mình cũng khó: “Liều mà đâm cũng dở/ Liều trảm mình cũng dở”. Trở thành kẻ trộm cắp, bị bắt, bị đánh đập đã đành, còn đâu nhân cách con người: “Người ta bắt được/ Da nát xương mòn (...) Anh nghĩ hổ thân anh chết”. Tác hại là vô cùng, khuyên nhủ không được, răn đe cũng chẳng xong. Những người lao động chân chính cảm thấy hổ thẹn thay mà kêu lên: “Thấy trong dân bậy bạ/ Thấy trong làng bậy bạ” (Làng ta thật bậy).

Nói vậy không có nghĩa là chỉ người dân lao động đánh cờ bạc, tác giả dân gian cũng rất khách quan khi phê phán những nhân vật thuộc tầng lớp trên. Thực ra đối tượng quan lại đánh bạc mới là những kẻ đáng phê phán nhất. Họ là quan phụ mẫu của dân, là những người thực thi pháp luật, ngăn ngừa và trừng trị tệ nạn, lẽ ra họ phải nêu gương tốt cho dân lại sa vào cờ bạc thì còn gì để nói? Liệu đồng tiền mà họ dùng đánh bạc có phải là đồng tiền sạch? Mỗi khi thua bạc họ lại bòn rút mồ hôi, nước mắt và máu nhân dân. Quan lại đánh bạc công khai trước bàn dân thiên hạ:

*Ai ngờ quan kiểm bắt nhân,
Rủ dân về đánh bạc.
Rủ làng về đánh chác,*

(Quan kiểm⁽²⁾ đánh bạc)

Một người dân cờ bạc thì gia đình, vợ con họ khổ, quan lại đánh bạc thì cả làng khổ, thế nên hậu quả thật khôn lường:

*Khi đầu tường ngõ làm chơi
Sau gia tài khánh kiệt.
Ruộng vườn bán hết,
Đến chết vẫn không chữa*

(Quan kiểm đánh bạc)

Có đủ thứ hạng chức sắc, kéo theo là đủ tầng lớp nhân dân, đủ các lứa tuổi, thành phần hỗn tạp, nhố nhăng:

*Có anh Chiến, anh Xương;
Có quan điển⁽³⁾, quan hường
Ông tú Văn cũng có.
Bà tú Văn cũng có.
Kẻ có chồng cũng đánh,
Kẻ không chồng cũng đánh.*

(Quan kiểm đánh bạc)

Cờ bạc thường gắn với rượu chè, kéo theo các tệ nạn khác. Quan - dân hết đánh lại ăn nhậu, quan trên xuống thì bị các quan dưới mua chuộc bằng tiền, bằng rượu nên cả làng trên xóm dưới ngập trong cờ bạc, rượu chè:

*Nào ông tuần, ông chánh.
Đút mỗi mảnh mỗi ông.
Các thầy đệ, thầy thông.
Có ba chục đồng đút hết.*

(Quan kiểm đánh bạc)

Vậy ai là kẻ đục nước béo cò, những người dân lao động ba cọc ba đồng rồi sẽ không theo nổi. Chỉ các quan lăm tiền cho dân vay, bọn nhà thổ tổ chức thu tiền xới, tiền ăn uống, một đồng tính thành ba, bảy đồng vơ hết. Nỗi khổ luôn thuộc về dân đen, tiền bạc đổ về *"Đầy một sân quan kiểm"*, và *"Suy cho ra mới biết/ Lợi nhà thổ mà thôi"*.

Đánh cờ, đánh bài, chơi gà... vốn là những trò giải trí ngày tết, ngày lễ nhưng những ai không làm chủ được bản thân thì dễ sa ngã. Dân gian xưa đã ý thức rất rõ tác hại của nạn đỏ đen nên giống những hồi chuông cảnh tỉnh. Qua ngôn ngữ những bài vè, chúng ta thấy thái độ của nhân dân vừa khoan dung, độ lượng, vừa nghiêm khắc, phân minh. Trên hết, họ mong cuộc sống này luôn yên ả, hài hoà, con người sống trong tình yêu thương, vươn lên bằng nỗ lực của bản thân, sống bằng mồ hôi nước mắt và sức lao động của chính mình. Đồng tiền không do mình tự tay làm ra hay lấy từ mồ hôi nước mắt người khác đều là bất nhân cả vậy.

(1) Bài viết sử dụng tư liệu trong cuốn: *Kho tàng về xứ Nghệ*, tập VII, Ninh Viết Giao (chủ biên) Nxb Nghệ An, 2000.

(2) Quan kiểm: chức kiểm học, một chức trong ngành giáo dục phong kiến (theo sdd).

(3) Quan điểm: một chức trong ngành giáo dục phong kiến. Quan hường: chức Hồng lô tự khanh hoặc Hồng lô tự thiếu khanh (theo sdd).

Về một số từ thời thượng

HỒ ANH THÁI

Tạm nhậ ra một số từ thời thượng đang được dùng tràn lan thì cũng thấy phần nào sự ra đời và số phận của nó. Chẳng hạn bây giờ người ta hay dùng chữ *sợ vãi*, rồi nói tắt là *vãi*, nhưng không mấy người biết xuất phát điểm của từ này.

1. Tiếng Việt lâu đời đã có thành ngữ *sợ vãi đái*. Bình dân nôm na hơn và thô hơn thì nói một người bị chó đuổi chẳng hạn là *chạy vãi kứt* (tác giả chủ ý dùng chữ k, không phải là sai chính tả). Vãi cái gì thì cũng chỉ là miêu tả một sự thật: khi tử tù đứng trước họng súng ở pháp trường chẳng hạn, *sợ vãi đái* là chắc chắn. Đi đêm nơi hoang vắng mà hoang tưởng là bị ma đuổi chẳng hạn. Cái sợ kinh hoàng khiến người ta mất khả năng kiểm soát hệ bài tiết. Thế là vãi.

Lâu dần, cái thành ngữ liên quan đến bài tiết này bị coi là không nhã. Thế là người ta dùng uyển ngữ, nói tránh đi. *Sợ vãi... vãi gì nhỉ?* Chọn một từ gì đó cho có vẻ cao siêu và tâm linh, đối trọng với cái thứ ô uế tầm thường kia. Thế là thành ngữ *sợ vãi linh hồn* ra đời. Nhà văn Vũ Bảo là người sớm nhất đưa nó vào văn và cho nó một chỗ đứng chễm chệ bình đẳng trong văn học: ông đặt tên cho truyện ngắn xuất sắc của mình là *Người vãi linh hồn*. Ông kể chuyện một anh lính nhất gan, trong một trận công đồn bị hỏa lực của giặc bắn ra xối xả, anh ta sợ đến mức... vãi đái. Ấy thế mà khi đơn vị anh ta tiêu diệt được cứ điểm của địch rồi, vào chiếm được đồn rồi thì số phận đẩy đưa khiến anh ta được mời đóng phim tài liệu, để quay lại cảnh cầm cờ trên bốt giặc, rồi anh ta được đi báo công khắp nơi. Rồi tác giả kết một câu: “Làm sao người ta biết được nó đã vãi linh hồn trong trận đánh bốt Chè. Cái quần trong phim là quần khác đấy”.

Một thành ngữ dân gian đã được nhà văn “tiếp tay” phổ biến đến mức khắp nơi đều dùng. Một thời đi đến đâu cũng nghe câu *sợ vãi linh hồn*. Dần dần cất ngán đi, chỉ còn: *sợ vãi*. Rồi: *vãi*.

2. “Bị” vốn là một từ dùng trong bị động cách, cái bị động cách này được dùng khá nhiều trong một số ngôn ngữ phương Tây.

Chiếc túi này đã *bị* đánh tráo.

Anh ta *bị* sắp khiến trách.

Bị cũng còn dùng để nói về tình trạng bất lợi, đối nghịch với *được*:

Nó *bị* ngồi nhà trong khi các bạn *được* đi tham quan.

Nhưng rồi vài ba chục năm qua, bắt đầu ở phía Bắc lan truyền một lối nói thời thượng: cái gì cũng nhét “*bị*” vào đấy. Ban đầu nghe rất lạ tai và được bình dân hưởng ứng: cái áo này hơi *bị* đẹp đấy. Món này hơi *bị* ngon. Nhà em và nhà anh hơi *bị* gần nhau nhỉ. Đẹp, ngon, gần - có phải *bị* động cách hay bất lợi gì đâu mà “*bị*”?

Cũng chỉ là một cách nói. Cho ấn tượng hơn, cho gây chú ý hơn, cho nhấn mạnh hơn. Có người đã cho đấy là một cách hành văn thiếu trong sáng. Có thể. Nhưng trong bài *Chạnh lòng 1* nhà thơ Nguyễn Duy đã nhại cái lối “thiếu trong sáng” này bằng cách nửa đùa nửa thật sử dụng được nó:

*Giọt rơi hơi bị trong veo
Mắt đi hơi bị vòng vèo lời thôi
Chân mây hơi bị cuối trời
Em hơi bị đẹp anh hơi bị nhàu.*

3. *Made in Viet Nam, Made in China, Made in USA...* là một cụm từ bình thường, được hiểu theo nghĩa cũng rất bình thường là sản xuất tại Việt Nam, sản xuất tại Trung Quốc, sản xuất tại Mỹ... Nhưng rồi cũng đột nhiên có một ngày, một người nào đó giở ra xem chiếc áo sơ mi của Nhà Bè chẳng hạn, rồi bảo: Không phải hàng ngoại, đồ mết đin đấy.

Đồ *made in* đấy. Tức là hàng nội đấy.

Chà, *made in* vốn chỉ có nghĩa là được làm tại.../ được sản xuất tại... Còn thiếu địa điểm nữa mới đủ nghĩa. Nghe không được thuận tai lắm, nhưng được nhiều người dùng thì nó trở thành một sự đã rồi.

4. Có một số từ có khi chẳng mới mẻ gì, thậm chí đã bị lãng quên lâu lâu, nhưng rồi được một văn kiện Nhà nước nhắc đến, thế là từ đó báo chí phát thanh truyền hình đâu đâu cũng dùng. Dùng nhiều thì nó thành thời thượng. Nhà văn là người phải yêu chữ, tất nhiên rồi. Nhưng đồng thời nhà văn cũng phải biết ghét chữ. Những chữ bị dùng đến mòn xơ mướp thì dứt khoát không dùng. Những chữ ở cửa miệng khắp nơi thì cũng tránh. Những chữ thời thượng kia, bây giờ đua nhau dùng cho nó sành điệu, cho nó hiện sinh, nhưng người dùng chữ ơi, dăm ba chục năm nữa thì có chữ ngoi ngóp tồn tại được, song có nhiều chữ thì sẽ không ai hiểu nó nghĩa là gì. Đây là số phận của từ ngữ thời thượng, của tiếng lóng.

Có một giai đoạn khắp nơi dùng những từ như vĩ mô, vi mô. Rồi lại đến lúc hơi một tí là hộp đen, kiến tạo, kích cầu...

Mấy điểm nhấn của thi pháp truyện ngắn *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)

LÊ THANH NGÀ

Thạch Lam được biết đến với tư cách là một tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại nửa đầu thế kỷ XX. Có thể nói, cùng với *Dưới bóng hoàng lan*, *Hai đứa trẻ* chính là tác phẩm nổi bật làm nên “thương hiệu” truyện tâm tình của nhà văn.

1. Một đặc điểm khá quan trọng của *Hai đứa trẻ*, cũng như *Dưới bóng hoàng lan* của Thạch Lam, nhiều truyện của Hồ Dzếnh, Thanh Tịnh, là không có cốt truyện, rất khó tóm tắt. Cái lõi của tác phẩm chỉ xoay quanh những tình huống vụn vặt trong đời sống của hai nhân vật chính - An và Liên - trên một phố huyện nghèo, bắt đầu từ khi “Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ, từng tiếng một vang xa để gọi buổi chiều” (tr.114)⁽¹⁾, và kết thúc vào lúc đêm muộn, khi “Liên không nghĩ được lâu, mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngáp vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối” (tr.122). Trong chừng ấy thời gian, người đọc tuyệt đối không thấy *chuỗi hành động* của nhân vật như các truyện ngắn thông thường, kể cả truyện truyền thống hay truyện hiện đại. Đây là điểm mà dường như các nghiên cứu trước đây thường bỏ qua, mặc dù hầu hết đều nhắc đến tính chất không có cốt của tác phẩm, và cũng có nhà nghiên cứu đã chỉ ra tính chất ít hành động của truyện⁽²⁾. Hành động của nhân vật khá rời rạc, trể nài, góp phần rất quan trọng trong việc chỉ ra sự trể nài của đời sống - là tư tưởng xuyên suốt từ đầu đến cuối truyện: An lấy bao diêm định châm đèn, rồi bỏ xuống cùng chị ra chõng ngồi quan sát hành động của các nhân vật khác, sau đó được chị Tí nhắc, quay vào đóng cửa, dọn hàng - mà là cửa hàng

tạp hóa nhỏ xíu, Liên định tính tiền nhưng sau lại xếp tất cả vào tráp không tính nữa với suy nghĩ “Thôi, để mai tính một thể”, tiếp đó là rót rượu cho bà cụ Thi điền trong nỗi sợ, thậm chí, ngay cả hành động ngủ của nhân vật cũng bị ngắt quãng: “An và Liên đã buồn ngủ riu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn cố gượng để thức khuya hơn chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ” (tr.119); “An đã nằm xuống gối đầu lên đùi chị, mí mắt sắp sửa rơi xuống, còn dặn với:

- Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.”

Tương ứng với tính chất gián đoạn của hành động là sự nhỏ bé, khiêm nhường của quy mô hành động. Có một điều cần chú ý là cùng viết về phận người trong hiện thực của đời sống trong một giai đoạn, nhưng các nhà văn thuộc trào lưu hiện thực như Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng... thường xây dựng cốt truyện giàu xung đột, nhân vật hành động theo chuỗi, trong đó có những chuỗi hành động quyết liệt thậm chí hung hãn, kể cả với nhân vật là trí thức như trường hợp Hộ trong *Đời thừa* (Nam Cao) trong tính nhân quả, nhằm thể hiện khía cạnh xung đột xã hội. Thạch Lam trong nhiều tác phẩm của mình, trong đó có *Hai đứa trẻ*, cũng viết về những hẩm hiu phận người, nhưng không nhằm mô tả xung đột xã hội thông qua nhân vật, mà chỉ thông qua nhân vật để đào sâu miêu tả trạng thái tinh thần ở phần chìm, miêu tả đời sống bên trong của con người. Bản thân kiểu hành động được Thạch Lam miêu tả từ quy mô, tính chất... đều tự nói lên đời sống tinh thần quẩn quanh của nhân vật và tình thế bi đát của thực tại. Trên tinh thần ấy, sắc điệu của các đối thoại cũng được miêu tả rất đặc biệt. “Bản thân lời đối thoại cũng mang tính chất lơ lửng, không gây nên sự đột biến nào của mạch truyện. Những câu hỏi nêu ra có thể trả lời cũng được mà không cũng được. Nó không nhằm mục đích tìm biết mà chỉ đợi chờ một sự phụ họa, xác nhận - xác nhận những điều người nói nghĩ và thậm chí là cả sự hiện tồn mờ nhạt của họ nữa (...) Dụng công của Thạch Lam cũng như hồn văn của truyện toát lên chính từ đây. Nó đưa tới cho người đọc không phải chuyện này, chuyện nọ mà là một ấn tượng buồn thảm, xót thương, thậm chí bức bối trước các câu hỏi tẩn mẩn, băng quơ không cần thiết phải trả lời và những lời đáp quá chừng nhạt nhẽo, phẳng lặng”⁽³⁾.

2. Thạch Lam hẳn thuộc số nhà văn có kỹ thuật miêu tả thời gian độc đáo nhất trong văn xuôi Việt Nam hiện đại. Trong một nghiên cứu gần đây, chúng tôi đã chỉ ra điều đó qua *Dưới bóng hoàng lan*, nơi thời gian quá khứ phủ chiếm toàn bộ thiên truyện nhằm thể hiện tâm thế của một thanh niên từ phố thị trở về quê với bao nỗi niềm, nhằm trốn chạy những hệ lụy đô thị. Nghĩa là Thạch Lam luôn biết cách xử lý vật liệu để bản thân thời gian được miêu tả trong tác phẩm trở thành một yếu tố nghệ thuật giàu sức nặng trong các nguyên tắc miêu tả, thể hiện của mình. Thời gian trong *Hai đứa trẻ* cũng là kiểu thời gian hết sức đặc sắc. Trước hết là ở việc lựa chọn thời điểm để kể, tả. Truyện bắt đầu từ “Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang xa để gọi buổi chiều. Phương Tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng lên như hòn than sắp tàn (...) Chiều, chiều rồi, một buổi chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào” (tr.114). Ở đây có tiếng ếch nhái kêu ran - thứ âm thanh mà với bất cứ người Việt Nam nào từng sinh sống ở nông thôn

đều hết đối thân thuộc. Nhưng những âm thanh “kêu ran” tưởng chừng giục giã ấy, không những không che lấp được, mà còn nhấn mạnh dấu hiệu của tàn phai, và chúng khiến “đôi mắt Liên “bóng tối ngập dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của cô bé; Liên không hiểu tại sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước thời khắc của ngày tàn” (tr.114). Sau thời khắc chiều buông ấy là “trời đã nhá nhem tối”, và cũng là thời khắc dường như rất riêng của một số rất ít người có thân phận nhỏ bé, kiếp sống hèn mọn: chị Tí, bác phở Siêu, bác xẩm... Tiếp đó là “Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa Hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát. Đường phố và các con ngõ dần dần chứa đầy bóng tối”. Tiếp đó nữa là thời gian của đêm khuya, nơi cơn ngủ đến gõ cửa từng đôi mắt của Liên và An. Có thể thấy mô thức thời gian của truyện là mô thức thời gian dần siết chặt con người, từ chỗ bắt đầu gác lại những gì thuộc về ngoài kia để hồi hải trở về với không gian tổ ấm, đến chỗ đối diện với chính mình, đối diện với những tâm sự của chính mình. Sự cô đơn của con người cũng vì thế mà ngày càng đậm hơn, rõ hơn.

Tuy nhiên, lựa chọn thời điểm, lựa chọn những khoảng thời gian để miêu tả chưa phải là điểm đặt biệt trong nghệ thuật miêu tả thời gian của Thạch Lam. Điểm đặc sắc nhất cần phải nhắc đến chính là việc xử lý những khoảnh khắc cụ thể. Cũng như trong *Dưới bóng hoàng lan*, trong tác phẩm này, tác giả không để thời gian lặng lẽ trôi theo cách tất yếu của nó, mà rất biết cách giữ lại những khoảnh khắc cần thiết để bộc lộ những mệt mỏi, chán chường, quẩn quanh của nhân vật. Và đặc biệt nữa là để làm điều đó, nhà văn không hề nhắc đến thời gian, mà chủ yếu là miêu tả hành động của nhân vật. Thực ra khi để cho các hành động của nhân vật bị ngắt quãng, chần chừ thiếu sự liên tục và không thành chuỗi chính là người kể đang cố tình trì hoãn, khiến thời gian trở nên bất động, đứng im, trong trạng thái ở đó, như trường hợp An đã nằm xuống gối lên đùi chị, mí mắt sắp sửa rơi xuống mà còn dặn với: “Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé”, hay Liên định lấy bàn tính để kiểm đếm “doanh thu” một ngày rồi lại ngần ngừ: “Thôi để mai tính luôn thế”. Và đây là một vài chi tiết rất đáng chú ý:

“Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu rồi. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát, bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, *đòn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa*” (tr.115 - phần in nghiêng là nhấn mạnh của tác giả bài viết). Thời gian đã muộn, ngày đã tàn, chợ đã vắng, những người này cơ bản không còn lý do để đứng lại. Nhưng, họ vẫn còn nói chuyện với nhau ít câu nữa. Hành động này khiến thời gian ngừng trôi, thực tại trở nên trể nài và kiếp sống tù đọng, quẩn quanh càng được tô đậm.

3. Tương ứng với thời gian trể nài dồn con người về thể giới của chính mình, là kiểu không gian được xây dựng theo mô hình xoáy ốc, nghĩa là ngày càng hẹp dần, như thít chặt con người đến cái chật hẹp ngộp thở. Truyện mở ra bằng không gian huyện nhỏ, để từng tiếng trống thu không vang xa để gọi buổi chiều; ánh sáng cuối ngày còn cho phép nhân vật nhìn thấy hình ảnh “phương Tây đỏ rực như

lửa cháy và những đám mây ánh hồng lên như hòn than sắp tàn”, nhưng sau đó, cùng với sự lây lan của bóng tối, không gian cứ thu hẹp dần, đến phố huyện, chợ huyện, một góc phố, không gian gian hàng bé xíu của gia đình Liên, và cuối cùng chỉ còn hiu hắt dưới quãng sáng ngọn đèn nhà chị Tí. Đó là kiểu không gian thít chặt thân phận, thít chặt đời sống tinh thần của con người, nó khiến đời sống con người trở nên nhỏ bé hơn, quẩn quanh hơn. Ngoài ra, không gian nếu được mở rộng thêm cũng chỉ là lướt qua trong thoáng chốc vừa đủ cho đoàn tàu lướt qua, như sự lướt qua của một hiện thực khác, một cái khác mà nhân vật hoài niệm hay ao ước. Sự mở rộng thoáng chốc ấy chỉ có giá trị nhấn mạnh thêm tình thế bi đát của thực tại. Mặt khác, không gian ở đây lại là kiểu không gian bị chia nhỏ, kiểu không gian phân mảnh nhằm tô đậm sự nhỏ bé, chật chội, quẩn quanh của kiếp người. Mỗi không gian lại có những nét cá biệt gắn với sự sống của nhân vật, cũng nhằm thể hiện tư tưởng cơ bản của tác phẩm - thứ không gian cá biệt không làm nên bản sắc, mà chỉ mang đến cảm nhận về sự bế tắc, mong manh. Các chi tiết đồ vật xuất hiện một cách lặng lẽ, thống khổ trong cảm giác bé nhỏ và rời rạc. Không gian của chị Tí là không gian hàng nước với ngọn đèn Hoa Kì, một cái chõng, mấy cái bát uống nước; không gian của bác Siêu là gánh phở, cái bếp; không gian nhà bác xẩm là manh chiếu, cái thau sắt; không gian của Liên và An thu mình trong cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu mà mẹ Liên dọn ngay từ khi cả gia đình chuyển từ Hà Nội về quê, ngày bố Liên mất việc, trong đó chỉ có mấy phong thuốc lá, những bánh xà phòng, những quả sơn đen, trong đó hình ảnh những quả sơn đen được nhắc đi nhắc lại tạo một ám ảnh nhảm buồn đến lạ.

Để miêu tả nhân vật, thời gian, không gian và thế giới đồ vật nhỏ bé, tui cực ấy, Thạch Lam đã sử dụng một lối viết đầy ám ảnh. Cũng là thứ văn êm mượt, có độ hài thanh cao, sử dụng nhiều tính từ để làm toát lên tinh thần của hiện thực, tâm tư, số phận con người, nhưng nếu *Dưới bóng hoàng lan* được viết bằng một thứ văn trong sáng, thanh thoát, thì *Hai đứa trẻ* lại được viết bằng một lối văn mà mỗi câu, mỗi từ là một cái gì đó nặng nề, không thể cất mình lên được, như cái nặng nề, không cất mình lên được của kiếp người.

Hai đứa trẻ là một tác phẩm quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Thạch Lam, thể hiện cái nhìn về kiếp người nhỏ bé, quẩn quanh không lối thoát. Tác giả không nhìn nhận, khám phá bi kịch con người từ những xung đột xã hội, mà chủ yếu khám phá đời sống cá nhân bằng cái nhìn từ bên trong, giàu tính hướng nội. Trùm lên toàn bộ tác phẩm là cái nhìn qua đôi mắt thơ dại và mệt mỏi của Anh và Liên. Và tất cả các bình diện thi pháp đều hướng đến mô tả kiếp sống tù đọng, quẩn quanh ấy, tạo thành một thế giới nghệ thuật mà mọi chi tiết đều tồn tại trong quan hệ hô ứng, quện lẩn, xoắn xuýt, làm bật nổi chủ đề chính của truyện.

(1) Tất cả các trích dẫn về *Hai đứa trẻ* của bài viết này đều lấy từ *Thạch Lam tuyển tập*, Nxb Văn học, H. 2012.

(2) Xin xem: Phan Huy Dũng, *Tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông một góc nhìn một cách đọc*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.256.

(3) Phan Huy Dũng, đã dẫn, tr.256.

Bài văn cảm nghĩ trước một vấn đề thời sự

Đề ra: Phát biểu cảm nghĩ về vụ cháy rừng Amazon

Bài làm của em: **NGUYỄN THƯ LÊ**
(Lớp 10 D1, Trường THPT Đô Lương III)

Một trong những vấn đề nóng bỏng của toàn cầu đang được quan tâm hiện nay đó là vụ cháy rừng Amazon. Vấn đề này thực sự khiến bản thân mỗi chúng ta phải suy nghĩ, trăn trở trước sự an nguy, sống còn của “lá phổi xanh Trái Đất”, hay rộng ra là tương lai của môi trường thế giới và sự sống của con người.

Vụ cháy rừng đã bắt đầu từ vài tháng trước, kéo dài một cách dai dẳng và ngày càng dữ dội. Nguyên nhân được xác định ban đầu là do việc đốt rừng của các thổ dân để làm rẫy. Nhưng càng đi sâu vào vụ việc, người ta phát hiện ra chính hành động đã trở thành thói quen bấy nay của loài người đã và đang gây nên đám cháy. Đó là việc thải rác, khói bụi, chất độc ra môi trường ngày càng nhiều, gây ra biến đổi khí hậu, làm trái đất nóng lên, chính điều đó đã duy trì ngọn lửa. Tính đến thời điểm cách đây một tuần, số đám cháy xảy ra không phải tính bằng hàng trăm mà là hàng ngàn.

Vụ cháy rừng Amazon - hiện tượng gây chấn động địa cầu năm 2019, đồng thời gây chấn động đến suy nghĩ bản thân chúng ta. Cảm xúc đầu tiên đến với tôi là sự lo lắng, sợ hãi tột bậc với sự sống còn của rừng Amazon đáng thương. Liệu khu rừng có sống sót được qua các đám cháy kinh hoàng không?. Nếu như có thì thật mừng, nhưng phải mất bao lâu mới có thể khôi phục được những rừng

cây, hồi sinh được những động vật xấu số? Ngược lại, nếu không cứu được khu rừng già thì “lá phổi xanh”, các loài động, thực vật quý hiếm sẽ bị xóa sổ mãi mãi. Rồi mai đây, con người sẽ lấy đâu ra lượng ôxi khổng lồ mà rừng đem lại để duy trì sự sống, con người làm sao gánh chịu nổi những trận lũ lụt kinh hoàng, hay hạn hán do việc biến đổi khí hậu đây? Quả thật, chỉ nghĩ đến thôi đã cảm thấy đáng sợ!

Trên những trang mạng, các kênh thông tin đại chúng, chúng ta được thấy những hình ảnh, bài báo chụp lại, đăng tải rừng Amazon đổ rục ánh lửa, nghi ngút những cột khói. Cùng với đó là hình ảnh của các loài thú vật bất động, cứng đờ, quần quai, co quắp trước sức nóng của các ngọn lửa mà không thể cứu chữa được. Nhìn những hình ảnh ấy, ai mà chẳng xót xa, thương cảm. Hình ảnh ám ảnh trí óc, tâm hồn tôi nhất đó là cảnh chú khỉ mẹ nằm sóng soài bên đồng cỏ nát, bên cạnh là chú khỉ con yếu ớt kêu réo vì đói, vì sợ hãi và cuối cùng gục ngay vào lòng mẹ. Tôi tự hỏi rừng Amazon đang khóc, những con vật ấy đang khóc than, liệu trong lòng những người khác có đang khóc như tôi? Khóc cho một thảm kịch đau lòng của nhân loại.

Tận cùng của nỗi đau đớn, xót thương cho khu rừng, cho những loài vật xấu số đã lìa đời, tôi cảm thấy sự căm phẫn. Hóa ra, loài người - loài sinh vật có ý thức, có suy nghĩ nhưng lại hành động thiếu trách nhiệm, xem thường sự sống nhân loại. Những hành động như vứt một bao ni lông, một chai nhựa xuống đường, xuống biển tưởng chừng như rất nhỏ cũng thật đáng lên án. Bởi lẽ cứ trăm người, ngàn người cùng suy nghĩ, hành động như vậy thì Trái đất, môi trường sẽ ra sao? Sau vụ cháy rừng Amazon và cả trước đó, vẫn còn những người ra sức chặt cây, đốt rừng, giết hại động vật để đem lại lợi nhuận cho bản thân - những đồng tiền đáng lên án. Thật đáng phẫn nộ thay.

Vụ cháy rừng Amazon thật sự đã để lại cho chúng ta nhiều suy nghĩ. Tôi tự hỏi rằng sáng mai thức dậy, một ngày mới lại bắt đầu, liệu con người có cùng nhau chung tay, suy nghĩ và hành động khác đi để giữ lấy màu xanh Trái Đất hay không?

Những cây anh đào nở hoa

SIMON ISTVÁN

Dịch giả Phạm Trung Dũng, quê Thanh Chương, hiện sống tại Hà Nội. Ông có thời gian dài sống tại Hungary. Tạp chí Sông Lam xin gửi tới bạn đọc một trong số các bài thơ dịch từ tiếng Hungary của ông, bài *Những cây anh đào nở hoa* của nhà thơ Simon István

Nửa khuya, đường Ma-đu-la
Một cây nho nhỏ nở hoa trắng ngần
Ánh trăng phủ bạc toàn thân
Anh đào tôi ngỡ hạnh nhân, suýt nhầm.

Vượt tường gió mát lặng thầm
Trăng soi cửa sổ ướt đầm giọt đêm
Ngắm hoa lắng phút bình yên
Xe ai lao vút hút miền thực mơ.

Cây xưa gặp lại tình cờ
Triệu bông hoa rực ngập bờ xôn xao
Dập dềnh muôn đợt sóng chao
Hoa như rướn tới vẫy chào đón tôi.

Ánh trăng cuốn chặt hai người
Dưới cây dừng lại, mắt ngời khát khao
Cánh hoa trắng hình ngôi sao
Sà trên vai họ ngọt ngào dâng hương.

Cảnh, tình đẹp đến lạ thường
Nhà thơ - hoạ sĩ qua đường dừng chân
Vẽ đôi bạn trẻ ái ân
Màn đêm che bọc trắng ngần sắc hoa.

Vẽ cây chao lại nghiêng qua
Cánh tay ghi riết ngọc ngà thân tơ
Hoa anh đào rắc giấc mơ
Ru bao trái nhú sưng sờ mùa Xuân.

Đường trăng thả bước tần ngần
Trái tim thổn thức mấy vắn gửi trao:
Bên nhau mãi dưới anh đào
Bốn mươi năm tiếp sát vào bên nhau
Nếu mai sương tuyết trắng đầu
Tuyết rơi mặc tuyết, anh đào vẫn hoa.

Cô Eveline



James Joyce (1882-1941) có thể được xem là một trong những nhà văn Anh gốc Ai-len có ảnh hưởng nhất thế kỷ 20. Là bậc thầy của ngôn ngữ, ông là tác giả của tiểu thuyết kinh điển *Ulysses*, một tác phẩm nổi tiếng thế giới với kỹ thuật dòng ý thức điêu luyện. Trong tập truyện ngắn *Người Dublin* được xuất bản năm 1914, ông miêu tả đời sống của tầng lớp trung lưu ở Dublin, Ai-len những năm đầu thế kỷ 20. *Eveline* là một truyện ngắn độc đáo của James Joyce được in lần đầu năm 1904 trong báo *Irish Homestead*, sau đó được đưa vào tập *Người Dublin*.

(Nguyễn Duy Bình dịch)

Cô ngồi bên cửa sổ nhìn bóng tối dần xâm chiếm lấy đại lộ. Cô tựa đầu vào màn cửa sổ và thốc vào mũi cô mùi vải creton bụi bám đầy. Cô thấy vô cùng mệt mỏi.

Ít người đi qua. Người đàn ông ở ngôi nhà cuối cùng đang trên đường về nhà; cô nghe tiếng bước chân của anh ta lọc cọc trên nền bê tông vỉa hè rồi sau đó rầm rắc trên con đường rải xỉ trước những ngôi nhà màu đỏ mới xây. Trước đây, đó là một khu đất nơi mà cô thường chơi với bọn trẻ con mỗi tối. Về sau, có người từ Belfast mua mảnh đất đó rồi xây nhà - không phải như những ngôi nhà nhỏ màu nâu của họ mà là những ngôi nhà gạch tươi mới có mái ngói sáng choang. Bọn trẻ trong phố thường chơi với nhau trên mảnh đất đó: con nhà Devine, Water, Dunn, con bé Keogh bị què, nó và anh chị em của nó. Ernest thì không bao giờ chơi: anh đã quá lớn. Cha cô thường lăm lăm cây roi mận gai đuổi anh em cô ra khỏi khu đất đó, nhưng bé Keogh thường canh chừng và hể thấy người cha đến là kêu to. Dẫu sao, cô vẫn thấy họ đang có một cuộc sống sung sướng. Cha cô không đến nổi quá tệ và mẹ vẫn còn sống. Đó là cách đây đã lâu; cô và anh chị em cô giờ đã lớn còn mẹ cô đã mất. Tizzie Dunn cũng đã chết, và anh em

nhà Water đã trở lại nước Anh. Mọi thứ thay đổi. Giờ cô sắp sửa đi xa như những người khác, ra khỏi nhà.

Nhà! Cô nhìn quanh phòng, xem lại tất cả những đồ đạc thân thương, tuần nào cô cũng một lần lau bụi trong bấy nhiêu năm trời, tự hỏi bụi từ đâu bay đến mà lắm thế. Có thể cô sẽ không bao giờ thấy lại những đồ đạc quen thuộc đó nữa, cô chưa bao giờ nghĩ đến chuyện có thể lìa xa. Và cho dù trong những năm tháng đó, cô chưa bao giờ biết tên của vị linh mục có bức ảnh đang úa vàng được treo trên tường phía trên cây đàn đạp hơi bị vỡ bên cạnh bức in màu những lời hứa với Thánh Margaret Mary Alacoque. Vị linh mục này là bạn học của cha cô. Khi nào giới thiệu bức ảnh cho khách, cha cô thường buột miệng nói:

“Ông ấy hiện đang ở Melbourne.”

Cô đã đồng ý ra đi, đồng ý ra khỏi nhà. Như vậy có khôn ngoan hay không? Cô cố cân nhắc. Dẫu sao, ở nhà cô có nơi ăn chốn ở; có những người mà suốt cuộc đời mình khi nào cô cũng thấy ở bên. Dĩ nhiên, cô phải làm việc cực nhọc, ở nhà cũng như ở nơi làm. Họ sẽ nói gì về cô ở cửa hàng khi biết cô đã bỏ đi cùng một người bạn? Có thể nói cô là một con điên, có thể như vậy thật; và chỉ cần có thông tin đăng báo là có người thay cô ngay. Cô Gavan chắc là rất vui. Cô ta luôn theo sát cô, nhất là khi có những người có tầm vóc để nghe những lời trách móc.

“Cô Hill, cô không thấy những quý bà đó đang chờ sao?”

“Làm ơn hãy tỏ ra năng nổ đi chứ, cô Hill.”

Cô hẳn sẽ không khóc nhiều khi rời bỏ cửa hàng.

Nhưng trong căn nhà mới, ở một vùng đất xa lạ, chắc sẽ không như vậy nữa. Chắc là cô, Eveline, sẽ lấy chồng. Khi đó người ta sẽ tôn trọng cô. Cô sẽ không bị đối xử như mẹ cô đã từng bị đối xử. Ngay cả bây giờ, dù cô chưa quá tuổi mười chín, đôi khi cô cảm thấy mình có nguy cơ bị cha đánh đập. Cô biết vì thế mà trước đây cô bị đánh trống ngực. Lớn lên, ông không bao giờ đánh cô như ông vẫn thường đánh Harry và Ernest, bởi cô là con gái, nhưng mới đây ông bắt đầu dọa cô và bảo những gì ông làm cho cô là chỉ vì người mẹ quá cố của cô. Không, cô chẳng có ai bảo vệ cô cả. Ernest đã qua đời còn Harry, hiện đang làm nghề trang trí nhà thờ, gần như khi nào cũng đầu đó tít tắp miền quê. Hơn nữa, những cuộc cãi vã luôn thuyên vì tiền vào những tối thứ Bảy bắt đầu khiến cô mệt mỏi, chán ngán khôn tả. Cô luôn đưa hết tiền lương của mình - bảy si-ling - còn Harry thì khi nào cũng có đồng nào gửi đồng ấy, nhưng vấn đề là ở chỗ lấy tiền từ người cha. Ông bảo cô hay hoang phí tiền bạc, rằng cô không có não, rằng sẽ không đưa cho cô những đồng tiền phải vất vả lắm mới kiếm được để cô ném ra phỏ, và nhiều thứ khác nữa, bởi thường ông rất tệ vào tối thứ Bảy. Cuối cùng, ông cũng cho cô tiền, và hỏi cô là cô có định mua đồ ăn tối Chủ Nhật hay không. Rồi cô phải lao ra ngoài nhanh nhất có thể, đi mua đồ, nắm chặt chiếc ví bằng da đen trong tay, dùng khuỷu tay rẽ lối đi qua đám đông và sau đó về nhà muộn, tay xách nách mang đồ ăn thức uống nặng trĩu. Việc chăm lo cho gia đình là một việc cực kỳ vất vả, lo cho

hai đứa trẻ mà cô phải chăm sóc phải được đi học đều đặn và ăn uống đúng giờ đúng bữa. Công việc vất vả - một cuộc sống cực nhọc - nhưng bây giờ, khi chuẩn bị bỏ đi cô không thấy đó hoàn toàn là một cuộc sống không như ý.

Cô sắp có một cuộc sống hoàn toàn khác với Frank. Frank rất tử tế, đàn ông, cởi mở. Cô sẽ đi cùng anh trên chuyến đò đêm, làm vợ anh, chung sống với anh ở Buenos Ayres⁽¹⁾, anh có ngôi nhà ở đó, ngôi nhà đang chờ cô đến. Cô nhớ biết bao lần đầu gặp anh: anh đang trọ tại ngôi nhà ở con đường lớn nơi cô thường đến thăm. Hình như vài tuần trước đó. Anh đang đứng ở cổng, chiếc mũ lưỡi trai hất ra sau và tóc anh xõa ra phía trước gương mặt rám nắng. Rồi họ làm quen với nhau. Anh thường gặp cô ở ngoài Cửa hàng vào mỗi tối và thấy nhà của cô. Anh đưa cô đi xem *Cô gái Bô-hê-miêng*, và cô cảm thấy phấn chấn vô cùng khi ngồi cùng anh trong rạp hát, ở một nơi hoàn toàn xa lạ. Anh rất mê nhạc và thỉnh thoảng có hát. Mọi người đều biết họ yêu nhau, và khi anh hát về chuyện người con gái yêu chàng thủy thủ, cô cảm thấy xao xuyến lạ. Anh thường gọi yêu cô là mỹ nhân. Trước hết, cô rất phấn khích khi có bạn trai, và rồi cô bắt đầu thích anh. Anh thường kể cho cô nghe những câu chuyện về những miền đất xa xôi. Anh đã bắt đầu làm thủy thủ, với tiền công mỗi tháng một bảng Anh trên con tàu của Allan Line đi Canada. Anh nói cho cô nghe tên những con tàu mà anh đã từng lên và tên những công việc khác nhau mà anh đã làm. Anh đã từng băng qua eo biển Magellan và anh kể những câu chuyện về những người Patagonia ghê rợn. Anh đã có một việc làm khá tốt ở Buenos Ayres, anh nói, và trở về cổ hương chỉ để du lịch thôi. Dĩ nhiên, cha cô biết chuyện và cấm cô tiếp tục qua lại với anh.

“Tao biết tổng những thằng cha thủy thủ đó rồi”, ông nói.

Một hôm, ông cãi nhau với Frank và sau đó, cô phải gặp người yêu một cách lén lút.

Bóng đêm dày đặc bao trùm đại lộ. Màu trắng của hai lá thư trên vạt váy cô trở nên mơ hồ. Một bức gửi Harry, một bức gửi cho cha. Ernest trước đây là người cô yêu thương nhất nhưng cô cũng thương cả Harry nữa. Thời gian gần đây, cô thấy cha cô già đi; chắc ông nhớ cô lắm. Đôi lúc ông rất dễ thương. Cách đây không lâu, khi cô đã đi nằm, ông đọc to cho cô nghe một câu chuyện ma và nướng bánh mì cho cô ăn. Bữa khác, khi mẹ cô còn sống, cả nhà đi dã ngoại trên đồi Howth. Cô nhớ cha cô đội mũ bonê của mẹ, khiến mấy đứa con cười ồ.

Thời gian trôi đi nhưng cô vẫn cứ ngồi bên cửa sổ, dựa đầu vào màn cửa, hít hà mùi vải creton bụi bặm. Dưới phố, cô nghe thấy tiếng đàn organ ngân lên. Cô biết điệu nhạc *Xa lạ* đó, tiếng nhạc vang lên, nhắc nhở cô về lời hứa với mẹ, cô đã hứa với mẹ là bằng mọi cách sẽ trông nom nhà cửa, lo cho gia đình. Cô nhớ đến đêm cuối cùng mẹ nằm trên giường bệnh; giờ đây, một lần nữa, cô lại ở trong một gian phòng tối tăm, ngột ngạt ở phía bên kia sảnh, và ngoài kia, cô nghe thấy một điệu nhạc buồn thương của Italia. Người ta đã yêu cầu người chơi đàn organ đi ra chỗ khác và cho anh ta 6 xu. Cô nhớ cha cô khệnh khạng trở về phòng bệnh và nói:

“Mấy thằng người Ý chết tiệt! Đến tận đây!”

Chìm trong suy tưởng, cô thấy cuộc đời đáng thương của mẹ, hình ảnh đó như nhỏ những giọt mưa mê sâu thẳm trong cô, một cuộc đời hy sinh thầm thương, vô vị và cuối cùng phát điên. Cô rùng mình khi lại nghe giọng nói của mẹ nhắc đi nhắc lại, khẩn khoản, điên rồ:

“Derevaun Seraun! Derevaun Seraun!”⁽²⁾

Cô bật dậy, hốt hoảng. Thoát ra! Cô phải thoát ra! Frank sẽ cứu cô. Anh sẽ mang đến cho cô cuộc sống, và thậm chí cả tình yêu. Nhưng cô muốn sống. Sao cô lại phải bất hạnh cơ chứ? Cô có quyền được hạnh phúc. Frank sẽ siết cô vào lòng, ôm ấp cô. Anh sẽ cứu cô.

Cô đứng giữa đám đông nghịt người ở nhà ga North Wall. Anh nắm tay cô và cô biết rằng anh đang nói chuyện với cô, nói gì đó về chuyến đi, và cứ nói đi nói lại như thế. Nhà ga rất đông binh lính mang ba lô màu nâu. Qua những cánh cửa rộng của nhà kho, cô thoáng thấy khối đen sì của con tàu, nằm bên ke, với những ô cửa sổ sáng trưng. Cô không nói năng gì. Cô có cảm giác má mình tái nhợt và lạnh lẽo, và, trong một phút đau đớn, cô cầu Chúa đưa đường chỉ lối cho cô, cho cô biết nghĩa vụ của cô là gì. Tiếng còi tàu ngân lên thê lương trong sương mù. Nếu đi, ngày mai cô sẽ lên thuyền trên biển cùng với Frank, hướng về Buenos Ayres. Họ đã đặt vé. Cô có thể lùi bước không sau tất cả những gì anh đã làm cho cô? Cô day dứt trong lòng, đến mức buồn nôn và cô tiếp tục mấp máy môi thành tâm cầu nguyện trong im lặng.

Có tiếng chuông ngân lên trái tim cô. Cô cảm thấy anh cầm lấy tay cô.

“Đi nào em!”

Bốn biển muôn trùng ngập tràn tim cô. Anh đang nhấn chìm cô xuống đại dương mênh mông đó: cô sẽ chết đuối vì anh. Hai tay cô bấu lấy thành sắt.

“Đi nào em!”

Không! Không! Không! Không được. Hai tay cô điên loạn giữ chặt thành sắt. Giữa biển khơi cô hét lên một tiếng đau đớn.

«Eveline! Evvy!»

Anh nhảy qua barie và gọi cô, bảo cô đi theo mình. Người ta kêu lên, bảo anh lên tàu nhưng anh vẫn gọi cô. Cô để lộ trước mắt anh một gương mặt tái nhợt, vô cảm, như một con thú bắt lửng. Ánh mắt cô không hề để lộ dấu hiệu nào của tình yêu, biệt ly hay thừa nhận.

(In lần đầu vào năm 1904 trong tạp chí Irish Homestead, sau đó được đưa vào tập truyện ngắn “Người Dublin” xuất bản năm 1914)

1 Buenos Ayres là thủ đô Argentina.

2 Câu này có nghĩa: Sướng trước, khổ sau; hết sung sướng đến khổ đau.



Nhà văn Hoàng Quốc Hải: “Cái đầu tiên nghệ sĩ cần là tự do sáng tạo chứ không phải tiền”

Cuối năm, tôi có dịp đi cùng nhà văn Hoàng Quốc Hải xuống Ninh Bình. Tình cờ buổi tối lại ở chung phòng với ông trong một khu nghỉ dưỡng sát chân núi. Hôm sau thức dậy, ông bảo, khu này rất đẹp, nhưng không có năng lượng. Thấy tôi tỏ ý thắc mắc, ông giải thích, ngôi thiên cả sáng nay nhưng ông chẳng thu nhận được gì. Thì ra ông đang nói đến năng lượng vũ trụ. Câu chuyện giữa chúng tôi bắt đầu từ chủ đề THIÊN.

Nhà văn Hoàng Quốc Hải (HQH): Ngoài không vương mắc gọi là thiên, trong luôn tĩnh lặng gọi là định. Muốn thiên định được thì tâm phải sáng, không tham sân si, không màng danh lợi, ngay cả chuyện sống chết cũng coi nhẹ như không. Sinh mệnh đã dành là rất trọng, nhưng sự sống không thể níu giữ được mãi, biết cái chết là tất yếu, thì ta bình thản đón nhận. Tiền bạc không tham, tự kiếm bằng sức lao động của mình, không chiếm đoạt của ai cái gì thì không sợ phạm pháp,

không sợ vi phạm đạo đức, thì tâm lúc nào cũng tĩnh. Nhưng muốn giữ được sự tĩnh lặng ấy, phải xả đi tất cả, không dính vướng cái gì, không gì có thể làm mình xao động. Giờ thì lúc nào tôi cũng có thể thiền được, ngay cả khi ngồi giữa đám đông đang trò chuyện, cho nên ở Nhật Bản mới có chuyện thiền hành, nghĩa là vừa đi vừa thiền

Nhà thơ Hữu Việt (H.V): *Hắn phải đạt một cảnh giới rất cao mới thực hành được như vậy?*

Nhà văn Hoàng Quốc Hải (H.Q.H): Còn tùy vào nhân duyên và năng lực từng cá nhân. Trước kia, trong người tôi nhiều bệnh, được như bây giờ là nhờ tập thiền mấy chục năm nay.

H.V: *Thưa ông, tạm gác chuyện thiền vào một dịp khác, hiện chúng ta đang ngồi trên mảnh đất cổ đô, nơi dựng nghiệp của ba triều đại Đinh, Lê, Lý, xin được trò chuyện về đề tài lịch sử qua các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Phải chăng, độc giả Việt, khán giả Việt đang “thuộc sử Tàu hơn sử cả ta” như ai đó từng nói bốn? Nếu đúng thì cần phải làm gì để mọi thứ trở về trật tự của nó?*

H.Q.H: Hiện tượng này là có thật. Công bằng mà nói, họ làm hàng chợ rất giỏi. Hàng chợ thì dễ hấp dẫn. Người xem tiếp thu không cần sự linh hội về trí tuệ, vì nó đi vào sinh hoạt đời thường, thậm chí tầm thường. Trước kia là phim Tàu, nay đến phim Hàn xuất hiện dày đặc trên tivi, ngoài rạp chiếu. Bởi vì đã lâu chúng ta không làm ra bộ phim nào thật hay có thể chiếu đi chiếu lại được. Hiện chúng ta không có khả năng làm cái đó. Nhưng thực tế ta có thể làm được không? Được chứ!

H.V: *Cụ thể như thế nào, thưa ông?*

H.Q.H: Phải có người làm, người ấy trước tiên phải có tâm. Sau đó phải có tài và có đức, phải đặt lòng tin của quốc gia, dân tộc lên trên hết. Nhà nước cần dành cách đối xử đặc biệt với những người như thế. Một, hai người được đối xử tốt sẽ khuyến khích, cổ vũ những người tài khác. Làm hàng chợ, tuy bán được, nhưng không có ai vinh danh cả, người tài họ không thích thế đâu, trừ khi buộc phải mưu sinh.

H.V: *Thưa ông, ta đang nói đến ba điều rất khó là tâm, tài, đức. Tìm được người hội đủ những phẩm chất ấy không phải một sớm một chiều mà cần có thời gian và quá trình hun đúc rất dài...*

H.Q.H: Nếu chúng ta đòi hỏi những người như thế hiện ngay trước mắt thì sẽ là điều không tưởng. Nhưng hãy nhớ lại, năm 1936, Mặt trận Bình dân ở Pháp thắng thế, buộc chính quyền thuộc địa cho tự do báo chí, tự do sáng tác, không được phép ngăn cản. Chỉ có mấy năm trời, một khoảng ngắn ấy thôi, mà ở đất nước thuộc địa lạc hậu này bùng lên một giai đoạn văn chương rực rỡ. Ta thử xem xem, cho đến nay, truyện ngắn mấy ai có thể vượt được *Chí Phèo* (Nam Cao); kịch mấy ai vượt được *Vũ Như Tô* (Nguyễn Huy Tưởng), kể cả Lưu Quang Vũ. Và tiểu thuyết ai vượt được *Số đỏ* (Vũ Trọng Phụng). Cái đầu tiên nghệ sĩ cần là tự do sáng tạo chứ không phải tiền. Vũ Trọng Phụng đói, ho lao ra máu chứ có sung



NHÀ THƠ HỮU VIỆT TRÒ CHUYỆN VỚI NHÀ VĂN HOÀNG QUỐC HẢI

sống gì đâu, vậy mà vẫn có sự nghiệp để đời. Vì sao? Vì người nghệ sĩ trong ông được tự do thể hiện khát vọng văn chương của mình.

Văn học viết về lịch sử chúng ta có nhiều đầu sách nhưng không có nhiều thứ để đọc. Phần lớn nguyên do là các nhà văn chưa được chuẩn bị tốt. Xã hội không chuẩn bị cho họ và họ cũng không tự chuẩn bị lấy. Cái đáng trách ở chỗ, bản thân nhà văn phải tự chuẩn bị cho mình, xã hội chỉ tạo điều kiện cần cho anh thôi, điều kiện đủ anh phải tự lo lấy chứ.

Ví dụ, Trần Thủ Độ là nhân vật từ lúc đương thời cho đến Trần Trọng Kim chép đều đánh giá là một con người tàn bạo, đạo đức như một đồ chó ngựa. Đến thời của ta mấy chục năm, để đến ba phần tư thế kỷ, không có ai phiên cho ông cái án ấy cả. Nhưng trong bộ sách *Bão táp triều Trần* (6 tập), có phải ông ấy lừng lững như một người anh hùng không? Trần Thủ Độ ngày càng được tôn vinh, được đặt tên đường phố, đưa lên phim ảnh. Vì sao, vì tôi đã giải mã ông dựa trên chính những chuyện mà lịch sử chép lại. Thời kỳ ấy có ba thế lực chống nhau, cùng nắm được triều đình đó là: Đoàn Thượng, Nguyễn Nộ, Trần Thủ Độ, trong đó Đoàn Thượng thế lực mạnh nhất. Nếu không thương lượng được để quy về một mối thì khả năng nổ ra cuộc nội chiến rất lớn. Riêng việc Trần Thủ Độ hoá giải nguy cơ, tránh được cuộc nội chiến này, theo tôi đã là một điểm son trong tài thao lược của ông. Còn việc trong khi tranh chấp nhau phe này phái kia, giết chóc nhau tàn bạo, tuy không thể biện minh, tha thứ nhưng cũng là chuyện khó tránh khỏi.

Thêm nữa, nhà Lý lúc bấy giờ sập sệ, không còn đủ khả năng điều hành đất nước, nếu Trần Thủ Độ không lên thì cũng có thế lực khác lên thay. Vậy mà ông

ta làm cuộc đảo cung đình ngọt êm, chuyển giao quyền lực bằng một cuộc hôn nhân, tránh được đổ máu, quả là cao tay. Khi trong tay đã nắm quyền lực tuyệt đối, không ai đủ sức chống lại ông, nhưng ông đã không cướp ngôi, mà kiên quyết phò vua mới là cháu mình, đủ thấy ông vừa trung vừa tín. Trung là trung với nước, không để cho nước loạn; tín với dân, với cháu; khác với Minh Thành Tổ cướp ngôi của cháu.

HV: *Sau khi đọc Bảo táp triều Trần, nhiều người mới biết Trần Thủ Độ là bậc đại trí, đại dũng.*

HQH: Còn về đạo đức, ông ta là người thế nào? Năm 1226, chính quyền thật sự về tay nhà Trần, thì năm 1230 đã có bộ luật ra đời, đó là bộ Hình luật năm Canh Dần. Tất cả những gì tốt đẹp của nhà Lý được giữ lại hết, từ văn học, nghệ thuật đến quân sự đều tiếp nhận hết, kế thừa. Và người giữ luật công bằng, gương mẫu nhất cũng là chính ông ấy. Đi tuyển *cầu đương*, giống như chức chủ tịch xã bây giờ, bà vợ xin cho cháu làm chức ấy. Ông bảo để thôi, tên tuổi nó là gì, ghi vào. Về địa phương, ông hỏi nhà người có phải là cháu của Thiên Cực công chúa không? Thừa, đúng. Công chúa xin cho làm *cầu đương*, có làm không? Muôn vạn lần đội ơn Thái sư! Thế nhưng để phân biệt giữa người nhà của Thiên Cực với người bình thường, ta phải chặt của người một ngón chân, có đồng ý không? Nghe thế người cháu rớt rít xin không dám nhận chức này nữa. Một việc rất nhỏ để ngăn không cho vợ chạy chức cho con cháu. Vợ Thái sư còn thế, thì vợ những ông quan khác đời nào dám!

Năm 1247, lần đầu tiên lấy Tam hội, tức là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Kỳ thi này rất kỳ lạ, ba chức danh văn học cao nhất rơi vào ba “ông” trẻ con. Trạng nguyên Nguyễn Hiền mới 13 tuổi. Bảng nhãn Lê Văn Hưu 17 tuổi, Thám hoa là Đặng Ma La 14 tuổi. Hôm nhà vua ban yến, vợ Trần Thủ Độ tò mò muốn vào xem mặt các tân khoa, đi kiệu thẳng tới cửa Ngọ môn thì bị lính canh ngăn lại. Bà xưng là cô ruột của đương kim hoàng đế, nhưng tên lính vẫn không cho đi vì đây là nghiêm lệnh quốc gia, không ai được vi phạm. Nếu phu nhân muốn đi qua thì bước qua xác chúng con. Bà về làm mình làm mẩy với chồng: ông là Thái sư mà để lính canh làm nhục vợ. Trần Thủ Độ cho gọi lính canh vào hỏi, lính thưa đây là lệnh cấp trên. Lại cho gọi quan phụ trách tới, người này bầm, chúng thần làm theo luật, điều bao nhiêu, quyền mấy..., không riêng gì kiệu của phu nhân, ngoại trừ nhà vua, bất cứ ai cũng đều phải đi hai cổng bên. Bây giờ Trần Thủ Độ mới phán, mấy tên lính kia tuy thân phận thấp hèn mà biết giữ nghiêm phép nước, ta thưởng cho mỗi đứa một tấm lụa. Tướng quân là người biết dạy lính giữ nghiêm phép nước, nay thăng cho hai bậc. Xử vậy, ai còn dám vi phạm?

Một đời gương mẫu như thế, đến lúc sắp chết, Trần Thủ Độ mới vời Trần Thánh Tông và Trần Thái Tông đến bảo, ta suốt đời không nhờ vả gì, nay gần đất xa trời có điều này xin cậy nhờ. Ta có mấy đứa con, không đứa nào có tài cả, khi ta chết rồi, chớ giao bất cứ quyền hành gì cho chúng, chỉ nên ban những chức tước nhân tản để hưởng lộc là đủ. Nếu cho chúng chức quan thì chỉ làm hại nước thôi.

HV: Ông có những căn cứ nào để giải mã những điều rất khó và cũng rất hay, rất thú vị như vậy? Qua tư liệu hay những chuyến đi điền dã?

HQH: Một ông sử gia người Anh đã nói thế này: Tôi phải tin những điều ghi trong chính sử, nhưng tôi đã làm cái thực nghiệm để xem nên tin như thế nào. Nhân có đám đánh nhau ở dưới nhà, ông cho ba người giúp việc xuống xem rồi về kể lại. Cả ba người đều nói đúng nội dung là đánh nhau, nhưng diễn tả nguyên nhân và kết thúc sự việc lại hoàn toàn khác nhau, không ai giống ai. Từ đó ông, kết luận: cùng một sự việc, nhưng dưới góc nhìn khác nhau đã có sự khác nhau rồi, nữa là những vấn đề của lịch sử.

Vì vậy, vừa đọc sách, nghiên cứu tư liệu, vừa phải đi điền dã. Đi điền dã mới biết, ngay ở Bắc Ninh, đồi Lim, quê hương của nhà Lý, lại có đền thờ Trần Thủ Độ. Nhẽ ra con cháu nhà Lý phải căm ghét ông chứ, qua đó đủ để biết xã hội chấp nhận ông như thế nào.

HV: Đúng vậy, ai đã được dân thờ thì không thể sai. Cảm ơn ông về cuộc trò chuyện thú vị này. Nhân dịp năm mới, kính chúc ông trường thọ và vẫn luôn dồi dào sức sáng tạo!

HỮU VIỆT (thực hiện)

Thi kén rể

VŨ BA LAN

Một ông bố có con gái đến tuổi lấy chồng. Ông ra thông báo: Ngày mùng Một đầu năm Canh Tý, ông sẽ tổ chức cuộc thi kén rể. Ông ra điều kiện: Nếu chàng trai nào đem đến cầu hôn một lễ vật có ý nghĩa nhất trong năm nay, vừa tượng trưng cho sự giàu có, vừa tượng trưng cho sự hiền lành, giản dị, thì ông sẽ gả con gái cho...

Sáng mùng Một tết, ngày thi kén rể bắt đầu. Một chàng trai nhà rất giàu có đem đến cầu hôn một con chuột được đúc bằng 9 cây vàng 9999 làm lễ vật cầu hôn. Chàng trai dâng chuột vàng, vênh váo và kiêu ngạo, nói vẻ đắc thắng:

- Thưa bác, năm nay là năm Tý, năm con chuột, con dâng lễ vật này xin được cầu hôn với con gái yêu của bác. Con chuột này không phải là chuột bình thường mà là chuột vàng, được con đúc bằng 9 cây vàng 9999. Năm nay nhà ta nhất định của cải, vàng bạc sẽ đầy nhà. Con chuột vàng này tượng trưng cho sự giàu có, thịnh vượng. Thưa bác, năm Tý, chuột đến nhà là "chuột sa chính gạo", món quà này thật có ý nghĩa với gia đình ta...

Ông bố mừng rỡ reo lên về món quà cầu hôn đắt giá, chưa biết trả lời chàng trai thế nào thì chàng trai thứ 2 đến quỳ xuống trước mặt ông và dâng lên một con mèo bằng đất nung và lễ phép nói:

- Thưa bác, chuột vàng, tuy có đắt giá thật, nhưng loài chuột là loài chuyên phá hoại, đục khoét, gặm nhấm, gây bệnh tật cho con người. Con người ta đang loại

trừ, tiêu diệt nó. Vậy nên, lễ vật cầu hôn của con là mèo, nó sẽ chiến đấu, diệt trừ loài chuột trừ họa cho gia đình bác. Có mèo ở trong nhà thì không bao giờ có chuột bác ạ...

- Anh hãy cho ta biết con mèo này anh làm bằng gì? Bằng vàng hay bằng đồng?

- Thưa bác, con mèo này con nặn từ... đất ạ!

Ông bỗng trở mắt ngạc nhiên, nhìn trừng trừng vào anh chàng thứ 2, chưa biết phân xử thế nào thì chàng trai đến quỳ trước mặt ông và nói tiếp:

- Dạ thưa bác, mèo của con được nặn ra từ đất nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn ạ. Người ta nói “tắc đất tắc vàng”, nên con nghĩ rằng đất quý hơn vàng bạc, ông cha ta đã nói vậy, ngẫm ra trong thời buổi này con thấy vô cùng đúng. “Người là hoa của đất”, đất và người gắn bó với nhau đời đời, kiếp kiếp bác ạ. Hiện nay con người ta đang xâu xé, tranh giành, lấn chiếm, buôn bán đất trái phép, con người gây ra bao cuộc chiến tranh lớn nhỏ cũng vì đất. Bao kẻ mất ghế, mất chức, vào tù, chém giết nhau cũng vì đất. Bao kẻ từ 2 bàn tay trắng bây giờ sống như đế vương cũng từ đất mà có. Vàng tuy rất quý nhưng người ta phải bán vàng, dùng vàng để mua đất, đất để ra vàng mà bác. Vì thế, có người, có đất là có tất cả bác ạ. Nếu được bác chấp thuận con làm con rể, vợ chồng con sẽ có tất cả, đại gia đình ta sẽ có tất cả. Còn điều này nữa, bác nói lễ vật tượng trưng cho sự hiền lành giản dị, thì đây cũng chính là đất, người ta thường ví “hiền như đất” mà bác...

Nghe chàng trai nói xong, ông bỗng vỗ đùi, vuốt râu, tặc tặc khen

- Ha ha ha, giỏi lắm, anh thông minh lắm, anh thật xứng đáng là con rể của ta!

Mỹ thuật



CHIẾN TRANH



CÔ GÁI VÀ CON CHÓ TRẮNG



ĐỢI

Chùm tranh của họa sỹ **LÊ HUY TIẾP**



SÁNG TÁC



CÔ GÁI BÊN CỬA SỔ

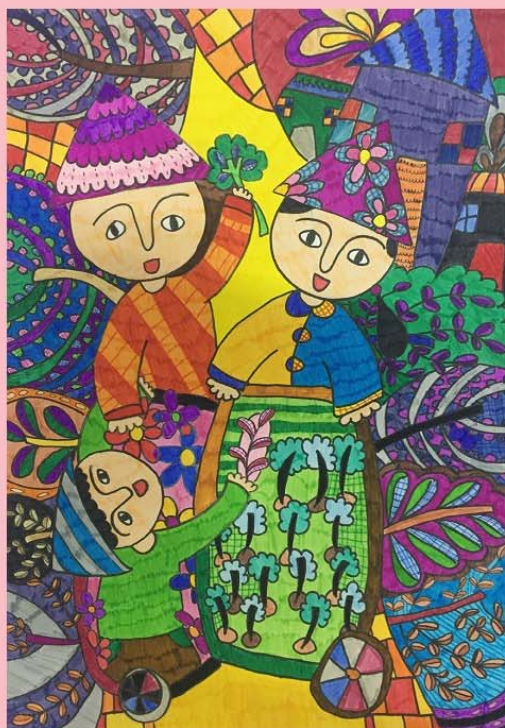
Các em
VẼ



NĂM TÝ (TRƯỜNG HUNG, 14 T)



CÔNG VIÊN TUỔI THƠ (NGUYỄN KIM HIỀN, 11 T)



TRỒNG CÂY CÙNG MẸ (THẢO PHƯƠNG, 15 T)



VÒNG TAY ẸM ĐỀM (TRƯỜNG HUNG)

Nhiếp ảnh



MÀM XANH ĐẤT MỚI (HỒ LONG)



TĨA NGÔ (HẢI VƯƠNG)



DẬP LỬA CỨU RỪNG (TRUNG KIẾN)



SƯƠNG MẠI THÀNH VINH (CẢNH HÙNG)



CỌN NƯỚC (QUANG DŨNG)

Chùm ảnh của tác giả Ngô Văn Dương (THÀNH VINH)



THU HOẠCH HOA SÚNG



DỆT THỐ CẨM Ở LÀNG CHĂM



LÀNG NGHỀ TƯƠNG BẦN



LÀNG NỔI

KIỂM LÂM NGHỆ AN: ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG

Tỉnh Nghệ An có tổng diện tích tự nhiên là 1.648.997,2 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp: 1.166.109,31 ha (chiếm 70,7%), diện tích đất có rừng: 956.705,33 ha (trong đó, rừng tự nhiên 783.699,87 ha; rừng trồng 173.055,36 ha); đất chưa có rừng 279.206,77 ha; độ che phủ rừng đạt 58%. Rừng giàu và rừng trung bình 243.547 ha (chiếm 25,8%); ước tính có hơn 91 triệu m³ gỗ các loại, tính đa dạng sinh học cao, có nhiều loại lâm sản, động thực vật rừng quý hiếm. Rừng phân bố trên địa bàn 376 xã thuộc 21 huyện, thành, thị.



Họp triển khai công tác BVR trong dịp Tết Nguyên Đán 2020

Kết thúc năm 2019, lực lượng kiểm lâm toàn tỉnh đã phát hiện và bắt giữ 503 vụ vi phạm lâm luật (giảm 63 vụ, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm 2018). Đã xử lý 503 vụ (đạt 100%).

Để tiếp tục giữ vững an ninh rừng trước và sau Tết Nguyên đán năm 2020, Chỉ huy Kiểm lâm đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản số 9160/UBND-NN ngày 24/12/2019 về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh. Thành lập 02 đoàn kiểm tra theo 02 tuyến QL 7 và QL48 để kịp thời phát hiện sớm, nắm chắc tình hình để xử lý, đồng thời động viên thăm hỏi đội ngũ cán bộ bảo vệ rừng tại những khu vực rừng vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn đang làm nhiệm vụ BVR trong dịp Tết Nguyên đán.



Bữa cơm đạm bạc của lực lượng tuần tra khu vực biên giới Việt - Lào

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Canh Tý 2020

COMBO INTERNET + TRUYỀN HÌNH 4K

Siêu tiết kiệm

Chỉ
150.000đ/tháng



**GIẢI TRÍ THẢ GA
CHẲNG LO VỀ GIÁ**

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
CÔNG TY DỊCH VỤ MOBIFONE KHU VỰC 6**

Địa chỉ: Số 34 Đường Nguyễn Sỹ Sách, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.587.888

Fax: 0383.587.889